

HUYỀN CỐ (Biên soạn)



12 KỶ ÁN TRUNG HOA



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

12 ĐẠI KỲ ÁN TRUNG HOA



Biên soạn: Huyền Cơ

Phát hành: Nhà sách Văn Chương

Nhà xuất bản Thời Đại 2012

ebook©vctvegroup

31-03-2019

MỤC LỤC

THAY LỜI TỰA

1 DỊCH NHÂN KIỆT HUYỆN QUAN SÁNG SUỐT

2 BAO CÔNG ĐỆ NHẤT PHÁN QUAN

3 BAO THANH THIÊN LINH MIÊU HOÁN CHÚA

4 TỔNG TỬ ĐẶT NỀN TẢNG PHÁP Y HỌC

5 HÀ VIÊN NGOẠI GIAN NGOAN XẢO QUYẾT

6 HÀN THỤY LONG ĐƯỢC VÀNG MẮC TỘI

7 NGÔ NGỌC SÁT NHÂN GIẤU XÁC

8 TIÊU SINH THẨM KỊCH GIA ĐÌNH

9 LAI PHÁP NGƯỜI NGAY ĐƯỢC PHÚC

10 LÝ TRINH TÚ HÀM OAN GIẾT CHỒNG

11 SỬ MINH XÉT ÁN TỎ TƯỜNG

12 BẠCH LƯƠNG NGỌC TRA THỔ THẦN PHÁ ÁN

THAY LỜI TỰA

Với chiều dài lịch sử hơn 5000 năm, các triều đại phong kiến Trung Hoa xưa kia chắc chắn phải đối mặt với muôn vàn vụ án khó khăn, tế nhị và không ít vụ án phán đoán sai lệch, làm cho nhiều người khác bị hàm oan, bởi thiếu rất nhiều lý luận khoa học như ngày nay. Tuy nhiên, cũng không ít các phán quan công minh sáng suốt xuất hiện, giúp cho người dân giải được hàm oan. Nổi bật nhất trong các phán quan là Bao Chửng, được dân gian biết đến qua tên Bao Công ở đời Bắc Tống. Sau đó đến thời Nam Tống, một phán quan khác còn nhiều công lao hơn, đó là Tống Từ, không những lấy việc giải oan cho người dân làm niềm đam mê mà còn có tinh thần rất tiến bộ, lấy pháp y học ra làm chứng cứ kết tội hoặc giải oan.

Trong khi Tây phương mãi đến thế kỷ thứ 17, 18 mới có hai nhà nghiên cứu pháp y học người Italia đứng ra phổ biến thì Tống Từ đã biết đến phương pháp khoa học này từ hơn 450 năm trước. Sau khi Tống Từ qua đời vào năm 1247, tức là vào thế kỷ thứ 13, ông để lại cuốn “Tẩy oan lục” rất có giá trị, giúp những phán quan đời sau có thêm tư liệu để hoàn thiện phương pháp để xử án. Trải qua mấy trăm năm nữa, hệ thống dùng Pháp Y học làm chứng cứ xét án đã được phát triển rất mạnh và lên tới tột đỉnh vào các đời nhà

Minh, Thanh với rất nhiều vị phán quan sáng suốt chẳng kém Bao Công.

Số lượng các vụ án ly kỳ trong lịch sử phong kiến Trung Hoa có thể lên đến hàng vạn, vì vậy chưa một cuốn sách nào có thể tổng kết một cách hoàn hảo. Do vậy, để góp phần giữ lại những kỳ án và oan án điển hình của triều đại phong kiến Trung Hoa, chúng tôi chỉ trích dẫn 12 truyện, bao gồm nhiều thời đại như Đường, Tống, Minh, Thanh mà thôi. Rất mong được bạn đọc thông cảm.

Trân trọng

Người biên soạn

ĐỊCH NHÂN KIỆT

HUYỆN QUAN SÁNG SUỐT

Triều đại nhà Đường trải qua một thời gian dài thịnh trị với sự cai trị anh minh của các Hoàng đế họ Lý. Thế nhưng dần dần ngôi trên ngai vàng, dòng họ Lý mất dần tính cách anh hùng thao lược của người đã sáng lập ra triều đại này là Lý Thế Dân, truyền ngôi cho đến Duệ Tông Lý Đán thì triều chính bắt đầu suy đồi, tạo điều kiện cho một người đàn bà vừa tuyệt sắc vừa có tham vọng điên cuồng là Võ Minh cướp ngôi Hoàng đế, xưng là Võ Tắc Thiên Thánh Thần Hoàng đế, thường được lịch sử gọi là đời Võ Hậu. Trước đó, ở triều đại của Đường Cao Tông Lý Trị, nơi đất Thái Châu đã sản sinh một nhân tài thông minh xuất chúng, học vấn rộng rãi tên là Địch Nhân Kiệt. Không ai có thể ngờ rằng chính ông là người đứng ra phục hưng triều đình nhà Đường sau này, thoát khỏi bàn tay độc ác tàn nhẫn của Võ Tắc Thiên.

Với sự cần mẫn học hành, khi lớn lên Địch Nhân Kiệt thi đậu kỳ thi Minh Kinh và được bổ nhiệm làm quan Tri huyện ở Xương Bình. Tuy là một chức quan nhỏ nhưng Địch Nhân Kiệt vẫn tận tâm lấy hết sức mình ra cai trị, chẳng bao lâu đã nổi tiếng là vị quan công minh liêm khiết, được người dân ca tụng, kính trọng xưng hô là Địch Công chứ không bao giờ dám gọi tên tục của ông

ra.

Một ngày kia Địch Công vừa mới thẳng đường thì nghe có tiếng náo loạn từ ngoài cổng, lập tức sai nha lại chạy ra xem. Hóa ra đó là một đám đông đang lôi kéo chàng trai khoảng hơn 20 tuổi, ai nấy đều kêu khóc đòi phải giết chàng trai đó giải oan cho người nhà của họ, tất cả đều cư ngụ tại thôn Lục Lý Đôn. Địch Công liền bắt những người hiếu kỳ ở ngoài, chỉ cho các đương đơn và bị can liên hệ tới vụ án mạng vào công đường, quỳ dưới sân chia làm hai bên.

Ông nhìn xem thì phía bên nguyên cáo là một phụ nữ đã khá lớn tuổi, còn bên bị cáo là hai cha con, trong đó có một chàng trai trẻ tuổi nhưng không phải người bị đám đông lôi kéo, chắc còn đứng ở ngoài. Sau khi đôi bên đã ổn định, Địch Công liền hỏi lớn:

- Các bên khai tên tuổi ra trước đi, sau đó khiếu kiện gì thì hãy nói rõ rồi trình bày các bằng chứng cho bản quan xét xử.

Người phụ nữ lớn tuổi chính là nguyên cáo nên vội vàng nói trước, giọng nói còn nghẹn ngào chứng tỏ chưa sao trấn tĩnh được:

- Bẩm Tri huyện đại nhân, lão họ Lý, có chồng là học trò họ Tại. Vợ chồng lão đã lớn tuổi mới sinh được đứa con gái tên là Lý Lê Cô. Vì chồng chết sớm nên lão ở vậy khó nhọc nuôi con cho đến khi khôn lớn. Để cho con gái có tấm chồng học thức, mai sau được dựa bóng tùng phu làm vẻ vang cho gia đình, lão đã cất công nhờ cậy ngài Sứ Thanh Lai làm mai mối, lấy con trai của Cử nhân Hoa Quốc Tường tên là Văn Tuấn.

Lý thị vốn là con nhà gia thế vọng tộc nên được người trong huyện thường tôn xưng gọi bà bằng Lý phu nhân mặc dù người

chồng chưa có công danh gì thì đã qua đời. Nói đến đây Lý phu nhân quay qua chỉ mặt chàng trai, vừa khóc vừa nói tiếp:

- Chính hần là Hoa Văn Tuấn, đã thông đồng với gia đình họ Hoa giết chết con gái của lão. Xin tri huyện đại nhân trừng trị.

Địch Công biết Lý phu nhân đang lúc xúc động lời lẽ không rõ ràng nên cũng không chấp nhất, hỏi lại thì mới biết đám cưới của hai họ Lý và Hoa diễn ra rất linh đình bởi đôi bên đều môn đăng hộ đối. Thế nhưng chỉ ba ngày sau con dâu đã chết tại nhà chồng, khi Lý phu nhân được tin đến nơi nhận thấy có nhiều dấu hiệu khả nghi như người bị sùng phong lên, da dẻ đều bầm tím, thất khiếu đều có máu ứa ra. Vì vậy Lý phu nhân đề quyết họ Hoa đã hạ độc giết chết con mình, kéo chú rể mới cùng với Cử nhân Hoa Quốc Tường lên công đường kiện cáo.

Địch Công nghe xong, quay lại hỏi Hoa Quốc Tường:

- Theo lời tố cáo thì con dâu đang khỏe mạnh, về nhà chồng mới ba ngày đã chết thảm thì thật đúng là án mạng rồi. Ông là người có học vị của triều đình, tức là đã thông hiểu lễ nghĩa thánh hiền, chắc không phải thủ phạm, có lẽ đã giáo huấn con cái không nghiêm nên mới gây nên tội như vậy chăng? Hãy mau khai thực ra đi kéo bản quan dùng tới cực hình thì không tránh khỏi đau đớn.

Hoa Quốc Tường cũng khóc, quỳ xuống thưa:

- Cử nhân tôi là người gia giáo, ngược đãi con dâu cũng chưa dám nữa là xuống tay hạ thủ. Con trai tôi là Hoa Văn Tuấn tuy chưa có công danh nhưng vẫn là học trò tính tình hiền lương, trong huyện ai cũng biết, đâu thể nào là thủ phạm được? Con dâu chết bất đắc kỳ tử, gia đình họ Hoa chúng tôi cũng vô cùng đau xót, xin

đại nhân sáng suốt tìm ra thủ phạm thì thật là đại ân đại đức không bao giờ dám quên.

Nghe vậy Địch Công hoàn toàn không hiểu nổi tại sao lại xảy ra cái chết thương tâm như vậy, hạch hỏi Quốc Tường:

- Ông nhất quyết cha con đều không thể là thủ phạm, vậy có nghi ngờ cho ai không?

Hoa Quốc Tường gạt nước mắt thưa:

- Họ Hoa chúng tôi đề quyết đó là tên Hồ Tác Tân chứ không sai.

Khi hỏi đến bằng chứng thì cả Lý phu nhân lẫn Hoa Quốc Tường đều không đưa ra được, chỉ dựa vào một lời hăm dọa mà đề quyết như vậy mà thôi. Nguyên lệ ở huyện này thường có mở tiệc vui trong tân phòng, cho các thanh niên thiếu nữ vào vui đùa, nếu tân lang và tân nương muốn yên thân hợp cẩn thì phải thuyết phục hoặc năn nỉ nhiều lần mới thoát được sự quấy rối của các thanh thiếu niên. Hoa Quốc Tường cũng theo lệ đó, cho khá nhiều bạn đồng học với Văn Tuấn vào náo tân phòng. Trong số ấy có một chàng trai tên là Hồ Tác Tân, tuy đã đậu Tú tài nhưng tính thích náo động nên nhân dịp thấy tân nương xinh đẹp thì càng ra sức trêu ghẹo phá phách, không cho họ động phòng, đến nửa đêm vẫn còn uống rượu và bắt ép Văn Tuấn phải cùng vui với mình. Hoa Quốc Tường thấy đêm đã khuya, sợ lỡ mất giờ tốt động phòng nên mời tất cả lên thư phòng của mình tha hồ uống tiếp.

Bọn thanh niên liền bắt cô dâu uống ba chén lớn gọi là tạ lỗi rồi mới bằng lòng rời khỏi tân phòng, thế nhưng chỉ riêng Hồ Tác Tân nhất định không chịu nên Hoa Quốc Tường nổi giận nói mấy lời

nặng nề, đuổi ra khỏi nhà. Hồ Tác Tân xấu hổ quá hóa hung, trước khi ra khỏi nhà còn hăm dọa: “Được rồi, trong ba ngày sẽ biết tay họ Hồ này”.

Hoa Quốc Tường đã bớt nóng, sợ rằng Hồ Tác Tân giận mãi nên ba ngày sau làm lễ lại mặt rồi, hoàn tất việc cưới xin liền mời hấn đến uống trà làm hòa. Đúng đêm hôm ấy cô dâu Lý Lê Cô trúng độc mà chết. Riêng Văn Tuấn vì không thích uống trà nên toàn mạng. Theo suy đoán của hai họ thì chính Hồ Tác Tân đã hạ độc trong trà chứ không ai khác, còn cách hạ độc như thế nào không biết, xin quan Tri huyện khám phá giùm.

Địch Công liền hỏi:

- Tuy chưa có bằng chứng xác thực nhưng theo lời khai thì Hồ Tác Tân cũng đã là nghi phạm, sao không giải tới đây?

Hoa Quốc Tường thưa:

- Chúng tôi đã bắt giữ hấn rồi, còn đứng ngoài cổng nha môn chờ lệnh của đại nhân.

Địch Công lập tức ra lệnh, chỉ trong giây lát đã thấy chàng thanh niên trẻ tuổi kia cùng với một phụ nữ trạc tuổi trung niên, vừa khóc vừa đi vào, có lẽ đó là hai mẹ con. Thấy Hồ Tác Tân quỳ xuống, Địch Công liền mắng phủ đầu:

- Người đã là Tú tài thì theo lệ triều đình không bị tra khảo. Thế nhưng người cũng không dựa vào đó mà chối tội bởi đã có nhiều bằng chứng chính người đã hạ độc trả thù. Bản quan cũng là người xuất thân từ khoa cử, vì vậy lấy lời lịch sự mong rằng người khai thật ra đi.

Hồ Tác Tân chợt khóc ngất, cúi lạy rồi thưa:

- Đại nhân đã nói rõ ràng như vậy thì Tú tài tôi xin thưa thật rằng quả là oan ức. Đã là học trò thì lẽ nào chỉ vì một chuyện nhỏ mà tôi có thể hạ độc được? Vả chẳng theo lệ thì bạn bè được tha hồ náo loạn tân phòng, có khi gia chủ hay tân lang phải năn nỉ hết lời họ mới chịu rút lui. Đằng này khách có đến hơn 40 người mà Hoa Cử nhân không trách một ai, cứ nhắm vào Tú tài tôi mà nói hãy dừng cuộc quấy phá. Tôi cũng đã định làm theo lời nhưng lại sợ người khác mất hết hứng thú nên có nói là sẽ vui chơi thêm ít nữa. Chẳng ngờ Hoa Cử nhân đột ngột nổi nóng mắng như tát nước vào mặt. Một học trò trọng danh dự như tôi thì làm sao chịu được nhục nhã ấy, vì vậy cũng nóng mặt nói dọa để trả đũa, ý định là làm cho họ Hoa phải lo lắng trong ba ngày bỏ ghét. Vả chẳng sáng ngày thứ ba Hoa Cử nhân đã mời tôi đến uống trà, như thế là đã giải hòa rồi, còn dám bỏ thuốc độc hay sao?

Thấy Dịch Công chú ý lời mình nói, Hồ Tú tài thưa tiếp:

- Hiện Tú tài tôi dạy dỗ mấy đứa học trò trong nhà, dù gì cũng là bậc sư phụ, chẳng lẽ đi làm chuyện phi pháp để thế gian chê cười, học trò phải nhỏ hay sao? Tôi lại phải nuôi mẹ già nhiều bệnh, chữ hiếu đặt lên hàng đầu, chưa tính đến việc vợ con thì lẽ nào ganh ghét vì bạn lấy được vợ đẹp? Vì vậy xin đại nhân minh xét, đừng nghi cho học trò là kẻ giết người.

Khi Hồ Tú tài thưa xong thì đến lượt người mẹ cũng quỳ xuống kêu khóc, đoạn quyết rằng con mình từ trước đến nay chưa hề tỏ ra là người độc ác, lại có chí tiến thủ vừa dạy học kiếm sống vừa chăm chỉ học hành để mai sau đoạt lấy công danh, làm vinh hiển cho dòng tộc. Bà mẹ của Hồ Tú tài vốn chỉ có một đứa con trai, chồng

chết sớm nên đặt hết hy vọng vào nó, nếu bây giờ bị khép tội giết người thì thật oan uổng, bà cũng khó mà sống nổi, vì vậy phải theo con đến công đường kêu nài.

Địch Công nghe xong ba lời khai thì hết sức phân vân, không sao quyết định được, trong lòng thâm suy tính:

“Nghĩ phạm thứ nhất là Hồ Tác Tân. Thế nhưng việc quấy nhiễu tân phòng tuy là hủ tục nhưng một người đã có chút học vị như họ Hồ không thể vì chút hiềm khích mà dễ dàng ra tay hạ độc. Vả chẳng hấn làm như vậy tức là tự nhận tội hay sao bởi chỉ có mấy người trong lúc uống trà mà thôi. Riêng họ Hoa được con dâu xinh đẹp, mới ba ngày thì làm gì có xích mích đến nỗi phải giết người? Tất cả chỉ do họ Lý quá phần uất vì cái chết đột ngột của con dâu nên tố cáo cũng không thể trách họ được. Bây giờ lý lẽ chưa có gì chắc chắn, nếu ta xử án vội vàng tất sẽ có người mắc hàm oan, chi bằng tạm thời hoãn lại chờ tìm được chứng cứ khác rồi xử sau cũng không muộn”.

Do đó Địch Công nói với Lý phu nhân:

- Cái chết của Lý thị chưa đầy đủ chứng cứ rõ ràng. Ngày mai bản quan sẽ đến khám nghiệm tử thi rồi mới xem xét tình tiết đúng sai được. Các người cứ tạm về nhà đi, bao giờ xét xong bản quan sẽ gọi đến công đường đối chất.

Địch Công lại nói với Hoa Quốc Tường:

- Còn ông thì về nhà nhớ giữ đúng hiện trường xảy ra vụ án, đừng xê dịch hay thay đổi bất cứ thứ gì, dù nhỏ nhất đến đâu cũng phải để nguyên chỗ.

Nghe vậy tất cả đều bằng lòng, chỉ riêng Hồ Tác Tân là nghi

phạm thì bị giữ lại huyện đường khiến người mẹ khóc ngất, rất lâu không chịu rời khỏi nha môn. Còn Hoa Quốc Tường theo lời dặn của Dịch Công, về tới nhà sai gia nhân chuyển hết đồ vật nhà sau và nhà trước đi chỗ khác cho rộng rãi, riêng tân phòng thì vẫn giữ nguyên không dám di chuyển bất cứ đồ đạc nào.

Ngày hôm sau Dịch Công cùng với nha lại và chức dịch của huyện kéo đến bày biện án thư ở nơi rộng rãi, chùa trống trước mặt để quan huyện gọi người ra thẩm vấn. Hôm đó Lý phu nhân cũng đến để xem tình hình ra sao, không còn trách cha con họ Hoa nữa nhưng cứ khóc ngất từng hồi rất đau thương.

Dịch Công uống trà rồi trước tiên gọi Hoa Văn Tuấn ra hỏi:

- Ngày thứ ba sau lễ cưới, uống trà xong người cùng vợ về tân phòng lúc mấy giờ? Lúc đó người thấy tình trạng của vợ ra sao, có lẫn lộn kêu la hay không? Làm sao biết được ấm trà có thuốc độc mà nghi ngờ cho Hồ Tác Tân đã hạ độc?

Hoa Văn Tuấn liền thưa:

- Ngày hôm ấy mở tiệc trà là để cảm ơn các khách đã có công giúp cho lễ cưới hoàn thành, cũng là dịp để họ hàng đến chúc mừng nên người đến rất đông. Vợ chồng học trò chúng tôi tiếp khách cho đến khi mệt nhoài mới trở về tân phòng. Tân nương thấy khát nước nên sai hầu gái cho mình một chén, xong rồi sửa soạn chần mền đi ngủ. Tiểu sinh cũng rất mệt nhưng tính không thích uống trà nóng nên nằm ra giường ngủ thiếp đi. Đến canh ba, tiểu sinh chợt nghe tiếng vợ kêu đau thì liền ngồi dậy, tưởng là ăn thứ gì nên lạnh bụng mà thôi. Ngờ đâu nàng càng lúc càng đau thêm, lẫn lộn rên la dữ dội. Tiểu sinh đành phải trở dậy, định sai gia nhân

nhân đốt đèn đi tìm lang y nhưng còn ngần ngừ vì đêm hôm khuya khoắt. Thế là được một lát thì vợ tiểu sinh qua đòi. Tiểu sinh liền nghĩ ngay đến chén trà vợ vừa uống, rót ra xem thử thì nước trong ấm đen xì, rõ ràng là bị người hạ độc, có lẽ còn toan tính giết cả tiểu sinh nữa đấy.

Địch Công hỏi tiếp:

- Việc ấy thì đương nhiên rồi, bây giờ phải tìm ra thủ phạm. Trong ngày hôm ấy Hồ Tác Tân có vào tân phòng lần nào hay không?

Hoa Văn Tuấn vì phải tiếp khách nhiều nên không nhớ chi tiết này, Hoa Cử nhân liền đáp thay cho con:

- Buổi trưa Cử nhân tôi có thấy họ Hồ cùng vài người bạn vào tân phòng.

Địch Công gật gù hỏi thêm:

- Trước lúc Hồ Tác Tân vào tân phòng thì ấm trà để ở chỗ nào? Sau buổi trưa ấy con dâu có uống trà không hay là để đến tối? Người nào đã pha ấm trà ấy? Ấm trà này được pha một lần hay cạn rồi đổi nước khác?

Thật sự Hoa Cử nhân cũng rất bận rộn nên không thể trả lời được một loạt câu hỏi hết sức chi tiết của Địch Công, đành phải thú nhận rồi nhất định gán tội cho Hồ Tác Tân dựa theo lời hăm dọa đêm động phòng hoa chúc, xin Địch Công cứ tra khảo thật dữ vào tất hần không chịu nổi mà khai ra.

Địch Công nghe vậy sầm mặt nói:

- Án mạng đâu chỉ là trò đùa, cần phải xem xét thật tỉ mỉ và

khách quan mới thấy được sự thật. Bản quan không thể vì một lời hăm dọa mà có thể tra tấn một Tú tài, chắc chắn còn nhiều uẩn khúc. Bây giờ hãy thẩm vấn tới các phù dâu trước đã.

Hoa Quốc Tường tưởng là Địch Công đã ăn đứt lót nên cứ bênh vực cho Hồ Tác Tân, lớn tiếng nói nhiều câu khinh miệt quan lại, cho rằng rốt cuộc cũng chỉ là hư danh mà thôi. Hoa Quốc Tường còn lấy danh vị Cử nhân ra đòi đưa vụ án lên quan cấp trên nếu như Địch Công không tra xét đúng đắn. Địch Công nghe vậy hết sức tức giận nhưng lại nghĩ Hoa Quốc Tường bị Lý phu nhân tố cáo mất hết danh dự nên quá nóng ruột, nói bừa bãi mà thôi. Địch Công lại nghĩ tới đêm tân hôn ấy, có lẽ chính Hoa Quốc Tường cũng y mình là người tuổi tác cao, học vị lớn hơn Hồ Tác Tân mà buông ra những lời nặng nề, do vậy phản ứng của họ Hồ cũng là lẽ tự nhiên, góp thêm phần chắc chắn là họ Hồ không phải là thủ phạm. Địch Công nén giận nói với Hoa Quốc Tường:

- Bản huyện đặt ra nhiều nghi vấn không phải là muốn bênh vực Hồ Tú tài mà chính là để tìm ra cái chết của con dâu ông mà thôi. Việc này còn chưa khám nghiệm rõ ràng, sao phải nhất định đưa người ra khảo đả. Nếu nhỡ như Hồ Tác Tân bị oan thì ông có đền bù cho người ta được không?

Lời lẽ của Địch Công rất nghiêm nghị khiến Hoa Quốc Tường im miệng không dám nói gì thêm nữa. Sau đó Địch Công gọi người hầu gái thân cận nhất của nhà họ Lý là Cao thị ra thẩm vấn. Thế nhưng Cao thị là người hầu từ lâu, chính tay bồng bế nâng niu Lý Lê Cô, thậm chí được tin tưởng giao cho nhiệm vụ hầu hạ cả khi tiểu thư đã về nhà chồng. Theo suy nghĩ của Địch Công thì một

người có nhân thân như thế tất không bao giờ lại xuống tay với người mà mình đã yêu thương như con cái. Địch Công vẫn tiếp tục thẩm vấn, hỏi:

- Thế là người đã theo sát bên cô dâu lúc về nhà chồng. Vậy thì ấm trà ấy có phải chính tay người pha hay không? Và pha lần thứ mấy.

Cao thị trả lời có vẻ thành thật:

- Trà buổi trưa không có mang vào tân phòng. Chính tay tiểu dân pha trà vào buổi chiều, thấy uống hết thì pha thêm lần nữa đem vào tân phòng.

Địch Công gật đầu hỏi:

- Đó là ấm trà pha lần thứ hai vào chiều tối. Sau khi mang trà vào thì người có túc trực ở đó hay là bỏ đi? Đã có ai uống trước khi Lý tiểu thư uống chưa?

Cao thị đoan quyết là không rời khỏi tân phòng lần nào và cũng không nhớ được có ai đã uống ấm trà ấy trước cả Lý tiểu thư hay không. Do đó những lời khai này thành vô bổ, sự việc vẫn không thể xét đoán được. Địch Công bèn nói với Hoa Quốc Tường:

- Rõ ràng là ấm trà giết người này được pha và mang vào tân phòng từ buổi chiều, tức là khi Hồ Tác Tân đã ra về. Như vậy không thể vì một lời nói lúc giận dữ mà đề quyết cho người ta tội hạ độc giết người. Vụ án phải tạm hoãn trong một thời gian chờ tìm ra chứng cứ mới. Các người cứ chờ bao giờ nhận được lệnh gọi thì lên công đường nghe phán quyết.

Nghe Địch Công phán bảo như vậy, cả nhà họ Lý lẫn nhà họ Hoa đều khóc rầm lên, kêu xin hãy mau mau làm rõ án mạng, bắt

thủ phạm đền tội mới hả dạ. Địch Công rất khó chịu, bắt tất cả mọi người tránh ra bên ngoài, đi một vòng quanh tân phòng xem xét kỹ từng góc nhà, cây cột rồi sau đó mới gọi Hoa Quốc Tường theo mình vào tân phòng.

Lúc ấy ấm trà vẫn để nguyên trên bàn, có mấy hấu gái đứng quanh giường nơi xác của Lý tiểu thư nằm ở đó. Địch Công liền sai một hấu gái lấy chén đem ra rót thử. Quả nhiên màu nước trà khác hẳn thông thường, không những tím đen mà còn có mùi tanh hôi thoang thoảng, lúc đó đã để trà nguội lâu rồi mới có thể nhận ra. Muốn chứng nghiệm nước trà ấy có độc, Địch Công sai đem một ít thức ăn ra trộn nước trà vào rồi đưa cho con chó trong nhà ăn. Chỉ trong một thời gian ngắn, con chó đã lông lên kêu rú điên cuồng hình như bị đau lắm, một lúc sau thì vật ra chết. Địch Công xem xét tình trạng con chó rồi so sánh với tình trạng khi chết của Lý tiểu thư thì nhận ra loại thuốc độc này thật ghê gớm, lập tức sai niêm phong lại.

Sau đó Địch Công ra ngoài, gọi tất cả các bên liên quan đến nói:

- Đúng ra là phải mổ tử thi để khám nghiệm. Thế nhưng đôi bên đều là dòng dõi thư hương, có chút danh phận, vì vậy nếu khám nghiệm thì e rằng người sống lẫn người chết đều không yên. Theo bản quan thì cứ ghi vào văn án là Lý tiểu thư chết vì trúng độc. Còn trúng độc ra sao thì khi bắt được thủ phạm sẽ rõ ngay, không cần phải khám nghiệm tử thi cho thêm đau xót.

Nghe vậy tất cả đều chấp nhận, ký vào biên bản xin được miễn khám nghiệm tử thi, bắt đầu lo liệu việc khâm liệm, quan lại trước đem đi chôn cất. Chờ cho nhà đòn mang xác của Lý tiểu thư ra

ngoài khâm liệm, Địch Công mới thông thả bước vào tân phòng lần nữa. Ông tiến đến gần giường người chết nằm, cúi sát xuống thì ngửi thấy một mùi tanh nồng từ đó bốc lên nhưng không thể xác quyết được loại chất độc ấy là gì. Ông phân vân đang định cho khám xét dưới gầm giường thì chợt ở phía ngoài có tiếng la hoảng của bọn phu khâm liệm:

- Trời ôi! Sao đã chết mà bụng còn máy động thế này, chắc là quỷ nhập tràng rồi!

Khi Địch Công chạy ra tới nơi thì bọn phu đòn hầu như đã kinh hoảng rời xa xác chết, ai nấy đều run rẩy như đã gặp ma giữa ban ngày, Địch Công vốn rất can đảm, lập tức tiến đến gần tử thi xem xét hồi lâu, chẳng hề thấy có chút gì khác lạ, bụng cũng không hề máy động như lời la hoảng vừa rồi, bèn quay lại nói với mọi người:

- Bản quan đã xét xử biết bao nhiêu vụ án mạng, có khi chết còn thê thảm hơn thế này và vào giữa đêm khuya mà chưa lần nào thấy ma quỷ lộng hành. Chẳng lẽ giữa ban ngày ban mặt, giữa chốn đông đảo người sống lại dám tác quái hay sao? Chắc là bọn phu phụ trách khâm liệm đêm qua uống rượu quá nhiều mờ cả mắt nên hôm nay nhìn lầm đấy thôi.

Nghe vậy bọn phu nhà đòn mới cố bậm môi xúm lại khâm liệm thật mau, lập tức đưa vào quan tài đóng chặt lại, hình chưa hẳn chưa hết sợ hãi. Trước khi về huyện đường, Địch Công chợt nhớ lại ý định khám xét dưới gầm giường vừa rồi, đích thân vào tân phòng lần nữa, nhìn rất kỹ dưới gầm thì thấy mấy giọt máu còn tươi, trong máu hình như có nhiều vật nhỏ chỉ bằng cái lông tơ màu đen đang chuyển động. Địch Công xem xét kỹ rồi, trong lòng đã có chủ

định, lập tức ra ngoài truyền cho Hoa Quốc Tường phải đưa Cao thị đến nha môn xét hỏi.

Thế nhưng khi về đến công đường, Địch Công không hề gọi Cao thị ra thẩm vấn mà sai giam vào ngục dành cho nữ nhân, rồi sau đó luôn mấy ngày không hề nhắc tới vụ án nữa. Mấy ngày không thấy động tĩnh gì, Hoa Quốc Tường hết sức tức giận, nhất định lên huyện hỏi cho ra lẽ, nếu Địch Công muốn ém nhẹm việc này thì sẽ làm đơn thưa lên Án sát tỉnh.

Khi tới huyện đường Xương Bình, Hoa Quốc Tường chất vấn Địch Công:

- Nếu không tìm ra được chứng cứ gì khác thì theo lẽ đại nhân phải xuống lệnh tra khảo nghi phạm duy nhất là Hồ Tác Tân. Tại sao lại loanh quanh hết thẩm vấn người này đến người kia. Cuối cùng còn giam cả Cao thị là người hầu rất mực trung thành mà vẫn không xét hỏi thì làm sao tìm được thủ phạm theo ý của đại nhân đây. Cử nhân tôi tuy bất tài nhưng nếu đại nhân nhất định cho chìm vụ án này thì sẽ lên tỉnh đệ đơn với cấp trên, khi ấy đại nhân không thể trách lão được đâu.

Trước đó Địch Công đã bàn rất nhiều với viên Khổng mục họ Mã, đưa ra bằng hết những lý luận nhưng cuối cùng vẫn không thể chắc chắn được hung thủ là ai. Địch Công lại muốn nhờ Mã Khổng mục tìm giùm cho mình một người giỏi về các chất độc để xác quyết Lý tiểu thư chết vì loại thuốc gì, từ đó mới có đầu mối mà thẩm vấn tìm ra sự thật. Vì vậy khi nghe Hoa Quốc Tường nói lời nặng nề thì Địch Công ngấm tức giận, cố nhịn đáp lại:

- Bản quan chỉ muốn xét xử thật rõ ràng, không để oan sai xảy

ra. Vì vậy mới chân chừ chưa muốn đưa người ra thẩm vấn chứ không hề bao che bất cứ người nào. Bản quan xuất thân từ khoa mục, lấy tài năng của mình ra phục vụ cho triều đình, lại được ăn lộc nước thì quyết phải làm gương sáng cho giới quan lại. Tuy nhiên nếu Cử nhân muốn được nghe tận mắt việc thẩm vấn thì bản quan cũng không tiếc gì mà chiêu lòng.

Nói xong, Địch Công liền ra lệnh thẳng đường, cho Hoa Quốc Tường dự thính. Sau đó ông gọi Hồ Tác Tân ra, trừng mắt quát hỏi:

- Bản huyện đã khám tử thi, rõ ràng là trúng phải chất kịch độc mà chết. Cả hai bên trai gái đều đồng lòng tố cáo người là thủ phạm hạ độc. Vì vậy hãy khai thực ra đi, nếu không bản quan sẽ áp dụng luật mà dùng tới hình cụ đấy.

Hồ Tác Tân bình tĩnh đáp lại:

- Học trò đã khai rõ từ trước là việc hãm dọa đùa chơi là có thực nhưng hành động giết người thì nhất quyết không dám phạm vào. Bây giờ đại nhân cứ bắt khai thì phải khai thế nào mới vừa lòng đại nhân đây?

Địch Công đập án thư mắng lớn:

- Bản quan đã có lời khai của Cao thị là hôm ấy người cùng bạn bè rất thường ra vào tân phòng, như thế đã thừa đủ cơ hội hạ độc vào ấm trà, còn chối được nữa sao?

Ngờ đâu Hồ Tác Tân cũng rất bén nhạy, chộp lấy câu nói đó của Địch Công mà vặn:

- Đại nhân đã nói Tú tài tôi thỉnh thoảng cùng mấy người vào tân phòng thì tại sao chỉ nghi ngờ mỗi mình tôi. Vả chăng nếu có

nhiều người như thế thì làm sao dám hạ độc? Tại sao người pha ẩm trà ấy không bị thẩm vấn, chắc chắn đó sẽ là đầu mối vụ án, thế mà đại nhân bỏ qua định ép cung thì thật oan uổng quá.

Địch Công nổi giận quát:

- Thực giỏi cho người! Đến trước công đường mà còn nhiều lời vắn vẹo, chẳng coi bản quan ra gì? Nếu người không khai thì cũng được nhưng từ nay nhất thiết không được nói những lời như thế nữa, bản quan là người đặt câu hỏi chứ không phải người!

Hồ Tác Tân vội vàng xin lỗi Địch Công rồi xin được đối chứng với những lời khai của Cao thị. Địch Công bằng lòng, lập tức sai quân điệu Cao thị lên công đường rồi hỏi:

- Theo khiếu kiện của gia chủ người thì Hồ Tác Tân đã hạ độc để trả thù mấy câu nói nặng nề đêm tân hôn. Bây giờ người cố nhớ ra xem hắn đã hạ độc lúc nào?

Cao thị thưa:

- Hồ Tú tài ra vào tân phòng nhiều lần nhưng tính kỹ thì chỉ có thời gian sau lúc lên đèn cho đến tối, sau đó họ đã ra về để cho tân lang và tân nương nghỉ ngơi.

Hồ Tác Tân lập tức phản bác, mắng:

- Tên nô tài vô sỉ kia! Người ăn lương của chủ rồi lẻo mép nói theo, không biết đó là lời hại chết người hay sao? Từ lúc lên đèn cho tới khi trời tối ta không hề bước chân vào tân phòng. Vả chẳng trong thời gian ấy không có ai vào uống trà hay sao? Người hầu hạ cô dâu thì phải biết khoảng thời gian ấy chú rể ra ngoài cảm ơn các khách đến chúc mừng, cô dâu ở trong phòng một mình thì người ăn học như ta há dám xông vào hay sao? Người đã thấy ta vào tân

phòng một mình bao giờ chưa, nếu đi cùng nhiều người thì làm sao hạ độc vào bình trà nằm lộ ra trên bàn? Không biết rõ thì đừng có lảm lời dối trá vu oan giá họa mà trời đất thánh thần khiến người phải tuyệt tự đấy. Ấm trà ấy chính tay người pha thì chắc người là thủ phạm rồi, cố đổ tội cho người khác đấy thôi. Bẩm Tri huyện đại nhân. Theo tiểu sinh thì cứ tra khảo tên nô tài này là rõ mọi chuyện ngay.

Cao thị nghe vậy mất hết hồn vía vì quả nhiên không thể nào xác quyết được Hồ Tác Tân có cơ hội hạ độc, trong khi chính tay mình pha trà, nếu Địch Công nghi ngờ mà tra khảo thì thật khó mà biện bạch. Vì vậy nghe Hồ Tác Tân mắng như tát nước mà y thị ngậm câm không đáp trả được lời nào.

Địch Công nhân cơ hội ấy nói luôn:

- Lời biện luận của Hồ Tú tài cũng khá chính xác. Cao thị! Người đã hạ độc vào ấm trà phải không? Người thù oán gì mà dám ra tay giết chết tân nương như thế?

Cao thị nghe vậy quỳ rạp xuống khấu đầu lạy như tế sao, kêu khóc âm trời, miệng thì kêu oan. Thật ra Địch Công chỉ muốn đưa hai người này ra làm vừa lòng Hoa Quốc Tường mà thôi, nay họ đều kêu oan thì liền truyền bãi đường, Hoa Quốc Tường cũng lạng lẽ ra về, không còn khiêu nại nữa.

Sau khi ăn tối, Địch Công vẫn chưa hết suy nghĩ về vụ án, chống cằm ngẫm nghĩ tìm đủ mọi góc ngách để xem có phát hiện ra gì không, mãi đến khi đèn sắp hết dầu mà chưa ra một manh mối nào khả dĩ. Lúc đó tên quân lo việc trực nhật vào châm thêm dầu cho đèn, đồng thời cũng bưng một chén nước trà để quan

huyệt giải khát. Dịch Công mở nắp chén ra, bùng lên miệng định uống, nhờ gần mắt nên chợt phát hiện ra chén trà có một lớp bụi váng trên mặt. Tuy lớp váng này rất mỏng nhưng nó làm cho tâm trí của Dịch Công bừng sáng, ông vội gọi tên lính vào quát hỏi:

- Tại sao chén trà đầy nắp mà vẫn có váng bụi? Người làm việc thật vô ý vô tứ, ngày mai ta sẽ đuổi người ra khỏi nha môn.

Tên lính sợ quá vội thưa:

- Lúc pha trà xong, tiểu nhân rót vào chén, đang định đầy nắp thì chợt mái nhà bị rung rinh nhẹ nhẹ, tiểu nhân nhìn lên quan sát thì không thấy gì hết nên vô tình đầy nắp lại mang lên dâng cho đại nhân. Quả thực không dám làm việc cầu thả.

Dịch Công vui vẻ tha tội cho hắn rồi tắt đèn đi ngủ, trên miệng nở một nụ cười khoan khoái. Sáng hôm sau Dịch Công cho gọi Hoa Quốc Tường lên công đường, cũng gọi cả Hồ Tác Tân lẫn Cao thị nhưng chỉ thăm vấn mỗi y thị mà thôi. Dịch Công không quan co, hỏi ngay đến việc pha trà:

- Người pha trà bằng nước gì, ai đã đun sôi và pha ở tân phòng hay dưới bếp?

Cao thị khá ngạc nhiên vì những câu hỏi nhỏ nhặt này, thành thực đáp:

- Theo lệ của nhà họ Hoa thì không bao giờ mua trà ở ngoài, mỗi khi có việc đều sai gia nhân tự nấu nước rồi tự pha trà. Vì khách khứa đến quá đông nên bếp không còn chỗ, tiểu nhân phải sai một người khác xuống gian nhà bỏ trống phía sau vườn mà đun nước, sau đó đem nước sôi đến tân phòng tự tay tiểu nhân pha trà, không dám để người khác làm thay.

Địch Công nghe xong vui vẻ nói với Hoa Quốc Tường:

- Bây giờ ông có thể về được rồi, bản quan đã biết nên điều tra ở đâu để tìm ra manh mối. Bản quan hẹn chắc ngày mai sẽ làm sáng tỏ việc này, nếu sai lời tha hồ cho ông lên tỉnh kiện cáo với cấp trên.

Hoa Quốc Tường chưa tin hẳn, nói vớt:

- Chỉ tại Cử nhân tôi quá nóng ruột vì cái chết của con dâu nên có khi mất khôn mạo phạm đến đại nhân mà thôi. Nếu đại nhân đã quả quyết như vậy thì Cử nhân tôi xin về bày tiệc trước, đón đại nhân cho xứng đáng vậy.

Hoa Quốc Tường về rồi thì Địch Công cũng bãi đường khiến Mã Khổng mục rất lo lắng, hỏi:

- Vụ án hầu như chưa có chút đầu mối nào mà đại nhân dám đoan quyết ngày mai sẽ xét xử rõ ràng thì e rằng quá hấp tấp chẳng?

Địch Công liền kể cho Mã Khổng mục nghe việc đêm qua quan sát chén trà mà tìm ra manh mối, cười nói:

- Chuyện đời thật muôn hình vạn trạng, một vụ án chết người chỉ nhờ vào một chi tiết nhỏ nhặt tưởng như không liên quan gì mà có thể gọi được manh mối cho ta. Do vậy người làm quan ngồi trên công đường xử án phải vận dụng hết tâm trí của mình, xem xét không từ một chi tiết nhỏ nhặt nào thì mới mong xét xử công minh, không đẩy người khác lọt vào oan ức.

Mã Khổng mục hết sức khen ngợi Địch Công là người có trí tuệ sáng suốt, như người khác thì dù có uống đến trăm chén trà cũng không chú ý được những điều nhỏ nhặt như thế, sửa soạn giấy bút

để ngày mai sẽ thiết lập phiên xử án ở trang viên Hoa Cử nhân.

Sáng hôm sau Địch Công chỉ dẫn theo 3 người là Mã Không mục, Kiều Bỏ đầu và một tên nha sai đi bộ đến trang viên của Hoa Quốc Tường, ông ta đã chờ sẵn từ sáng sớm, lập tức mời vào. Hoa Quốc Tường thấy Địch Công không mang theo mũ áo quan nha thì đã khá ngạc nhiên, sau định dọn án thư thì Địch Công lại cũng bác bỏ thì rất ngạc nhiên. Địch Công liền giải thích:

- Bản quan không câu nệ hình thức, đây lại là cái chết của người trong gia đình không có thủ phạm thì hà tất gì phải bày vẽ lôi thôi. Bản quan đến đây chỉ muốn vạch rõ cái chết của Lý tiểu thư để hai gia đình cùng với bạn bè của Hoa Văn Tuấn được hòa thuận mà thôi. Nếu thiết lập công đường thì càng tai tiếng thêm, chẳng ích gì.

Hoa Quốc Tường hoàn toàn không hiểu ý định Địch Công ra sao nhưng cũng theo lời, bắc ghế mời ông ngồi giữa sảnh đường. Địch Công liền bảo Hoa Quốc Tường:

- Hôm qua ở công đường, Cao thị khai là sai một gia nhân khác đến gian nhà bỏ trống phía sau vườn nấu nước. Người này là ai hãy gọi ra đây.

Hoa Quốc Tường lại càng ngỡ ngàng nhưng vẫn cho gọi một người hầu gái còn rất trẻ, chỉ chừng 18 tuổi ra trước mặt Địch Công. Ông không cho người hầu gái này quỳ xuống vì không phải là công đường, ôn tồn hỏi:

- Người tên là gì, làm việc ở trang viên này bao lâu rồi, có làm việc khác không hay chỉ chuyên nấu nước?

Người hầu gái thưa:

- Tiểu nhân tên là Thái Cô, từ trước tới nay hầu hạ phu nhân nhưng mấy ngày lễ cưới diễn ra ai cũng tất bật lắm việc nên tạm giao việc nấu nước cho tiểu nhân, không phải chuyên môn.

Địch Công gật đầu, hỏi tiếp:

- Người kể lại buổi chiều hôm trước khi Lý tiểu thư thất lạc xem ai đã đến lấy nước cho bản quan biết, đừng bỏ sót chi tiết nào.

Thái Cô cũng khá nhanh nhẹn, lập tức thưa:

- Hôm ấy tiểu nhân nấu nước cho đến lúc nhà đã đốt đèn, chợt có lệnh gọi lên nhà trên, vì vậy khi Cao bà đến lấy nước sôi thì không có tiểu nhân ở đó. Cao bà thấy nước chưa thật sôi nên bỏ thêm củi, quạt lửa đun tiếp. Cao bà pha nửa ấm nước sôi, thấy ấm đã sôi nên đem ra ngoài định lấy thêm nước, chẳng ngờ già yếu mất mớ vấp phải bậc thêm nhà, đổ hết nước trong ấm. Lúc đó tiểu nhân đã xong việc trở lại, giúp bà ta lấy đầy ấm nước bắc lên bếp, còn Cao bà thì trở lên nhà trên. Đó là những gì tiểu nhân đã làm trong buổi chiều ấy, còn chi tiết thế nào xin đại nhân xem xét.

Địch Công nghe xong liền sai Mã Không mục về huyện đường đưa Cao thị về trang viên. Vừa thấy mặt Cao thị, Địch Công đã mắng lớn:

- Nô tài họ Cao kia! Người quả thật gian xảo nên mới khai không đúng sự việc. Chiều hôm ấy người khai là lấy nước đã nấu sôi sẵn, bây giờ lòi ra là người phải tự đun nước rồi đổ hết một nửa. Như vậy người quả là thủ phạm không sai!

Cao thị nghe xong sợ đến mất cả hồn vía, quỳ xuống van lạy rồi thanh minh là mình không nhớ gì hết, ra công đường cứ khai bừa mà thôi, thật ra không hề che giấu bất cứ ý đồ nào, cũng không

phải là thủ phạm. Địch Công liền chỉ mặt máng:

- Cứ cho là người không phải thủ phạm đi nhưng người khai gian dối khiến bản quan không thể nào lần ra đầu mối. Bản quan không sáng suốt thì đã kết án oan cho Hồ Tú tài rồi, như vậy là người hại chết người ta còn gì? Sau khi xử xong vụ án này, người khó mà thoát được sự trừng phạt của bản quan.

Máng xong, Địch Công nói với Hoa Quốc Tường theo mình xuống bếp, bắt cả Thái Cô và Cao thị đi theo chứng kiến. Khi qua khỏi bếp, nhìn thấy căn nhà nhỏ sát bên, mái nhà đã hơi mục nát xô lệch nhiều chỗ. Địch Công chỉ gian nhà ấy hỏi:

- Có phải đó là gian nhà các người nấu nước pha trà không?

Thái Cô đáp:

- Bẩm đại nhân! Chính là gian nhà đó, hiện giờ vẫn còn để cái bếp chưa kịp dọn vào.

Địch Công gạt đầu rồi cùng mọi người bước vào trong. Hóa ra gian nhà này mục nát hơn nhìn từ phía ngoài, cột kèo đều mục ruỗng nhiều nơi, ngói cũng xô lệch để nước mưa thấm vào khiến cột kèo bằng gỗ luôn luôn có mùi hôi mốc. Bất chợt Địch Công sai Cao thị:

- Cái tội khai dối của người sau này sẽ định phạt, bây giờ ta bắt người phải chụm bếp nấu nước, còn ta sẽ ngồi đây uống chút trà giải khát xem sự thể ra sao.

Hoa Quốc Tường không thấy Địch Công xử án mà lại bày trò đun nước uống trà thì rất giận, cố nén mà nói:

- Người chết không phải chuyện chơi, sao đại nhân lại bày trò

làm gì cho mệt? Nếu như Cao thị khai gian thì cứ đem về công đường mà tra khảo, còn hơn là ngồi đây uống trà.

Địch Công nghiêm mặt trách lại:

- Ông tưởng bản quan thích đùa chơi hay sao? Đây chính là thẩm tra bằng thực tế, nếu còn nhiều lời thì đừng trách bản quan xuống tay trừng phạt đấy.

Nghe vậy Hoa Quốc Tường mới chịu thôi, lẳng lặng theo dõi xem Địch Công sẽ làm gì tiếp theo. Thế nhưng Hoa Quốc Tường càng lúc càng giận dữ bởi Địch Công cứ thúc giục Cao thị phải đun nước thật sôi, pha trà xong lại không uống bất nấu nước tiếp, đến hơn chục lần làm những người có mặt đều không thể hiểu được tra xét án mạng thế nào mà quá kỳ quái. Riêng Hoa Quốc Tường không sao nhin nổi, bỏ lên nhà trên không thèm theo dõi nữa, Địch Công cũng để mặc ông ta.

Ngay khi Cao thị phòng mang trợn mắt thổi lửa lần thứ mấy không nhớ nổi, ngọn lửa bùng lên rất cao thì chợt có đám bụi đất từ mái nhà rơi xuống đúng vào đầu tóc của Cao thị. Cao thị vội lấy tay định phủi nó đi thì Địch Công ngăn lại, gọi:

- Người đừng phủi, mau đến đây.

Cao thị tuân lệnh, Địch Công liền nói tiếp:

- Người không nên đứng ở đó, chỉ trong chốc lát con vật giết người sẽ xuất hiện.

Sau đó Địch Công nhìn chăm chăm vào mấy cái kèo nhà mục nát rỗng ruột, nơi đã phát sinh ra đám bụi đất bay xuống đầu Cao thị. Chỉ một lúc sau chợt có một con vật màu hồng ló đầu ra khỏi chỗ mục, thò ra thụt vào mấy lần, hình như thấy đông người nên

chưa dám ra hẳn. Tuy chưa thấy rõ đó là con gì nhưng Địch Công cũng mừng rỡ nói với mọi người:

- Các người đã nhìn thấy con vật này chưa, thử đoán xem nó là con gì.

Thuộc hạ của Địch Công thưa rằng đã thấy nhưng không nhận rõ đó là con vật gì, xin được dùng gậy để khêu nó ra. Địch Công ngăn lại, nói:

- Đây chính là thủ phạm, vì vậy phải có mặt gia chủ mới xong, các người mau gọi Hoa Cử nhân vào đây chứng kiến sự việc đã làm hại chết con dâu của ông ta. Nếu chưa cho ông ta thấy tận mắt thì chưa biết tài xét việc của bản quan đâu.

Thái Cô liền chạy lên nhà trên mời Hoa Quốc Tường xuống. Địch Công chỉ cho ông ta thấy cái đầu con vật màu hồng đang chuyển động, cười nói:

- Cử nhân cứ ngồi im, đừng gây tiếng động mà nó chạy mất.

Tất cả đều theo lời, nín thở theo dõi. Quả nhiên không lâu sau cái đầu ấy trườn ra từ từ, lộ nguyên hình là con rắn có vằn đen khoang trắng rất ghê sợ. Con rắn này khá tinh ranh, thấy có nhiều người lập tức thụt vào trong kèo nhà nhưng mọi người đều đã thấy rõ cái miệng của nó tuôn đầy nước dãi, chắc chắn là có độc.

Địch Công nói với Hoa Quốc Tường:

- Vì Cử nhân cứ cho bản quan là bệnh vực Hồ Tác Tân nên phải cho nhìn tận mắt. Đó chính là lỗi của ông đã để cho nhà mục nát, làm tổ cho bọn rắn độc sinh sống. Bây giờ đã biết rõ nguyên nhân thì có thể phá bỏ gian nhà này đi, đập chết con ác thú ấy đừng để nó gieo hại cho người khác nữa.

Hoa Quốc Tường bằng lòng, sai mấy gia nhân hợp cùng nha dịch chặt gãy cột, kéo hết kèo nhà xuống. Con rắn bị động từ trong kèo phóng vọt ra nhanh như chớp, toan chạy ra phía vườn cây trốn thoát. Bỏ đầu Kiều Thái vốn là tay nhanh nhẹn, lập tức rút dao chém một nhát làm con rắn đứt làm đôi. Mọi người còn sợ thể nào cũng còn mấy con rắn khác nên hè nhau đập phá gian nhà tan tành nhưng rốt cuộc không tìm được con nào khác, chứng tỏ nó chính là thủ phạm không sai.

Giết con rắn rồi, mọi người kéo lên nhà trên mời Lý phu nhân ra xem xác con rắn. Địch Công nói với mọi người:

- Như đã nói trước, đây không phải công đường xử án vì bản quan chỉ muốn cho mọi người thuận hòa mà phải vất vả tìm ra bằng chứng. Ngay khi khám nghiệm tử thi bản quan đã nhận ra mùi hôi tanh, trong lòng đã có chút nghi ngờ Lý tiểu thư chết vì chất độc của loài động vật. Do vậy mà có nhiều lần cố bênh vực cho Hồ Tú tài. Thật ra sự việc hết sức đơn giản, Cao thị đun nước khiến khói lửa bốc mạnh lên, con rắn bị ngạt liền thò đầu ra, nhỏ nước dãi chứa chất độc vào ấm nước, Cao thị không biết nên đem nửa ấm nước đi pha trà. Nếu xét kỹ thì đó là tội của Cao thị lẽ ra phải trừng phạt nhưng bản quan thấy thị già cả, lại là vô tình nên bỏ qua. Vả chăng nếu quá khó tính thì có thể xét tội cả Hoa Cử nhân bởi chính ông đã duy trì gian nhà mục nát ấy mới gây thành nông nổi.

Địch Công ngừng lại một chút, thấy không ai có ý kiến gì phản bác thì nói tiếp:

- Lý tiểu thư chết oan là số mệnh trời sắp đặt, có lẽ còn nhiều

tội nghiệp từ kiếp trước nên mới uống ngay vào ấm trà có độc của con rắn, vì vậy nên mời một số cao tăng đến lập trai đàn siêu độ cho vong hồn mau được siêu sinh. Hồ Tú tài không hạ độc mà bị giam cầm khổ sở, đáng ra phải được đền bù nhưng bản quan cho rằng cái tội ăn nói đùa giỡn hàm hồ, không giữ tư cách Nho gia thì bị như vậy cũng là vừa, không cho khiếu nại nữa.

Mọi người đều ngạc nhiên và kính phục tài xét đoán của Địch Công, nhất nhất xin nghe theo. Sau đó Địch Công liền sai Mã Khổng mục viết văn án cho mọi người ký tên vào, kết thúc vụ án không thủ phạm. Địch Công trở về công đường hạ lệnh thả Hồ Tác Tân ra, còn rắn đe là phải cố hết sức giữ gìn phẩm hạnh của một Nho sĩ đã có học vị, làm gương cho kẻ khác. Hồ Tác Tân giống như chết rồi sống lại, cúi đầu cảm tạ Địch Công hết lời.

Nhờ vào trí tuệ ấy, sau này Địch Công được triều đình biết đến, triệu về kinh thành giữ chức quan lớn, dần dần được thăng lên tới Thừa tướng, ông đem hết tâm huyết phò giúp triều Đường, trở thành một công thần nổi tiếng trong lịch sử Trung Hoa.

2

BAO CÔNG

ĐỀ NHẤT PHÁN QUAN

Trong suốt chiều dài lịch sử phong kiến Trung Hoa, rất nhiều quan lại dựa vào quyền thế tham lam lũng đoạn bức hiếp dân lành nhưng cũng không ít vị quan nổi tiếng thanh liêm, xét xử các vụ án hết sức công minh và sáng suốt. Trong số những vị quan xử án ấy, nổi tiếng nhất vẫn là Bao Công và Tống Từ. Đến đời Minh, Thanh xuất hiện khá nhiều vị quan lại anh minh sáng suốt nhưng xét về số lượng các vụ án ly kỳ oan ức thì không thể bằng được Bao Công và Tống Từ. Thí dụ như Hải Thụy, còn được gọi là Hải công, cũng rất nổi tiếng vì tính tình chính trực nghiêm minh, không sợ cường quyền nhưng tiếc rằng ông chỉ là một huyện quan ở nơi xa xôi nên tuy rất được người dân địa phương ngưỡng mộ mà chẳng bao giờ được triều đình đề bạt tới để cất nhắc lên chức vụ cao hơn.

Hải Thụy sinh năm 1514 và mất năm 1587, tức làm quan dưới thời Minh Thần Tông Chu Hủ Quân. Đó là thời kỳ nhà Minh sắp sửa tiêu vong, chế độ vô cùng hủ bại, quan lại toàn bọn nịnh bợ xu thời nên việc Hải Thụy bất đắc chí là có thể hiểu được. Số mệnh của ông lại long đong, nhiều lần thi cử mà không đậu, mãi cho đến khi 36 tuổi mới được triệu ra làm quan. Vì những lý do đó, Hải Thụy tuy cũng là một vị quan rất giỏi về xử đoán nhưng tư liệu để

lại của ông ít khi được lịch sử nhắc nhở tới.

Trong khi ấy, Bao Công có lẽ là người nổi tiếng xử đoán công minh, lại được truyền thuyết cho rằng ông chính là “người trời, ngày xử án dương thế, đêm xử án Diêm La” nên lịch sử ghi chép khá nhiều về các vụ án ly kỳ mà ông đã từng giải quyết, không hề ngán ngại thế lực cường quyền hay hoàng thân quốc thích. Người ta nói: “Hoàng đế anh minh thì có hiền thần xuất hiện”, một phần có lẽ là nhờ ở sự nể trọng của Tống Nhân Tông Triệu Trinh nên ông mới phát huy được hết khả năng phán đoán sự việc và sẵn sàng xét xử không hề e ngại bị các đại thần hay hoàng thân quốc thích chống đối, như vậy mới có thể ra phán quyết một cách trung thực khiến người ta phải “tâm phục khẩu phục”.

Bao Công tên thật là Bao Chứng. Chữ “Chứng” trong tiếng Hán có nghĩa là cứu vớt, không phải âm đọc Chuẩn như nhiều người lầm tưởng. Tên tự của ông là Hy Nhân nhưng người ta không bao giờ nhắc tới, thường gọi nhất là Bao Công, Bao Thanh Thiên hay Bao Hắc Tử bởi ông có nước da nâu đậm, không trắng trẻo như thư sinh. Bao Công cũng nổi tiếng vì đã dám giết cả hoàng thân quốc thích nên còn được gọi là Bao Long Đồ (Đồ Long là giết rồng, ám chỉ ông dám cả gan giết thân thích của Hoàng đế nếu như phạm trọng tội, không hề sợ bị trách phạt). Nhưng cũng có người giải thích là Bao Công được phong Đại Học sĩ ở gác Long Đồ nên mới có tên ấy.

Lúc đó triều Bắc Tống đóng đô ở phủ Khai Phong, Bao Công là Tri phủ Khai Phong nên quyền thế rất lớn, chức là Hình bộ Thị lang, quan hàm tam phẩm, tức là ngang hàng với các đại thần

trong triều, lại được Tống Nhân Tông ban đặc ân được vào cung bái kiến mỗi khi gặp cản trở. Ngoài ra, theo truyền thuyết thì Bao Công còn được sự trợ giúp tận tình của một hoàng thân là Bát Hiền vương. Chính ông này đã nhiều lần tiếp trợ cho Bao Công điều tra tới nơi tới chốn và hết lòng bênh vực ông trước mặt Hoàng đế mỗi khi có việc đối đầu với các đại thần.

Với hoàn cảnh khá thuận lợi như vậy, Bao Công đã đem hết tài sức của mình ra phụng sự quốc gia, phá được vụ án tưởng như không còn đầu mối. Nếu so sánh giữa Bao Công và Hải Thụy hay Tống Từ thì quả là khập khiễng bởi mỗi người có một hoàn cảnh riêng để phán đoán sự việc nhưng tựu trung tất cả những phán quan nổi tiếng tài giỏi trong thời phong kiến Trung Hoa đều nhờ vào sự suy nghĩ tận tâm tận tình của mình với công việc, không coi thường các chi tiết nhỏ trong vụ án, nhờ vậy mới sáng tỏ được những khúc mắc trong vụ án.

Theo ghi chép thì Bao Công bắt đầu nổi danh từ khi được bổ về làm Tri huyện Phụng Phù phủ Duyên Châu. Lúc đó ông còn rất trẻ nhưng đã biểu lộ là người thông minh chính trực, thích xem xét các vụ án ly kỳ khó giải quyết. Khi đến Phụng Phù nhậm chức, Bao Chửng (lúc đó tên Bao Công chưa phổ biến) rất nhàn hạ vì ở huyện hầu như không có vụ trọng án nào xảy ra. Ông đem hết hồ sơ văn án ra nghiên cứu nhưng xét kỹ thì toàn là những vụ việc đơn giản, đã được quan huyện trước kia giải quyết rất ráo.

Thế nhưng khi đọc đến việc viên Áp ty của huyện tên là Tôn Văn vì nghe lời thầy bói mà tự mình nhảy xuống sông tự vẫn thì đã có chút nghi ngờ. Ông cho rằng dù mê tín dị đoan như thế nào cũng

không thể vì một lời tiên đoán số mệnh mà tự mình hủy hoại thân thể do cha mẹ khổ công sinh thành dưỡng dục.

Khi Bao Chứng còn đang suy nghĩ thì chợt ông gục đầu xuống bàn mà ngủ. Trong khi ngủ ông mơ thấy mình ngồi trên công đường, phía dưới không hề có tội nhân hay nghi phạm nào. Bao Chứng hết sức ngơ ngác, nhìn về phía sau thì thấy có câu đối lời lẽ rất lạ: “Muốn biết việc canh ba, gạt lửa mà xuống nước”.

Bao Chứng còn cố nghĩ xem ý tứ của câu đối ấy muốn nói gì thì giật mình thức dậy. Ông liền nghĩ ngay đến việc tự vẫn của viên Áp Ty Tôn Văn chắc chắn là có uẩn khúc, quyết định sẽ từ đó lần ra manh mối xem sao.

Ngày hôm sau Bao Chứng thẳng đường, tiếng là ra mắt các thuộc hạ nhưng lợi dụng cơ hội tụ tập đầy đủ ấy đưa hai câu đối ra nhờ họ giải thích. Tất nhiên là không ai có thể hiểu được. Bao Chứng có tính rất kiên định, đã làm việc gì thì nhất định không chịu bỏ qua nên sai người viết hai câu đối ấy treo trước nha môn, tuyên bố rằng bất cứ ai giải được ý nghĩa của nó thì sẽ trọng thưởng 10 lạng bạc. Một người có nét chữ tốt được giao nhiệm vụ viết yết thị là viên Áp ty mới, cũng họ Tôn nên người ta phân biệt gọi viên Áp ty cũ là Đại Tôn, còn người Áp ty mới gọi là Tiểu Tôn. Một phần cũng do tuổi tác hai người già trẻ khác nhau, dần dần cái tên này trở thành thông dụng.

Khi Tiểu Tôn viết xong yết thị, treo ngoài nha môn thì người người kéo đến xem rất đông, ai nấy đều nặn óc ra tìm lời giải đáp để có số bạc khá lớn ấy. Trong số người chen lấn để xem yết thị có một người nổi tiếng về khoản mê cờ bạc, lại uống rượu như hủ chìm

nên dù tên thật là Vương Hưng vẫn thường bị người dân Phụng Phù gọi bằng biệt hiệu Vương Tửu Tửu. Lúc đó Vương Hưng đang thèm rượu mà tiền bạc không còn một đồng nên dù không biết bao nhiêu chữ nghĩa vẫn cố chen vào đọc hai câu đối, trong ý cầu nguyện sao tự nhiên mình giải đáp trúng thì đủ tiền uống rượu trong một thời gian.

Khi đọc đến hai câu đối, Vương Hưng giật mình kinh sợ vì đó là hai câu mà vợ của hắn đã đem về từ miếu Đại Nhạc ở ngọn Đông Phong. Sự việc hết sức kỳ lạ nên Vương Hưng không dám tự tiện, vội vàng chạy về kể lại cho vợ là Nghinh Nhi biết. Nghinh Nhi cũng hoảng sợ không kém, nói với chồng:

- Đây là lần thứ ba Tôn Áp ty hiện hồn báo mộng, có lẽ muốn nhờ tôi giải oan cho ông ấy. Lần trước Áp ty đã cho không chúng ta một ít bạc vụn, nếu lần này vẫn kín miệng không đi trình báo quan trên thì e rằng Áp ty sẽ nổi giận hại lây đến cả hai vợ chồng đấy. Vả chẳng tôi vừa nghe quan huyện mới bổ về là người công minh sáng suốt, may ra có thể làm sáng tỏ được vụ án này chẳng?

Vương Hưng vốn là tên vô lại, tự biết nếu mình lên huyện tố cáo thì chẳng có ai tin nên sau khi suy nghĩ liền tìm đến một người quen họ Bùi đang làm chức Khổng mục ở huyện đường. Vương Hưng cũng không dám tiết lộ cho nhiều người biết, kéo Bùi Khổng mục đến một chỗ vắng vẻ mới đem toàn bộ sự việc kể hết cho ông ta nghe, đoạn quyết rằng mình đang giữ một tờ giấy do thần nhân ở miếu Đông Nhạc, trong đó có ghi hai câu đối mà quan huyện vừa yết thị. Bùi Khổng mục cũng lấy làm kinh dị, hỏi chắc:

- Hiện giờ người còn giữ tờ giấy ấy hay không?

Vương Hưng gật đầu đáp:

- Sau khi đem về, vợ chồng chúng tôi không dám tiết lộ, để kín ở dưới rương, chắc chắc không đi đâu được.

Bùi Không mục nghe vậy mới bằng lòng, dặn Vương Hưng:

- Bây giờ tôi phải vào huyện đường bẩm báo trước với quan, còn người thì cứ về nhà lấy tờ giấy ấy, bao giờ quan hỏi đến thì trưng ra làm bằng chứng.

Vương Hưng nghe theo, vội vã trở về nhà tìm tờ giấy. Trong khi ấy Bùi Không mục vào huyện, chờ khi Bao Chửng đã xét hết việc, mọi thuộc hạ đều về nhà, kể cả viên Áp ty Tiểu Tôn, mới quỳ xuống thưa rằng:

- Bẩm tri huyện! Thuộc hạ thật không dám làm phiền đại nhân bởi vì chuyện sắp nói ra rất kỳ quái và hoang đường. Thế nhưng người quen là Vương Hưng cứ nhất định sẽ giải được câu đối ấy nên phải thưa trước với đại nhân, nếu đại nhân chấp thuận thì mới dám cho hấn bái kiến khai rõ mọi việc.

Bao Chửng đang nôn nóng về ý nghĩa hai câu ấy, liền hỏi:

- Vương Hưng là ai, có tài cán gì mà có thể giải được hai câu đối nát óc ấy?

Bùi Không mục thưa thật:

- Hấn chỉ là tên bợm rượu, ngoài việc moi tiền bạc của vợ ra đánh bài và uống rượu thì chẳng có tài cán gì. Thế nhưng việc này liên quan đến vợ của hấn là Nghinh Nhi, trước kia là hầu gái của Áp ty Đại Tôn. Chính Nghinh Nhi khi đến miếu Đông Nhạc đã được thần nhân đưa cho tờ giấy, ngoài hai câu đối ấy ra còn mấy

dòng chữ nữa cũng rất bí hiểm. Lần này thấy đại nhân là người trung thực sáng suốt mới quyết định nhờ thuộc hạ thưa trình lên vụ việc.

Bao Chứng rất mừng, lập tức sai người giải Vương Hưng về nha huyện thẩm vấn. Chuyện này vẫn chưa đến hồi kết thúc bởi vẫn còn nhiều điều kỳ bí xảy ra. Đó là khi Vương Hưng về nhà bàn với vợ xong, liền mở rương quần áo, lấy mảnh giấy có viết câu đối ấy ra thì hỡi ôi, chẳng hiểu tại sao chỉ còn là giấy trắng, bao nhiêu chữ biến đâu mất hết. Vì vậy Vương Hưng không đúng lời hẹn với Bùi Khổng mục, sợ bị bắt tội vu cáo bừa bãi, đành nằm co ở nhà mà run sợ. Hắn cũng không phải sợ hãi lâu bởi ngay khi đó đã có công sai của huyện đến gõ cửa, không cho hắn giải thích câu nào, lập tức bắt dẫn đến công đường.

Lúc đó chỉ còn lại Bao Chứng và Bùi Khổng mục nên ông không sợ người khác nhòm ngó, hỏi ngay:

- Người là Vương Hưng phải không? Người nói với Bùi Khổng mục là có tờ giấy do thần nhân ở miếu Đông Nhạc ban cho. Nay tờ giấy ấy đâu, mau đưa cho bản quan xem thử.

Wương Hưng xanh mét mặt mũi, khấu đầu lạy như tể sao rồi mới dám thưa:

- Quả là vợ tiểu dân năm vừa rồi có đến đốt hương ở miếu Đông Nhạc, khi vừa tới cửa thì chợt có một thần nhân hiện hình giống hệt Tôn Áp ty ngày trước đưa cho mảnh giấy, trên đó viết mấy câu mà trong số câu ấy lại là hai câu đối mà đại nhân vừa yết thị sáng nay. Tiểu dân đã cất tờ giấy ấy rất kỹ tận dưới đáy rương quần áo, thế mà... thế mà... hôm nay lấy ra định trình lên đại nhân thì nó

đã thành giấy trắng mất rồi.

Bao Chứng nghe vậy rất bức tức, đập tay xuống bàn đánh “chát” một cái khiến Vương Hưng giật bắn cả người, vội vàng thưa luôn:

- Bẩm đại nhân, tiểu nhân không nói dối đâu, hiện tờ giấy ấy đang mang theo đây. Nếu đại nhân là người sáng suốt tất sẽ biết nó không phải ngụy tạo, đừng bắt tội tiểu dân.

Bao Chứng gật đầu, chờ Vương Hưng lấy tờ giấy ra đưa lên. Ông nhìn xem thì quả nhiên đó chỉ là giấy trắng nhưng màu sắc đã ngà vàng chứng tỏ là đã để khá lâu, Vương Hưng là tên ngu dân không thể ngụy tạo được.

Trầm ngâm suy nghĩ một lúc, Bao Chứng hỏi Vương Hưng:

- Người còn nhớ được một số chữ nào trong tờ giấy này không?

Vương Hưng mừng như chết đi sống lại, dập đầu đáp:

- Tuy tiểu dân không giỏi văn chương nhưng vì sự việc quá kỳ lạ nên hai vợ chồng đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần, cố sức giải đáp ẩn ý trong đó nên đến bây giờ vẫn còn thuộc, không sót chữ nào.

Bao Chứng liền sai Vương Hưng đọc từng chữ, lấy giấy bút ra ghi lại. Quả nhiên những câu chữ trong đó đều bí hiểm nên ông phải hỏi thêm Vương Hưng:

- Thần nhân giao tờ giấy cho vợ người rồi có dặn gì nữa không?

Vương Hưng mau mắn đáp:

- Bẩm đại nhân! Thần nhân có dặn là hãy giải oan ức cho ông ấy.

Bao Chứng chột đập bàn rất mạnh, chỉ mặt Vương Hưng mà mắng:

- Hay cho tên tiện dân kia! Người định đặt điều lừa dối bản quan hay chẳng? Thần nhân nào mà phải nhờ người dương thế thấp cổ bé miệng như vợ người giải oan giùm cho?

Vương Hưng sợ quá đập đầu lạy mấy cái rồi mới thưa:

- Tiểu dân thật không dám lừa dối đại quan. Tất cả đều có nguyên nhân của nó và chuyện này theo lời kể của vợ tiểu dân thì đã xảy ra cách đây gần ba năm rồi, nhiều lần ông Tôn Áp ty đã hiện thân chứ không phải một lần ở miếu Đông Nhạc đâu.

Bao Chứng nghe vậy càng tò mò hơn, lại biết người như Vương Hưng không đủ trí tuệ để đặt ra những điều kỳ bí lạ lùng như vậy nên dịu giọng ôn tồn nói:

- Ta đến đây nhậm chức chưa được mấy ngày, chưa xét xử vụ án nào. Bây giờ nếu người kể thật thì dù không giải được oan án ta cũng trọng thưởng, nếu như người dối trá thì sẽ là người mở hàng mấy cái trượng của ta đấy.

Vương Hưng được cho đứng lên, uống chút nước để lấy lại bình tĩnh rồi mới bắt đầu kể chuyện ba năm trước đây:

- Vợ của tiểu nhân là Nghinh Nhi, người hầu của vợ Tôn Áp ty trước kia.

... Hôm đó Áp ty Đại Tôn có chút rảnh rỗi nên đi dạo quanh chợ một vòng xem có sự cố gì xảy ra không. Ông ta chợt thấy ở góc phố có treo một thanh kiếm lồng trong bảng hiệu ghi bằng loại chữ rất to thì liền bước tới đọc. Hóa ra đó là người thầy bói mới từ đâu đến

đây lập cửa hàng, chắc là rất tự tin về tài tướng số của mình nên mới dám treo bảng khoa trương: “Xem không đúng có thể dùng thanh Thái A này chém đầu thầy bói”.

Lúc ấy Đại Tôn vẫn còn mặc quan phục màu đen, giày vớ sạch sẽ, thấy thầy bói có vẻ khoa trương thì rất tức, liền bước vào ngồi ngay xuống ghế xin xem một quẻ Âm Dương. Thầy bói không biết đó là quan chức của huyện đường, bình thản bảo Đại Tôn ghi ngày tháng năm và giờ sinh vào mảnh giấy nhỏ rồi trầm ngâm nhìn mãi mà không đoán một câu nào. Đại Tôn càng thêm tức giận, nghĩ thầm: “Hóa ra người chỉ là thứ bịp bợm, nay gặp tay ông thì khó mà sống nổi ở đất Phụng Phù này rồi”. Nghĩ vậy nên Đại Tôn cứ thúc giục thầy bói xem số cho mình. Mấy lần như vậy người thầy bói mới chậm rãi nói:

- Số của ông không xem được đâu.

Đại Tôn càng thêm nóng ruột, nhất định phải xem số cho bằng được. Bất đắc dĩ người thầy bói phải xin ông ta ghi lại ngày tháng năm sinh lần nữa cho thật chắc chắn, không bị lầm lẫn rồi mới nói:

- Theo tôi thì ông không nên xem bói thì hay hơn.

Đại Tôn cười ha hả, nói:

- Người cho rằng quẻ bói sẽ xấu lắm nên không dám bói chứ gì? Ta là người chưa hề làm gì lầm lỗi, cũng chẳng hà hiếp ai nên không hề kiêng sợ điềm xấu.

Thế nhưng lão thầy bói vẫn ngần ngừ không muốn nói ra quẻ bói nên Đại Tôn càng thắc mắc, nói luôn:

- Ông cứ thẳng thắn nói cho ta biết số mệnh sẽ thế nào, nếu không ta sẽ liệt vào hạng lừa dối dân lành kiếm tiền đấy.

Nghe khẩu khí đầy vẻ hăm dọa của Đại Tôn, thầy bói nhìn kỹ mới biết đó là quan chức trong huyện, thở dài mà nói:

- Đã vậy thì tôi đành phải nói thôi. Thế nhưng báo trước cho ông biết là quẻ có tượng hết sức xấu, liên quan tới sống chết đấy. Ông có bằng lòng thì tôi mới dám nói thẳng ra.

Đại Tôn là người khỏe mạnh, tính tình trung thực, làm việc cần mẫn nên từ đó tới nay không hề bệnh tật hay phải lo lắng chút gì, nghe vậy liền cười mà nói thầy bói hãy cứ nói thật quẻ như thế nào, dù không tốt mà hiệu nghiệm thì cũng sẽ trọng thưởng chứ không trách cứ. Người thầy bói liền nói:

- Thực không dám nói bừa, quẻ này đoán rằng ngày hôm nay, tháng này ông sẽ mất mạng một cách oan uổng đấy!

Đại Tôn nghe vậy bật cười lớn, nói:

- Ta đang khỏe mạnh, sức lực tràn đầy, không hề có bệnh tật gì, dễ đến 10 năm nữa cũng chưa chết nổi huống gì hôm nay? Theo ông thì giờ nào ta sẽ chết?

Thầy bói tỏ ra nghiêm trọng, đoán:

- Theo quẻ thì giờ Tí canh ba hơn một chút thì vận số của ông sẽ hết.

Lời đoán giống như trù ẻo người ta chết sớm nên Đại Tôn hết sức tức giận, đứng bật dậy chỉ mặt thầy bói mà mắng:

- Được lắm! Nếu canh ba đêm nay ta chưa chết thì thế nào cũng lôi đầu người ra trước công đường... hà hà! Để người đoán xem tri huyện lão gia xét xử ra sao.

Người thầy bói vẫn bình tĩnh, chỉ thanh kiếm Thái A treo trước

cửa, nói:

- Sáng mai ông còn sống thì chẳng cần đưa tôi lên huyện đường làm chi cho mất công, cứ lấy thanh kiếm kia chém đầu tôi là xong. Tôi đã treo bảng chấp nhận đoán sai thì mất đầu, ông sẽ không bị bắt tội giết người đâu.

Áp ty Đại Tôn nghe vậy càng giận, đã toan lôi luôn lão thầy bói đến huyện đường nhưng nhiều người quen biết nghe to tiếng thì liền chạy vào khuyên can, cho rằng hơi sức đâu chấp nhất với những tiên đoán mê tín dị đoan ấy. Thấy Đại Tôn bớt giận, một người lớn tuổi đứng ra nói với thầy bói:

- Nay ông! Xưa nay việc bói toán mười điều chưa chắc trúng một bởi thầy bói không phải là cha của Diêm Vương mà cũng không hề thân thích gì với Ngọc Hoàng, làm sao có thể đoán chính xác đến ngày giờ chết của một người đang khỏe mạnh được? Nay ông đã gây hấn với Áp ty thì khó sống nổi nơi huyện Phụng Phù này rồi, nếu khôn ngoan thì hãy dọn đi nơi khác kiếm ăn. Nhưng ta cũng khuyên ông một điều, đó là có đoán sống chết cho người thì cũng chỉ nên nói tương đối chứ không nên cố chấp nói từng giờ từng ngày khiến người ta phải tức giận.

Lão thầy bói thở dài đáp:

- Từ trước tới nay tôi cứ theo quẻ mà bói, xấu tốt gì cũng không cần biết. Tôi cũng không thể chiều lòng người mà đoán bừa, từ tốt thành xấu, từ xấu ra tốt được. Thôi thì sự việc đã xảy ra, tôi đành phải đi nơi khác vậy.

Nói xong ông ta lập tức tiến hành dọn dẹp cửa hàng, dọn đi nơi nào đó không ai thấy nữa. Tuy nhiên Áp ty Đại Tôn vẫn không

thấy thoải mái trong lòng, trên đường về nhà cứ đắm chiêu nghĩ đến lời bói. Người vợ của Đại Tôn họ Lý, thấy chồng về nhà mà mặt mũi không tươi vui như mọi ngày thì ngạc nhiên hỏi:

- Chẳng hay hôm nay có gì khó xử hay là phu quân bị quan huyện mới quở trách chăng? Theo thiếp thì phu quân vốn làm việc cẩn thận, đâu đến nỗi như thế, chắc là đã xung đột với ai phải không?

Nghe Lý thị nhắc đúng đến nỗi niềm, Đại Tôn liền trợn mắt kể lại việc sáng nay xem bói, bị người đoán rằng sẽ chết bất đắc kỳ tử. Lý thị nghe vậy cũng tức giận lây, hăm hăm nói với chồng:

- Lão thầy bói quả là ngang ngược, dám đoán đêm nay phu quân chết thì còn coi vương pháp ra gì? Sao phu quân không lôi cổ hắn đến công đường rồi giam vào ngục cho biết mùi đau khổ?

Áp ty Đại Tôn gật đầu đáp:

- Ta cũng định như vậy nhưng mọi người xúm lại khuyên can. Vả chẳng nếu sáng mai lời tiên đoán không hiệu nghiệm thì ta hăng lôi cổ hắn đến công đường cũng chưa muộn.

Thật ra Đại Tôn không muốn nói cho vợ biết là lão thầy bói đã dọn đi rồi, vì thế trong lòng vẫn không nguôi buồn bực, nói với vợ:

- Chuyện đâu còn có đó. Hãy dọn ít rượu thịt ra cho ta uống mà thức đến sáng mới được. Ta nghe kể chuyện là nhiều tên thầy bói đoán người ta chết, thế rồi để ứng nghiệm thì đúng giờ đó sai âm binh đến lấy mạng. Ta sẽ thức đến sáng xem canh ba đêm nay có gì lạ xảy ra không.

Lý thị liền gọi đưa hầu gái là Nghinh Nhi dọn rượu thịt ra. Thế nhưng mọi ngày Đại Tôn nổi tiếng là tửu lượng cao, có khi uống vài

ba chục chén vẫn không say, vậy mà đêm nay chỉ mới uống tới chén thứ ba thì đã thấy đầu óc quay cuồng. Ông cho rằng có lẽ bị ám ảnh bức tức quá nên tâm thần yếu đuối, dễ bị men rượu làm say nên quên cả việc sẽ thức đêm, sai vợ dọn giường lăn ra ngủ.

Lý thị thấy vậy liền cùng Nghinh Nhi lấy vải vóc kim chỉ ra khâu thùa, quyết sẽ thức đến sáng canh chừng cho chồng. Đến khi có tiếng trống báo canh ba, Lý thị càng hồi hộp, dặn Nghinh Nhi:

- Lão thầy bói ấy đoán canh ba hơn một chút thì phu quân ta hết số. Bây giờ là giây phút quan trọng, người phải mở thật to mắt mà xem có gì lạ, không được ngủ đấy.

Thế nhưng chẳng hiểu sao đôi mắt Nghinh Nhi cứ nhắm tít lại, chẳng mấy chốc đã gục trên bàn mà ngủ. Lý thị chợt nghe có tiếng động trong phòng chồng rồi thấy Đại Tôn trùm cái chăn trắng đi ra rất vội vã. Lý thị kinh hoảng gọi Nghinh Nhi dậy châm đèn cho sáng thì lúc đó bóng trắng của Đại Tôn đã ra đến cổng, mau lẹ mở cái then cài cửa rồi vùn vụt chạy thẳng đến bờ sông gần đó, nhảy xuống luôn. Từ xa cũng nghe rất rõ tiếng động của vật nặng rơi xuống dòng nước, không cần nhìn cũng biết đó là Đại Tôn nhảy xuống sông tự vận.

Con sông này tuy nhỏ nhưng thông nước với Hoàng Hà nên chảy rất mạnh, đến khi láng giềng nghe tiếng Lý thị và Nghinh Nhi gào khóc kêu gọi cứu người chạy đến thì đã muộn mất rồi, chẳng sao mò tìm được xác Đại Tôn nữa. Sáng hôm sau sự việc được đưa lên quan huyện, vì có nhiều người láng giềng làm chứng nên ông ta không truy cứu, cho rằng Đại Tôn bị ám ảnh bởi lời tiên đoán ma quái ấy tự mình nhảy xuống sông. Việc chết người bị xếp

lại, không còn ai nhắc tới nữa.

Mấy tháng sau đến ngày giỗ trăm ngày của Đại Tôn, chợt có mấy bà mỗi đem hoa quả nhang đèn đến phúng viếng rồi nhân lúc thân mật ướm lời khuyên Lý thị nên lấy chồng khác kéo hoài tuổi xuân. Lý thị cương quyết thủ tiết cùng chồng, đưa ra điều kiện rất ngặt nghèo là nếu có tái giá cũng phải lấy một người làm Ấp ty giống chồng mình, cũng thuận thảo biết làm ăn và chiều chuộng vợ như người chồng trước kia.

Tưởng như điều kiện này là không thể có, ngờ đâu mấy bà mỗi cười ngất, nói:

- Ông Ấp ty Đại Tôn đã chết thì huyện này tất phải đưa người khác lên thế chỗ, đó cũng là người họ Tôn, hiện giờ được gọi là Tiểu Tôn, thật xứng đôi vừa lứa.

Lý thị giả như không tin là có chuyện phù hợp đến thế, chờ bọn mai mối nói đi nói lại nhiều lần mới cúi đầu ưng thuận. Thật ra tất cả đều là sắp đặt nhưng không ai biết nên đều khen Lý thị là người chung thủy vẫn nhớ đến người chồng quá cố. Thấy Lý thị đã bằng lòng, lập tức bà mối nói rằng ngày hôm nay rất tốt, có thể tiến hành ngay việc nhân duyên.

Nguyên Tiểu Tôn là người lang thang cơ nhỡ nhưng có diện mạo rất điển trai. Lần đó hấn lỗ đường bị tuyết vùi sắp chết còng, tình cờ Đại Tôn đi qua, sai người lấy chăn ấm cứu được, đem về nhà săn sóc. Thấy Tiểu Tôn nhanh nhẹn, Đại Tôn rất yêu quý, không những chỉ dạy cách làm văn thư trong huyện đường mà còn cho ở chung, ăn uống như anh em ruột thịt vậy. Nhân lúc Đại Tôn bận việc quan, ở nhà Tiểu Tôn mở lời chònh ghẹo Lý thị, chẳng bao lâu

đã thành đôi gian phu dâm phụ.

Lý thị không muốn cứ mãi lén lút, bàn với Tiểu Tôn tìm cách ly dị với Đại Tôn rồi sau đó sẽ chính thức thành vợ chồng. Hai đứa quấn quít nhau nhiều lúc công khai nên Đại Tôn dù không ở nhà bao nhiêu cũng biết được, lập tức cho Tiểu Tôn ra ở riêng, nghĩ rằng như vậy đã cắt đứt được cuộc tình vụng trộm trái đạo đức của hai người mà mình vốn yêu mến. Tiếc rằng chính việc đuổi Tiểu Tôn đi lại làm cho hắn nung nấu thêm ý định giết chết Đại Tôn chiếm lấy vợ người.

Do vậy Lý thị cũng không chống cự, sai Nghinh Nhi viết thiệp ghi rõ họ tên, ngày sinh tháng đẻ đưa bà mỗi đêm về cho Tiểu Tôn. Chẳng hiểu sao việc nhân duyên này hết sức xuôi thuận, chưa đầy hai tháng thì Tiểu Tôn Áp ty đã về nhà ở chung với Lý thị, ăn ở còn mặn nồng hơn Đại Tôn ngày trước. Một lần kia cả hai ăn uống no say, cười cợt trêu đùa vui thú với nhau mãi đến đêm mới tàn tiệc. Thấy trong người còn men rượu, Tiểu Tôn liền sai Nghinh Nhi xuống bếp nấu bát canh nóng uống cho giải bớt.

Lúc đó trời đã tối đen, bếp ở xa lại thiếu đèn lửa nên Nghinh Nhi rất sợ, oán trách nói một mình:

- Chủ nhân trước kia uống rượu rất lịch sự, đâu có bao giờ nửa đêm nửa hôm còn bắt gia nhân người hầu phải vất vả đến thế này đâu. Tiếc thay người tốt bao giờ cũng đoản mệnh.

Thế nhưng mấy lần không sao nhóm được lửa vì cái ống thổi bị nghẽn sao đó, Nghinh Nhi tức bực đập mạnh nó xuống bàn bếp. Đột nhiên từ trong bàn bếp nhô lên một cái đầu người, cổ còn đeo sợi dây, lưỡi thè dài như người bị thắt cổ chết, thanh âm gọi nho

nhỏ như từ nơi âm ty vọng lên:

- Nghinh Nhi! Ta chết oan ức lắm, người tìm cách giúp ta giải oan để đi siêu sinh được không?

Chưa nghe hết lời Nghinh Nhi đã sợ đến chết ngất, hét lên một tiếng thất thanh rồi ngã ngửa ra sau bất tỉnh, mặt mày xanh tái không còn chút máu. Vợ chồng Tiểu Tôn nghe tiếng thét liền chạy xuống rồi tìm dầu nóng, thuốc an thần đổ vào miệng Nghinh Nhi, một lúc sau mới cứu tỉnh đưa hâu gái được.

Vợ chồng Tiểu Tôn liền hỏi nhìn thấy gì mà kinh hoàng đến như vậy. Nghinh Nhi thực tình kể lại mà người vẫn còn run bắn lên vì sợ hãi. Nghe xong, Lý thị chẳng những không an ủi mà còn đang tay tát cho đứa hâu gái một cái nện thân, hậm hực nói:

- Thôi! Người đừng giả vờ lờ bịp vợ chồng ta. Chắc là người làm biếng xuống bếp nấu nước nên đặt điều ra đây thôi. Nhà ta ở bao nhiêu năm nay làm gì có ma có quái?

Thế nhưng Lý thị không bắt Nghinh Nhi nấu nước nữa mà cho đi ngủ, rồi sau đó hai vợ chồng cũng vào phòng riêng nói nhỏ:

- Không ngờ hấn lại có thể hiện hồn lên cầu cứu Nghinh Nhi như vậy. Nó đã nhìn thấy rồi thì không thể để trong nhà này được nữa.

Tiểu Tôn Áp ty đồng ý nhưng không biết làm cách nào, hỏi thì Lý thị cười đáp:

- Cứ lấy cớ gả chồng cho nó là xong, đừng để mang tiếng là đuổi gia nhân vô cớ.

Tiểu Tôn cả mừng, dặn vợ ngay ngày mai phải thu xếp cho

xong. Lý thị liền gọi Nghinh Nhi tới hỏi:

- Đạo này người hầu hạ vợ chồng chúng ta không được cẩn thận cho lắm, tâm hồn để đâu đâu, chắc là đã muốn lấy chồng rồi phải không? Con gái tới tuổi thì mơ tưởng chồng con là lẽ thường, ta sẽ tìm người mai mối cho người.

Mặc dù Nghinh Nhi cãi là không hề muốn lấy chồng nhưng Lý thị vẫn tiến hành, chẳng bao lâu đã tìm ra được Vương Hưng là tên bợm rượu hoang đàng nhất huyện, lập tức gả Nghinh Nhi cho hắn. Nghinh Nhi lấy chồng chưa được mấy tháng thì bao nhiêu của hồi môn và công sức dành dụm mấy năm nay đều bị Vương Hưng đem nướng vào sòng bài bằng hết. Sau khi thua bài, Vương Hưng còn đi uống rượu đến say mềm rồi về nhà hạch sách vợ:

- Chủ của người giàu có nhất nhì huyện này, thế mà người để cho chồng khổ sở không vốn liếng làm ăn được ư? Ngày mai hãy đến nhà chủ nhân mượn hay xin cho ta vài trăm lạng bạc làm vốn đi buôn, khỏi phải long đong vất vả kiếm từng đồng từng xu nữa.

Nghinh Nhi không chịu thì bị Vương Hưng túm tóc đánh rất đau, tưng quá đành phải nghe lời. Tuy nhiên một người keo kiệt bủn xỉn như Lý thị thì làm gì có lòng tốt đến thế, cho Nghinh Nhi vài lạng bạc vụn rồi đuổi về, mắng chửi:

- Người đã lấy chồng thì sướng khổ đều do ở chồng. Mai này có túng đến mấy cũng đừng đến đây nữa, ta không giúp thêm một trinh nào nữa đâu.

Nghinh Nhi vâng dạ trở về nhà đưa bạc cho Vương Hưng. Hắn rất mừng, lập tức cầm đi luôn, nói là sẽ hùn vốn với người ta vì số tiền quá ít. Thế nhưng Vương Hưng lại nướng cả vào sòng bài. Sợ

bị vợ mắng chửi, Vương Hưng liền vay ít bạc lẻ của người quen rồi đem đi uống rượu tới say mềm, lấy men rượu để có gan trở về đánh mắng vợ lần nữa. Vương Hưng uống rượu vào rồi nổi tính côn đồ, đánh đập Nghinh Nhi rất dữ nên người vợ đáng thương kia đành phải để đầu tóc rối bù, mặt mày lem luốc, hai mắt đỏ húp vì khóc nhiều, tới van xin Lý thị lần nữa.

Quả nhiên Lý thị rất cứng lòng, dù Nghinh Nhi van lạy đến mấy, khóc lóc nếu không có tiền tất sẽ bị chồng đánh đến chết, Lý thị vẫn nhất định không cho vay thêm, đuổi ra khỏi nhà. Lúc đó trời đã chập choạng tối, Nghinh Nhi vừa đi vừa khóc, đi dọc theo một con hẻm nhỏ thì chợt có người gọi:

- Nghinh Nhi này! Ta cho người ít tiền, đừng khóc nữa.

Nghinh Nhi quay lại nhìn nhưng không thể thấy rõ mặt được bởi người ấy mặc quần áo đen, đội khăn trùm đầu che hết nửa mặt, lại đứng dưới cái mái hiên tối, chỉ để lộ thân hình ra mà thôi. Nếu như Nghinh Nhi không quá lo lắng tất sẽ nhận ra bộ quần áo người đó chính là quan phục mà trước kia Áp ty Đại Tôn thường hay mặc, bên hông còn lủng lẳng cái túi đựng giấy tờ nha môn. Lo lắng làm át chế sự sợ hãi, Nghinh Nhi thò tay ra lấy gói tiền nhỏ thì người ấy lập tức biến mất. Lúc đó Nghinh Nhi mới kinh hồn bạt vía bỏ chạy thục mạng về nhà. Thấy vợ tỏ ra hoảng hốt, Vương Hưng hỏi ngay:

- Có gì mà người sợ hãi vậy? Sao ta bảo đến nhà chủ cũ vay mượn mà lâu quá vậy, hay còn lang thang nhiều chuyện ở đâu bây giờ mới chịu về?

Nghinh Nhi hồn hên đáp:

- Tôi làm gì dám lang thang trò chuyện với ai. Chẳng qua là đến nhà chủ cũ không vay được đồng nào. Còn đang lo lắng thì khi qua ngõ hẻm, bất chợt... hình như ông Áp ty Đại Tôn hiện hồn về cho tôi chút bạc vụn này đây, hãy cầm lấy tiêu đỡ vài ngày.

Nghe vậy Vương Hưng liền đẩy vợ vào nhà, đóng cửa lại rồi mới nói nhỏ:

- Trước kia người có kể việc ông Áp ty hiện hồn trong bếp, nay lại hiện ra lần nữa thì tất phải có gì uẩn khúc, hồn vía mới cứ lẩn quẩn không siêu thăng được. Ngày mai tôi sẽ lên huyện trình báo việc này xem sao, có khi chính vợ chồng Áp ty Tiểu Tôn đã gây ra oan ức này đấy.

Thế nhưng sáng hôm sau Vương Hưng lại nghĩ Áp ty Tiểu Tôn hiện đang làm việc trong huyện, không thể trình báo quả việc có liên quan tới ông ấy. Mới chỉ suy đoán vậy thôi, chưa có chứng cứ gì không chừng mất toi số bạc nho nhỏ này, rồi còn bị đòn đau nữa. Vì vậy Vương Hưng bỏ ý định trình báo, mua một ít bánh ngon đem về nói với vợ:

- Chúng ta thử đem biếu số bánh này rồi dò xét xem thái độ của vợ chồng Áp ty Tiểu Tôn ra sao trước đã, khi đã chắc chắn thì mới nên trình báo.

Hai vợ chồng bàn xong, đem mấy hộp bánh đến nói dối với Lý thị:

- Chúng tôi vừa được ông Áp ty giúp cho mấy việc thuận lợi, kiếm được ít tiền nên hôm nay có chút quà đem biếu, gọi là lòng thành, xin bà Áp ty chớ ngại.

Lý thị cũng mừng cho hai người, chợt nói với Vương Hưng:

- Ta với Áp ty đã sống với nhau một thời gian khá lâu mà chưa có đứa con nào. Vì vậy sáng mai ta định đến miếu Đông Nhạc cầu tự, người hãy về trước đi, để vợ ở lại ngày mai cùng đi với ta cho có bạn.

Vương Hưng bằng lòng, để Nghinh Nhi ở lại, ra về một mình. Sáng hôm sau Nghinh Nhi phụ giúp Lý thị sửa soạn mâm quả cùng đi với nhau đến miếu Đông Nhạc ở ngọn núi Đông Phong. Hai người vào chính điện thắp hương cầu khẩn xong thì ra hai bên hành lang thắp hương tiếp. Chợt lúc đó dây dải quần của Nghinh Nhi bị lỏng ra, phải để Lý thị đi trước, tránh vào một chỗ tối bên cạnh pho tượng phán quan ở âm ty buộc chặt lại.

Còn đang loay hoay, Nghinh Nhi chợt thấy pho tượng nhúc nhích, nhìn kỹ thì chẳng hiểu tại sao diện mạo giống hệt Áp ty Đại Tôn. Pho tượng Đại Tôn đưa cho Nghinh Nhi một gói nhỏ, nói mà âm thanh giống như ở đâu vọng về:

- Người là người hầu gái hiền lương, nếu còn nhớ chủ cũ thì cố sức giải oan cho ta nhé.

Nghinh Nhi nhận gói giấy xong, dụi mắt nhìn lại thì vẫn là pho tượng bằng đất, chẳng biết tại sao mà cử động được. Nghinh Nhi hoảng quá, nhét gói giấy vào người, không dám hở môi cho Lý thị biết, thắp hương xong vội vã lấy cố yếu một trong người rồi xin về nhà.

Nghinh Nhi lập tức kể lại cho Vương Hưng biết việc lạ lùng vừa xảy ra, sau đó mở gói giấy xem thử. Hóa ra trong cái gói đó lại là một tờ giấy nhỏ, ghi mấy hàng chữ: *“con gái lớn con gái nhỏ, người trước cày người sau ăn. Muốn biết việc canh ba gặt lúa mà xuống*

nước. Tháng hai ba năm câu dĩ giải được”.

Hai vợ chồng Vương Hưng đọc đi đọc lại chẳng hiểu tí gì, đành phải cất vào đáy rương, bảo nhau cố nhớ ba năm sau vào tháng hai xem có sự cố gì xảy ra không, lúc ấy sẽ giải được ý nghĩa của mấy câu bí hiểm trên.

Khi Vương Hưng quyết định nhờ Bùi Khổng mục trình bày các việc lạ với Bao Chửng, bấm đốt ngón tay tính ra đúng là ba năm, Bao Chửng về nhậm chức cũng nhằm vào tháng hai.

Bao Chửng nghe Vương Hưng kể xong, không cần hỏi gì thêm, lập tức sai Bùi Khổng mục viết trát, sai quân đến bắt vợ chồng Ấp ty Tiểu Tôn về công đường. Vì là người của huyện đường nên Tiểu Tôn tuy rất ngạc nhiên nhưng không hề chống cự, cùng với vợ theo chân bọn sai nha đi ngay. Thấy vợ chồng Tiểu Tôn tới nơi, Bao Chửng muốn thử lòng hấn nên lập tức mắng phủ đầu:

- Các người thật là kẻ lòng lang dạ thú, dám toa rập giết người.

Tiểu Tôn giả ngơ ngác thưa:

- Bẩm đại nhân! Chúng tiểu dân suốt đời làm ăn lương thiện, sao lại thế được? Theo vương pháp Đại Tống thì chưa có bằng chứng tang vật thì chưa thể khép tội, xin Bao đại nhân xem lại cho tiểu dân nhờ.

Bao Chửng liền bắt hai vợ chồng quỳ xuống trước rồi mới thông thả lật tờ giấy viết mấy hàng chữ bí hiểm ra giải thích:

- “Con gái lớn con gái nhỏ” tức là ám chỉ Đại Tôn và Tiểu Tôn; “Người trước cày người sau ăn” là nói Đại Tôn xây dựng cơ nghiệp, lấy vợ rồi Tiểu Tôn cướp mà hưởng; “Muốn biết việc canh ba, gạt lửa mà xuống nước” chỉ việc Đại Tôn chết vào canh ba và chết là do

bị ngạt thở rồi chìm vào nước. Như vậy bản quan suy đoán vợ chồng người giết chết Đại Tôn bằng cách siết cổ đưa thông xuống giếng, sau đó xây bếp lửa để lên che giấu; hai chữ *câu* và *dĩ* ghép lại thành chữ *Bao* chính là họ của bản quan đây. Ta giải nghĩa như vậy đã rõ ràng chưa?

Áp ty Tiểu Tôn giật mình xanh mặt nhưng vẫn cố cãi:

- Đó mới chỉ là suy đoán của đại nhân dựa theo mấy chữ vớ vẩn mà thôi, thực sự vẫn chưa có chứng cứ gì xác thực thì tiểu dân quyết không nhận tội.

Bao Chứng cười nhạt, nói “Được lắm” rồi sai quân sĩ giải cả vợ chồng Tiểu Tôn lẫn Vương Hưng tới nhà hấn. Tất cả người chứng kiến xử án đều nửa tin nửa ngờ nên xin đi theo khá đông, Bao Chứng đều chấp nhận hết.

Khi vào trong bếp nhà họ Tôn, đứng ngay chỗ Nghinh Nhi đã thấy hồn của Đại Tôn hiện ra, quân sĩ liền xúm nhau đập bả, lộ ra một phiến đá lớn bằng phẳng. Quân sĩ lại lật phiến đá lên thì lộ ra cái miệng giếng đen ngòm. Bao Chứng lập tức sai mấy tên quân gan dạ theo dây trèo xuống giếng, không bao lâu đưa lên một cái xác vẫn chưa rửa nát, nhìn mặt nhận ra ngay đó là Áp ty Đại Tôn, trên cổ xác chết vẫn còn sợi dây bao quanh. Thấy vậy mọi người đều kinh hoảng, khen thầm quan tri huyện Bao Chứng tuy trẻ tuổi mà tài cao, xét đoán việc như thần.

Hai vợ chồng Tiểu Tôn và Lý thị xanh xám cả mặt mũi, cứng đờ người không nói được câu nào. Theo như chứng cứ thì ai cũng có thể đoán được án mạng xảy ra như thế nào, đó là khi Đại Tôn đòi uống rượu chờ đến đêm để xem lời thầy bói có đúng không thì Tiểu

Tôn bắt Lý thị phải bỏ thuốc mê vào rượu khiến Đại Tôn mới uống mấy chén đã say mềm.

Vì quá lo lắng với lời tiên đoán nên Đại Tôn không hề để ý là lúc đó Tiểu Tôn đã ẩn nấp trong nhà, khi thấy Đại Tôn thãm thuốc mê thì liền cùng Lý thị tròng dây thắt cổ Đại Tôn cho đến chết, sau đó khiêng xác xuống giếng, xây bếp đè lên để phi tang. Khi giết xong Đại Tôn, Tiểu Tôn mặc quần áo quan phục, che mặt rồi la lên cho mọi người biết, chạy ra mé sông. Nơi đó hắn đã đặt sẵn một tảng đá lớn, ném xuống tạo thành tiếng động giống như người nhảy. Vì vậy ai cũng tưởng là Đại Tôn tự mình nhảy xuống sông tự vẫn. Cũng vì lý do này mà mấy ngày sau Lý thị bỏ tiền ra nhờ người chèo thuyền tìm xác chồng mà không sao thấy được.

Đã đủ bằng chứng, Bao Chửng liền thăng đường, làm án văn bắt hai vợ chồng gian dân giết người kia phải điểm chỉ vào rồi kết án tử hình, giải lên tỉnh phê duyệt. Từ đầu chí cuối hai vợ chồng Tiểu Tôn biết thân phận không phản kháng một câu nào, cúi đầu chịu tội, khi bị giải đi bị người dân chửi đổng ra xem mặt và mắng chửi hết lời.

Khi án đã xong, chính ra là do Bao Chửng giải được câu đối chứ không phải Vương Hưng nhưng ông vẫn thưởng cho hắn 10 lạng bạc như đã yết thị. Vương Hưng quá mừng, chia cho Bùi Khổng mục 3 lạng gọi là đền ơn. Vụ án ly kỳ này đã được kết thúc nhờ vào tài suy đoán thần tình của Bao Chửng, từ đó trở đi danh tiếng của ông bắt đầu vang dội, đến mức sau này triều đình phải gọi ông về thăng lên làm Tri phủ Khai Phong, trở thành vị Bao Công mặt sắt đen xì lẫy lừng trong lịch sử hành pháp Trung Hoa.

3

BAO THANH THIÊN

LINH MIÊU HOÁN CHÚA

Trong số những kỳ án mà Bao Công dám đứng ra giải quyết có liên quan rất nhiều đến lai lịch của Hoàng đế Tống Nhân Tông, đó là câu chuyện nổi tiếng “Linh miêu hoán chúa”. Truyền kỳ này được rất nhiều người biết đến vì nó biểu trưng cho sự can đảm không hề khiếp sợ cường quyền của Bao Công, nhất quyết không vì cản ngại của bọn có quyền thế mà từ bỏ công lý.

Đó là năm 1023, khi Thái tử Triệu Trinh lên nối ngôi thì Bao Công đã ngồi ở địa vị Tri phủ được mấy năm, nổi tiếng là thanh liêm. Vì vậy khi đất nước có thiên tai, Tống Nhân Tông liền xuống chiếu đại xá thiên hạ, đồng thời phái Bao Công đi các tỉnh xem xét dân tình, cứu tế nếu quả nơi đó dân chúng đang đói khổ. Một lần kia, Bao Công cùng tùy tùng đi ngang trấn Tang Lâm thì trời đã tối, liền quyết định dừng lại ở miếu Đông Nhạc cho mọi người nghỉ ngơi. Nhân dịp này Bao Công cũng yết thị bố cáo cho dân chúng biết nếu ai gặp hàm oan thì có thể vượt cấp dâng thư lên ông cứu xét.

Qua hôm sau, chợt có một lão nhân ăn mặc rách rưới nghèo hèn đến trước cửa miếu, tay cầm lá thư và xin được gặp mặt Bao Công để tố cáo một việc quan trọng. Thấy bà lão này ốm yếu xơ xác,

quân lính liền nói:

- Người hãy đưa thư tố cáo đây. Lát nữa lão gia thức dậy ta sẽ trình lên cho.

Chẳng ngờ bà lão hừ một tiếng, gằn giọng nói:

- Quan là cha mẹ của dân mà giờ này chưa ngủ dậy hay sao? Người hãy vào báo là có người muốn gặp tận mặt, tố cáo một việc hết sức quan trọng đến quốc sự được không?

Nghe đến hai chữ “quốc sự”, tên lính cũng hơi kinh hoảng, vội dẫn bà lão đợi ở ngoài, mau mau vào thưa với Bao Công. Thật ra lúc ấy Bao Công đã thức dậy từ lâu, nghe tên lính báo lại thì hơi ngạc nhiên nhưng vốn tính rất thân thiện với người dân, ông cũng chẳng nề hà đó là bà lão nghèo đói xác xơ, lập tức thẳng đường rồi mời vào. Bà lão cứ cầm lá thư ở tay, không đưa lên, đôi mắt nhìn chăm chú vào Bao Công, hình như chưa biết chắc vậy. Bao Công liền hỏi:

- Nữ nhân đứng dưới kia là ai, tên tuổi là gì, muốn tố cáo oan ức gì thì mau đưa thư lên đây.

Chẳng hiểu sao bà lão lại mắng chửi:

- Hừ! Cái tên của ta thật khốn khiếp, chẳng đáng nói ra. Nếu ông là Bao Công thật sự thì chỉ cần nghe lời tố cáo trước đã, sau đó hãy hỏi tên tuổi của lão có được không?

Bao Công nghe vậy cũng vui vẻ bằng lòng. Thế nhưng bà lão vẫn chưa dừng thái độ khó hiểu, nhìn chăm chú vào mặt ông rồi hỏi:

- Ông có thật phải là Bao Công? Người mà người ta đồn đại là

Bao Thanh Thiên xử án hết sức công minh, không biết sợ cường quyền đầy không?

Bao Công vẫn không giận, đáp:

- Quả đúng bản quan đây là Bao Chửng. Nhìn mặt đen xì của bản quan, người không nhận ra là Bao Hắc Tử hay sao?

Nghe những lời nói nhẹ nhàng khoan dung, không nạt nộ hạch sách như các quan lại khác, bà lão hình như đã tin tưởng mấy phần, nhưng vẫn tỏ ra ngần ngại hồi lâu mới nói:

- Lão đây tuổi già mắt kém, làm sao nhìn được cho rõ. Nếu ông thật là Bao Công thì phía sau cổ có một cục thịt thừa nho nhỏ. Ta sờ vào là biết ngay chân giả.

Bao Công thoáng ngạc nhiên bởi cục thịt dư này hầu như rất ít người biết tới, tại sao một lão nhân già yếu ở địa phương xa xôi này lại tường tận như vậy? Bao Công liền cho phép bà lão được tới gần, trật cổ áo ra sờ vào phía sau. Bà lão run run lấy tay mò mẫm, sau khi sờ trúng cục thịt thừa thì liền mừng rỡ la lên:

- Quả là Bao Công thật rồi!

Bao Công tưởng đâu bà lão sẽ quỳ mọp xuống như mọi người rồi thưa lên những oan ức đã gặp. Chẳng ngờ bà lão đang tiện đứng gần liền đưa tay tát luôn hai cái vào hai má của Bao Công khiến quân lính và bọn nha lại đều xanh mặt sợ hãi, hồi hộp chờ đợi cơn thịnh nộ của đại quan. Thật ra Bao Công cũng hơi tức giận vì bất ngờ nhưng rất mau trấn tĩnh lại được, trầm giọng hỏi:

- Thật ra người là ai? Tại sao lại dám đánh quan lại của triều đình?

Bà lão không hề sợ sệt, nói nho nhỏ:

- Ta đã nói đây là quốc sự. Việc này chỉ có ta và người được biết mà thôi. Hãy mau cho tả hữu lui ra ngoài rồi ta kể cho nghe.

Thấy bà lão đổi giọng xưng hô, tỏ ra là người trên chứ không còn giữ dáng điệu dân thường nữa, Bao Công bắt đầu nhận ra có lẽ đó là việc rất quan trọng, bằng lòng cho tả hữu lui hết ra ngoài. Khi biết trong miếu không còn ai, bà lão chợt khóc to một hồi, sau đó mới nức nở nói:

- Người đã làm quan từ khi Hoàng đế hiện nay còn là Thái tử thì chắc phải biết ta là ai. Ta chính là Lý Tài nhân, con của Tiết Độ sứ Lý Tông Hoa đây!

Cái tên này nghe rất quen bởi Bao Công đã nhiều lần vào cung nhưng nhất thời không thể xác nhận. Ông còn đang ngổ ngàng suy nghĩ thì Lý Tài nhân hình như đang mơ màng đến việc xưa kia, nói rất nhỏ:

- Năm lên 13 tuổi, ta được phụ thân đưa vào Thái Thanh viện tu hành, lấy pháp danh là Kim Quán đạo cô. Những tưởng cuộc đời mai một thanh xuân ở nơi thâm u ấy, chẳng ngờ một hôm Hoàng đế (tức Tống Chân Tông Triệu Hằng) đến thắp hương. Nhìn thấy ta có chút nhan sắc nên đem lòng thương yêu, lập tức đưa về cung phong làm Tài nhân. Ta cùng Hoàng đế mặn nồng biết bao thắm thiết, vì vậy đã hoài thai ngay từ tháng thứ hai. Lúc đó Lưu Quý phi cũng hoài thai, theo lời ngự y thì có lẽ cả hai sẽ sinh cùng ngày cùng tháng. Ta không hề để ý đến chuyện đó, chẳng ngờ đâu...

Lý Tài nhân chợt thở dài ảo não. Càng nghe càng hồi hộp vì biết sẽ có chuyện tày đình xảy ra, Bao Công cũng không hối thúc, chờ

một lúc thì Lý Tài nhân nén cơn xúc động, nói tiếp:

- ... Ta không ngờ rằng Lưu Quý phi sinh hạ không vuông tròn, công chúa vừa mới ra đời thì đã tắt thở. Lúc đó ta hết sức vui mừng vì đã hạ sinh một hoàng tử nên không đề phòng chút nào, ngu dại để bọn thái giám toa rập với Lưu Quý phi bắt con trai của ta đi mất, thế vào đó là xác một con mèo nhỏ. Việc ám muội này không qua mắt được tên thái giám Trương Viện Tử, vì vậy ta toan tính đi tố cáo thì Lưu Quý phi biết trước, lén sai người giết chết Trương Viện Tử.

Nói tới đây Lưu Tài nhân khóc ngất một hồi, mãi sau mới nói tiếp được:

- Không hiểu vì sao khi nhìn mặt con thì đó không phải là hoàng tử hay công chúa mà là xác một con mèo mới chết, còn ướm đầm máu me. Ta vì sinh ra một con mèo nên bị bọn tay chân của Lưu Quý phi tung tin là hồ ly, rốt cuộc không làm sao minh oan nổi, phải chịu bị giam vĩnh viễn nơi lãnh cung. Cũng may khi con ta lên ngôi Hoàng đế đã xuống chiếu đại xá thiên hạ, ta nhân dịp này mới ra khỏi lãnh cung, lưu lạc đến đây làm nghề ăn xin qua ngày. Bao nhiêu uất ức bấy lâu nay dồn nén trong lòng nhưng ta tuyệt đối không dám hở môi cho ai, biết rằng chỉ có người, người không sợ trời không kiêng đất mới có thể giải nổi oan tình này cho ta mà thôi.

Việc này vô cùng trọng đại nên Bao Công cũng thoáng sợ hãi, hỏi lại:

- Việc có thật hay không? Ai có thể làm chứng được? Nếu sơ suất thì ta và bà có thể bị tru di ba họ đấy.

Bà lão tự nhận là Lý Tài nhân gật đầu nói:

- Tuy Trương Viên Tử đã chết, hoàn toàn không có nhân chứng nhưng tất cả mưu mô đều do tên thái giám Quách Hòe cầm đầu. Chỉ cần làm sao bắt hấn phải khai ra là mọi việc sáng tỏ ngay.

Bao Công nghe vậy ngần ngừ nói:

- Nếu thật sự do tay của Quách Hòe thì chắc chắn hấn sẽ không bao giờ khai thật. Việc điều tra này sẽ rất khó khăn. Tuy nhiên nếu như bà quả là Lý Tài nhân thì phải biết rõ Hoàng đế khi mới sinh ra có đặc điểm như thế nào thì bản quan mới dám tin tưởng.

Lý Tài nhân ung dung đáp ngay:

- Khi mới sinh ra, hai tay Thái tử nắm chặt, cung nữ phải khéo léo nắn nhẹ rồi mở ra, thấy tay trái có hai chữ “Sơn hà”, tay phải có hai chữ “Xã tắc”. Như thế đã rõ chưa?

Bao Công nghe xong biết chắc đây là Lý Tài nhân, lại là mẫu thân của Hoàng đế hiện tại thì thất sắc, vội đỡ bà lão ngồi lên ghế, rồi quì xuống thưa:

- Xin Nương nương tha tội cho Bao Công này không biết nhìn người.

Lý Tài nhân đang lúc hy vọng, tràn trề vui sướng, không chấp nhất chút nào, đỡ Bao Công dậy rồi muốn hỏi ngay kế sách để điều tra sự việc. Ông không vội vã, sai người đưa Lý Tài nhân đi tắm rửa, thay quần áo mới rồi mở tiệc chúc mừng trước khi bí mật đưa về Đông Kinh. Bao Công suy nghĩ rất nhiều về việc làm sao để có thể sáng tỏ mọi điều, chỉ cần một chút sơ sẩy hay phạm thượng đến tôn nhan là mất đầu như chơi. Do vậy ông trần trọc suốt đêm

mới nghĩ ra một phương cách. Hôm sau Bao Công vào châu liên tâu với Hoàng đế Tống Nhân Tông:

- Thần theo lệnh hoàng thượng đi công cán nhiều nơi, nhờ ân đức của hoàng thượng nên mọi việc đều trôi chảy hoàn tất, nhân dân hết lời ca tụng. Thế nhưng lúc về đến trấn Tang Lâm thì gặp một việc rất lạ. Đó là giữa đường có một đạo nhân dáng vẻ nghèo đói gầy gò, mặc hoàng bào rách nát, theo lời người dân kể lại thì đã khóc đến 3 ngày 3 đêm, cứ lẩm bẩm trong miệng là “Sơn hà Xã tắc nghiêng đổ mất rồi”. Hạ thần thấy việc này nghiêm trọng nên dừng xe hỏi tại sao thì đạo nhân ấy trả lời: “Sơn hà xã tắc hiện nay không phải là chân Thiên tử thì tất phải nghiêng đổ mà thôi”. Trả lời xong đạo nhân ấy bỏ đi ngay, tìm mãi không gặp được nữa, vì vậy chẳng biết chuyện này đúng hay sai. Trong lòng thần hết sức phân vân nên mới bạo gan kể lại chuyện này cho bệ hạ nghe.

Tống Nhân Tông nghe vậy cười nói:

- Bọn đạo sĩ thường hay lảm chuyện, thích nói hoang đường để lừa bịp người nhẹ dạ đó thôi. Khanh cứ yên tâm, trẫm sinh ra đã có hai chữ “Sơn hà” và “Xã tắc” trong lòng hai bàn tay thì là chân Thiên tử, nào phải giả Thiên tử mà hiền khanh phải lo lắng?

Bao Công liền xin được Tống Nhân Tông ban ân sủng cho xem hai lòng bàn tay. Khi đọc rõ hai chữ “Sơn hà” và “Xã tắc” rồi, ông giả vờ ngần ngại, tâu:

- Quả hoàng thượng là chân Thiên tử. Rất tiếc rằng chữ “vương” có bộ “thảo” ở đầu mà thôi.

Bao Công cố ý đặt điều là có bộ “thảo” ở đầu để ám chỉ mẫu thân của Hoàng đế đang phải chịu cảnh bần hàn như kẻ thảo dân.

Toàn bộ quần thần nghe Bao Công tâu vậy thì đều giật mình kinh sợ bởi tội phạm thượng khi quân khó tha thứ được. Quả nhiên Tống Nhân Tông nổi cơn lôi đình, đập tay xuống ngai vàng, quát lớn:

- Thái tổ Hoàng đế xuất thân nơi quyền quý, lấy nhân nghĩa làm gốc mới giành được thiên hạ, truyền ngôi từ đó đến nay ai ai cũng ca tụng. Trẫm là dòng dõi của Thái tổ, tại sao người lại dè bủ là Vương có bộ “thảo” ở đâu?

Thái tổ Hoàng đế triều Tống mà Tống Nhân Tông vừa nhắc tới là Triệu Khuôn Dã, một người kiêu hùng vũ dũng, khôn ngoan tài lược, đã dựng lên vở kinh “Trần Kiêu binh biến” lật đổ ngai vàng của nhà Hậu Chu, kiến lập triều Tống khá thịnh trị, kéo dài nhiều năm, được người dân Trung Hoa khen ngợi. Nhân Tông nhắc tới Thái tổ tức là đã hết sức tức giận. Vì vậy ai cũng tưởng Bao Công sẽ quỳ mọp xuống xin tha tội chết, ngờ đâu ông vẫn bình tĩnh như thường, lại còn nói nhỏ nhỏ:

- Bệ hạ cho mình là chân Thiên tử, thế sao không biết mẫu thân của mình là ai?

Nghe câu nói lạ lùng này, Tống Nhân Tông giảm bớt giận dữ, đáp luôn:

- Hoàng mẫu của ta là Lưu Thái hậu, hiện đang ở cung Triệu Dương, ai cũng biết rõ, sao người lại dám nói là trẫm không biết? Từ trước tới nay trẫm rất kính trọng khanh là người công minh chính trực, không hiểu tại sao lại hồ đồ phạm thượng đến vậy, nếu không giải bày được thì e rằng trẫm khó dung thứ nổi.

Bao Công liền cúi người, nói lớn:

- Hạ thần e rằng không phải như vậy. Hạ thần nghe rằng hoàng mẫu của bộ hạ hiện nay đang phải ăn xin từng miếng cơm ở trấn Tang Lâm mà bộ hạ ngồi trên ngai vàng không biết gì hết thì giang sơn xã tắc có thể nghiêng đổ chẳng sai. Trong số bá quan văn võ có người biết đó là sự thật, bộ hạ chưa tin thì cứ tra hỏi sẽ rõ ngay. Nếu hạ thần sai lời thì xin đưa đầu chịu tội, không oán thán nửa lời.

Thái độ ung dung của Bao Công làm cho Tống Nhân Tông cũng phải bất ngờ, do vậy lửa giận vơi đi gần hết. Hoàng đế lại vốn biết Bao Công nghiêm chính, không bao giờ nói bừa bãi, chắc hẳn đây phải là việc rất hệ trọng nên nén giận hỏi:

- Như vậy là thế nào? Ai trong triều biết rõ hoàng mẫu của trăm hơn cả trăm?

Bao Công đáp thẳng luôn:

- Đó là Quách Hòe, thái giám thân cận của Lưu Thái hậu.

Một đại thần là Vương Thừa tướng cũng không thể bỏ qua việc hệ trọng như vậy, lập tức tiến ra tâu:

- Theo hạ thần thì Bao Hắc Tử có ý định phanh phui chuyện gì rất hệ trọng, liên quan cả đến bộ hạ. Nếu có thực thì chắc chắn Quách Hòe là người thân tín trong tam cung lục viện, am hiểu rõ nhất những ẩn tình, xin bộ hạ cứ gọi hắn đến hỏi thử xem phản ứng ra sao rồi hãy kết tội Bao Hắc Tử chưa muộn.

Tống Nhân Tông nghe vậy liền xuống lệnh triệu Quách Hòe đến, nôn nóng hỏi luôn:

- Ai là hoàng mẫu thật sự của trăm? Trước mặt bá quan văn võ

người cứ nói thật ra đi.

Quách Hòe không hề lộ chút bối rối nào, mau mắn tâu ngay:

- Lưu Thái hậu chính là mẫu thân của bệ hạ! Việc này rõ ràng cả thiên hạ cũng biết. Hạ thần hết sức thắc mắc tại sao bệ hạ lại hỏi như thế. Chắc hẳn đã có kẻ nào gièm pha định lăng nhục quốc thể đây.

Tổng Nhân Tông nghe xong lửa giận lại bùng lên, đã toan hạ lệnh đem Bao Công ra pháp trường xử trảm về tội khi quân phạm thượng. Thế nhưng thấy ông vẫn ung dung, chẳng hề tỏ ý lo lắng gì, Vương Thừa tướng liền tâu:

- Bất cứ vụ án nào cũng đều xảy ra đôi bên nói trái ngược nhau. Hiện Bao Hắc Tử nói khác mà Quách Hòe xác nhận khác thì cần phải điều tra thêm cho rõ ràng. Theo ý hạ thần thì bệ hạ cứ theo trình tự, đưa Quách Hòe sang Tây Đài Ngự sử thẩm vấn rồi sau đó trình lên bệ hạ sau cũng chưa muộn.

Tổng Nhân Tông vốn là người anh minh, nghe vậy liền chuẩn tấu, sai Ngự sử Đại phu là Vương Tài phụ trách việc thẩm tra Quách Hòe, còn Bao Công thì được về phủ, bởi Quách Hòe là người bị tố cáo. Nghe tin này, Lưu Thái hậu lập tức sai tên thái giám thân tín nhất, đem rất nhiều vàng bạc đến mua chuộc Vương Tài. Rốt cuộc Vương Tài tối mắt, chỉ lấy lời khai qua loa rồi thả Quách Hòe ra, cùng với tên thái giám của Lưu Thái hậu bày tiệc linh đình ăn uống. Ngay khi ba tên gian thần ấy đang ngồi uống rượu phê phỡn nơi phủ Ngự sử, cười nói huênh hoang thì chợt có một tráng hán mặt mũi đen đũi nhưng quần áo theo lối nhà quan khá sang trọng, xông vào nói lớn:

- Ta là Tiết Độ sứ nơi biên cương, rất ít khi có dịp về triều báo công. Hôm nay thấy nơi đây có tiệc tùng linh đình nên mạo phạm vào xin chút rượu thịt được không?

Vương Tài rất tức bực, nhìn kỹ người này có nét quen quen nhưng lúc đó đã uống khá nhiều nên không sao nhớ nổi. Hắn đang lúc hứng chí không muốn bị người khác quấy nhiễu nên cau mặt nói với tả hữu:

- Cho hắn mấy bát rượu, uống xong cho thêm mấy quan tiền rồi đuổi đi khuất mắt ta mau. Tiết Độ sứ hay không cũng mặc kệ, ta không thêm giao du với bọn này làm gì cho thêm phiền phức.

Thế nhưng tráng hán kia uống xong ba bát rượu thì đã tỏ vẻ khá say, nằm lăn ra trước thêm kêu rầm lên:

- Đại quan nhận đút lót của người không tra cứu là chuyện nhỏ, Thiên tử không biết đến mẫu thân của mình mới là chuyện lớn lao. Trời ôi! Có ai giải oan khuất này cho ta không?

Vương Ngự sử nghe vậy thoáng kinh sợ, mắng mấy câu rồi lập tức sai quân sĩ đưa tráng hán ra hậu viên treo lên chờ giải quyết sau. Bọn quân sĩ tuân lời, còn đang giằng co thì chợt có quân vào báo tin là Bao Công đang tới, xin gặp mặt Ngự sử bàn chuyện cơ mật.

Vương Tài nghe vậy cả sợ bởi chưa làm xong văn án đã cùng với phạm nhân uống rượu, vội vã đưa Quách Hòe tạm trở lại ngục thất. Thế nhưng khi Vương Tài ra cửa đón thì chỉ thấy bọn tả hữu của Bao Công đang đứng chờ mà thôi. Vương Tài kinh ngạc hỏi:

- Các người nói là Bao Hắc Tử đến đây sao chẳng thấy?

Bọn này ngơ ngác đáp:

- Chúng tôi nghe lệnh là Bao tướng công đang bàn việc cơ mật ở phủ Ngự sử, nay đến đón về mà thôi.

Vương Ngự sử cố nói là không hề thấy Bao Công đến nhưng bọn tả hữu nhất định không chịu, xông luôn vào trong nhà tìm kiếm. Khi ấy tráng hán bị treo trong vườn liên kêu ầm lên, bọn tả hữu chạy đến, nhận ra đó chính là Bao Công thì kinh hoảng nói:

- Chết rồi! Sao Ngự sử lại treo Bao tướng công của chúng tôi lên cây thế này.

Kêu xong, bọn tả hữu lập tức trèo lên tháo dây thả Bao Công xuống. Hóa ra Bao Công hóa trang rất tài tình, đến như Vương Tài cũng không nhận ra. Theo quan hàm thì Bao Công còn cao hơn Vương Tài nên hấn sợ đến xanh mặt, quì xuống vái lạy xin tạ tội. Bao Công không thèm để ý đến hấn, sai tả hữu lục soát toàn nha phủ, rốt cuộc tìm được số vàng ngọc trên châu rất lớn mà Lưu Thái hậu đã sai đem tới hối lộ.

Bao Công liền mắng Vương Tài:

- Cầu quan kia! Người đã làm tới chức Ngự sử, phụ trách việc thẩm vấn làm án, thế mà tham lam đi nhận đút lót, toan tính việc làm sai lệch vụ việc thì đã phạm vào tội nặng. Ta sẽ tâu với hoàng thượng chém đầu người làm gương cho các đại quan khác mới được.

Nhân lúc hỗn loạn ấy, tên thái giám thân tín của Lưu Thái hậu đã mau lẹ chuồn ra cửa sau trốn về cung. Tuy Bao Công không bắt được y nhưng số vàng ngọc đã đủ để làm tang chứng, liền tâu trình lên Tống Nhân Tông. Hoàng đế lập tức cho gọi tên thái giám này đến đích thân hạch hỏi:

- Tên nô tài khốn kiếp kia! Người theo lệnh ai mang số vàng ngọc lớn lao như vậy đến phủ Ngự sử? Hối lộ để toan tính việc gì thì mau khai ra ngay.

Trước mắt Hoàng đế và Bao Công, tên thái giám sợ đến mất vía, không dám giấu diếm, khai rõ đó là lệnh của Lưu Thái hậu, nhờ Vương Ngự sử làm văn án xác nhận Quách Hòe khai đúng sự thật. Tổng Nhân Tông nghe xong buông khuông hồi lâu rồi mới thở dài nói:

- Thái hậu nếu thật là hoàng mẫu của ta, tại sao lại phải dùng số vàng ngọc lớn lao như thế đi hối lộ? Chắc chắn trong chuyện này có nhiều bí ẩn và lời tâu của Bao khanh có lý do của nó vậy. Bây giờ trẫm giao Quách Hòe cho khanh thẩm vấn, mau mau tìm ra sự thật cho trẫm.

Bao Công cúi đầu bái tạ, tuân lệnh trở về phủ Ngự sử đưa Quách Hòe đến công đường của phủ Khai Phong mở cuộc thẩm vấn. Thế nhưng Quách Hòe quả là tên to gan lớn mật, dù Bao Công dùng đủ mọi khảo hình vẫn nhất định không khai nhận có chuyện mờ ám. Bất đắc dĩ Bao Công phải giam hãm vào đại lao, tìm mưu kế để hấn tự cung khai.

Sau khi mưu tính xong, Bao Công gọi hai tên tả hữu là Đồng Siêu và Bách Bá dặn dò:

- Các người phải làm như thế này... cho ta.

Đồng Siêu và Bách Bá vốn rất ít khi xuất đầu lộ diện như Triển Chiêu và Tứ Hổ nên Quách Hòe cũng không biết mặt, chỉ tưởng là hai tên quân coi ngục bình thường. Đồng Siêu và Bách Bá đem rượu thịt đến, lén lút nói với Quách Hòe:

- Chúng tôi là tay chân của Thái hậu, được lệnh vào đây bàn với công công vài lời.

Nghe vậy Quách Hòe hơi yên tâm, nhân lúc đang đói khát liền cùng ngồi với Đồng Siêu và Bách Bá ăn uống. Đồng Siêu liền ghé tai Quách Hòe nói nhỏ:

- Nương nương đã biết việc này rồi, đang tìm cách cứu người ra đó. Vì vậy dù đau khổ đến mấy cũng nhất định đừng khai nhận gì hết. Sau khi thoát nạn Nương nương sẽ trọng thưởng. Nương nương phải sai bọn ta tới đây bí mật cho người biết.

Quách Hòe chẳng ngờ đó là mưu của Bao Công, mừng rỡ đáp:

- Hai người thật là cứu tinh của ta. Hai người cố gắng nhẫn nại làm việc dưới quyền của tên Bao mặt sắt kia ít lâu, lúc nào xong việc ta sẽ tâu với Nương nương đưa vào cung, tha hồ ăn sung mặc sướng.

Quách Hòe vừa dứt lời thì đột ngột Đồng Siêu và Bách Bá đứng phắt dậy, chỉ tay vào mặt hấn mắng chửi:

- Chúng ta đã nghe người nói rõ ràng rồi. Chúng ta chính là người của Bao Tướng công sai đến đây, hãy mau khai sự thật ra đi kéo tan da nát thịt, hối cũng không kịp đấy.

Quách Hòe giật bắn cả người, suy nghĩ một chút thì biết ngay mình đã trúng kế của Bao Công. Bây giờ đã lỡ lời, có hai nhân chứng xác nhận thì không khai cũng không xong, chỉ thêm tan da nát thịt vô ích mà thôi. Vì vậy sau cùng Quách Hòe chấp nhận khai toàn bộ sự thật. Đồng Siêu và Bách Bá không bỏ lỡ cơ hội, lập tức viết lời khai rồi bắt Quách Hòe điểm chỉ vào.

Ngày hôm sau, Bao Công nhận được tờ khai của Quách Hòe thì rất mừng, mau lẹ đem vào cung cho Tống Nhân Tông xem xét. Thế nhưng khi Hoàng đế sai người điệu Quách Hòe vào để tự mình minh xác những lời khai thì hấn lập tức phản cung, kêu khóc:

- Tâu bệ hạ, đó là vì Bao Hắc Tử đã khảo dữ quá, thần chịu đau đớn không nổi nên mới khai bừa theo lời của ông ta. Thần biết rằng hoàng thượng anh minh, thể nào cũng thẩm tra lại lần nữa nên mới chịu nhục mà khai sai sự thật, bây giờ trước mặt hoàng thượng, thần đoan chắc Lưu Thái hậu chính là mẫu thân của hoàng thượng không sai.

Tống Nhân Tông vô cùng lúng túng, hết nhìn Quách Hòe lại quay qua nhìn Bao Công. Ai cũng tưởng lần này Bao Công sẽ thất thế, không ngờ rằng ông đã minh trí đoán trước thể nào Quách Hòe cũng lật lọng trước mặt Hoàng đế. Vì vậy Bao Công thản nhiên nói:

- Bệ hạ cứ giao hấn cho hạ thần. Hạ thần sẽ treo hấn lên cây trong vườn công phủ, trước sau gì mọi việc cũng sáng tỏ mà thôi.

Tuy không tin tưởng lắm nhưng Tống Nhân Tông không còn cách nào khác, đành phải chuẩn tấu. Bao Công liền sai Đổng Siêu và Bách Bá đưa Quách Hòe về phủ trước, ông ở lại nói nhỏ với Tống Nhân Tông...

Không biết vì quá bận rộn hay là vì Bao Công muốn nhờ đến tối uy hiếp tinh thần của Quách Hòe mà mãi đến canh ba đêm ấy mới bày án thư ra ngay chỗ Quách Hòe bị treo để thẩm vấn. Trước tiên Bao Công cho bày hoa quả làm lễ trời đất, thế nhưng vừa mới cúi đầu lạy mấy cái thì tự nhiên cuồng phong ồ ạt nổi lên dữ dội, cát bay đá chạy hết sức kinh khủng, không còn thấy trăng sao đâu cả.

Quách Hòe tối tăm cả mắt mũi, chợt có cảm giác như bị hai người nào đó kè hai bên bắt giải đi. Trận cuồng phong này kéo dài khá lâu, đến khi chấm dứt thì Quách Hòe mới mở mắt ra được.

Không thấy thì thôi, khi thấy mình đang quỳ giữa sân thì Quách Hòe thất kinh hồn vía. Hắn lén nhìn ra hai bên, có tới mấy chục quý sứ đầu trâu mặt ngựa cầm vũ khí sáng lòà, phía trên là Diêm vương oai vệ với đôi mắt trợn trừng, mặt mày hung dữ giống hệt những bức tranh mô tả địa ngục mà hắn từng đã thấy, hai bên có các phán quan mặt mày hung dữ ngồi nhìn chăm chăm vào tội nhân dưới sân như muốn ăn tươi nuốt sống thì hắn lại càng chết ngất cả người. Chợt Diêm vương quát lớn:

- Các người kiểm điểm xem đã có mặt đầy đủ chưa, để bản Diêm La bắt đầu tiến hành việc tra khảo tên Quách Hòe vô nhân này.

Một phán quan mặt mũi đen xì, mặt mũi còn hung hãn hơn cả Diêm vương, chợt bước ra tâu:

- Tên Quách Hòe này vẫn còn số mệnh sống thêm mấy năm nữa, xin Đại vương đừng làm trái với mệnh trời. Đại vương có tra khảo thì cũng xin nhẹ tay một chút kẻo hắn chết tại đây thì thật khó nói với thiên đình.

Quách Hòe nghe vậy rất mừng, biết rằng chưa thể chết ngay được nên nén sợ hãi, run run thưa:

- Tất cả việc này đều do Lưu Thái hậu sai xử, tội thần chỉ thi hành mà thôi. Nếu như Đại vương giúp hóa giải được nạn này thì sau khi về trần, tội thần sẽ tâu với Nương nương lập trai đàn cúng tế, làm công quả thật lớn đền ơn. Như thế có được không?

Diêm vương cười nhạt, nói:

- Người đã xuống địa ngục mà vẫn còn trả giá được thì thật to gan. Thế nhưng số mệnh của người chưa tuyệt thì ta cũng nương nhẹ cho. Hãy khai ra mọi việc rồi ta sẽ tha cho về dương thế.

Quách Hòe không ngờ tới Diêm vương cũng thích ăn hối lộ nên mừng rỡ khai toàn bộ sự việc, không giấu diếm chút nào. Diêm vương sai phán quan ghi chép thật cẩn thận, bắt Quách Hòe điểm chỉ vào xác nhận. Mọi việc tưởng đâu xong xuôi êm thấm, Quách Hòe đang hớn hở chờ lệnh tha về thì chợt vị Diêm vương đứng bật dậy, lột cái mặt nạ hung dữ ra, chỉ mặt Quách Hòe mà mắng:

- Tên cầu nô tài kia! Người nhìn xem ta có phải là Diêm vương hay không? Trẫm là Thiên tử Đại Tổng mà người không nhận ra hay sao? Còn phán quan mặt mũi đen xì kia chính là Bao khanh chứ chẳng phải là ai khác. Người đã điểm chỉ vào tờ khai, bây giờ còn chối cãi được nữa không?

Nghe vậy Quách Hòe chẳng còn hồn vía nào nữa, cứ phục xuống lạy như tể sao, tự biết rằng có nói gì đi nữa cũng bằng thừa.

Nhân Tông cũng không thêm hỏi gì thêm, cởi bỏ áo mũ Diêm vương, truyền lệnh hồi giá về cung, đồng thời hạ chỉ sai Bao Công mau mau đưa Lý Nương nương đến gặp mặt cho thỏa tình mẹ con xa cách bấy lâu nay. Khi trời sáng, mọi việc đã thu xếp xong, Tống Nhân Tông thiết triều trọng thể, lấy kiệu vàng đón Lý Tài nhân từ phủ Khai Phong vào cung trùng phùng. Hoàng đế sai quần thần văn võ đứng hai bên kính cẩn chào đón hết sức long trọng. Nhìn thấy mẫu thân sắc mặt tiêu tụy, hai mắt lơ đãng không nhìn thấy đường, Tống Nhân Tông vô cùng cảm xúc, rơi nước mắt khiến quần

thần cũng phải khóc theo.

Càng đau đớn bao nhiêu, hoàng đế càng cảm hận Lưu Thái hậu bấy nhiêu, đã hạ chiếu cách chức của bà ta mà còn muốn trừng trị thật nặng mới cam tâm. Bao Công liền tâu:

- Dù phạm tội gì đi nữa, bậc Thiên tử cũng như bậc mẫu nghi thiên hạ đều được ban ân chết toàn thân, vì vậy trừng trị đánh đập là sai với vương pháp từ trước tới nay. Theo hạ thần thì bệ hạ chỉ nên ban cho Lưu thị một dải lụa là xong. Riêng Quách Hòe là kẻ bày mưu đặt kế xúi giục làm bậy, khiến cho mẫu tử xa lìa thì tội ác cao như núi, phải ném vào vạc dầu giữa chợ làm gương cho mọi người mới xứng đáng.

Tổng Nhân Tông tuy vẫn còn tức hận nhưng biết những lời can gián của Bao Công chính đáng, lập tức chuẩn tấu. Thế là vụ án bí mật này đã được Bao Công sử dụng liên tiếp mấy kỳ mưu vạch rõ, quả xứng đáng với danh hiệu “Đệ nhất phán quan”. Từ đó trở đi Tổng Nhân Tông càng tin tưởng Bao Công, thăng cho ông thêm chức hàm để đủ quyền lực đối phó với những vụ án xảy ra trong cung đình.

Cũng vì việc giả làm Diêm Vương này mà nhân gian đồn đại là Bao Công “ngày xử án dương thế, đêm xử án Diêm La”. Thật sự những lời đồn đại ấy nhuộm màu sắc mê tín dị đoan, mang ý nghĩa đề cao tài xử án của Bao Công hơn là sự thật.

4

TỔNG TỪ

ĐẶT NỀN TẢNG PHÁP Y HỌC

Đề cập đến các phán quan có trí tuệ sáng suốt, biết nhận định đúng sai thì trong thời kỳ Nam Tống, tức là sau thời kỳ Bao Công nổi danh trong thời kỳ Bắc Tống, phải nói đến một nhân vật còn cao siêu hơn nữa, đó là Tống Từ. Ông cũng giống như Bao Công, suốt đời giữ chức vụ chuyên về các vụ án, tập trung trí tuệ giải đáp được khá nhiều vụ án tưởng chừng như không có đầu mối nhưng hơn Bao Công ở chỗ đã đưa ra ý tưởng mới là dùng “Pháp y học” để bổ sung cho các lời khai còn nhiều chỗ chưa sáng tỏ. Tống Từ sinh năm 1186, mất năm 1249, tức là sống và làm quan từ các đời Tống Quang Tông, Ninh Tông và Lý Tông. Ông tên tự là Huệ Phụ, quê ở Kiến Dương tỉnh Phúc Kiến. Khi ấy triều đình Nam Tống đã chạy về Đại Danh phủ, sau đổi thành Ứng Thiên phủ và lập kinh đô ở đó, gọi là Nam Kinh.

Tống Từ sinh ra trong một gia đình quyền quý, phụ thân làm quan lớn nên cuộc sống rất đầy đủ, được rèn tập kinh sách ngay từ khi còn nhỏ. Thế nhưng ông đã bộc lộ bản tính thông minh hiếu học, đặc biệt rất thích theo dõi các vụ án lớn. Khi lớn lên, Tống Từ thường hay bàn luận với bằng hữu về những cách thức điều tra vụ án sao cho hoàn hảo, đừng để người hiền lương bị mắc hàm oan.

Tống Từ cũng có một thời gian theo học danh sĩ Ngô Trĩ, là đệ tử đắc ý của nhà học giả nổi tiếng Chu Hi đời Nam Tống. Vì vậy Tống Từ có rất nhiều cơ hội giao tiếp với các bậc học giả khác, kiến thức trở nên uyên bác hơn người.

Vào năm 20 tuổi, Tống Từ nhờ là con cháu quan lại nên được vào trường Thái học, nơi đây có đủ điều kiện và sách vở nên Tống Từ chuyên tâm vào việc học tập, không bao lâu sau đã nổi tiếng là người có kiến thức rộng rãi, không những vậy Tống Từ còn được rất nhiều người yêu thích nhờ vào tài văn chương ưu mỹ.

Riêng văn chương của Tống Từ không những ý tứ rõ ràng, bút pháp khoáng đạt mà còn biểu lộ một phong cách hào phóng khác người. Học giả Lưu Khắc Trang đã từng so sánh ông với nhà viết từ thuộc phái hào phóng là Tân Khí Tật. Với sự chuyên tâm học tập như thế, vào năm Gia Định thứ mười đời Nam Tống (năm 1217 đời Tống Ninh Tông Triệu Khuếch), Tống Từ dễ dàng thi đậu Tiến sĩ, được điều đi giữ chức Tri huyện Trường Định, bắt đầu bước vào quan trường.

Triều đại Nam Tống sắp bị diệt vong nên chính trị rất hắc ám, quan lại triều đình hủ bại, mặt trong thì tham quan hoành hành những nhiều dân chúng, mặt ngoài thì quân Kim và quân Nguyên luôn luôn tìm cách xâm lược, vì vậy thế nước hết sức suy nhược. Tống Từ không thuộc vào hàng các quan hủ bại đó, ông làm việc rất thanh liêm công đạo, tiếng tốt lan truyền khiến triều đình cũng phải biết tới và cất nhắc trọng dụng. Tống Từ đã từng giữ qua các chức Thông pháp Nam Kiếm châu, Đề Điểm hình ngục, Quảng Đông Kinh Lược An phủ sứ.

Trong cuộc đời làm quan, lâu nhất là lúc Tống Từ giữ chức quan ở Ty pháp hình ngục. Chính trong thời gian này ông đã viết bài “Minh” (là một thể văn khuyên răn) tên là “*Tuyệt oan cấm bạo*” (Rửa nỗi oan ức, ngăn trừ việc bạo ngược) dán ở chỗ ngồi, lấy đó làm gương để xử lý án ngục cho cẩn thận, không dám sơ suất và cố tránh sai lầm để đừng bao giờ xảy ra việc người tốt bị xử oan. Muốn được như thế, bất cứ vụ án nào Tống Từ cũng xem xét án văn kỹ lưỡng, tìm mọi phương cách để phân biệt được đúng sai.

Một trước tác của Tống Từ đã đem lại luồng sinh khí mới cho phương pháp kiểm chứng các vụ án, đó là cuốn “*Tẩy oan tập lục*”. Đây là cuốn sách viết về “Pháp y học” ra đời sớm nhất trên thế giới. Nó được ấn hành vào năm Thuần Hựu thứ bảy đời Nam Tống (năm 1247) tức là trước cuốn sách đầu tiên về Pháp y học của Tây phương hơn bốn trăm năm mươi năm. Riêng ở Trung Hoa, từ sau triều Nam Tống, các quan hình án triều đại Nguyên, Minh, Thanh đều dùng cuốn “*Tẩy oan tập lục*” làm y cứ pháp điển trong việc xử lý những vụ án gây ra tử thương. Vì vậy hầu hết các vụ oan án được ghi chép lại đều tập trung nhiều ở các thời đại Minh và Thanh, do vì các quan lại hai triều đại này đã học tập được khá nhiều kiến thức từ cuốn “*Tẩy oan tập lục*” của Tống Từ. Như vậy có thể gọi ông là tôn sư của ngành “Pháp y học” Trung Hoa và các phán quan đời sau đều xưng tụng ông như vị phán quan bậc thầy. Cuốn “*Tẩy oan tập lục*” không những có uy tín ở Trung Hoa mãi cho đến thời cận đại mà còn được dịch ra nhiều thứ tiếng và được các pháp quan các nước tham khảo.

Trong cuộc đời phụ trách về hình án của Tống Từ, ông trải qua

khá nhiều vụ án ly kỳ thú vị, có những vụ tưởng như rất nhỏ như tranh chấp gia tài, ẩu đả vì một số tiền nhỏ hay tranh giành đứa con thừa tự v.v... cho đến những vụ án lớn giết người phi tang, ông đều chú tâm tìm chứng cứ và giải quyết thỏa đáng, không để bất cứ oan sai nào xảy ra.

Một lần khi còn là Tri huyện Trường Định, một người đàn bà họ Cao đến trình báo chồng mình bị giết chết, vất xác ra ngoài đồng. Tống Từ lập tức tới hiện trường khám nghiệm tử thi, ông khám phá ra rằng người đó bị chết bởi một vật rất sắc và hình dạng không thẳng bởi vết thương sâu ở hai bên mà hơi nông ở chính giữa. Nếu như một hung khí thẳng lưỡi dao hay lưỡi kiếm thì vết thương phải nông sâu bằng nhau. Tống Từ lại thấy trong người nạn nhân không hề mất một đồng xu nào thì nhận định đây không phải là ăn cướp giết người, nguyên nhân chắc chắn do thù oán. Tống Tri huyện liền gọi người đàn bà đưa đơn đến công đường thẩm vấn, hỏi:

– Chồng của người có xích mích hay thù oán gì với ai không?

Người đàn bà khóc đáp:

– Bẩm đại nhân, gia đình tiểu dân suốt đời cày sâu cuốc bẫm, ông ấy tính tình lại hiền lành nhỏ nhẹ nên không hề có ai tức ghét hay thù hận, chẳng biết tại sao lại bị chết oan ức như thế.

Tống Từ liền nói:

– Bản quan đã điều tra kỹ rồi, quả nhiên nạn nhân họ Cao các người rất chí thú làm ăn, biết an phận thủ thường, không tham lam dù rằng tiền bạc tích cóp không bao nhiêu, vì vậy chẳng thể có người thù hận đến mức giết người trả thù được. Thế nhưng, người

cứ suy nghĩ lại đi, chỉ cần một cử chỉ nhỏ, một hành động khác lạ thì đã đủ cho bản quan tìm ra đầu mối ai là thủ phạm rồi.

Cao thị nghe vậy gạt nước mắt ngẫm nghĩ một lúc, chợt nhớ ra nên vội thưa ngay:

– Mấy ngày trước đây có người hàng xóm đến xin vay tiền. Lúc đó tiểu dân ở dưới bếp pha trà nên không biết mặt mũi, tên họ của người đó ra sao. Sau khi người này ra về rồi, chồng tiểu dân mới kể lại, tức giận cho biết vốn không thân quen mà người đó đòi mượn số tiền khá lớn nên ông nhà thẳng thừng từ chối. Đó là việc rất thường tình, thế nhưng người này ra về có vẻ rất hậm hực, trừng mắt nhìn chồng tiểu dân mấy lần rồi mới chịu ra khỏi cổng. Đây có thể là nghi phạm được không?

Tống Từ nghe vậy tươi tỉnh đáp:

– Được lắm chứ...

Rồi cho người đàn bà về. Ngày hôm sau Tống Từ truyền lệnh cho toàn bộ người trong phạm vi thôn ấy đem lưỡi liềm ra đồng gặt lúa giùm đại quan. Ai nấy đều ngạc nhiên bởi lúc đó là mùa hạ làm gì có lúa chín mà gặt hái nhưng lệnh quan đã truyền xuống không thể không tuân theo. Khi đến ruộng, tất cả còn ngạc nhiên hơn bởi không thấy đại quan Tri huyện đâu mà có một toán sai nha cầm vũ khí đứng chờ, lừa tất cả đến huyện đường.

Lấy lý do là không được mang vũ khí vào công đường, Tống Từ bắt tất cả để lưỡi liềm của mình ở trước sân, nơi có ánh sáng chiếu vào sáng sủa. Sau khi xong, Tống Từ chẳng hỏi đến ai, lững thững đi quanh cái sân chú ý xem xét từng lưỡi liềm một, không ai biết ý định của ông ra sao.

Tống Từ chợt ngừng bước, chỉ vào một cái liềm sáng bóng rồi hỏi:

– Đây là liềm của ai?

Một người họ Trương đứng ra nhận đó là lưỡi liềm của mình. Tống Từ nhìn mặt hắn thì quả nhiên là một kẻ hung dữ nên biết ngay suy đoán của mình đã đúng, lập tức thẳng đường, truyền sai nha trói họ Trương lại, mắng lớn:

– Họ Trương kia! Tại sao ngươi giết người? Hãy khai rõ ra ngay.

Tên họ Trương giả vờ ngơ ngác nói:

– Bẩm đại nhân nói gì tiểu nhân không hiểu?

Tống Từ cười nhạt, nói:

– Ngươi đừng ngoan cố, giết chết họ Cao ra sao thì hãy khai ra đi, nếu không bản quan sẽ dụng hình thì đừng oán trách đấy nhé.

Thế nhưng hắn nhất định chối tội, còn nói rằng dù có tra khảo đến đâu cũng nhất quyết không thể nhận tội mà mình không hề phạm.

Tống Từ liền nói:

– Bản quan đã nắm được các chứng cứ ngươi là thủ phạm giết người. Nếu như bản quan dùng hình cụ thì chắc chắn trước sau ngươi cũng phải cúi đầu nhận tội. Thế nhưng ngươi là tên cứng đầu cứng cổ, bản quan không cần tới hình cụ làm gì, hãy nghe cho rõ đây rồi liệu mà thú tội đi.

Nói xong, Tống Từ ung dung giải thích:

– Bản quan đã cho người dò xét, biết rằng ngươi đang có mối làm ăn bất chính cần tới nhiều vốn. Có như vậy dù không thân

thiết người mới liêu lĩnh đến nhà họ Cao xin vay tiền. Đó là chứng cứ thứ nhất. Người hãy nhìn lại xem, lệnh đem lưỡi liềm ra ruộng rất bất ngờ, bây giờ lại không phải mùa gặt hái thì ai lại đi nhòm ngó tới lưỡi liềm của mình, đều cất một chỗ nên hầu hết đều có chỗ rỉ sét. Riêng lưỡi liềm của người sáng bóng như vừa mới chùi thì đó là chứng cứ không thể chối cãi. Chỉ vì không vay được tiền mà người giết họ Cao trả thù, thấy lưỡi liềm dính máu nên về nhà cố sức chùi cho sạch, khiến nó sáng bóng như vậy, còn chối cãi được không? Chẳng lẽ người chùi liềm để định gặt lúa vào mùa này sao?

Họ Trương nghe vậy giật bắn người, thần thờ một hồi rồi cúi đầu xin nhận tội. Lúc đó mọi người mới nhận ra quan huyện họ Tống quả là kỳ tài về việc phá án, không cần tra tấn cũng thừa đủ lý lẽ bắt thủ phạm phải “tâm phục khẩu phục” mà nhận tội.

Còn khi Tống Từ giữ chức Quảng Đông Kinh lược An phủ sứ, lúc ông đang đi trên đường thì có một phụ nữ rất xinh đẹp tên là Kiều Châu phục ở giữa đường, hai tay dâng lá đơn khiếu oan. Tống Khâm sai dừng kiệu, tiếp nhận đơn xong, khi đến phủ đường thì liền sai người đem hồ sơ án mạng ra xem xét.

Nguyên ở thông Đại La có hai người ở gần nhau, một họ Lai nghèo khổ nhưng lại lấy được người vợ xinh đẹp tuyệt trần họ Chu tên Kiều Châu, chính là người đệ đơn khiếu tố; còn người kia họ Tiền tên Lợi Hanh, không có học hành nhưng chẳng hiểu làm sao mà giàu lên rất nhanh. Nhiều người đồn rằng Tiền Lợi Hanh trước kia là tên cướp nổi tiếng vùng Sơn Đông, có lẽ bị bại lộ tung tích, sợ bị quan quân bắt giam nên mới vượt đường xa đến Quảng Đông này thay tên đổi họ.

Hai người hai địa vị khác nhau nên không hề giao du qua lại, chỉ vài ba lần nhà họ Tiên có tiệc tùng thì gọi họ Lai đến giúp việc. Trong những lúc ấy mọi người đều lên chỉ trỏ, nói đùa với họ Lai:

– Cố làm việc mà nuôi vợ nhé. Thời bây giờ người ta coi trọng kim tiền, nếu không có tiền thì mất vợ như chơi.

Họ Lai hoàn toàn không để ý đến những lời chọc ghẹo này bởi vì đã quá hiểu tính của Kiều Châu. Nàng không những xinh đẹp mà còn xuất thân từ con nhà gia giáo, tính tình hết sức hiền thực. Nếu tính ra thì họ Lai không thể nào lấy được một người vợ đẹp như vậy nhưng phúc đức mấy đời để lại nên trước kia hai bên cha mẹ đã đính ước với nhau theo lối cổ hủ là “chỉ phúc kết hôn”, tức hứa hẹn cho hai đứa con được lấy nhau từ khi còn trong bụng mẹ.

Họ Chu cũng không giàu có gì, chỉ là học trò thanh bạch nên dạy dỗ con cái nên người, khi muốn tìm cách từ hôn thì Kiều Châu nhất định không chịu, nói với cha mẹ:

– Con người trọng nhất là chữ tín. Song thân đã dạy con sống trên đời phải luôn luôn đề cao chữ tín thì sao bây giờ lại “khinh bần phụ nghĩa”? Lai quân dù nghèo khổ nhưng là người nhân hậu, nếu kết hợp với chàng, vợ chồng cùng chí thú làm ăn thì chẳng giàu lên được sao?

Do vậy họ Chu đành phải theo ước hẹn gả Kiều Châu cho họ Lai. Tiên Đại Hanh mới đầu không chú ý lắm bởi trong nhà hấn đã có vợ chính thức và hai người thiếp cũng nổi tiếng một thời. Thế nhưng nghe nhiều rồi cũng thấm, Tiên Lợi Hanh lấy cớ sang gọi họ Lai giúp việc lên nhìn dung nhan của Kiều Châu. Khi thấy nàng quả là sắc nước hương trời, Lợi Hanh không cầm được lòng dâm,

mấy lần đưa tặng quà quý giá để mua lòng. Tất cả đều bị Kiều Châu từ chối.

Thói đời rất lạ, con người đàn ông tất phải tham dâm, đó là tính trời, nếu như Lợi Hanh bỏ ra vài lạng bạc thì thiếu gì bọn kỹ nữ ca nhi ở chốn lầu xanh chạy theo chiều chuộng. Thế nhưng càng dễ dàng thì càng dễ chán, đến khi thấy Kiều Châu đức hạnh đoan trinh, hẳn càng thêm muốn.

Nhân một lần họ Lai đi làm xa, Lợi Hanh bèn qua nhà, hết lời dụ dỗ ngon ngọt, sau đến hăm dọa là sẽ giết họ Lai, lúc ấy không còn gì cản trở sẽ tung tiền ra mua Kiều Châu bằng mọi giá. Nghe những lời thô tục bất nhã như vậy, Kiều Châu lớn tiếng mắng khiến Lợi Hanh vừa tức giận vừa nhục nhã, khi ra về còn ngoái lại đưa tay hăm dọa.

Với những dấu hiệu như thế, khi họ Lai chết, Kiều Châu đã nghĩ ngay đến là do Lợi Hanh bày mưu lập kế hãm hại chồng mình nhưng vốn tôn trọng pháp luật, nàng chờ đợi xem quan huyện và nha phủ sẽ xét án ra sao. Chẳng ngờ Tiền Lợi Hanh hết sức lợi hại, đã dùng tiền của đút lót không sót một chỗ nào nên từ huyện đường cho đến Án sát tỉnh cũng đều kết luận là họ Lai tức giận người vợ mà tự vẫn, con dao vấy máu còn cầm trên tay.

Tổng Từ xem xét văn án rất kỹ, quả nhiên có nhiều người làm chứng, vật chứng nên việc xét án của hai vị quan huyện và phủ không sai. Thế nhưng ông nghĩ thầm: “Kiều Châu là người thông minh, lại hiểu rõ vương pháp, tiền của không có chẳng lẽ đâm đầu vào khiếu kiện cho tốn kém? Chắc chắn là phải có uẩn khúc”.

Khi đó vụ án chưa tới nửa tháng, xác chết chưa tan rữa nên

Tống Từ lập tức cho khai quật khám nghiệm. Chỉ cần liếc sơ qua vết thương, Tống Từ đã nhận ra đây đúng là do dao đâm nhưng rất sâu, tức là lực đâm khá mạnh. Nhận định xong, Tống Từ xét kỹ từng chỗ nơi cơ thể nạn nhân, thấy sau lưng có một vết bầm nhỏ, nếu không chú ý thì khó phát hiện ra. Ông liền khám nghiệm tới bàn tay của nạn nhân, lúc đó đã chết cứng nên hình dạng tay nắm con dao vẫn còn nguyên. Tống Từ liền sai người về phủ lấy con dao tang vật ra, đưa vào lòng bàn tay của xác chết, thấy nó rất lỏng lẻo chứ không chặt nên gật gù đắc chí, hình như đã biết nguyên nhân sự việc.

Khi về tới phủ đường, Tống Khâm sai lập tức gọi Tri phủ ra hạch hỏi. Tri phủ đổ hết tội là do huyện quan lập văn án, mình sơ suất không xem kỹ nên mau lẹ phê chuẩn mà thôi. Tống Khâm sai không trách cứ gì nhưng hôm sau về huyện, thẳng đường gọi Tiền Lợi Hanh đến. Tên này chẳng hề sợ hãi, nghênh ngang quỳ sấp, hai mắt cứ liếc nhìn chung quanh, không cúi đầu sợ hãi như những tội phạm khác. Tống Khâm sai liền đập bàn quát lớn:

– Họ Tiền kia! Người tưởng là người chết chôn rồi, văn án đã được phê chuẩn thì thoát tội hay sao? Hãy khai ra mau.

Tiền Lợi Hanh ung dung đáp:

– Tiểu nhân không dám! Tiểu nhân không hề giết người thì làm sao khai được? Vụ án đã được Tri huyện đại nhân xem xét cẩn thận, có vật chứng và nhân chứng thì sao đại nhân lại tự nhiên để lên đầu tiểu nhân. Nếu tiểu nhân là kẻ giết người thì ai làm chứng?

Tống Khâm sai cười gằn, nói:

– Người thật gian trá! Bản quan chưa có bằng chứng thật nhưng nếu người không tự khai ra thì sẽ bắt đầu tiến hành điều tra lại, do một viên quan khác điều động chứ không phải huyện quan. Do vậy người đừng hòng dùng tiền bạc mua chuộc thay trắng đổi đen nữa.

Quả nhiên khi Tổng Từ chỉ định một viên quan khác điều từ huyện lân cận tới thì sự việc điều tra rất thuận lợi. Theo lời khai trong văn án thì có một lần họ Lai đi xa về chợt thấy có chiếc trâm bằng vàng đính ngọc bích rất quý để trên giường của Kiều Châu. Họ Lai nghi ngờ hạch hỏi thì Kiều Châu nhất quyết chối là không hề có tư tình với ai, cũng không thân mật với ai đến mức được tặng cho cái trâm quý giá ấy. Đây là lần đầu tiên hai người to tiếng cãi nhau nên mấy nhà hàng xóm đều nghe rõ, đứng ra làm chứng. Mấy hôm sau Kiều Châu có việc về nhà cha mẹ, hôm sau mới về nhà thì họ Lai đã chết cứng, người gục trên bàn, tay còn cầm con dao đâm máu. Quan huyện đã cho tra xét, thấy đúng có vết tay của họ Lai trên cán dao nên mới kết luận chết do tự tử. Do đã dứt lốt từ trước, vụ án kết thúc rất mau, đến khi trình lên quan phủ cũng được phê chuẩn cực kỳ nhanh gọn bởi không có thủ phạm mà tiền thì đầy túi.

Thế nhưng sau khi điều tra lại thì mọi việc mới sáng tỏ. Tiên Lợi Hanh đã xếp đặt từ trước, lén sai tên trộm họ Hà lén vào giấu cái trâm ngọc dưới gối khiến cho vợ chồng họ Lai hiểu lầm mà cãi nhau. Chờ khi Kiều Châu về nhà cha mẹ, cũng chính tên họ Hà ấy lén vào giết chết họ Lai. Nạn nhân bị đâm quá mạnh nên ngã ngửa người ra sau đập lưng vào chiếc ghế đổ nên mới có vết bầm tím như

vậy. Sau đó tên hung đồ họ Hà đỡ xác họ Lai dậy cho ngồi trên ghế, gục người xuống bàn rồi lấy con dao hung khí nhét vào tay nạn nhân để bày ra thành vụ tự tử.

Tuy chưa bắt được hung thủ họ Hà vì hấn sau khi hành sự đã cao bay xa chạy nhưng từ những chi tiết về pháp y học ấy, Tống Từ cũng đã đủ chứng cứ, cuối cùng dùng tới hình cụ tra tấn thì Tiên Lợi Hanh phải khai ra bằng hết. Tống Từ liền giam Lợi Hanh vào ngục tử tù, phê chuẩn chờ ngày dẫn ra pháp trường; viết lệnh truy nã hung thủ họ Hà đưa đi các tỉnh lân cận; quan huyện bị cách chức tước cho về làm thường dân vì đã nhận hối lộ kết án sai lệch; riêng quan phủ được khoan hồng chỉ bị trách cứ, hạ lương bổng xuống một cấp. Đây là vụ án càng khiến cho Tống Từ xem Pháp y học là một chứng cứ quan trọng, nếu biết phối hợp với những lời khai tất sẽ tìm ra thủ phạm nhanh chóng.

Một lần khác, Tống Từ giữ chức Đề Hình ở Ứng Thiên phủ thì có một vụ án mà quan huyện lẫn quan tri phủ không biết làm sao khám phá, đành phải làm biên bản đưa lên cho Ty Đề Hình. Nguyên vụ án này bắt nguồn từ tính dâm dăng của đàn bà. Lúc ấy Tư Niệm Từ là một Nho sinh trẻ tuổi có chí học hành, bao nhiêu việc gia đình để mặc cho người vợ xinh đẹp là Khang Khang lo liệu. Khang Khang khi còn con gái đã liếc mắt đưa tình với một thương nhân cũng còn rất trẻ tên là Thân Minh. Vì Niệm Từ có cha mẹ giàu sang nên Khang Khang bị bắt phải lấy Niệm Từ. Cô gái này không cảm thấy thỏa mãn vì người chồng giàu ấy suốt ngày chỉ biết vui đầu vào kinh sử. Thậm chí sắp đến ngày thi, chàng ta bỏ đến một căn nhà tận cuối vườn để được yên tĩnh lo việc sách đèn,

không ngó ngang gì tới người vợ còn đang tuổi thanh xuân, rạo rức đắm tình.

Thân Minh chưa quên được người tình cũ, thấy vậy tìm cách lân la quen biết với gia đình họ Từ rồi rất thường đưa đến các món hàng tốt để mời chào, thật sự là nhân cơ hội tư thông với Khang Khang. Một lần kia có tiệc lớn hầu như cả nhà đi hết, Thân Minh sung sướng đến ngay nhà, cùng Khang Khang tha hồ vui thú. Chẳng ngờ hôm ấy tự nhiên Niệm Từ quên cuốn sách ở nhà trên, lên tìm xem thì bắt gặp quả tang đôi gian phu dâm phụ ấy đang cùng nhau vui đùa lỏa lồ thân thể.

Hai người đàn ông xảy ra xô xát nhưng Niệm Từ chỉ là thư sinh chân yếu tay mềm nên không chống nổi với Thân Minh, bị hấn dồn vào tường. Ngay khi ấy Khang Khang chạy xuống bếp lấy con dao đưa cho Thân Minh, tên gian phu này liền đâm cho Niệm Từ một nhát, chết ngay tại chỗ.

Khi giết người rồi, gian phu dâm phụ mới thấy sợ hãi, bàn nhau phi tang. Hai người liền khiêng xác của Niệm Từ ra căn nhà nhỏ cuối vườn, lập hiện trường giả giống như Niệm Từ ngủ gục làm đổ đèn ra bàn, lửa gặp dầu bốc cháy, thiêu rụi căn nhà ấy. Khi huyện quan đến khám thì Niệm Từ hầu như đã cháy thành than, thân thể co quắp nên không sao khám nghiệm được điều gì mới lạ, đành phải theo lời khai của Khang Khang và Thân Minh ghi vào biên bản là sơ ý để lửa cháy nhà mà chết. Vợ chồng họ Từ về đến nhà, nghe nói Thân Minh cũng đến thì lập tức nghi ngờ, làm đơn tố cáo gian phu và con dâu câu kết giết chồng, đốt nhà phi tang.

Quan huyện cũng nghi ngờ như vậy nhưng không có bằng cứ

nào đành phải cho qua, đưa hồ sơ vụ án lên cấp trên. Tri phủ cũng nhận định là Niệm Từ không may mà chết, kết thúc hồ sơ không truy cứu nữa.

Ông bà Từ lão quá đau xót vì đứa con trai chết oan, chẳng quản vất vả lên đến tận kinh thành dâng thư khiếu oan lên Ty Đề Hình. Tổng Từ xem lại văn án thấy quả nhiên là không thể căn cứ vào đâu tìm ra thủ phạm vì mọi người đều khai là chính Thân Minh cùng Khang Khang đang xem các món đồ ở nhà trên, thấy ngọn lửa bốc cháy cao mới phát hiện ra, hai người đều kêu la cầu cứu. Thế nhưng khi hàng xóm đến nơi thì căn nhà đã cháy rụi, hoàn toàn không thể khép tội Khang Khang và Thân Minh được. Trong lòng Tổng Từ cũng có ấn tượng là việc này có uẩn khúc, dựa theo sự điều tra riêng của ông thì đôi gian phu dâm phụ này đã quyến luyến với nhau từ khi chưa bước chân về nhà họ Từ. Do vậy việc âm mưu cùng nhau giết Niệm Từ cũng không thể dễ dàng bỏ qua. Vả chẳng nếu sự việc đơn giản thì hai ông bà già yếu đâu phải vất vả như vậy. Sau nhiều ngày suy nghĩ không ra, Tổng Đề Hình quyết định dùng đến “Pháp y học”, tức là phải khám nghiệm tử thi mới hy vọng tìm ra chứng cứ lật ngược bản kết luận về án mạng.

Với tinh thần trách nhiệm rất cao, không để oan sai xảy ra, Tổng Đề Hình thân đến huyện mở quan tài ra khám nghiệm. Đối với một thi hài đã cháy đen thì bất cứ quan lại nào cũng bó tay, thế nhưng Tổng Đề Hình không thể nhìn ra dấu vết ở phía ngoài thì liền tìm kiếm phía trong, ông dùng hai thanh tre cố cạy miệng tử thi ra quan sát. Khi đã xong, Tổng Đề Hình liền sai quan huyện tổ chức thẩm xét vụ án, thẳng đường rồi trước tiên dùng tâm lý áp

đảo, chỉ mặt Khang Khang và Thân Minh quát lớn:

– Gian phu dâm phụ thật táo gan, dám giết chồng rồi đốt nhà phi tang. Bản ty đã về đến đây tức là đã nắm được bằng cớ, hãy khai ra mau.

Đôi gian phu dâm phụ nghĩ rằng Tống Đề Hình không phải thần thánh thì làm sao khám phá ra nổi, một mực kêu oan. Tống Từ phải dùng đến cực hình, tra khảo cả hai chết đi sống lại mà họ nhất định không nhận tội. Tống Đề Hình liền cho tạm ngưng vụ án, nghiêm mặt nói:

– Bản ty có thể đánh chết hai người cũng không bị tội. Thế nhưng để các người phải tâm phục khẩu phục, ngày mai bản ty sẽ thăng đường xét xử lần nữa. Lần này bản quan không đưa ra được bằng chứng xác thực thì sẽ thả hai người ra, không truy cứu nữa.

Lời nói như đinh đóng cột ấy của Tống Đề Hình khiến cả huyện đều xôn xao bàn tán, sáng hôm sau mọi người kéo đến rất đông, đứng chật cả vòng trong vòng ngoài. Ai nấy nhìn thấy đông củi cao ngất đẽ giữa sân đều khiếp sợ nghĩ thầm: “Có lẽ quan lớn chưa tìm ra chứng cứ nên dùng lửa để tra tấn chăng?”. Chẳng ai dám đoán quyết sự kết thúc sẽ như thế nào hồi hộp chờ Tống Đề Hình thăng đường.

Tống Từ lẳng lặng ngồi trên cao uống trà phong thái rất ung dung, sai quân bắt Khang Khang và Thân Minh quỳ hai bên chờ đợi. Một lúc sau quan lớn Đề Hình lại thét quân nổi lửa, chẳng mấy chốc đông củi trước sân đã hùng hực bốc cháy. Thế nhưng quan Đề Hình vẫn không ngó ngang gì đến hai tội phạm, truyền quân sĩ đem hai con lợn đã mua sẵn từ hôm qua ra. Ông sai quân

giết một con ngay tại chỗ, còn con kia để sống, trói bằng xích sắt rồi đưa cả hai vào đóng lửa. Mọi người lại càng ngơ ngác chẳng hiểu tại sao quan lớn lại đi quay lộn ngay giữa công đường. Đến ngay bọn nha lại, quân sĩ cũng nhìn nhau mà không dám hỏi.

Tổng Từ uống trà rất chậm rãi, chờ khi hai con lợn cháy thành than mới đặt chén trà xuống án thư, đứng lên đồng dục nói:

– Đưa phạm nhân ra đây.

Sau đó ông sai quân sĩ khiêng hai con lợn cháy đen ra cho mọi người cùng coi. Quân sĩ dùng thanh tre cạy miệng con lợn đã bị giết trước rồi bấm báo:

– Thuộc hạ không hề thấy chút tro than nào trong miệng.

Tổng Từ gật đầu, sai cạy miệng con lợn thứ hai, vì còn sống nên con lợn này kêu la dữ dội, khi bị nóng thì há miệng cố hít lấy không khí vào phổi, do vậy khi chết rồi trong miệng đầy những tro than. Sau khi cho mọi người chứng kiến thực tế, Tổng Đề Hình liền gọi Khang Khang và Thân Minh đến trước công đường, đập bàn thị uy rồi nói lớn:

– Các người đã nhìn rõ chưa? Bản ty đã khám nghiệm tử thi của Niệm Từ rất chính xác, không hề có chút tro than nào trong miệng. Như vậy nạn nhân đã bị các người giết chết rồi mới đưa đến căn nhà nhỏ phóng hỏa. Bây giờ còn chối được nữa không?

Với chứng cứ hiển nhiên ấy, Tổng Từ không phải nói nhiều, lập tức đôi gian phu dâm phụ gục đầu nhận tội ngay. Thế là vụ án được kết liễu, là án mạng chứ không phải sơ ý chết người. Đôi gian phu dâm phụ ấy đều bị ông khép vào tội nặng, chém đầu giữa chợ.

Trong thời gian làm nhiệm vụ tra xét hình án, Tổng Từ thường

thân hành đến tận hiện trường để kiểm tra rất kỹ các dấu vết cũng như từng bộ phận của nạn nhân. Ông truyền đạt kinh nghiệm này cho các sai nha thuộc quyền là mỗi khi kiểm tra xác chết thì phải bắt đầu từ đỉnh đầu, tóc, tai, mũi, yết hầu rồi dần xuống ngực bụng và chân. Tống Từ cũng yêu cầu phải lật thân thể của nạn nhân lên để xem xét từ lưng tới gót chân xem có dấu vết hay ám khí gì không. Nếu nạn nhân chết vì treo cổ thì phải xem xét cẩn thận dấu vết sợi dây nơi cổ nạn nhân. Còn khi nạn nhân tự trầm mình thì nhất thiết phải quan sát các dấu chân trên bờ sông hay ao hồ để phát hiện những điều khác lạ và sau đó kiểm tra đến độ nông sâu của nơi tự trầm, trong bụng nạn nhân có nước hay không, đề phòng những hiện tượng ngụy tạo v.v...

Do sự cần mẫn tìm tòi và tính công minh sáng suốt nên càng ngày Tống Từ càng học được nhiều kinh nghiệm hơn, sau này vụ án khó đến đâu ông cũng nhanh chóng phá được. Nhân dân hết sức khen ngợi Tống Từ và thường tôn kính gọi bằng Tống Đề Hình chứ không gọi bằng tên tục. Trong số những vụ án mà Tống Từ xét xử, ông còn được người ta thật sự kính phục bởi tính cách làm cho thủ phạm phải “tâm phục khẩu phục”, chỉ khi nào đã có chứng cứ mà thủ phạm quá ngoan cố thì mới dùng tới khảo hình.

Mỗi vụ án ông đều xét xử có tình có lý chứ không dựa hoàn toàn vào luật lệ, cũng có khi xét tình mà khoan hồng nên được nhiều người khen ngợi. Điển hình là vụ án ở ngay phủ Ứng Thiên mà ông đang giữ chức Đề Hình.

Nguyên Triệu Quốc Hùng là học trò gia cảnh thuộc loại trung lưu ở huyện Thanh Hà phủ Ứng Thiên, nhiều năm cố công học

hành nhưng số chẳng may chẳng đậu khoa thi nào, mãi cho đến khi đã già vẫn cắm cúi vào kinh sách để mong có ngày rạng rỡ tông môn. Triệu Quốc Hùng chỉ có một người con trai duy nhất, đặt tên là Quân Thụy. Trong khi họ Triệu vất vả với công danh thì người bạn từ nhỏ của ông là Vương Tuấn may mắn hơn, qua mấy lần thi cử đã đậu Tiến sĩ, vinh quy về làng chờ được triều đình bổ nhiệm đi làm quan. Vương Tuấn có một người con gái tên là Cúc Hương, sắc đẹp nổi tiếng trong vùng. Hai người là bạn nên đã cùng nhau đính ước chuyện hôn nhân cho con từ khi bọn chúng còn nhỏ tuổi.

Thế nhưng chưa được bao lâu trời làm lũ lụt khiến bao nhiêu tài sản ruộng vườn của nhà họ Triệu mất sạch trở thành nghèo khó. Thấy vậy Vương Tuấn ý muốn hủy bỏ hôn ước, toan nhận lời đám khác giàu sang môn đăng hộ đối hơn. Thế nhưng Cúc Hương là người được giáo huấn đầy đủ, nhất định không ưng chịu việc sai tình nghĩa này, không dám nói với cha nhưng không ít lần tâm sự với mẹ:

– Phụ thân là người có học vị, đã hiểu thế nào là đạo thánh hiền, đã nhận lời với họ Triệu sao bây giờ lại định hủy bỏ? Con không dám chê trách bậc đã sinh thành ra con nhưng làm như vậy không sợ người ta chê cười hay sao? Vả chẳng giàu nghèo là chuyện thay đổi dễ dàng, chỉ có tình nghĩa mới gắn bó được vợ chồng, con nhất quyết không ưng chịu việc này đâu.

Mẹ vốn thương con, lập tức bàn chuyện làm sao cho thành đã rồi thì ông chồng không thể nhị tâm được nữa. Biết họ Triệu hiện nay không thể nào có tiền bạc đủ làm sính lễ, Vương thị nhân cơ hội Quân Thụy đến chơi gần đó thì lén sai người mang vàng bạc

đến giao cho, dặn rằng đừng phung phí mà mau mau đưa sính lễ đến để tiến hành việc hôn nhân. Quân Thụy nhận được số vàng bạc ấy rất mừng bèn tới nhà người cô ruột mượn một số quần áo đẹp để chuẩn bị việc trăm năm cho cuộc đời của mình. Bà cô cũng có một đứa con trai trạc tuổi Quân Thụy tên là Triệu Du Xuyên nhưng tính tình ăn chơi phóng đãng, lại rất hung hãn, không chịu học hành. Vì nhà khá giả nên bà cô rất nuông chiều hấn, may mặc quần áo hết sức đẹp để sang trọng, sau đó lại còn hỏi cưới một cô gái rất xinh đẹp ở huyện bên về làm vợ với ý đồ có người ngăn cản cho hấn bớt lêu lổng đi chút nào hay chút nấy.

Vì vậy khi cần đến y phục, Quân Thụy nhớ đến bà cô ngay, sợ bị hiểu lầm nên giải thích:

– Nhạc mẫu thấy nhà cháu nghèo khó, có đưa một số bạc để cháu làm sính lễ nhưng cô thừa biết là hiện nay đến một cái áo tốt cháu cũng chẳng có thì làm sao dám vác mặt tới nhà họ Vương? Cháu thấy biểu huynh có nhiều quần áo đẹp nên đến đây nhờ cô giúp cho mượn một cái. Sau khi xong việc sẽ trả lại.

Bà cô cũng mừng cho cháu, giữ lại đãi đằng cơm nước, đồng thời sai Du Xuyên chọn lấy một bộ thật đẹp đưa cho Quân Thụy mượn. Đã từ lâu Du Xuyên ngắm nghía nhan sắc của Cúc Hương, dù hấn mới cưới vợ nhưng dục vọng không phai đi tí nào, nay thấy có cơ hội thì nẩy lòng xấu xa, tìm đủ mọi cớ để trì hoãn việc cho mượn quần áo. Quân Thụy là kẻ đi mượn, không tiện giục giã, đành phải ở nhà bà cô qua đêm, sáng mai lấy quần áo cũng chưa mượn.

Trong khi Quân Thụy ngồi chờ ở nhà thì Du Xuyên liền đến nhà họ Vương, tự xưng danh tính là Triệu Quân Thụy. Hai mẹ con

Vương thị nghe có chàng rể đến thì rất mừng, lập tức ra chào hỏi, tiếp đãi rất lịch sự. Tiếc rằng Du Xuyên chơi bởi lâu lỏng, không hề có học hành nên từ lời ăn tiếng nói đến cử chỉ đều thô lỗ xác xược. Vương thị hết sức ngạc nhiên, nói nhỏ với Cúc Hương:

– Ta nghe đồn Quân Thụy là người anh tuấn, thông minh phong nhã, lại cố công đèn sách để sau này công thành danh toại. Chẳng ngờ đâu bây giờ gặp mặt mới biết không phải như thế. Con về làm vợ một người không ra gì thì làm sao ngẩng mặt với đời được?

Cúc Hương là người cương nghị, tuy nhận ra lời của mẹ rất đúng nhưng đã có hẹn ước thì dù là ăn mày hay côn đồ du đảng cũng đành phải chịu, không muốn mang tiếng bất nghĩa. Thấy vậy Vương thị đành thở dài chiều theo ý con. Lúc đó Vương Tuấn có việc phải vắng nhà, Vương thị liền mời Du Xuyên ở lại một đêm cho hai trẻ gặp nhau. Nhân lúc bà Vương ra ngoài, lại có chút men say, Du Xuyên liền bức bách Cúc Hương phải trao thân cho mình, nói:

– Trước sau gì chúng ta cũng thành vợ chồng, nay nếu có vui thú với nhau trước cũng không hại gì. Vả chẳng anh nghĩ “ván đã đóng thuyền” thì không bao giờ nhạc phụ thất ước được nữa.

Cúc Hương cũng không muốn để cho phụ thân bội ước gả mình cho người khác nên xuôi lòng nghe theo. Thế là tên lưu manh đã lừa được tình. Đã vậy sáng hôm sau Vương thị còn gom góp được mấy chục lạng bạc, đưa cho Du Xuyên rồi nói:

– Ta biết nhà con hiện nay rất thiếu thốn, không có tiền lo liệu việc hôn nhân. Vì vậy hãy nhận số bạc này về nhà sắm sanh cho

tương tất. Nếu như đám cưới diễn ra tẻ bạc quá thì con gái ta còn mặt mũi nào nữa.

Du Xuyên mừng quá nhận lấy ngay, hứa hươu hứa vượn rồi chào mà ra về. Thế là tên lưu manh này lừa gạt được cả tiền bạc lẫn tình dục. Hắn vui vẻ ra về sớm là cố ý không để Quân Thụy nóng ruột, nói dối rằng:

– Anh vừa đến nhà người bạn chơi, tiện thể lấy lại một bộ quần áo đẹp nhất đã cho hắn mượn. Tuy nhiên phải mai hắn mới trả được, vì thế hiền đệ cứ ở đây chơi thêm một ngày nữa rồi đến nhà nhạc gia cũng không sao.

Quân Thụy bất đắc dĩ phải nghe theo, trong lòng nóng như lửa đốt. Đến ngày thứ ba, quả nhiên Du Xuyên cầm quần áo đưa cho Quân Thụy mượn, còn cười nói chúc mừng:

– Lần này cưới được người vợ vừa đẹp vừa giàu, quả là phúc đức lắm đấy nhé.

Quân Thụy nghe lời nói ấy có vẻ mỉa mai chứ không chút thực tình nào nhưng đang lúc nóng lòng, chẳng để ý đến, lập tức thay quần áo đi ngay. Khi nghe gia nhân báo có Quân Thụy tới xin ra mắt, Vương thị hết sức ngạc nhiên, vừa ra đã hỏi ngay:

– Có thật là Quân Thụy đấy không? Nếu đúng thì hãy nói sơ qua về gia đình là ta biết ngay thật hay giả.

Quân Thụy rất ngạc nhiên nhưng lần đầu tiên gặp nhạc mẫu không muốn mất lòng nên nói rõ gia đình mình như thế nào. Thái độ và lời lẽ của Quân Thụy rất ung dung phong nhã, tỏ ra là người học rộng tài cao nên Vương thị giật mình nghĩ thầm:

– “Chết rồi! Đây mới đúng là con rể của ta. Lẽ đâu con cái nhà

họ Triệu lại lỗ mãng như tên trước kia tự nhận. Ta đã nhận lầm quân lừa đảo lưu manh rồi, biết làm sao đây?”.

Quá bối rối, Vương thị liền vào nhà kể với Cúc Hương, sau đó nói:

– Chuyện đã dĩ lỡ, con cứ ra tiếp chuyện một chút để có thời gian rồi tìm cách đối phó sau. Cha con đi vắng nên không biết chuyện sai lầm này, nếu như chúng ta giữ kín thì Quân Thụy cũng không thể biết được, có thể vẫn tiến hành hôn nhân như đã định.

Cúc Hương ngồi trong màn khóc nho nhỏ, cũng bằng lòng cho Quân Thụy vào. Thấy chàng trai khôi ngô phong nhã, Cúc Hương càng thêm đau lòng, thỏn thức hỏi:

– Tại sao chàng nhận tiên làm sính lễ mà đến ba ngày sau mới tới đây? Chẳng lẽ chàng coi thường việc gặp mặt nhạc phụ nhạc mẫu đến thế ư?

Quân Thụy không dám nói thật là phải đi mượn áo, xấu hổ trước mặt người vợ sắp cưới, đành nói dối:

– Ta bất ngờ bị bệnh nên mãi đến hôm nay khỏi mới đến đây được. Xin nàng tha lỗi.

Cúc Hương lại càng buồn hơn, nói nho nhỏ:

– Đúng là số mệnh của ta chẳng ra gì. Nếu như chàng đến trước đây ba ngày thì vừa được người nâng khăn sửa túi lại vừa được số tiền khá lớn để lo việc học hành. Chàng tới trễ chắc là do số kiếp chúng ta chẳng được gần nhau mà thôi, chàng nên về đi là hơn.

Quân Thụy hết sức ngạc nhiên lại có chút phần uất bởi chưa gặp mặt vợ sắp cưới đã bị đuổi về. Nghĩ rằng có lẽ nhà họ Vương

biết thân phận mình nghèo khó nên muốn trở mặt, Quân Thụy liền hậm hực nói:

– Ba hôm trước nhạc mẫu đã đưa ta một số bạc thúc hối làm sính lễ, thế mà chỉ mấy ngày đã đổi khác thì thật là phi nghĩa. Theo ta dù nghèo hèn hay đói khổ đến đâu đã có một lời trăm năm hẹn ước thì nhất quyết không thay đổi được. Lệnh tôn lại là người có học vị, sắp ra làm quan lớn thì càng phải nên giữ gìn đạo đức thánh hiền, làm gương cho người dân. Muốn hối hôn ít nhất cũng phải thương thảo với ta vài lời chứ? Nếu lệnh tôn muốn lấy quyền thế để chê bỏ người nghèo thì ta quyết sẽ làm lớn chuyện.

Nói xong Quân Thụy hậm hực định bỏ ra về ngay nhưng từ sau màn có tiếng thỏ thúc càng ngày càng lớn nên đứng lại một chút, chợt thấy Cúc Hương thò bàn tay ngọc đưa ra một đôi vòng vàng, một đôi trâm vàng có đính trâm châu, giọng nói hết sức ghen ngào:

– Việc này là do duyên số trời định không cho hai ta gần nhau. Chàng cũng không nên làm quá mà bị người ta chê bai là kẻ tham giàu sang, thích thừa kiện. Thiếp kiếp này không được ở với chàng thì có chút nữ trang xin tặng để chàng bán đi để lo việc ăn học, hẹn kiếp lai sinh sẽ cùng nhau hưởng phúc đến trăm năm đầu bạc, thỏa tình hẹn ước kiếp này.

Quân Thụy nghe những lời nói của Cúc Hương thì cũng cảm xúc nhưng thấy có điều lạ lùng nên hỏi lại:

– Tại sao nàng nói như vậy, ta hoàn toàn không hiểu gì hết. Nếu như nàng dùng số nữ trang ấy để đền bù cho việc hối hôn thì ta nhất quyết không nhận đâu.

Vẫn giọng nức nở như người sắp chết, Cúc Hương trả lời vọng ra:

– Thiếp là người hiểu biết đạo đức nhân nghĩa, đã hẹn ước với nhau lẽ nào lại từ hôn. Thế nhưng sự việc không thể nói ra hết được, chàng cứ cầm lấy số nữ trang đi, sau này sẽ biết mà thôi. Thiếp sắp phải đi đây.

Quân Thụy càng thêm kinh ngạc, cầm số nữ trang đó bước lên nhà trên mà trong lòng bấn loạn, suy nghĩ mãi không hiểu đầu đuôi ra sao, bất giác ngồi xuống cái ghế gần đó, thừ người ra như kẻ mất hồn. Chưa được bao lâu, Quân Thụy bỗng tỉnh dậy vì có nhiều tiếng người kêu gọi gào khóc vang dậy cả nhà. Tiếng chân người chạy rầm rập, mặt mày ai nấy hốt hoảng khiến Quân Thụy cũng không ngồi yên được nữa, chặn một gia nhân lại hỏi thăm thì mới biết Cúc Hương tiểu thư đã treo cổ tự tận rồi.

Quân Thụy liền chạy vào phòng Cúc Hương thì lúc đó Vương bà đang ngồi sụp xuống đất ôm xác con mà gào khóc thê thảm khiến Quân Thụy bất giác cũng khóc theo. Được một lát, nhìn thấy Quân Thụy, Vương bà cố nén đau thương, nói:

– Sao không đi ngay đi, còn ở đây sẽ gặp nhiều nguy hiểm đấy!

Tuy Quân Thụy thực sự chưa biết tại sao lại nguy hiểm nhưng nghe nhạc mẫu tương lai giục giã thì lập tức đi ngay, bao nhiêu sự việc lạ lùng và đau thương khiến chàng giống như kẻ mất hết hồn vía. Khi về tới nhà bà cô, Quân Thụy mới hơi tỉnh táo kể lại mọi chuyện vừa chứng kiến, đồng thời trả quần áo cho Du Xuyên. Thoạt đầu bà cô nghe Quân Thụy kể không đầu không đuôi thì không hiểu chút gì nhưng sau đó nghĩ lại thì biết ngay đứa con hư

đón của mình đã giở trò lường gạt rồi. Nghĩ tới sự việc sẽ vỡ lở, chắc chắn họ Vương sẽ tố cáo Du Xuyên làm việc bậy bạ khiến một tiểu thư chết oan thì bà cô kinh hoảng đến mức ngã ra bất tỉnh, sau đó thành bệnh, cứ suốt ngày kêu rú đau đớn giống như đang bị ai tra tấn, hơn tuần sau thì qua đời.

Trước khi nhắm mắt, bà cô còn kịp gọi con dâu là Dung Dung đến kể lại đầu đuôi, khuyên nên tránh xa Du Xuyên kẻo rồi trước sau cũng mất mạng oan uổng như tiểu thư Cúc Hương mà thôi. Dung Dung là một cô gái xinh đẹp và hiền lương nhưng khi nghe chuyện tội bại của chồng mình cũng không sao nhịn được, nhân lúc hấn có mặt ở nhà thì liền mắng chửi:

– Người không phải là người mà là dã thú mất hết nhân tính. Tội ác của người trời không tha đất không dung. Ta làm sao chung sống với kẻ vô nhân tính như vậy được, bây giờ hãy xa nhau là hơn.

Du Xuyên không giận, cười cợt trả lời:

– Thế ra nàng muốn bỏ chồng phải không? Ta nói cho biết trước, ta có rất nhiều vàng bạc, nếu nàng ở lại thì được ăn ngon mặc đẹp. Bằng như nàng nhất quyết bỏ ta thì ta đây cũng chả cần, với số vàng bạc này ta tha hồ ăn chơi ở chốn lầu xanh, có biết bao gái đẹp chạy theo ta.

Dung Dung càng thêm ghê tởm người chồng thú vật này, cương quyết đòi ly hôn ngay ngày hôm ấy. Du Xuyên cũng không thèm thuyết phục, lập tức lấy giấy bút ra viết lằng ngoằng mấy chữ như gà bới chấp nhận cho vợ mình được về với cha mẹ. Không bị ai ràng buộc, khi mẹ chết rồi, Du Xuyên càng ăn chơi ngông cuồng táo tợn hơn nữa, không hề hối hận chút nào về cái chết oan uổng của Cúc

Hương cùng với sự đau khổ của người em họ Quân Thụy.

Sau khi chôn cất tiểu thư Cúc Hương xong xuôi thì Vương Tuấn mới về đến nhà. Ông ta rất đau khổ vì đứa con gái xinh đẹp qua đời bất ngờ, gặng hỏi nguyên do thì Vương thị không dám nói thật, trả lời hàm hồ:

– Con rể họ Triệu đến nhà xin bàn việc cưới xin. Cúc Hương nhìn thấy Quân Thụy ăn mặc rách rưới nghèo hèn thì rất tức giận, tự biết trước sau gì cũng phải về làm dâu nhà họ Triệu, uất ức quá mà tự treo cổ chết. Không có gì liên quan đến nhà họ Triệu cả.

Vương Tuấn không tin, nói:

– Ta đang muốn từ hôn gả cho người khác môn đăng hộ đối hơn nhưng con a đầu này nhất định không chịu, bây giờ chẳng lẽ chỉ vì Quân Thụy ăn mặc lôi thôi nghèo nàn mà đi tự vẫn hay sao? Chắc chắn tên họ Triệu ấy đã nói gì đó khiến con gái ta uất ức đến nỗi không tiếc cả mạng sống. Theo luật thì vẫn có thể thừa kiện hấn về tội cố ý làm tổn thương người khác. Tuy không giết hấn được nhưng ít ra cũng phải làm cho họ Triệu biết mặt.

Vương thị cố can ngăn nhưng mấy ngày sau Vương Tuấn lại biết việc Quân Thụy (giả) lén vào phòng con mình thì không còn giữ được bình tĩnh nữa, hậm hực nói:

– Thảo nào con gái ta phải tự vẫn. Ta đã nghi ngờ là có lý do gì đó rất trọng đại nên nó mới uất ức đến thế. Đã vậy ta không thể để cho tên khốn kiếp ấy sống được nữa.

Nói xong Vương Tuấn lập tức viết đơn đưa lên quan huyện. Vốn là người có học vị, lại sắp được bổ ra làm quan lớn nên quan huyện rất nể nang, chẳng cần xét hỏi gì cứ theo đơn mà kết án Quân

Thụ cưỡng dâm con gái nhà lành khiến uất ức mà tự vẫn chết. Theo luật thì tội ấy phải đền mạng, đáng ra phải xét xử kỹ lưỡng, thế nhưng quan huyện lập tức bắt giam Quân Thụ, làm văn án rồi đưa thẳng lên phủ xin phê chuẩn. Quan phủ Ứng Thiên cũng là bạn của Vương Tuấn, đọc thấy là tội cưỡng dâm thì rất ghét, lập tức phê vào đơn chấp thuận, giam vào ngục tử tội chờ đến mùa thu sẽ hành quyết.

Án đã được phê duyệt nên gia đình họ Triệu cố hết sức chạy vạy kêu oan mà không nơi nào chấp đơn, đành phải than trời trách đất mà thôi. Đã vậy Vương Tiến sĩ nóng ruột muốn thấy Quân Thụ phải chết ngay mới hả lòng nên chưa đến mùa thu vẫn tìm người quen biết tiến dẫn đến thăm Tổng Đê Hình, khẩn khoản xin đặc cách hành hình Quân Thụ để tế vong hồn cho Cúc Hương. Tổng Từ là người làm việc cẩn thận, nghe Vương Tiến sĩ đề nghị như vậy liền thông thả đáp:

– Học trò mất hết lương tri đi cưỡng dâm con gái nhà người thì có chết trăm lần cũng chưa đáng tội. Thế nhưng tôi chưa được đọc quan văn án nên không thể trả lời ngay, xin ông chờ cho vài ngày đã.

Sau đó nhân lúc rảnh rỗi, Tổng Từ liền sai người đến phủ lấy hồ sơ vụ án xem xét. Ông đọc qua thì thấy quả nhiên không có gì sai trái, duy nhất chỉ có một điều là Quân Thụ không ký tên vào văn án, tất cả đều do quan huyện và quan phủ quyết định. Theo đúng thủ tục thì như vậy hồ sơ chưa đầy đủ nên Tổng Từ đã có chút phân vân.

Trong khi đó Vương Tuấn về nhà, khoan khái nói với vợ là lần

này chắc chắn Quân Thụy sẽ không sống được mấy ngày nữa đâu. Vương thị thoáng giật mình, ấp úng nói với chồng:

– Ngày mai có khách khứa đến nhiều, thế mà tôi phải có việc về nhà cha mẹ, ông tìm thêm gia nhân để giúp việc vậy nhé.

Vương Tuấn không nghi ngờ chút nào, gật đầu nói cứ để đó mặc ông ta lo liệu việc tiếp khách. Thật ra sáng hôm sau Vương thị cấp tốc lên Ty Đề Hình, xin gặp mặt Tống Từ. Nghe quân báo là vợ của Vương Tiến sĩ, Tống Từ hết sức ngạc nhiên, vội thu xếp công việc tiếp đón bà ta ngay. Hóa ra Vương thị khẩn khoản xin Tống Từ giúp mình xem lại bản án, nếu không lật được thì cũng cố đừng giết Quân Thụy. Sau khi Vương thị về rồi, Tống Từ ngồi trầm ngâm suy nghĩ: “Vợ chồng không đồng lòng, người muốn giết cho mau, kẻ xin tha thì thật mâu thuẫn. Chắc chắn vụ án này còn nhiều uẩn khúc, cần phải đích thân thẩm tra mới xong”.

Vì vậy mấy hôm sau Tống Đề Hình sai người giải Quân Thụy đến công đường của Ty, trực tiếp thẩm vấn. Quân Thụy đã có nghe danh tiếng Tống Đề Hình xử án như thần liên thành thực kể lại đầu đuôi, còn nguyên do như thế nào thì thú nhận là hoàn toàn không biết. Tống Từ nghe xong. Suy xét những chỗ mâu thuẫn, chợt hỏi:

– Ta nghe nói tiểu thư trách người đến chậm ba ngày nên mất cả vợ lẫn gia tài. Điều này hết sức quan trọng, tại sao người lại đến chậm?

Đây là chuyện rất xấu hổ đối với một người biết tự trọng như Quân Thụy nhưng đã đến nước này không thể giấu được nữa, chàng liền kể cho Tống Đề Hình nghe về việc đến nhà bà cô mượn

quần áo của người anh họ là Triệu Du Xuyên. Thoáng nghe vậy Tống Từ đã hiểu được phần nào, cho Quân Thụy về nhà ngục, suy tính việc lật mặt nạ của Du Xuyên.

Tống Từ nghĩ ra một kế rất thần diệu, ngày hôm sau lấy số vải quý trong kho ra, giả làm thương buôn đến nhà Du Xuyên khoe số hàng ấy, huênh hoang là mới mua được ở nơi biên giới, không nơi nào trong nước sản xuất nổi loại vải đẹp như thế. Ông còn nói rằng nếu bán số vải này đi thì có thể lời một gấp năm, sáu. Lúc đó Du Xuyên đang cầm số vàng bạc tư trang mà Vương thị gom góp toàn bộ trong nhà đưa cho hắn nên cũng muốn sinh lời, năn nỉ xin mua lại số vải quý ấy. Tống Từ đã có ý định sẵn, đưa giá thật cao rồi còn nói khích:

– Tôi nghĩ là quan nhân đây không thể có số tiền lớn như vậy được, nếu ưa thích thì chỉ nên mua vài ba tấm mà thôi. Lời tuy ít đi nhưng vừa với số vốn mà mình sẵn có, không phải chạy vạy vay mượn của ai.

Du Xuyên sẵn tính háo thắng, xác láo đáp:

– Ai cũng tưởng ta không giàu có, thật ra có thể mua nhiều hơn số vải của người cũng chưa hết tiền đâu.

Thật sự là Du Xuyên phải dốc hết tiền bạc trong nhà lẫn số tư trang của họ Vương ra mới mua được số vải mà Tống Từ đem tới. Tống Từ nhận số tiền và tư trang ấy, về tới phủ liền gọi Vương Tiến sĩ đến, cho xem số tư trang rồi hỏi:

– Ông có nhận ra tư trang này là của ai không?

Wương Tiến sĩ lập tức trả lời:

– Đây là những tư trang mà tôi sắm cho ái nữ Cúc Hương, trong

đó cũng có vài vật là của vợ tôi. Sao đại nhân lại có trong tay vậy?

Tổng Từ liền kể lại việc Quân Thụy phải đi mượn áo rớt cuộc bị tên lưu manh Du Xuyên đến gia trang họ Vương giở trò lừa gạt cả tình lẫn tiền bạc. Ông trách Vương Tiến sĩ:

– Việc này cho thấy làm quan xử án không phải đơn giản. Nếu cứ theo văn án mà xuống lệnh thi hành thì có biết bao người bị oan ức.

Vương Tiến sĩ cúi đầu tạ lỗi rồi xin Tổng Đề Hình mau mau xét xử lại để tìm đúng thủ phạm báo thù cho con gái mình. Tổng Đề Hình sửa soạn xong giấy tờ, lập tức thẳng đường gọi Du Xuyên tới. Ông không cần phải tra khảo hay hỏi lời thôi gì cả, Du Xuyên vừa nhận ra vị phán quan ngồi uy nghiêm trước mặt mình chính là người bán vải hôm trước thì mau chóng nhận tội ngay.

Tổng Từ là người nhân đức nhưng nghe Du Xuyên kể hết mọi chuyện thất đức dâm ô của mình thì không khỏi tức giận, truyền lệnh:

– Việc kết án người sẽ tính sau. Con người vô lương tâm vô nhân tính xấu xa như ngươi phải được trừng trị thích đáng mới được. Người đâu! Đánh cho hấn một trăm trượng thị uy cho ta.

Đến bọn quân sĩ nghe việc cũng căm hận nên dè Du Xuyên xuống, đánh thẳng tay tận lực. Do vậy Du Xuyên không sao chịu nổi, chưa hết số trượng phạt thì đã gục chết tại công đường.

Vương Tuấn thấy vậy vẫn chưa bằng lòng, nói:

– Mẹ già hấn không biết dạy con, để hấn trở thành tội nhân của cả xã hội, đáng ra là cũng phải bị trừng phạt. Thế nhưng Triệu thị đã chết thì không nhắc đến nữa, còn vợ hấn cũng phải chịu tội

chung với chồng thì tôi mới hả được tức hận mất đứa con yêu quý.

Tống Từ có ý ngược lại, cho rằng ai gây ra tội thì phải đền mà thôi, dù là vợ nhưng không liên can hay xúi giục chồng thì không thể bắt tội họ được. Vương Tuấn hết sức kêu nài nên cuối cùng Tống Từ đành phải gọi Dung Dung đến công đường hạch hỏi xem có gì liên quan đến không. Lúc đó Dung Dung mới đưa giấy bỏ vợ do chính tay Du Xuyên viết ra làm bằng chứng, xác nhận là mình không liên quan gì đến âm mưu lừa gạt của chồng, cũng không hề giữ một chút tiền bạc hay tư trang lấy được của họ Vương.

Tống Từ xem xét thấy Dung Dung không những hiền lương mà còn có trí óc khôn ngoan, đã sửa soạn sẵn sàng những bằng chứng không để mình phải liên lụy về những việc làm xấu xa của người chồng bất lương thì rất khen ngợi, gọi Vương Tuấn đến kể lại mọi việc. Vương Tuấn thở dài, nói:

– Cô gái này không tham lam của phi nghĩa, biết tìm cách lánh xa kẻ bất nhân thì thật sáng suốt, đến như các tiểu thư danh giá có học hành sách vở cũng chưa thể bằng được. Nếu như có được người con ruột vừa xinh đẹp vừa thông minh như vậy thì phúc đức biết bao.

Khi Vương Tuấn trở về kể chuyện cho Vương thị nghe, cũng than thở là tiếc sao không có con gái được như Dung Dung thì Vương thị liền đề nghị một điều. Nguyên là nhà họ Vương chỉ có mỗi mình tiểu thư Cúc Hương, được vợ chồng Vương Tuấn coi như vàng ngọc, nay chết rồi thì Vương thị thương nhớ không nguôi. Vì vậy nghe chồng kể lại việc Dung Dung khôn ngoan thì muốn nhận Dung Dung làm nghĩa nữ, có người thủ thủ trong lúc xế chiều.

Vương Tuấn đồng ý ngay, nhờ Tống Từ nói giúp.

Dung Dung cũng vui vẻ nghe theo, sau đó Vương Tuấn muốn bù đắp cho Quân Thụy nên gọi chàng tới gả Dung Dung làm vợ.

5

HÀ VIÊN NGOẠI

GIAN NGOAN XẢO QUYẾT

Nhờ sự công minh và nghiêm khắc của Bao Công, phủ Khai Phong bớt đi rất nhiều tệ nạn xã hội, bọn trộm cắp cũng kiêng dè không dám đến kinh thành làm ăn táo bạo như trước nữa. Dân chúng được thái bình, án kiện giảm hẳn nên có lúc Bao Công cũng rất rảnh rỗi. Thế nhưng cả đời ông, xử án và điều tra vụ việc là niềm đam mê, không có nó thì ông cảm thấy rất buồn bã, cùng với tả hữu đi dạo quanh vùng để ngắm cảnh, đồng thời nhân tiện xem xét dân tình.

Khi đi đến Trúc Thanh, nơi đây cảnh trí hữu tình, non xanh nước biếc khiến Bao Công cũng cảm thấy khoan khoái, đi mãi đến chiều tối chưa muốn trở về. Nhìn xa xa thấy có một trang viên ẩn khuất sau rừng trúc, dáng vẻ thâm u thấp thoáng trong làn sương mờ như cảnh trên tiên giới, Bao Công hứng thú hỏi tả hữu:

- Trang viên kia là của ai vậy? Chủ nhân này thật phong nhã nên mới kiến thiết được một trang viên thanh tú như vậy.

Triển Chiêu theo hầu, liền đáp:

- Thuộc hạ cũng không được rõ lắm. Chỉ biết đó là trang viên của một đại quan triều đình nhưng ông ta đã chết rồi, nay để lại cho đứa con trai của mình, còn họ tên là gì thì thuộc hạ chưa nghe

ai nói tới.

Bao Công hơi ngạc nhiên bởi các quan lớn khi về hưu thì rất thường hay đến thăm viếng với ông, tại sao vị quan này lại mai danh ẩn tích như vậy, liền cùng tả hữu thúc ngựa đi dần tới nơi. Khi còn cách trang viên một chút thì mọi người bỗng nghe có tiếng tranh cãi. Một người thanh âm ra vẻ còn trẻ, nói rất to:

- Đây là gia bảo của nhà tôi, ông không có mắt hay sao mà trả giá rẻ như bèo vậy? Rẻ quá thì tôi không bán đâu.

Vừa lúc đó đoàn người của Bao Công qua chỗ khuất bởi bụi trúc, nhìn thấy quả nhiên người vừa nói là một thanh niên còn khá trẻ, thân thể béo tốt, khuôn mặt còn đỏ bừng vì tức giận. Đối diện với thanh niên này là một tên gầy gò, da xám xịt nhưng có đôi mắt rất lạnh lẹn, liếc qua đoàn người của Bao Công một cái rồi mau lẹ đáp lời thanh niên trẻ tuổi kia ngay:

- Công tử bớt giận! Những thứ này tuy là gia bảo nhưng dáng kiểu không còn thịnh hành nữa, rất khó bán. Vì vậy tôi trả giá cũng không phải là thấp đâu. Tôi biết công tử hiện giờ đang túng bán, lẽ nào ép giá hay sao?

Bao Công nhìn quanh thì thấy một số tủ giường, bàn ghế, cái nào cũng làm bằng gỗ tốt, chạm trổ rất tinh xảo thì biết ngay là tên gầy gò xương xẩu kia là con buôn lõi đời nên toan tính mua rẻ của người thanh niên. Bao Công tính điềm đạm không nói gì, quan sát xem sự việc diễn tiến ra sao. Chợt có một thiếu phụ khá trẻ và xinh đẹp từ trong trang viên chạy ra, nói lớn:

- Phu quân đừng tin lời gã con buôn kia. Đây toàn là thứ gia bảo quý giá, thế mà hắn trả như loại đồ dùng tầm thường thì thật

quá lắm. Đây lại là đồ vật của tổ tiên để lại, nếu cần tiền thì phu quân bán đi một vài món thôi, sao lại bán nhiều như vậy?

Thanh niên béo tốt kia đang lúc bực tức, quay lại mắng vợ:

- Người là đàn bà biết gì mà nói! Hãy vào trong đi, để ta lo liệu việc này.

Người vợ rất căm tức nhưng có lẽ tính tình nhu mì hiền hậu nên lập tức nghe lời chồng, cúi đầu hậm hực lui vào nhà. Chàng thanh niên béo tốt còn đang ngần ngừ chưa muốn bán rẻ thì từ trong trang viên lại có một cô gái trẻ hơn, cũng xinh đẹp hơn bước ra. Tuy là người đẹp nhưng phong cách của cô này không hiền thực bằng cô gái trước, nhãn mặt nói luôn:

- Gia bảo hay không cũng chỉ là thứ đồ dùng vô dụng. Bây giờ đang cần tiền thì cứ bán phứt đi cho rồi. Trong nhà còn nhiều thứ nữa, tiếc rẻ làm gì.

Tuy lời nói khó nghe nhưng không hiểu sao chàng thanh niên lại tươi tỉnh gật đầu:

- Nàng nói phải lắm! Được rồi ta bằng lòng bán cho người vậy.

Tên con buôn mừng rỡ, lập tức lấy bạc ra thanh toán rồi mau mau lệnh cho bọn gia nhân gồng gánh toan bỏ đi cho mau. Thấy vậy chàng thanh niên biết ý, cười mà nói:

- Người không phải gấp gáp làm gì. Ta đã nói bán là bán, không trở mặt đâu. Người nên cảm ơn nhị nương của ta mới phải, nếu không ta chưa muốn bán số đồ vật này với giá quá rẻ như vậy đâu.

Gã lái buôn cười có vẻ thâm hiểm, giả lả nói vài lời với người con gái được gọi là Nhị nương rồi mau lẹ cùng với gia nhân quảy

gánh đi luôn. Chắc là trong lòng e sợ chàng thanh niên đổi ý thì mất món lời to. Khi bọn lái buôn đi rồi, chàng thanh niên béo tốt kia cùng với Nhị nương cũng vào nhà ngay.

Chúng kiến cảnh buôn bán không sòng phẳng ấy, Bao Công than với tả hữu:

- Trang viên bề thế xinh tươi như vậy thì chắc chủ nhân cũng thuộc loại đại phú. Thế mà khi mất rồi, sao con cái lại thiếu thốn đến nỗi phải bán rẻ các đồ gia bảo? Còn hai người đàn bà kia, mỗi người một tính cách nhưng vẫn có thể sống chung trong một nhà thì cũng hi hữu. Đây là chuyện riêng nhà người, ta chỉ buồn cho cuộc đời dâu bể mà thôi. Bây giờ trời cũng đã sắp tối rồi, trở về phủ thì hơn.

Bọn tả hữu vâng lời, dắt ngựa quay bước trở về phủ Khai Phong. Không hiểu sao trong lòng Bao Công cứ bứt rứt, nghĩ mãi đến câu chuyện vừa chứng kiến. Ông hít một hơi khí trời trong lành cho đầu óc thoát khỏi suy nghĩ vơ vẩn rồi thông thả thúc ngựa trở về. Bao Công đâu có biết rằng đầu mối của việc này sẽ dẫn tới một vụ án ly kỳ đã bị che giấu bao nhiêu năm trời nay.

Ngay từ lúc trời mới mờ mờ sáng, chợt đã có tiếng trống kêu oan vang động từ ngoài công đường. Triển Chiêu là người phụ trách canh gác nên mau lẹ có mặt, vừa nhìn thấy mặt người đánh trống thì chợt sững sờ, bởi đó không ai khác, chính là người thiếu nữ xinh đẹp được gọi là Nhị nương mới gặp lúc ban chiều. Sau phút sững sờ, Triển Chiêu nhìn thấy bộ dạng bơ phờ, đầu tóc rối bù như người thiếu ngủ của thiếu nữ, quần áo cũng không được chỉnh tề, cộng với thái độ có vẻ vừa bối rối vừa kinh sợ của thiếu nữ thì biết ngay

đây không phải là chuyện đùa giỡn, lập tức đưa vào công đường ngồi chờ Bao Công ra thẩm vấn.

Thăng đường rồi, Bao Công mới biết người được gọi là Nhị nương ấy tên Xuân Tuyết, thiếp của vị công tử trẻ tuổi họ Lý, còn người phụ nữ đi ra trước có dáng điệu thanh cao hiên thực là Hà tiểu thư, con của Hà Viên ngoại có trang viên ngoài thành Khai Phong. Hà tiểu thư là vợ chính của Lý Công tử.

Mặc dù Xuân Tuyết đang rối loạn tinh thần, nhiều câu nói thiếu đầu thiếu đuôi, không có ý nghĩa nhưng Bao Công cũng hiểu được đôi phần, biết là đã có án mạng xảy ra ở trang viên họ Lý, lập tức cùng với tả hữu đưa Xuân Tuyết về đó khám nghiệm hiện trường.

Thì ra khi Bao Công cùng tùy tùng ra về rồi, Lý Công tử chia số bạc ra làm hai, đưa một phần cho Hà tiểu thư mà giọng nói rất cộc cằn khó nghe:

- Số bạc này đủ tiêu pha trong hai tháng, cầm lấy mà lo liệu việc nhà đi. Sau đó thiếu bao nhiêu ta sẽ bán đồ đạc tiếp, người không cần phải can thiệp vào làm gì.

Hà tiểu thư không dám giận, cầm số bạc mà nước mắt rưng rưng bởi nếu cứ như vậy chẳng bao lâu gia tài sẽ khánh kiệt, chính mình cũng sẽ mang tiếng là ngôi không phá của nhà chồng. Nàng cố dùng lời nhẹ nhàng khuyên bảo:

- Phu quân đừng giận dữ vì những lời can gián của tiện thiếp. Bởi nếu không tính chuyện làm ăn thì chẳng bao lâu sẽ không còn gì để bán nữa đấy. Bây giờ phu quân giữ số bạc này lo toan việc buôn bán đi, còn tiêu dùng trong nhà thiếp cố tằn tiện cũng xong.

Chẳng ngờ Lý Công tử đã không nghe mà còn nổi giận, quát mắng:

- Người là đàn bà biết gì mà dám khuyên bảo ta? Tài vật chỉ là thứ vô nghĩa, ta lại không có con nối dõi tông đường thì chất chứa tài vật làm gì cho lắm? Ta đã nói giữ lấy để lo việc nhà thì cứ cầm lấy, đừng nhiều lời.

Nói xong Lý Công tử để mặc Hà tiểu thư khóc lóc một mình, lấy bộ mặt vui vẻ đến phòng riêng của Nhị nương Xuân Tuyết. Đưa số bạc còn lại cho Xuân Tuyết, thấy nàng vẫn không đổi nét mặt, vẫn buồn dầu dầu, Lý Công tử mơn trớn hỏi:

- Đã có tiền rồi, nàng phải vui lên chứ? Bao giờ nàng tiêu hết ta sẽ tìm cách kiếm tiếp, cần gì phải buôn bán hay làm việc cho cực vào thân. Vừa rồi Đại nương của nàng khuyên ta nên buôn bán, quả thật nực cười cho bọn đàn bà.

Thế nhưng Xuân Tuyết không làm sao vui nổi, cau mặt đáp:

- Đại nương nói rất đúng! Nếu phu quân chỉ lo bán đồ đạc cha ông để lại để vui chơi qua ngày thì không những bị người đời chê cười mà thiếp đây cũng mang tiếng lây. Thiếp từng nghe phu quân lấy có không có người nối dõi nên chẳng thiết đến gia sản. Nếu bây giờ thiếp sinh cho phu quân một đứa con thì liệu phu quân có đổi tính nết được không?

Hai người còn đang trò chuyện thì Hà tiểu thư chợt đi đến. Lý Công tử thấy vậy sa sầm nét mặt, đã toan nổi cáu thì Hà Tiểu thư đã nói trước:

- Thiếp quên mất hôm nay là thượng thọ của phụ thân. Phu quân là hiền tế cũng nên đến chúc mừng mới đúng đạo nghĩa.

Thiếp đã sửa soạn xe ngựa sẵn sàng, chiều nay chúng ta cùng về vậy.

Lý Công tử chưa hết bức tức, nói:

- Đi thì đi! Ta cũng chẳng tha thiết gì mấy cái lễ lạc vô bổ ấy. Người cứ sửa soạn đi, khi nào xong ta sẽ cùng về.

Hà tiểu thư nghe chồng nói rất mừng, nàng chỉ sợ ông chồng hay cáu giận với mình không chịu về chúc thọ nhạc gia thì rất khó ăn khó nói với phụ thân. Nghe Lý Công tử hứa chắc, Hà tiểu thư cho biết là đã sai gia nhân sửa soạn lễ vật từ hôm qua rồi, bây giờ hai vợ chồng lên đường mới kịp buổi lễ vào lúc chiều tối. Nghe vậy Xuân Tuyết tỏ ra lo lắng, hỏi:

- Phu quân có định ở đêm bên ấy không? Bao giờ thì về? Thiếp ở đây một mình trong lòng rất lo sợ bởi nhà vắng vẻ, lại có nhiều đồ vật quý giá, nếu bọn cướp xông vào thì thiếp biết đối phó làm sao?

Lý Công tử cười rồi mở ngăn tủ lấy ra một con dao sáng loáng, đưa cho Xuân Tuyết rồi nói:

- Chiều nay Hà Viên ngoại mới đãi đằng, chắc chắn phải rất linh đình. Vì vậy ta khó có thể từ chối, chắc chắn sáng mai mới về được. Ta đưa nàng con dao này để phòng thân. Nó là con dao rất sắc bén, phụ thân ta trước kia luôn luôn để bên cạnh nên chưa bao giờ gặp tai họa. Nay ta giao nó cho nàng, để dưới gối nằm thì không còn lo lắng gì nữa.

Hà tiểu thư cũng khuyến khích nên cuối cùng Xuân Tuyết không dám phản nài, đỡ lấy con dao rồi bỏ dưới gối nằm của mình. Hóa ra tất cả đều do thái độ thiên vị của Lý Công tử, đối xử với vợ chính vợ lẽ khác nhau chứ hai người không hề xích mích chút nào.

Lý Công tử chưa bao giờ nói ra nhưng thật tâm chẳng hiểu tại sao rất nghi kỵ Hà Viên ngoại, vì vậy mới luôn luôn có thái độ cẩu gắt đối với Hà tiểu thư. Nhiều lần hắn cũng tự vấn lương tâm, thế nhưng vốn ít học, không thể hiểu nổi tại sao mình lại có thành kiến với Hà Viên ngoại như vậy.

Khi Lý Đại nhân về đây xây dựng trang viên thì Hà viên ngoại đã có cơ ngơi từ trước, giàu sang không ai bì kịp. Ông ta thấy Lý Công tử là con nhà thế gia, tự mình tìm người mai mối kết thân với nhà Lý Đại nhân. Lúc đó Lý Công tử cũng đang mong muốn có con nối dõi bởi phụ thân đã già yếu nên không cần xem mặt, lập tức bằng lòng lấy Hà tiểu thư ngay. Hắn vốn là người có tâm tính hoang đàng, thích ăn chơi hơn là làm ăn. Vì vậy lúc cưới Hà tiểu thư rồi, thấy nàng đoan trang nghiêm nghị thì đã bất mãn trong lòng, sau đó đòi cưới cho bằng được Xuân Tuyết làm phòng nhì.

Chiều hôm ấy, Viên ngoại họ Hà cho gia nhân trang hoàng lầu các nhà cửa hết sức huy hoàng tráng lệ, trước tiên là để mừng thọ cho xứng đáng, sau là muốn khoe khoang với láng giềng về sự giàu có của mình. Tuy Hà Viên ngoại nay đã tròn 60 tuổi nhưng da mặt vẫn hồng hào, dáng điệu quắc thước khiến ai cũng khen tặng là trẻ hơn tuổi thật. Có thể nói, Hà Viên ngoại có tướng mạo rất tốt nhưng nếu nhìn kỹ thì chỉ có đôi mắt là xấu, thỉnh thoảng lại liếc ngang liếc dọc, biểu lộ là người nhiều mưu mô kín đáo. Nếu so sánh với Hà tiểu thư mặt mũi đoan trang hiền thực thì khó có thể nghĩ rằng đó là hai cha con. Có lẽ vì vậy mà rất nhiều lần chính Hà Viên ngoại khen con gái xinh đẹp giống mẹ. Hà tiểu thư tâm tình chất phác, nghe vậy cũng không hề để ý chút nào.

Thấy chàng rể và con gái cùng về, Hà Viên ngoại hôn hờ ra tận cửa đón, cười nói rất ân cần nhưng không hiểu sao đôi mắt ngầm chứa dữ dội ấy cứ nhìn Lý Công tử chằm chằm. Vì có ấn tượng xấu với Hà Viên ngoại, lại chán ngán Hà tiểu thư nên Lý Công tử rất ít khi đến thăm viếng nhạc phụ, tính ra đã hơn một năm, bây giờ có lẽ lạc mới gắng gượng mà đến. Vì vậy Lý Công tử tưởng nhạc phụ giận về việc này, cúi đầu chào xong lập tức dâng lễ vật rồi lui ra ngay.

Hà viên ngoại muốn khoe khoang nên lần này mời rất đông khách khứa, quà cáp lễ vật họ mang đến chất cao như núi, toàn là thứ ngon vật lạ, quý giá vô ngần. Trong sảnh đường, Hà Viên ngoại cho bày mấy trăm bàn tiệc, thịt cá đều là loại ngon nhất, thậm chí có nhiều món người ở địa phương chưa từng được nếm qua bao giờ. Rượu thơm đồ như suối, ai muốn uống bao nhiêu tùy thích, thật là tưng bừng không tả xiết. Để mua vui cho khách, Hà Viên ngoại còn tốn rất nhiều tiền mời hẳn một gánh hát về dựng rạp trình diễn ngay giữa sân. Ai ăn uống no say thì có thể ra đó vừa hóng mát vừa xem kịch, có gia nhân túc trực dâng chè thơm và trái cây.

Bọn kép hát tuy là những người nổi tiếng nhưng vì được nhiều tiền nên ra sức hát liên tiếp, chọn những vở kịch mà gia chủ vốn ưa thích, có thể kéo dài tới sáng cũng chưa mãn cuộc. Lý Công tử rất mong chờ cuộc rượu tàn để về ôm ấp Xuân Tuyết, chỉ ngồi uống rượu cầm chừng, tai hầu như không nghe lọt một câu hát nào, tâm hồn để đâu đâu. Thậm chí có khách quen đến chào, Lý Công tử cũng phải ngơ ngác hồi lâu mới nhận ra, gắng gượng chào hỏi.

Khi màn kịch sắp kết thúc, Lý Công tử thấy Hà Viên ngoại đã

vươn vai đứng lên thì mừng thầm. Chẳng ngờ ông ta không đi ngủ mà lại đến trước mặt hai vợ chồng, nói nhỏ:

- Nhân dịp này ta muốn nói một chuyện với hai đứa. Đây là việc gia đình nên ta không muốn ai nghe được, hãy vào phòng riêng vậy.

Lý Công tử nghe vậy càng tức bực hơn nhưng vẫn phải gắng gượng sóng vai cùng vợ vào phòng của Hà Viên ngoại. Ông ta hình như có điều gì giận dữ, chỉ nói buông thông:

- Ngồi xuống đi...

Rồi lại ngược nhìn trần nhà, hình như đang suy nghĩ kỹ những lời sắp nói ra. Lý Công tử vừa hồi hộp chẳng biết lành hay dữ, vừa tức bực trong lòng vì nếu cứ kéo dài mãi như vậy thì làm sao có thể về nhà vui vẻ với Xuân Tuyết. Chàng ta đánh bạo hỏi:

- Nhạc phụ gọi chúng con vào đây...

Hà Viên ngoại lập tức cắt lời, đôi mắt ánh lên tia dữ tợn rồi chậm rãi nói với giọng thật lạnh lùng:

- Cũng không có gì lớn lao. Chẳng qua... không làm ăn gì thì đến núi vàng cũng hết, lấy gì nuôi vợ con, còn việc dành dụm chút ít khi về già nữa chứ.

Lý Công tử tưởng việc gì trọng đại, nghe vậy thoáng yên tâm nhưng đồng thời cũng xấu hổ vì bị trách móc. Hà tiểu thư biết tính chồng, vội đỡ lời:

- Phụ thân không biết đấy thôi, chúng con đã nhiều lần bàn tính với nhau sẽ đi buôn xa thì mới có thể thu được lợi nhuận nhiều. Phu quân của con cũng không nề hà sương gió nhưng toan

tính bao nhiêu cũng thành không bởi vì thiếu vốn liếng.

Thật ra không có việc này, Hà tiểu thư chỉ nói đùa để Hà Viên ngoại không còn có trách cứ chồng mình nữa. Lý Công tử liền vỗ lấy lý do này, nói luôn:

- Thừa nhạc phụ, đúng như vậy...

Chàng ta còn định nói hươu nói vượn mấy câu nữa nhưng Hà Viên ngoại chợt đưa tay cản lại, quay lại nói lớn:

- Quản gia đâu, mang ra đây cho ta.

Hai vợ chồng Lý Công tử hết sức ngỡ ngàng vì chưa hiểu Hà Viên ngoại định như thế nào, hồi hộp nhìn theo tay người quản gia. Ông ta đặt một túi khá to trên bàn, trọng lượng rất nặng nề. Hà Viên ngoại liền chỉ vào cái túi, nói lớn:

- Trong đây là 300 lượng bạc. Ta nghĩ số tiền này thừa đủ làm vốn buôn bán hay mở cửa hàng gì đó sinh nhai.

Hà Viên ngoại chợt nhìn Hà tiểu thư mà nói:

- Chúng ta tuy là cha con nhưng người đã về nhà chồng, sang hèn đều phải chịu theo chồng. Vì vậy ta giúp vốn chứ không cho. Ta sẽ không lấy lời nhưng hạn trong một năm phải trả lại nguyên vốn.

Ông ta lại quay nhìn Lý Công tử, lời nói trầm trầm ra vẻ nhân nghĩa, thật sự tiềm ẩn sự lạnh lẽo ghê người:

- Không phải ta không tin hai vợ chồng. Thế nhưng ta nghe đồn là người mê say tửu sắc, lại có khi lặn vào sông bạc, nếu không có gì ràng buộc chắc chắn người sẽ làm tiêu tan hết số tiền này ngay. Vì vậy ta định...

Lý Công tử vừa mới mừng xong, nay lại có cảm giác như bị ai dúi dao sau lưng, cố gượng vánh tai nghe Hà Viên ngoại đặt điều kiện:

- Để người thật tâm chí thú làm ăn, nay phải làm văn tự ghi nợ, lấy trang viên họ Lý làm vật thế chân. Nếu như trong một năm mà không trả đủ số bạc thì phải mất nhà ở.

Thấy Lý Công tử và Hà tiểu thư đều lộ vẻ lo lắng, Hà Viên ngoại vội nói tiếp:

- Đây chỉ là hình thức mà thôi. Có như thế vợ chồng người mới hết lòng lo toan làm ăn. Ta là cha của vợ người, hại người thì chẳng khác gì hại cả con gái hay sao? Đến hổ cũng không ăn thịt con, chẳng lẽ ta đây là loài người lại đi làm hại con cái phải mất nhà cửa, ra ngoài đường lang thang hay sao?

Lý Công tử nghe vậy vừa tức vừa hận, đứng dậy nói to:

- Trang viên là gia sản của thân phụ bao nhiêu năm vất vả tích cóp mới xây dựng lên được. Nó giá trị hàng vạn lạng bạc, chẳng lẽ đánh đổi lấy số tiền cỏn con này hay sao? Thói đời xuất vốn ra làm ăn đa phần chưa biết thành công hay thất bại, vì vậy nếu như không trả được nợ thì mất trang viên, có khác gì trả lãi quá nặng? Đánh đổi như vậy hoàn toàn không công bằng.

Hà Viên ngoại vẫn bình tĩnh, vẫy tay ra hiệu cho Lý Công tử ngồi xuống, ôn tồn nói:

- Ta đã biết trước như thế nên mới nói đây chỉ là hình thức mà thôi. Nếu vợ chồng người không muốn thì thôi vậy, ta cũng không nài ép.

Nói xong, Hà Viên ngoại liền đứng dậy, nhìn Hà tiểu thư nói với

về châm biếm:

- Đó là do chồng của con bất tài không dám làm ăn. Bây giờ hai vợ chồng đói khổ thì cũng đừng chạy đến than vãn với cha nữa.

Hà tiểu thư chết lặng trong lòng, đưa mắt nhìn chồng để xem quyết định ra sao, nửa muốn khuyên chồng cầm lấy số vốn, nửa lại sợ không muốn chồng lâm vào tình trạng bấp bênh. Riêng Lý Công tử nghe vậy bậm môi có vẻ tức tối, thầm nghĩ:

“Nếu như gần đến hạn kỳ mà làm ăn không khá, ta sẽ lén bán một phần trang viên cũng đủ trả món nợ này rồi. Bây giờ không nhận làm văn tự thì bị vợ chê cười mà nhạc phụ cũng có cớ để xua đuổi không giúp đỡ gì nữa”.

Vì vậy Hà Viên ngoại chưa kịp xoay lưng bỏ đi thì Lý Công tử kêu lớn:

- Được rồi! Được rồi! Hãy đưa văn tự ra đây mau!

Hà Viên ngoại tươi tỉnh quay lại, cười nói:

- Như thế mới là trang trọng phu biết lo cho gia đình chứ! Người đâu, viết văn tự đưa cho Công tử đây ký vào.

Tiếng là thế, thật sự văn tự đã được viết từ trước, lão quản gia nghe gọi mau mắn đem ra để trên bàn. Lý Công tử đã có chủ ý trong lòng, lập tức đưa tay điểm chỉ, không hề lo sợ chút nào. Lý Công tử cầm lấy túi bạc, vừa định nói lời từ biệt thì Hà Viên ngoại đã chặn lời:

- Bạc đã giao rồi, người cứ về đi mà lo việc sinh nhai. Tiểu nhi đã lâu lắm không về thăm nhà, nay có dịp vui mừng thì ta muốn giữ lại vài ngày hàn huyên, có được không?

Hà tiểu thư có linh cảm chẳng lành, từ lúc người chồng ký vào văn tự nhận nợ thì hình như có cái gì đó làm cho tâm thần của nàng quay cuồng, thật sự muốn về Lý gia trang để nghỉ ngơi. Nàng đã toan nói với chồng là hãy xin cả hai cùng về thì Lý Công tử đã mau miệng nói trước:

- Như vậy cũng được. Nàng cứ ở lại đây vui chơi thêm mấy ngày nữa cũng chẳng sao. Trang viên vốn vắng vẻ không người coi sóc, ta phải về trước đây.

Hà tiểu thư không muốn bị mang tiếng bất hiếu trái lời yêu cầu của phụ thân, đành phải lo lắng dằn dò chồng:

- Không phải tiện thiếp nhiều chuyện nhưng phu quân đang giữ trong người số bạc lớn, hãy đi thẳng một mạch về nhà. Đừng vì bạn bè mà ghé ngang quán rượu hoặc sông bạc, chắc chắn sẽ không hay đâu. Vả chẳng Xuân Tuyết đang sợ hãi ngóng chờ, phu quân càng nên mau chân mới được.

Lý Công tử hứa hẹn sẽ theo lời của vợ, nhất quyết không ghé bất cứ nơi nào, thi lễ với Hà Viên ngoại xong lập tức đi luôn, chẳng thêm khách sáo cảm ơn nhạc phụ một tiếng. Trong lòng Lý Công tử bây giờ mới có chút hân hoan, chàng ta cho rằng việc mượn nợ không có gì đáng phải lo lắng, chỉ cần thoát ra khỏi Hà trang viên về vui vẻ với Xuân Tuyết là thú vị tuyệt vời rồi, nếu cần thì bán hết đồ đạc trong nhà rồi vay mượn chút ít cũng có thể trả được nợ.

Thế nhưng chẳng biết ngày hôm ấy Lý Công tử bị ác tinh nào chiếu vào mà chưa hết xui xẻo, khi đi ngang qua nhà bếp Lý Công tử lại gặp phải ngay rắc rối khác. Một bà già thân thể hết sức to béo đột ngột chạy ra chắn đường. Lý Công tử giật bắn cả người,

nhìn lại thì ra đó là bà vú ngày trước của Hà tiểu thư, nay phụ trách bếp núc trong trang viên.

Lý Công tử chưa kịp mở lời trách người gia nhân vô lễ này thì bà vú đã mồm năm miệng mười tru tréo:

- Già nghe nói Công tử đã lấy người thiếp xinh đẹp trẻ trung nên bỏ bê chính thê, đối xử không tốt với Hà tiểu thư phải không? Ta cho Công tử biết, tiểu thư được ta nuôi nấng bế bồng từ khi mới lọt lòng, như con đẻ của ta vậy. Nếu Công tử có điều gì không tốt hoặc làm hại đến tiểu thư thì đừng trách già này đấy nhé. Dù già yếu rồi, ta vẫn liều chết một mạng đổi một mạng xem ai thua lỗ nào.

Lý Công tử tức quá than thầm: “Ngày hôm nay sao mà xui xẻo quá. Có lẽ ta nên uống chút rượu giải trừ cái xui đi mới được”.

Nghĩ vậy nên Lý Công tử hầm hầm đưa túi bạc lên, quát tháo:

- Được lắm, các người cứ hiệp đáp ta đi. Khi nào ta giàu có rồi thì các người biết tay.

Tuy nói cứng nhưng Lý Công tử thật sự không dám đối đầu với bà vú hung dữ này, lập tức quay người đi theo lối khác ra khỏi trang viên. Trên đường, Lý Công tử có ghé qua nhà một người nhưng không mời anh ta mà một mình vào quán rượu uống cho đến khi say mèm, bao nhiêu buồn giận theo hơi men tan biến hết mới ngất ngưỡng theo đường nhỏ mà về trang viên.

Lúc đó Xuân Tuyết rất lo lắng, đốt đèn sáng choang khắp nơi rồi vào phòng ngồi thu trên giường, tay nắm chặt con dao, không tài nào ngủ nổi. Đến gần nửa đêm, Xuân Tuyết mệt quá đôi mắt gần muốn nhắm lại thì chợt nghe có tiếng gõ cửa âm âm cùng với

tiếng gọi lè nhè không nghe rõ là của ai. Xuân Tuyết càng thêm hoảng sợ, cứ thu mình vào một góc, không dám ra xem đó là ai. Mãi đến khi Lý Công tử tức quá đấm cửa thật mạnh rồi quát to:

- Xuân Tuyết đâu rồi, sao không mở cửa cho ta?

Xuân Tuyết nghe gọi đúng tên mình, cố lảng nghe thì mới nhận ra đó là Lý Công tử, mừng rỡ chạy ra đón vào. Hai người chẳng trao đổi được câu nào, vừa vào phòng là Lý Công tử nôn thốc nôn tháo, mùi hôi hám xông lên nồng nặc. Xuân Tuyết đành phải đưa chồng lên giường, lau chùi sạch sẽ rồi thay quần áo khác. Lý Công tử quá say nên không biết gì, để mặc Xuân Tuyết săn sóc, ngáy vang cả nhà. Thấy trong phòng vẫn còn mùi hôi hám, Xuân Tuyết đành đóng cửa rồi sang phòng nhỏ nghỉ lưng, ngủ quên bao giờ không hay. Đến khi trời mờ mờ sáng thì Xuân Tuyết mới giật mình thức dậy.

Thấy trời chưa sáng hẳn, nàng liền xuống bếp làm món điểm tâm rồi mới lên phòng định đánh thức chồng dậy cùng ăn. Chẳng ngờ khi bước vào phòng thì đột nhiên hét lên một tiếng kinh hoàng, ngã lăn ra bất tỉnh. Thì ra Lý Công tử vẫn nằm trên giường nhưng trên người có rất nhiều vết dao, máu đã khô thành từng vệt đỏ thẫm lan cả xuống sàn nhà. Nơi vũng máu lớn nhất còn lại con dao mà chính mình đem qua cầm trong tay. Tuy đang kinh hoảng nhưng Xuân Tuyết vẫn còn lơ mơ nhận ra là túi bạc hôm qua Lý Công tử đem về để cạnh chỗ nằm đã biến mất. Khi tỉnh dậy, Xuân Tuyết không dám nhìn lại xem có đúng như vậy không, hốt hải chạy thục mạng đến công đường phủ Khai Phong đánh trống cầu cứu.

Khi Bao Công cùng tùy tùng đi với Xuân Tuyết đến hiện trường thì xác của Lý Công tử vẫn không thay đổi. Theo quan sát của ông thì chắc chắn Lý Công tử chết khi đang ngủ say nên không hề có dấu vết chống trả. Bao Công đã nghe Xuân Tuyết khai về con dao nên bọc giấy cầm lên xem thử. Ông nhú mày rồi nói nhỏ với Triển Chiêu:

- Con dao này chỉ dính máu phía dưới, phần trên hoàn toàn không có dấu máu. Ta nghi rằng chỉ là ngụy tạo, hung thủ giết người xong mới nhìn thấy con dao này nên thấm vào máu, tạo ra hiện trường giả với ý định đánh lạc hướng điều tra của bản phủ.

Triển Chiêu cũng là người nhạy bén, rất khen ngợi Bao Công nhận định mau lẹ nhưng không để lộ, chỉ gật đầu. Bao Công liền quay sang phía Xuân Tuyết, hỏi:

- Người xác nhận đúng là con dao này Lý Công tử đã trao cho người đêm hôm qua? Người để dưới gối rồi sau đó cầm trên tay cho đến lúc Lý Công tử say rượu trở về hay còn mang đi nơi khác?

Xuân Tuyết khai đúng sự thật nên Bao Công bắt đầu sai người lục tìm quanh trang viên, một lúc sau thì tìm được một con dao khác lớn hơn nằm dưới đáy hồ trong vườn nhà. Bao Công so sánh các vết thương với con dao đó, nhận ra ngay nó chính là công cụ giết người bởi rất phù hợp với các vết thương to rộng. Theo ông thì sau khi lập hiện trường giả, hung thủ đã vội vã chạy đi, vớt con dao gây án xuống hồ nước để phi tang với ý đồ đổ hết tội lên đầu Xuân Tuyết.

Sau khi khám nghiệm xong, Bao Công cùng tùy tùng đưa Xuân Tuyết về công đường, dù Xuân Tuyết hết sức kêu oan nhưng duy

nhất cô ta là người ở cạnh Lý Công tử khi bị giết nên tạm thời ông vẫn ghép vào tội tình nghi giết chồng, giam vào ngục thất. Đồng thời Bao Công cũng thân hành đến Hà trang viên, giáp mặt Hà tiểu thư để hỏi về con dao của Lý Công tử.

Có một điều khá lạ mà ít người nhận ra, đó là khi Bao Công vừa đến cổng thì Hà Viên ngoại đã gọi Hà tiểu thư ra sẵn sàng đối chất. Nghe tin chồng chết thảm, Hà tiểu thư chưa khai điều gì đã khóc òa lên rồi lăn ra đất bất tỉnh nhân sự. Bao Công đành phải quay qua Hà Viên ngoại hỏi về thái độ của Lý Công tử trước khi cầm túi bạc ra về.

Hà Viên ngoại không xúc động trước cái chết của người con rể, bình tĩnh khai tất cả mọi việc, chê trách Lý Công tử hết lời. Bao Công hỏi thêm:

- Khi Lý Công tử về rồi, Hà tiểu thư ngủ ở đâu, có ra ngoài hay không?

Hà Viên ngoại lại được dịp tán tụng chính mình, nói:

- Lão thương yêu con gái nên cũng nể nang thằng chồng. Thế mà hắn không biết hối hận, sau khi cầm số bạc rồi liền đi ngay, không thềm cảm ơn lão một tiếng. Còn con gái lão chẳng biết tại nhớ chồng hay lạ nhà mà mãi đến nửa đêm, khi lão vào khuyên nhủ mới ngủ được, không hề rời khỏi trang viên một bước.

Bao Công gật đầu, lại hỏi:

- Việc Lý Công tử cầm số bạc lớn như vậy ngoài ông và Hà tiểu thư ra, còn ai biết không?

Hà Viên ngoại đáp:

- Hình như khi đi qua bếp, chàng rể khó chịu của tôi đụng chạm gì đó với bà vú, hai người to tiếng rồi Lý Công tử có đưa túi bạc lên hăm he. Như vậy là có thêm bà vú biết chuyện này.

Khi Hà tiểu thư tỉnh dậy, Bao Công chỉ hỏi qua loa về việc Lý Công tử có ai thù hằn không. Ông được biết ngày hôm trước chỉ có việc bực tức vì bị người lái buôn đồ vật tên là Triệu Cảnh ép giá, hoàn toàn không có thù oán với ai.

Khi Bao Công ra về phủ rồi, Hà tiểu thư cũng về trang viên cùng với Xuân Tuyết lo liệu việc tang ma cho chồng. Hà tiểu thư không dám nói thẳng nhưng có khi úp mở nghi ngờ Xuân Tuyết dùng con dao đó giết chồng cướp túi bạc. Xuân Tuyết khóc lóc kêu oan, nhất quyết không bao giờ mình làm chuyện phi luân bất nghĩa như vậy.

Riêng Bao Công về phủ suy nghĩ rất căng thẳng bởi hầu như không có đầu mối nào chính xác. Hiện tại chỉ còn tên Triệu Cảnh, ông bèn gọi hấn đến công đường thẩm vấn, nhờ vậy mới biết đêm hôm đó Lý Công tử đã ghé nhà hấn cầm túi bạc khoe khoang rồi mới đi uống rượu. Triệu Cảnh khai thêm:

- Tiểu nhân biết Lý Công tử đi uống rượu nhưng không được mời nên đóng cửa đi ngủ. Chẳng ngờ chưa bao lâu thì nghe có tiếng chân người. Tiểu nhân tưởng Lý Công tử trở lại, nhưng rồi lại là một phụ nữ. Tiểu nhân nhìn kỹ thì hóa ra đó là Hà tiểu thư, lập tức lên tiếng hỏi có phải đi tìm chồng hay không. Hà tiểu thư nghe hỏi giật mình đánh rơi cả cây trâm cài đầu đang cầm trên tay. Khi Hà tiểu thư đi rồi, tiểu nhân nhặt cây trâm ấy toan tính sáng mai sẽ... trả lại cho chủ nhân, bây giờ xin nộp cho đại nhân làm tang

vậy.

Nói xong Triệu Cảnh dâng cái trâm cài đầu lên. Đây là bằng chứng khá rõ ràng, lập tức Bao Công viết trát triệu Hà tiểu thư đến đối chất. Trong lúc đó chợt Triệu Cảnh ngập ngừng nói:

- Có điều rất lạ... hơi lạ một chút là...

Bao Công sầm mặt xuống hỏi:

- Còn điều gì khuất tất mà người chưa chịu khai ra? Chắc muốn đòn đau rồi mới khai toàn bộ phải không?

Triệu Cảnh hoảng sợ, vội thưa:

- Tiểu dân không dám! Đây chỉ là ý nghĩ thoáng qua đầu, nếu khai bừa thì e rằng tội nặng thêm. Nay Bao đại nhân đã hỏi thì đành phải nói vậy. Vốn là đêm qua chính mắt tiểu nhân thấy Hà tiểu thư đến hỏi thăm chồng nhưng thật lạ... hình như dáng đi của tiểu thư... mạnh bạo khác thường. Chắc có lẽ đang lúc nóng vội nên mất đi tính yếu điệu thường nhật hay chăng?

Bao Công nghe vậy nhíu mày suy nghĩ một chút, gật đầu đáp:

- Tốt lắm! Ta sẽ ghi nhớ việc này.

Khi Hà tiểu thư đến công đường, nhìn thấy cây trâm cài đầu của mình thì giật mình, nói:

- Tiện nữ thật không hiểu tại sao Bao đại nhân lại lấy được cây trâm này. Sáng nay tiện nữ cùng phụ thân trò chuyện, nhớ rõ rằng đã để cây trâm trên bệ cửa sổ, sau đó quên khuấy đi mất. Xin Bao đại nhân cho biết tại sao nó lại ở đây?

Một lần nữa hình như Bao Công đã hình thành một ý niệm, nói luôn:

- Cây trâm này đã là bằng chứng rất quan trọng. Vì vậy có thể nói là Xuân Tuyết hoàn toàn vô tội, thủ phạm bị tình nghi chính là tiểu thư đó. Bây giờ bản quan phải tạm giam vào ngục thất chờ điều tra, bao giờ sáng tỏ sẽ thả ra. Tiểu thư phải chịu khuất tất một chút vậy.

Nói xong, Bao Công sai người thả Xuân Tuyết ra, giam Hà tiểu thư vào ngục. Thế nhưng chỉ hôm sau Xuân Tuyết đã trở lại công đường, dâng một bọc quần áo trẻ con, ngậm ngùi nói:

- Đây chính là số quần áo mà Đại nương đã may sẵn cho đứa con đang hoài thai của dân nữ. Với tấm lòng đại lượng như vậy, chắc chắn Đại nương không thể là kẻ giết chồng đoạt của được. Dân nữ biết đại nhân vì cuộc điều tra phải giam Đại nương vào ngục nhưng như thế quá cô đơn lạnh lẽo. Dân nữ nguyện xin được giam chung với Đại nương để chị em cùng hủ hỉ. Cùng lắm nếu quả Đại nương vì lý do gì đó phải bắt nạt ra tay hạ sát chồng thì dân nữ cũng tình nguyện chia tội với Đại nương cho trọn lòng chung thủy.

Nghe những lời hết sức tình cảm như vậy, Bao Công cũng phải động lòng, sai người đưa Xuân Tuyết vào ngục giam chung với Hà tiểu thư nhưng đổi sang một chỗ sạch sẽ hơn. Trong lòng ông cũng có cảm giác chắc chắn Hà tiểu thư lẫn Xuân Tuyết không thể là gian nhân, vậy thì hung thủ thật sự là ai? Cần phải khéo léo mới có thể điều tra ra được.

Vì vậy liên tiếp mấy hôm sau Bao Công hết gọi Hà tiểu thư và Triệu Cảnh lên công đường, hỏi dồn dập, hy vọng họ sẽ bất ngờ mà tiết lộ những chi tiết quý giá. Quả nhiên với phương cách này Bao

Công đã tìm ra được một manh mối khá quan trọng. Đó là khi Hà Viên ngoại mời gánh hát về trang viên, có một kép hát là nam nhưng thường đóng vai nữ. Bao Công liền gọi hết những người trong gánh hát đến thẩm vấn, thì ra người kép hát đó có một lúc bỏ đi đâu khiến người cùng phường phải tìm mãi mới thấy.

Bao Công liền cho quân bao vây gánh hát, đòi người kép ấy phải ra trình diện. Thế nhưng đã chậm mất một chút, chẳng biết vì lý do gì tên kép hát ấy đã treo cổ tự tử. Nghe Triền Chiêu báo lại, Bao Công hạ lệnh giữ nguyên hiện trường, đích thân đến quan sát. Ông sai người lấy một cái bàn để dưới chỗ người bị treo cổ. Thấy cái bàn còn quá thấp so với chiều cao xác chết, Bao Công nói nhỏ với Công Tôn Sách điều gì đó. Công Tôn Sách gật đầu rồi sai người hạ xác chết xuống khám nghiệm. Sau đó Công Tôn Sách báo riêng với Bao Công:

- Cái bàn quá thấp, không thể dùng nó để tự treo cổ là một nghi vấn. Nạn nhân không thè lưỡi ra như bình thường khi bị ngạt thở là điểm thứ hai. Trên cổ có một vết cắt rất nhỏ nhưng đó vào tử huyệt, không có máu phun ra. Như vậy chắc chắn hán đã bị hung thủ giết chết rồi mới treo lên. Nới áo của nạn nhân có dính chút máu, chắc là của hung thủ giằng co với tên kép hát, bị chính lưỡi dao của mìnhứa chảy máu và dây vào đó.

Bao Công gật đầu:

- Tên hung thủ này quả là xảo quyệt. Thế nhưng chính sự xảo quyệt của hán đã làm lộ hình tích. Chúng ta đến thẳng Hà trang viên điều tra tất sẽ bắt được hán ngay.

Bao Công đang định đi thì chợt Hà Viên ngoại chạy tới, lấy bộ

mặt vui vẻ nói ngay:

- Chúc mừng đại nhân đã tìm ra được thủ phạm. Tuy hấn đã chết rồi nhưng ít nhất đứa con gái yêu của tiểu dân cũng thoát khỏi tù ngục...

Không để Hà Viên ngoại nói hết, Bao Công chặn lại, hỏi:

- Bản quan nhân đã xác định tên kếp hát là hung thủ bao giờ mà Viên ngoại vội vui mừng như vậy?

Thấy Hà Viên ngoại bối rối không biết trả lời sao, Bao Công giả vờ thở dài, nói:

- Vụ án này thật bí hiểm. Từ hôm bắt đầu điều tra đến nay ta nhúc cả đầu óc. Nay muốn đến trang viên của Viên ngoại để nghỉ ngơi một chút được không?

Hà Viên ngoại hình như càng bối rối nhưng không có lý do gì từ chối, đành phải gượng đón Bao Công về trang viên tiếp đãi. Trong khi ngồi uống trà, Bao Công tinh tế nhìn thấy Hà Viên ngoại cứ lấy tay áo kéo xuống, che giấu gì đó, mãi sau ông mới nhận ra đó chính là một vết thương đã được băng bó rồi. Tuy nhiên chi tiết này vẫn chưa đủ để kết tội Hà Viên ngoại nên Bao Công giả vờ đi vệ sinh, xuống dưới bếp quan sát, thấy trên giá để dao thiếu mất một chỗ, tức là đã có một con dao bị mất.

Sau đó Bao Công lại xin phép lên thăm căn phòng của Hà tiểu thư. Ông quan sát rất kỹ cái cửa sổ mà Hà tiểu thư đã khai để cây trâm cài đầu ở đó. Nhận ra cửa sổ này có thể từ một lối khác xâm nhập, Bao Công khá hài lòng, từ giã Hà Viên ngoại trở về công đường.

Sau đó Bao Công lại gọi Hà tiểu thư lên thăm vấn, lần này chỉ

hỏi về việc gia đình, muốn biết mẫu thân của Hà tiểu thư mất khi nào? Hà tiểu thư tình thật khai ngay:

- Đây là điều mà phụ thân tiểu nữ dặn đi dặn lại đừng tiết lộ cho ai biết. Theo lời ông thì mẫu thân tiểu nữ mất khi tiểu nữ mới được 1 tuổi. Từ đó trở đi bà vú phụ trách việc nuôi nấng cho đến lúc xuất giá đi lấy chồng.

Bao Công lại chợt hỏi:

- Tiểu thư có biết vì nguyên nhân gì mà mẫu thân bị chết không?

Hà tiểu thư đáp:

- Lúc đó tiểu nữ còn nhỏ nên không hề biết, cũng không được phụ thân nhắc đến bao giờ. Có lẽ chỉ bà vú là người biết rõ mà thôi.

Đến đây Bao Công đã khá thỏa mãn, cho Hà tiểu thư trở về nơi giam cầm, lập tức triệu bà vú tới công đường, cho cả Hà tiểu thư đến đối chất. Lần này có điều khác lạ, ngay khi tới công đường, bà vú lập tức sụp lạy rồi khóc ngất, rất lâu sau mới nói được nên lời:

- Quả là trời cao có mắt, việc ác độc này lão đây đã giữ kín trong lòng mấy chục năm nay không dám nói ra bởi chỉ cần hé miệng là mất mạng ngay. Nay chắc hoàng thiên phù trợ nên mới sai Bao đại nhân xử đúng vụ án này. Bây giờ lão xin kể hết đầu đuôi, nhờ Bao đại nhân báo thù cho mẹ của tiểu thư nhà chúng tôi.

Bà vú liền quay lại ôm lấy Hà tiểu thư, đau khổ nói:

- Hung thủ giết mẹ của tiểu thư không phải ai khác, chính là tên tiểu nhân đội lốt Hà Viên ngoại. Cũng chính hắn giết Lý Công tử rồi vu oan giá họa cho tiểu thư, có lẽ để trừ tận gốc, tha hồ

hưởng tài sản của phụ thân hiền lương của tiểu thư để lại.

Hà tiểu thư còn đang chết lặng cả người thì bà vú vái Bao Công một cái, khai ra luôn:

- Tất cả những lời khai của lão hôm nay đều là sự thật, nếu có chút gì gian trá thì sẽ bị trời tru đất diệt. Số là hai mươi năm trước, phụ thân của tiểu thư là một thương buôn họ Thái, mỗi lần đi buôn bán xa đều dẫn theo một viên thư lại giúp việc sổ sách. Tên thư lại này họ Hà, chính là hung thủ của bao nhiêu vụ giết người...

Quá xúc động, bà vú phải ngừng một chút để trấn tĩnh rồi mới khai tiếp:

- ... Trong một lần đi buôn bán xa, họ Hà trở về một mình, cho biết chủ nhân đã bị người ta lừa lấy hết tiền bạc, phần uất nháy xuống sông tự tử, không tìm thấy xác. Trước khi chết, người chủ đã gởi gắm toàn bộ gia sản cùng với việc trông nom người góa phụ với đứa con cô cho hấn. Mẹ của tiểu thư thừa biết việc này có gian dối nhưng vì hai điều mà không để lộ ra, đó là muốn đùm bọc đứa con còn thơ dại, thứ hai rất sợ họ Hà lên giết chết cả mẹ lẫn con thì lấy ai báo thù cho chồng? Vì vậy phu nhân cố gắng sống trong nhục nhã, sau này lại được một người bạn cùng đi buôn trao cho chiếc vòng rồi nói rõ sự thật. Phu nhân biết rõ rồi, định đi báo quan nên tên họ Hà hăm dọa đủ điều, lại cho người canh chừng cẩn mật nên không có cơ hội báo cho quan biết. Sau đó hấn ép buộc phu nhân phải hầu hạ như là vợ chính thức. Phu nhân vì muốn bảo vệ đứa con gái nên cúi đầu chịu nhục, sau uất ức quá thành bệnh mà chết. Khi ấy họ Hà dùng tiền bạc mua được chức Viên ngoại, từ đó trở đi

không còn ai dám nghi ngờ hấn là hung thủ giết cả chồng lẫn vợ để đoạt gia tài người chủ cũ nữa.

Hà tiểu thư nghe đến đây phần uất trào lên, lăn ra đất bất tỉnh. Riêng Triển Chiêu là người nghĩa hiệp, thấy chuyện bất bình chẳng thể đứng tay hướng gì là tên đại gian đại ác như họ Hà, lập tức xin Bao Công bắt hấn về trừng trị. Thật sự Bao Công rất trầm tĩnh mà khi nghe việc này cũng không tránh khỏi tức giận, liền cùng với Triển Chiêu dẫn một số quân lính cấp tốc đến Hà trang viên, đập cửa xông vào chứ không thèm kêu gọi cho mất thời giờ.

Lúc đó Hà Viên ngoại đang ngồi uống rượu, thấy tình hình đã nguy cấp mà vẫn bình tĩnh, sắc mặt không hề biến đổi chứng tỏ hấn thật thâm độc. Triển Chiêu không bình tĩnh được như hấn, vừa xông vào lập tức quát lớn:

- Tên giết người vô nhân kia, mau cúi đầu chịu trói, theo bản quan về phủ đường chịu tội.

Hà Viên ngoại thản nhiên đáp lại:

- Triển thị vệ nói gì lạ vậy? Tiểu nhân đã phạm tội gì? Nếu chưa có chứng cứ rõ ràng thì đừng trách tiểu nhân sẽ kháng cáo lên cấp trên đấy.

Bao Công cười gằn, quát quân lính xông vào trói chặt Hà Viên ngoại vào rồi mới nói:

- Bản quan nhân đây đã nhiều lần xét xử tới bậc hoàng thân quốc thích, chưa có ai dám chống lại cả. Người chỉ là tên tiểu nhân hèn hạ, dùng độc kế giết người cướp gia tài mà dám huênh hoang với bản quan sao? Ta sẽ đưa ra đủ chứng cứ để người tâm phục khẩu phục mà tự nguyện đưa đầu vào “Cầu đầu đao”. Bây đầu!

Hãy giải hẩn về công đường, soạn sẵn hình cụ cùng “Cầu đầu đao” cho ta.

Thế nhưng trước mặt các nhân chứng cùng với chiếc vòng ngọc mà thân phụ của Hà tiểu thư để lại, Hà Viên ngoại vẫn nhất định kêu oan. Hẩn miệng lưỡi cãi từng lời nói từng sự việc hết sức khôn khéo nên Bao Công cuối cùng bắt phải vén tay áo lên hỏi vết thương ấy do đâu mà có. Khi ấy Hà Viên ngoại mới bắt đầu lúng túng nhưng vẫn ngoan cố nói:

- Bao Đại nhân cho rằng tiểu dân giết tên kếp hát rồi treo lên. Việc này khá nực cười vì chỉ là gán ghép suy diễn mà thôi.

Thật sự hẩn nói cũng đúng vì không thể dựa vào chứng cứ xác thực nào để bắt tội hẩn giết tên kếp hát được. Nếu không bắt được tội này thì cũng khó mà truy ra các tội khác. Ai cũng tưởng lần này Bao Công phải dùng đến cục hình, nhưng ông vẫn điềm tĩnh, phán bảo:

- Bản quan thừa biết người là tên gian xảo đệ nhất. Người tưởng rằng có thể chối tội được ư? Bản quan sẽ làm cho người phải tâm phục khẩu phục, không dùng đến hình cụ.

Nói xong, Bao Công truyền người đem đến một cái chậu nước, lấy chỗ máu dính trên áo tên kếp hát nhỏ vào rồi lấy máu ở vết thương trên cổ tay của Hà Viên ngoại nhỏ chung. Lập tức hai loại máu ấy hòa vào nhau, chứng tỏ đó là máu của cùng một người. Đối với việc thử máu này trong thời đại ấy rất mới mẻ, Bao Công là người đã nghiên cứu lâu nên biết chắc sẽ có hiệu quả nên mới dám đưa ra làm chứng cứ.

Khi đã thấy tận mắt, Hà Viên ngoại thần thò không dám chối

cải nữa, đành phải điếm chỉ vào tờ khai, giam vào ngục chờ ngày hành hình. Thế là vụ án khá bí ẩn này đã được Bao Công làm sáng tỏ. Xuân Tuyết và Hà tiểu thư được phóng thích ra khỏi ngục. Riêng tên Triệu Cảnh có lệnh bị đánh 20 roi về tội buôn gian bán lận.

Sau khi bãi đường, Triển Chiêu còn một số thắc mắc đem hỏi thì Bao Công giải thích:

- Ngay từ đầu ta đã nghĩ đến tên họ Hà kia là người vô cùng xảo quyệt thâm độc. Đến lúc thẩm cung, chính hấn tiết lộ con gái không ngủ được rồi lại sai tên kép hát giả làm Hà tiểu thư giả vờ đánh rơi chiếc trâm cài đầu, tức là hấn muốn đẩy hết sự chú ý của chúng ta vào Hà tiểu thư. Hấn còn độc ác đến mức giết người diệt khẩu nên quả thật khó có bằng chứng xác thực. Nếu không có lời khai của bà vú cùng các vật chứng bà ta giữ được rồi phải dùng đến “chiêu thức” cuối cùng là thử máu thì chắc cũng chưa thể bắt hấn nhận tội dễ dàng như vậy.

Triển Chiêu hết sức khâm phục tài năng của Bao Công, hứa sẽ theo gương ông mà chú ý xem xét các vụ án mạng, lấy suy nghĩ sáng suốt mà loại trừ dần các yếu tố bị che giấu, không để cho người hiền lương bị hàm oan.

Khi đã kết án xong, trang viên được trao trả về cho Hà tiểu thư, bây giờ đã đổi thành Thái tiểu thư. Thái tiểu thư liền đem Xuân Tuyết về ở chung, sau khi Xuân Tuyết sinh được đứa con trai kháu khỉnh thì đối xử yêu thương giống như con của mình vậy. Hai người sống với nhau êm đềm sung sướng cho đến mãn đời.

6

HÀN THỤY LONG **ĐƯỢC VÀNG MẮC TỘI**

Bao Công có nhiều công trạng trong việc xử án nên Tống Nhân Tông phong cho ông kiêm nhiệm chức Giám sát Ngự sử, không những có quyền ở Khai Phong mà rất thường vi hành đi các vùng lân cận để xem xét các vụ án trọng phạm. Ông được Nhân Tông trao cho quyền “tiền trăm hậu tấu” nên các quan huyện, thậm chí đến các cấp Tri phủ đều sợ hãi, ít nhiều cũng giảm bớt sự lộng hành bức ép người dân.

Sau khi xử xong vụ án giết người ở trấn Tang Lâm, ông cùng với Bao Hưng đi đến trấn Tam Tinh. Thấy nơi đây không những phong cảnh tươi đẹp mà dân tình cũng hiền hậu chất phác, Bao Công rất mừng, cho rằng quan lại nơi đây biết cách cai trị dân nên chắc sẽ không mất công mình ở lại xem xét. Chẳng ngờ Bao Công vừa nghĩ xong thì chợ có một bà lão từ trong ruột rỗng của cây liễu lớn bên đường chạy ra, quỳ ngang đường, hai tay dâng một đơn khiếu kiện.

Bao Công lập tức cho dừng kiệu, nhận đơn rồi đọc nhanh để biết sơ lược bà lão này kêu oan về việc gì.

Tuy nhiên ông thấy nét chữ trong đơn rất sắc sảo thì hơi ngạc nhiên, hỏi ngay:

- Người nào đã viết lá đơn này cho người? Có dính líu gì đến vụ án không?

Lão nhân vẫn quỳ, thưa:

- Tiểu nhân từ nhỏ đã được học hành Thi, Thư, rèn tập chữ viết thuần thực nên tự mình viết đơn, không nhờ ai khác.

Vốn tính cẩn thận, lập tức Bao Công sai Bao Hưng đưa cho bà lão tờ giấy cùng bút mực, bắt viết thử vài chữ. Bà lão không hề do dự, viết ngay một câu thơ cổ, chứng tỏ là người có học vấn chứ không nói dối. Bao Công so sánh hai nét chữ xong, thấy quả thật là đúng nên nói:

- Người cứ về nhà đi! Bản nhân sẽ đến huyện đường xem án văn việc này, sẽ có trát gọi sau.

Bà lão toan vái lạy cảm ơn thì Bao Công xua tay từ chối, lệnh cho quân khiêng kiệu lập tức nhắm hướng huyện đường Tam Tinh mà đi. Đến huyện đường rồi, Bao Công truyền lấy văn án ra xem, ghi nhớ kỹ trong đầu vụ việc một Nho sinh tên là Hàn Thụy Long bị khép vào tội giết người.

Nguyên bà lão đệ đơn vừa rồi họ Văn nhưng lấy chồng họ Hàn, sinh được đứa con trai đặt tên là Hàn Thụy Long. Chồng chết sớm nên Hàn thị ở vậy nuôi con cho đến khi được mười sáu tuổi thì mắc vòng lao lý bởi một chuyện hết sức tình cờ, tưởng được phúc hóa ra mang họa. Người chồng họ Hàn chết đi chẳng để lại gia tài nên mẹ góa con cô phải thuê một gian nhà nhỏ ở thôn Bạch Gia Bảo, không hề có gia nhân giúp việc. Tuy nhiên Hàn thị là người có học hành nên không để con trai phải dốt nát, dù rất cơ cực nhưng vẫn khuyến khích con mình ra sức học tập, hy vọng mai này sẽ làm

rạng rỡ tông môn.

Một buổi tối kia, Thụy Long đang khêu đèn đọc sách thì chợt nghe tiếng động, quay lại vừa kịp nhìn thấy có một người mặc áo xanh, đi giày màu đỏ lén vào phòng của Hàn thị. Thụy Long lập tức đuổi theo, vào phòng mẹ giả như tìm kiếm cuốn sách nhưng thật ra là muốn xem người lạ ấy là ai, tại sao lại vào phòng mẹ mình. Căn phòng vốn trống rỗng không có đồ đạc gì nhiều nên chỉ thoáng qua là Thụy Long biết ngay không phải, dụi mắt nghĩ thầm: “Hay là ta đọc sách nhiều, hoa mắt nhìn gà hóa cuốc chẳng”.

Thế nhưng tối hôm sau, Thụy Long lại thấy hiện tượng này xảy ra, rất bất ngờ nên không kịp kêu lên mà cũng không kịp nhìn mặt được người ấy. Lần này Thụy Long không thể giấu được nữa, nói thật với mẹ rồi cả hai cẩn thận đốt đèn sáng, soi khắp chỗ. Khi soi vào gầm giường, Thụy Long chợt thấy có một chỗ đất hơi vồng lên, kinh ngạc nói với mẹ:

- Chỗ đất này có từ lâu rồi hay mới đây phát sinh vậy?

Hàn thị cho biết khi dọn nhà hoàn toàn không thấy chỗ đất ấy nên hai mẹ con khiêng giường sang một bên, lấy cuốc xẻng đào chỗ đất ấy lên. Chỉ thoáng chốc họ đã nhìn thấy có một chiếc rương lớn lộ ra, có khóa rất cẩn thận giống như cất chứa vật quý giá. Hai mẹ con đều hồi hộp, dùng cây sắt nạy cái nắp rương lên thì thật bất ngờ khi chiếc rương ấy chứa đầy vàng bạc, ánh sáng lóe cả mắt.

Trong lúc Thụy Long vui mừng hớn hở thì Hàn thị lại tỏ vẻ dăm chiêu, nói:

- Vàng bạc đến bất ngờ là điềm chẳng may. Có lẽ đây là của phi nghĩa, chúng ta nên trình báo với quan quân thì hơn.

Thụy Long cãi lại:

- Theo con thì dù là của phi nghĩa nhưng chúng ta không hề làm gì sai trái, cũng không trộm cắp của người mà của cải tự đến thì đúng là trời Phật thấy chúng ta nghèo khó ban ơn cho vậy. Vả chẳng nếu báo quan quân thì hết sức phiền phức, chắc chắn sẽ bị tra hỏi mất nhiều thời gian. Chi bằng chúng ta đừng hờ môi cho ai biết, cứ lấy số vàng bạc này mà lo cho cuộc sống, làm phúc giúp đỡ người khác hay bố thí vào của Phật tạo công đức thì hay hơn.

Hàn thị nghe cũng có lý, thở dài đáp:

- Ta cũng biết như thế nhưng ở đời bao giờ của phi nghĩa cũng đem tới nhiều đau khổ hơn là sung sướng. Vả chẳng cái điều con thấy người áo xanh mấy lần xuất hiện chỉ chỗ chôn vàng bạc thì càng không nên coi thường. Theo mẹ thì áo xanh tượng trưng cho quan quyền, còn giày đỏ thì có thể là sự thất bại, không được bình yên. Theo mẹ thì chúng ta nên trình báo với quan trên, nếu quả là của vô chủ thì chắc chắn sẽ được thưởng ít nhiều, như vậy cũng đủ qua khỏi cơn ngặt nghèo túng bán rồi. Lòng tham bao giờ cũng đem đến cái hại, con nên suy nghĩ cho kỹ mới được.

Hàn Thụy Long từ nhỏ đến giờ ăn uống kham khổ, vật chất thiếu thốn, đời nào chịu bỏ qua món quà trời cho ấy, hết sức tranh cãi với mẹ. Cuối cùng vì quá yêu chiều đứa con duy nhất, bất đắc dĩ Hàn thị phải gật đầu, nói:

- Chẳng biết đây là phúc hay họa, thôi thì cũng đành chiều theo lòng trời. Ngày mai con đi mua ít lễ vật về tạ ơn thần Phật vậy.

Thụy Long liền cùng mẹ khiêng chiếc rương để vào chỗ cũ, lấp đất trở lại sau khi đã lấy ít tiền để sáng mai dùng đến, sau đó

khoan khoái tắt đèn đi ngủ, không hề nghĩ đến hiện tượng tại sao có người mặc áo xanh lên vào nữa. Lần đầu tiên nhìn thấy số vàng bạc lớn như vậy nên trong lòng thiếu niên mười sáu tuổi này rạo rức sôi nổi không tài nào ngủ được. Thụy Long chợt nghe tiếng gà gáy xa xa thì liền đi rửa mặt, thưa với mẹ rồi tắt tả lên đường ra chợ huyện mua bán. Khi đi rồi Thụy Long mới nhận ra là trời mới mờ mờ sáng, chắc chắn chợ huyện chưa có ai nhóm họp nên đành chậm bước một chút.

Dù đã đi rất chậm, nhưng khi tới chợ thì quả vắng hoe, chưa hề có ai dọn hàng. Thụy Long đành đi tới cửa hàng bán thịt của người đồ tể họ Trịnh kêu cửa, hỏi mua một cái đầu lợn về làm lễ cúng. Họ Trịnh rất khó chịu nhưng thấy Hàn sinh là người quen nên cũng phải chiều lòng. Ông ta thấy Hàn sinh không mang vật gì đựng bèn cho mượn một tấm vải, gói cái đầu lợn ấy đem về, dặn rằng vài ba hôm trả lại cũng không sao. Lúc đó trời còn tối nên Thụy Long không nhìn thấy vẻ mặt thoáng vẻ gian manh của tên đồ tể họ Trịnh, mừng rỡ cảm ơn lòng tốt của hắn, đâu có biết đó chính là bắt đầu tai họa.

Hàn sinh mừng lắm, cầm đầu lợn đi về, ngang đến khu rừng thưa thì cảm thấy mỏi tay, liền đặt cái gói vải xuống đất, ngồi nghỉ chân. Bất ngờ có một toán quân đi tuần ngang qua, thấy gói vải có dính chút máu thì lập tức tiến lại xét hỏi. Một tên quân mau lẹ mở gói vải ra thì hỡi ôi, chẳng biết tại sao đó là một cái thủ cấp của một người phụ nữ chứ không phải đầu lợn. Trong lúc Hàn sinh chết ngất người vì kinh hoàng thì bọn lính lập tức xúm lại trói chặt chàng trai rồi giải đến huyện đường, chờ đến khi trời sáng mới

trình lên quan là có án mạng. Thấy đó là trọng án, quan huyện lập tức thẳng đường, thế nhưng nhìn Hàn sinh thì biết ngay là học trò chân yếu tay mềm, dịu giọng hỏi:

- Học trò kia, người tên gì thì hãy khai rõ. Tại sao lại phạm vào tội giết người?

Hàn sinh vừa khóc vừa thưa:

- Tiểu sinh là Hàn Thụy Long, gia cảnh nghèo túng nhưng vẫn cố công đèn sách, nào dám tính đến việc giết người. Sáng nay tiểu sinh đến nhà đồ tể họ Trịnh hỏi mua một cái đầu lợn đem về làm lễ cúng, vì không mang theo vật gì đựng nên họ Trịnh cho mượn một tấm vải gói lại. Đường xa nên tiểu sinh mệt quá ngồi nghỉ ở gốc cây, chẳng ngờ có quan quân tuần tra đến xét hỏi, rồi sau đó...

Đến đây Hàn sinh nghẹn ngào nói:

- Rõ ràng là cái đầu lợn mà tiểu sinh bỏ tiền ra mua, chính tay người bán thịt họ Trịnh gói mà khi mở ra lại là đầu người. Thật không thể hiểu được!

Khai xong Hàn sinh không cầm được sợ hãi lẫn uất ức, cứ thế khóc ngất. Quan huyện lập tức gọi họ Triệu đến thẩm vấn. Chẳng ngờ tên đồ tể họ Trịnh kia chối phắt, cho rằng mình hoàn toàn không bán đầu lợn cho Hàn sinh, riêng tấm vải là của mình nhưng ba hôm trước Hàn sinh đến mượn về dùng. Họ Trịnh còn tức giận nói:

- Thụy Long thật không đáng là học trò, hắn cố tình mượn tấm vải ấy của tiểu nhân, gói đầu lâu để đổ tội cho người khác, tâm địa thật tàn độc. Xin đại nhân phải thẳng tay trừng trị mới được.

Nếu như người khác tất đã nghe theo lời khai của họ Trịnh bởi

nó rất có lý. Nhưng quan huyện Tam Tinh là người khá sáng suốt, dựa theo thái độ cùng lời nói của Hàn sinh thì biết rằng có nhiều uẩn khúc, không tra tấn như thường lệ mà sai giam cả hai người vào ngục thất, chờ điều tra. Trong lúc quan huyện phân vân chưa biết bắt đầu từ đâu thì Bao Công tới nơi, đó là do Hàn thị quá nôn nóng, nghe biết Bao Công đang tuần tra đến vùng này thì chui vào bọng cây ả nấp trú mưa trú nắng cho đến lúc gặp được Bao Công mới thôi.

Huyện quan đành phải mời Bao Công vào trà nước, trình bày hết các lời khai rồi cho biết chưa thể tiến hành điều tra vì vụ việc tuy có chứng cứ là cái đầu người nhưng không đủ để kết tội Hàn sinh. Bao Công cũng đồng ý với nhận định này, gọi Thụy Long ra thẩm vấn lần nữa. Cũng giống như quan huyện. Vừa nhìn thấy diện mạo thanh tú ngây thơ của Hàn sinh, Bao Công đã có ấn tượng là người học trò ấy không thể là thủ phạm, chính tên đồ tể họ Trịnh mới là nghi phạm thứ nhất. Nghe Hàn sinh thưa giống hết những gì đã khai hôm trước ghi trong văn án, không hề ngập ngừng chút nào, Bao Công lại càng tin rằng mình nghĩ đúng, hỏi thêm:

- Người mua đầu lợn rồi gặp quân tuần tra vào lúc mấy giờ?

Hàn sinh thưa:

- Tiểu sinh không biết là mấy giờ, chỉ biết là lúc đó hãy còn rất sớm.

Bao Công hỏi rất nhẹ nhàng:

- Thế người mua đầu lợn với mục đích gì mà đi quá sớm như vậy?

Hàn sinh biết càng giấu thì càng khó mình oan nên cúi đầu tạ lỗi trước, sau đó mới khai toàn bộ sự việc mình nhìn thấy người áo xanh giày đỏ mấy lần xuất hiện ra sao, giống như chỉ đường cho hai mẹ con tìm thấy cái ruộng vàng bạc như thế nào, rồi định mua thủ lợn về cúng tế tạ ơn thần Phật nên mới nôn nóng đi từ sáng sớm như vậy. Bao Công nghe xong thâm nghĩ nếu quả là có ruộng vàng bạc thì tất là Hàn sinh vô tội, lập tức huyện quan cùng với sai nha lại kéo đến thôn Bạch Gia Bảo khám xét. Khi quan huyện vắng lệnh đi rồi, Bao Công mới gọi họ Trịnh ra thẩm vấn. Vừa nhìn thấy bộ mặt hung ác của hắn, Bao Công lại càng tin tưởng nếu điều tra bắt đầu từ tên này ắt ra manh mối. Vì vậy khi họ Trịnh khai giống như trước thì Bao Công nổi giận, quát lớn:

- Bản quan đây xử án không biết bao nhiêu vụ rồi, người chính là thủ phạm giết người không sai, hãy mau khai ra đi kẻo mang họa vào thân.

Mặc cho Bao Công hăm dọa, họ Trịnh vẫn cương quyết giữ lời khai. Đến khi Bao Công sai quân tát cho bốn mươi cái, rồi sau đó đánh đòn ba mươi trượng khiến thịt da của hắn tan nát, máu ra đầm đìa mà hắn vẫn nhất định không nhận tội. Bao Công còn chưa biết phải làm sao thì quan huyện về tới, trình thưa:

- Bẩm đại quan, tri huyện tôi đến nhà Hàn thị, quả nhiên tìm thấy cái ruộng ấy dưới gầm giường rất dễ dàng. Thế nhưng... trong ruộng chỉ toàn là vàng bạc bằng giấy, tức là đồ mã chứ không phải vàng bạc thật...

Nói đến đây quan huyện vẫn còn chút kinh hãi, thưa tiếp:

- ... Việc này còn chưa kinh sợ bằng khi hạ quan tôi nảy sinh

nghe ngò, sai quân đào sâu thêm thì bắt gặp một xác chết nam giới... không có đầu.

Bao Công cũng hơi ngạc nhiên không ngờ sự việc biến chuyển kỳ lạ như vậy, theo văn án thì cái đầu người mà Hàn sinh cầm về là của phụ nữ, trong khi ấy lại tìm thấy cái xác nam nhân thì thật là trái ngược. Bao Công ngẫm nghĩ một chút rồi chợt hỏi huyện quan:

- Thế ông có xem xét xác chết này bị cắt đầu bằng loại vũ khí gì không?

Quan huyện ngó người ra, chứng tỏ là rất thiếu kinh nghiệm, không sao trả lời được. Bao Công liền cho quan huyện xuống dưới, gọi Hàn Thụy Long vào hỏi:

- Nhà người là do phụ thân để lại hay mua của người khác?

Hàn sinh thành thật khai:

- Mẹ con tiểu sinh không nơi nương tựa từ khi phụ thân mất đi, hoàn toàn không để lại tài sản gì, do đó cũng không có tiền mua nhà riêng, đành phải thuê của người trong thôn.

Bao Công gật đầu hỏi tiếp:

- Căn nhà đó trước kia có ai thuê không?

Hàn sinh là người ở thôn khác đến thôn Bạch Gia Bảo nên không hề biết căn nhà ấy lai lịch ra sao, thú thật với Bao Công. Ông cũng không trách Hàn sinh, sai giam hai người vào ngục như cũ. Sau đó Bao Công cùng bàn bạc với Công Tôn tiên sinh lẫn Tứ Hổ, nhưng cuối cùng chẳng ai có thể cố vấn cho ông nên bắt đầu từ đâu. Riêng Triệu Hổ rất tức bực vì thường bị anh em chê cười là

người thô lỗ nóng tính, quyết định bí mật đi dò thám một mình.

Triệu Hồ liền hóa trang thành một người hành khất, mặt mũi đen ngòm, quần áo rách nát, đeo bị chống gậy mà đi khắp vùng. Một lần kia Triệu Hồ đang đi thì thấy đau nhói dưới gan bàn chân, nhân tiện thấy có tảng đá lớn đặt trước cửa ngôi chùa thì liền ngồi xuống tháo giày ra xem. Triệu Hồ thấy chiếc giày bị miếng sắt nhọn xuyên thủng, không biết làm sao lấy ra nên đập thật mạnh vào cánh cửa, hy vọng làm cho miếng sắt nhỏ ấy bung ra.

Tiếng đập lại khiến các hòa thượng trong chùa tưởng rằng có người gọi, sai một hòa thượng ra mở. Hòa thượng này nhìn thấy đó chỉ là một người hành khất thì định đi vào. Lúc đó tâm thần Triệu Hồ hầu như dồn hết vào vụ án mạng kỳ lạ này nên thấy hòa thượng thì buột miệng hỏi:

- Hòa thượng có bao giờ thấy một người thân mình là nam, đầu là nữ hay chưa?

Hòa thượng nghĩ ngay đó là người hành khất bị điên khùng nên bực tức đóng sầm cửa lại, không thêm nói một lời nào. Triệu Hồ ngẩn người ra một lúc rồi mới tự cười nhạo mình sao quá ngu ngốc, giả làm hành khất mà còn thốt ra nhiều lời ngây ngô thì làm sao dò la tin tức của người khác được? Do vậy Triệu Hồ đi loanh quanh một vòng, thấy trời tối bèn nhắm hướng trấn Tam Tinh mà về.

Khi đi qua đầu trấn, Triệu Hồ chợt nhìn thấy có một bóng người đang lấy hết sức để trèo lên bờ tường thấp, rất vất vả mới lọt được vào một khu vườn nhỏ. Triệu Hồ nhìn vậy liền biết ngay tên này chỉ là ăn trộm tâm thường, không có võ công nên mau lẹ bỏ bị gậy xuống đất, nhún mình phóng lên đứng trên đầu tường quan sát

tìm hình. Nhìn thấy bóng người ấy chưa đi đâu, còn đang khom lưng lẩn lút sau mấy đồng củi, Triệu Hồ liền nhảy xuống, chạy vọt tới tóm lấy hắn, dùng một thế võ khóa chặt tay hắn lại rồi mới nói nhỏ:

- Đừng kêu la, nếu không ta sẽ giết chết.

Tên này chỉ kêu nho nhỏ rồi tuân lệnh ngay bởi cổ họng gần như bị nghẹt bởi cánh tay lực lưỡng của Triệu Hồ. Khi ấy Triệu Hồ mới có thời gian quan sát, thì ra tên trộm này còn khá trẻ, diện mạo cũng không đến nỗi hung ác bất lương, liền hỏi nhỏ:

- Người tên gì? Toan vào trang viên lấy trộm vật gì thì nói ra mau.

Tên trộm cũng đáp nhỏ, không dám kinh động người trong nhà:

- Tôi tên là Diệp Thiên Nhi. Vì không có nghề nghiệp gì để nuôi dưỡng mẹ già đã hơn 80 tuổi, bắt buộc phải làm nghề trộm cắp. Đây là lần đầu tiên hành nghề, xin tráng sĩ tha cho.

Triệu Hồ nghe vậy đã toan nói tay, chẳng ngờ nhìn xuống đất thì thấy có lộ ra một dải lụa màu trắng. Triệu Hồ nắm lấy dải lụa ấy kéo lên, càng lôi càng thấy dài, đất bắt đầu dật ra hai bên rồi sau cùng thò ra một cái chân trắng nõn, hình dáng nhỏ xíu, chắc chắn là chân của phụ nữ. Triệu Hồ vẫn một tay nắm lấy Thiên Nhi, một tay nắm chân xác chết lôi mạnh, hóa ra là cái xác không có đầu.

Triệu Hồ thấy vậy cười gằn, nói:

- Người thật là ghê gớm, đã giết người chặt đầu còn lẻo miệng lừa ta. Ta là Triệu Hồ, thuộc hạ của Bao đại nhân đây, gặp tay ta thì người hết đời rồi.

Nói xong mặc cho Thiên Nhi van lạy, Triệu Hồ lấy ngay dải lụa trắng ấy trói chặt hắn lại, rồi còn nhét vào miệng để hắn đừng kêu la. Sau khi trói xong, Triệu Hồ không thèm đánh thức chủ nhân khuôn viên dậy, để tên trộm Thiên Nhi ở đó rồi phóng như bay về huyện đường, xin gặp Bao Công bẩm báo chuyện quan trọng. Nhìn thấy Triệu Hồ mặt mày lấm lem, quần áo đúng là hành khất, Bao Công bật cười, hỏi vui:

- Có việc gì mà Triệu quan nhân phải vội vã đến vậy?

Triệu Hồ không để ý là Bao Công gọi mình là “quan nhân”, lập tức kể hết mọi việc ở trang viên, tình cờ khám phá ra một cái xác phụ nữ không đầu. Điều này ít ra cũng phù hợp với cái đầu người mà Hàn Thụy Long cầm ở tay. Ông liền sai quân đến ngay trang viên ấy bắt giữ Diệp Thiên Nhi, đồng thời giữ tử thi ở nguyên hiện trạng, đến sáng mới khám nghiệm. Tuy trời còn tối Bao Công vẫn thẳng đường, gọi Diệp Thiên Nhi ra quát hỏi:

- Hãy khai báo tên tuổi đi! Tại sao lại giết người? Đã hành nghề phi pháp được bao nhiêu năm rồi?

Thiên Nhi tái mét mặt mày, run rẩy quỳ xuống thưa đúng như đã nói với Triệu Hồ, chỉ nhận tội vì quá nghèo nên đi ăn trộm, không hề biết gì đến cái xác nằm dưới đất. Thấy Thiên Nhi không khai, Bao Công liền truyền sai nha đánh hai mươi trượng. Thế nhưng mới được năm trượng thì Thiên Nhi đã đau đến nổi khóc rầm trời, van lạy:

- Thôi! Thôi! Đau quá, tiểu nhân xin khai thật.

Bọn lính dừng tay thì Thiên Nhi ngửa mặt lên nhìn Bao Công mà than:

- Số mệnh của tiểu nhân gặp toàn xui xẻo, lần trước đã xui mà lần này còn xui hơn. Thật là muốn trốn cái oan ức cũng không xong.

Nghe vậy Bao Công hơi ngạc nhiên. Ông vốn là người rất tinh tế, nhiều lần tra hỏi phạm nhân không hề nói đến tội chính mà theo dõi từng nét mặt từng cử chỉ rồi bất ngờ hỏi một câu khó chịu khiến phạm nhân không kịp suy nghĩ sẽ khai ra sự thật dễ dàng. Lần này cũng vậy, Bao Công hỏi ngay:

- Lần trước như thế nào mau khai ra ngay.

Lúc ấy Thiên Nhi nghĩ lại mới biết mình đã lỡ lời và đại quan mặt đen xì kia đã bắt trúng yếu điểm chết người của y, đành phải khai thật:

- Trang viên mà tiểu nhân bị bắt quả tang là của Bách Viên ngoại, tên tục là Bách Hùng. Mấy hôm trước nhà Bách Viên ngoại mở tiệc sinh nhật rất lớn, tiểu nhân vô công rồi nghề nên đến phụ giúp việc lau chùi quét dọn kiếm miếng cơm đem về cho mẹ già. Tiểu nhân tưởng như nếu xong việc không được thưởng chút bạc vụn thì cũng có cơm thừa canh cặn đem về, nào ngờ hỏi đến tên quản gia là Bách An thì hấn trở mặt đánh đuổi tiểu nhân đi, không cho một trinh. Bỏ công sức bao nhiêu ngày, tiểu nhân không thể nín được tức giận nên ngay đêm hôm đó lén vào trang viên...

Bao Công ngắt lời hấn, hỏi:

- Như vậy ăn trộm ở Bách Gia trang là lần thứ mấy?

Thiên Nhi liền thưa:

- Lần đầu tiểu nhân lén vào Bách Gia trang, còn lần thứ hai thì chưa rõ trang viên ấy là của ai, nhưng lần nào cũng gặp xui xẻo cả.

Bao Công “À” lên một tiếng, ra hiệu cho Thiên Nhi tiếp tục khai:

- Nhờ mấy ngày làm việc ở trang viên, tiểu nhân biết hết đường lối, lại đang tức giận vì không có thứ gì đem về cho mẹ già ăn nên nảy ra ý nghĩ lẻn vào đây lấy trộm vài thứ đem bán. Lần thứ nhất cách đây mấy ngày, tiểu nhân theo lối hướng đông lẻn vào, đến ngay phòng của Bách phu nhân là Ngọc Nhục để ra tay. Bà ta có rất nhiều món trang sức quý giá, lại hay để quên vung vãi khắp nơi nên tiểu nhân hy vọng sẽ dễ dàng. Thế nhưng thấy đèn còn sáng, tiểu nhân phải nấp ở bóng tối của mái hiên chờ đợi. Đột ngột có tiếng gõ cửa, tiểu nhân vội ló đầu ra nhìn xem thì thấy Ngọc Nhục ra mở cửa rồi tên quản gia ti tiện Bách An bước vào, sau đó họ đóng cửa tắt đèn cười đùa với nhau hết sức dâm dăng. Tiểu nhân rất mừng, chờ họ mệt quá lăn ra ngủ say thì liền cạy cửa sổ trèo vào. Tuy trong phòng tối mịt nhưng tiểu nhân đã để ý từ trước, lần tới cái tủ nhỏ trong góc, nơi mà Bách phu nhân hay cất giấu tư trang.

Nói đến đây sắc mặt Thiên Nhi đột nhiên tái xanh, hình như vẫn còn nhớ lại cảnh tượng đêm hôm ấy, hỗn hển hồi lâu mới tiếp tục kể:

- Tiểu nhân thò tay vào tủ, sờ thấy có cái hòm nhỏ khá nặng thì mừng quá, nhẹ nhàng ôm nó rút lui. Khi về đến nhà cạy chìa khóa ra thì... thì hồi ôi, tiền bạc tư trang đâu chẳng thấy, chỉ thấy có mỗi...

Đến đây Thiên Nhi lại dừng kể, ôm lấy ngực mà thở khiến Bao Công phải sốt ruột, đập án thư quát lớn:

- Người thấy cái gì thì nói ra mau. Người toan tính áp ứng để suy nghĩ lừa dối bản quan phải không?

Thiên Nhi xua tay rồi rít, lấy hết bình tĩnh thưa:

- Tiểu nhân không dám! Không dám! Chẳng qua là khi mở cửa cái hòm nhỏ ra thì thấy... một cái đầu người. Hối ôi! Cả đời vất vả không dám làm chuyện gì phi pháp, thế mà túng túng phải làm liều, hai lần đi ăn trộm thì một lần gặp đầu người, còn lần này gặp đúng tay quan quân, lại lòi ở đâu ra cái xác không đầu. Tiểu nhân cả gan bám với đại nhân như thế có xui xẻo tuyệt cùng chưa? Cũng vì vậy mà tiểu nhân kêu oan, xin đại nhân minh xét cho.

Bao Công không để ý đến lời than vãn của Thiên Nhi, hỏi mau:

- Cái đầu trong hòm ấy là nữ nhân hay nam nhân?

Thiên Nhi đáp ngay không do dự:

- Đó là cái đầu của một nam nhân.

Bao Công thở phào một cái, hình như đã ráp nối được một số sự việc, hỏi:

- Thế cái đầu người ấy người đã chôn ở đâu để phi tang rồi?

Thiên Nhi qua lúc hồi hộp, đáp rất mau:

- Tiểu nhân không đem chôn, cũng không dám báo quan bởi vì chắc chắn không ai tin lời của người hèn mọn như tiểu nhân, có khi còn bị dính đến nha môn là hết đời.

Bao Công không sao nhịn được, quát lớn:

- Người đừng nói dông dài nữa, đã đem cái đầu ấy đi đâu thì mau khai ra. Nếu còn dông dài thì bản quan nhất định sẽ đánh cho người mấy cái tát đấy.

Thiên Nhi sợ quá co rúm người lại, tiếng nói cũng nhỏ đi:

- Trong thôn của tiểu nhân có một cái vườn lớn của người tên là Khâu Phương. Nơi đó trồng rất nhiều loại bầu bí, rau dưa. Tiểu nhân vì đói quá nên lén vào hái trộm mấy trái bí định đem về nấu canh cho mẹ ăn, nào ngờ...

Bao Công lập tức chặn lời, hỏi:

- Như vậy ăn trộm bí là lần thứ mấy?

Thiên Nhi hoảng quá, cải chính luôn:

- Trộm bí là lần thứ nhất, thấy cái đầu người là lần thứ hai, hôm nay là lần thứ ba.

Bao Công phát tay không để ý đến những tiểu tiết ấy, ra hiệu cho hán nói tiếp:

- Tiểu nhân chỉ trộm có mấy trái bí, thế mà Khâu Phương bắt được liền đánh cho một trận như tử, cả tháng vẫn còn đau. Do vậy tiểu nhân đem lòng oán hận, lén đem cái đầu người vất vào trong vườn hẩn.

Nghe đến đây đã tạm đủ, Bao Công liền quay qua sai huyện quan đem quân lính đi bắt Bách An và Khâu Phương đến khai cung, còn Thiên Nhi thì tạm giam vào ngục thất. Một lúc sau trời mới sáng, một tên quân có nhiệm vụ giữ xác chết ở trang viên vào bẩm báo với Bao Công:

- Thuộc hạ có hai người được phân công giữ xác chết không đầu. Khi trời sáng thì thuộc hạ định về tìm cái gì ăn đỡ đói nhưng không thể ra được bởi cửa trước khuôn viên đã bị khóa chặt, đành phải theo lối tường trèo ra. Quanh đến phía trước thì nhận ra cái

vườn ấy là nhà sau của tên đồ tể họ Trịnh, lập tức về đây bắt bớ.

Bao Công nghe vậy rất mừng, nói lớn:

- Vậy là ta đã hiểu án mạng này như thế nào rồi.

Không chờ trời sáng hẳn, Bao Công lại sai quan huyện đi bắt đồ tể họ Trịnh đến công đường, bắt hẩn quỳ ở dưới sân chờ đợi. Ăn điểm tâm xong, Bao Công mới thẳng đường, chỉ mặt họ Trịnh mà mắng:

- Tên sát nhân đáng chết kia, người thật ác độc đã giết người còn định đổ hết lên đầu người hiền lương. Bản quan không cần đưa ra chứng cứ nhiều, chỉ hỏi người một câu là người chối không biết cái đầu đưa cho Hàn sinh đem đi, đổ tội cho hẩn nhưng còn cái xác phụ nữ trong vườn sau thì khai sao đây?

Tên đồ tể họ Trịnh nghe đã khám phá ra xác người phụ nữ ở vườn sau thì biết có chối cũng không được, đành phải cúi đầu khai thực:

- Đêm hôm Hàn sinh đến mua đầu lợn thì trước đó đã có người đặt nhiều thịt ngon nên tiểu nhân dậy sớm nấu nước. Chợt nghe có tiếng phụ nữ kêu cứu thì liền mở cửa cho người ấy vào. Tiểu nhân ghé tai vào vách nghe thử thì thấy có tiếng mấy người truy đuổi nói chuyện với nhau là ngày mai sẽ đến đây lục soát. Sau khi họ rút đi rồi, tiểu nhân đốt đèn lên thì mới nhận ra người mình vừa cứu là một thiếu nữ còn trẻ tên là Cẩm nương. Cẩm nương cho biết mình bị lừa bán vào lầu xanh nhưng không chịu tiếp khách. Lúc đó có công tử con của ngài Thái thú họ Tưởng đến lầu xanh chơi, thấy Cẩm nương có sắc đẹp liền bỏ nhiều tiền bạc ra muốn mua về làm thiếp, Cẩm nương không chịu nên sau đó Tưởng công tử lấy quyền

thế ra hăm dọa nếu từ chối hẳn thì sẽ bị nhiều điều đau khổ. Bất đắc dĩ Cẩm nương phải vờ bằng lòng, đêm đến bày tiệc rượu chuốc cho hẳn uống đến say mềm rồi nhân lúc trời còn tối bỏ chạy đến nhà tiểu nhân thì được cứu thoát. Thấy Cẩm nương xinh đẹp, tiểu nhân nổi lòng dâm dục, tiện đang cầm con dao bén mổ lợn thì liền gí vào cổ Cẩm nương mà hăm dọa. Cẩm nương chống cự dữ dội, vùng vẫy toan bỏ chạy nên trong lúc xô đẩy ngã vào con dao, đứt mất đầu. Tiểu nhân lột hết quần áo định đem chôn ở vườn sau, chẳng ngờ ngay lúc Hàn sinh đến gọi cửa, tiểu nhân thật ngu dại nghĩ rằng nếu như Hàn sinh thấy cái đầu thì tất sẽ vất đi, tức là phi tang giùm mình. Vì vậy mới gói cái đầu ấy đưa cho hẳn.

Nghe họ Trịnh khai rất rõ ràng, đúng với sự thực, Bao Công liền sai làm biên bản bắt hẳn ký vào. Xong xuôi đến lượt Khâu Phương bị bắt dẫn đến. Bao Công cười nhạt hỏi trước luôn:

- Người đã chôn cái đầu người đàn ông ở đâu, mau khai ra!

Nghe vậy Khâu Phương không còn hồn vía nào nữa, biết chắc quan quân đã biết mọi chuyện nên khai ngay:

- Đêm hôm ấy tiểu nhân chưa đi ngủ, chợt nghe ngoài vườn có tiếng động mạnh, tưởng là gian phi nhảy vào nên lập tức cầm dao chạy ra. Khi thấy đó chỉ là cái đầu người, tiểu nhân sợ quá không dám báo quan mà sai gia nhân tên là Lưu Tam đem đi chỗ khác phi tang. Chẳng ngờ Lưu Tam khốn nạn, nhân cơ hội bắt ép tiểu nhân phải đưa đến 100 lạng bạc mới chịu làm, tiểu nhân phải cò kè mãi, sau cùng phải bỏ ra 50 lạng bạc thì hẳn mới ưng chịu. Tự nhiên mất số bạc lớn như vậy tiểu nhân thật là đau lòng nhưng không còn cách nào khác hơn. Tiểu nhân hoàn toàn không biết Lưu

Tam đem cái đầu người ấy đi chôn ở đâu.

Bao Công liền sai quân lính đến nhà Khâu Phương bắt giữ Lưu Tam, đồng thời giải hắn đến chỗ đã chôn đầu người, đào mang về làm chứng cứ. Quân lính vừa đi thì Bách An được giải vào. Nhìn tướng mạo trắng trẻo khôi ngô tuấn tú của hắn, Bao Công đã có chút ấn tượng, quát hỏi:

- Người có phải là Bạch An, làm quản gia cho Bách Viên ngoại không? Người làm việc ở Bách Gia trang bao lâu rồi, có được đối đãi tốt không?

Bách An cúi đầu thưa:

- Bẩm đại nhân! Bách Viên ngoại xem tiểu nhân như con ruột, đối đãi rất ân cần, không có gì phải phàn nàn.

Nghe vậy Bao Công nổi giận, chỉ mặt Bách An mà mắng:

- Bách Viên ngoại đối đãi với người như con cái thế mà người dám thông dâm với Bách phu nhân, thật là kẻ loạn luân khốn kiếp đáng ném vào vạc dầu.

Bách An nghe vậy thoáng sợ hãi nhưng vẫn cố nói cứng:

- Tiểu nhân hết lòng chăm sóc cho cả Bách Viên ngoại lẫn phu nhân. Có thể người khác nhìn vào cho rằng tiểu nhân lén lút với phu nhân chẳng, xin đại quan minh xét.

Bao Công tức quá không thềm nói nữa, lập tức sai người dẫn Thiên Nhi ra đối chứng. Thiên Nhi liền nói:

- Thôi ông quản gia hãy khai thật đi! Tối hôm đó tôi lén vào định ăn trộm, thấy rõ ràng ông cùng với phu nhân Ngọc Nhụy tư thông cười đùa rồi ngủ lẫn ra như chết, chẳng lẽ đó là tận tình

chăm sóc cho chủ nhân sao? Bây giờ không phải lúc chối tội thông dân mà hãy khai cho đại nhân biết cái đầu mà ông giấu trong tủ là của ai thì hay hơn.

Nghe vậy Bách An cứng họng, mặt tái mét như xác chết. Thấy Bách An đã chịu phép, Bao Công liền quát bảo hắn phải khai cho rõ ràng, không được giấu diếm chi tiết nào. Bách An cúi đầu khai cung:

- Cái đầu ấy là người em họ của Bách chủ nhân tên là Lý Khắc Minh. Nguyên lúc Bách chủ nhân còn nghèo túng có vay của Lý Khắc Minh số bạc là 500 lạng, tuy đã khá giả nhưng vẫn chưa sao trả nổi. Ngày hôm ấy Lý Khắc Minh đến chơi, thực tế là muốn đòi dứt khoát số bạc ấy đem về đầu tư vào buôn bán. Chẳng ngờ khi uống rượu Khắc Minh cao hứng kể chuyện trên đường đi có gặp một hòa thượng điên điên khùng khùng tên là Đào Nhiên Công. Hòa thượng điên này nhìn chăm chăm vào mặt ông ta rồi nói có hắc khí có thể đưa đến mất mạng. Hòa thượng ấy liền đưa cho ông ta một cái gối tên là Du Tiên, dặn rằng hãy đưa cho Tinh Chủ thì thoát được nguy hiểm. Khắc Minh không biết Tinh Chủ là ai nhưng vẫn nhận chiếc gối, đưa ra cho mọi người xem, còn khoe là nằm trên chiếc gối ấy sẽ thấy mình được vào cõi tiên, hoa thơm cỏ lạ, sống trường thọ. Bách chủ nhân nghe vậy vừa muốn chiếm cái gối Du Tiên vừa không muốn trả nợ nên chờ Khắc Minh uống say liền chặt đầu giết chết, sai tiểu nhân đem đi chôn. Tiểu nhân đành phải tuân lời, chôn cái xác Khắc Minh ở kho chứa hàng cách Bách Gia trang một khoảng khá xa.

Bao Công ngắt lời, hỏi vào vấn đề:

- Tại sao người chôn rồi mà vẫn còn cái đầu người trong tủ?

Bách An thưa:

- Tiểu nhân trước khi đem xác Khắc Minh đi chôn, sợ rằng sau này Bách chủ nhân phát hiện ra việc thông dâm của hai người thì nguy lắm, liền giữ lại cái đầu làm áp lực, định ngâm vào thủy ngân để giữ lâu dài nên mới tạm thời cất vào cái hòm nhỏ để trong tủ của Ngọc Nhục. Ngờ đâu xui xẻo bị Thiên Nhi lấy trộm mất cái đầu ấy, thật tình là tiểu nhân không giết người, chỉ phạm tội che giấu mà thôi.

Bao Công gật gù, hỏi một câu khác:

- Người đã chôn cái xác Khắc Minh ở đâu?

Bách An đáp:

- Bẩm đại nhân, tiểu nhân đã khai rồi, đó là cái kho chứa hàng. Nhưng sau này bọn gia nhân nhiều lần thấy ma hiện hình nên đều kinh sợ bỏ việc hết, tiểu nhân phải cho sửa sang lại rồi gọi mẹ con Hàn thị đến thuê với giá thật rẻ.

Đến đây đã đầy đủ chứng cứ, Bao Công bắt Bách An ký tên vào văn án rồi sai quân đi bắt Bách Hùng. Vụ án chết hai người đến đây tưởng như đã xong, nào ngờ lại phát sinh chuyển biến khác. Đó là khi quan huyện theo lệnh Bao Công dẫn Lưu Tam đi đào lấy cái đầu của Khắc Minh về tới, quan huyện liền báo ngay:

- Khi Lưu Tam dẫn hạ quan đến cái giếng cạn, đào lên thì không phải là đầu của Khắc Minh, mà đó là một xác của nam nhân, trên thái dương có dấu hung khí rất rõ, chắc chắn thiệt mạng là do nguyên nhân bị người nào đó đánh vào đầu. Lưu Tam

vội kêu lên là “đào lằm” rồi dẫn qua chỗ gần đó, quả nhiên lấy được cái đầu của Khắc Minh, có dấu vết đã bị nhúng vào thủy ngân.

Bao Công liền gọi Lưu Tam lên, hỏi:

- Tại sao có cái xác của người đàn ông cạnh giếng? Hãy khai thật ra đi!

Lưu Tam thở dài, khai luôn, hóa ra cái xác đó tên là Lưu Tú, người anh em họ hàng với Lưu Tam. Khi Lưu Tam nhận số bạc 50 lạng của Khâu Phương đem cái đầu đi chôn thì tình cờ Lưu Tú biết được, đi theo hăm dọa:

- Người có biết chôn đầu người, che giấu trọng phạm sẽ bị tội gì không? Hà Hà, chém đầu bêu chúng đấy.

Lưu Tam sợ quá năn nỉ chia cho Lưu Tú 10 lạng nhưng Lưu Tú tham lam đòi đến 45 lạng, chỉ chừa cho Lưu Tam 5 lạng mà thôi. Thấy Lưu Tú bắt ép người quá đáng, Lưu Tam nổi hung gật đầu bằng lòng nhưng khi hai người cùng đào hố để chôn thì tình hình Lưu Tam từ phía sau dùng cuốc đập vào thái dương Lưu Tú rồi tiệt nơi đó vắng vẻ đào hố chôn luôn. Khai xong Lưu Tam cúi đầu thưa:

- Thật tình là tiểu nhân không muốn giết người nhưng bị ép buộc quá, lại tiếc rẻ cái công phải đi chôn giấu đầu người khổ nhọc, để kẻ khác ăn hết nên không cầm được tức giận mà ra tay giết người, không hề có chủ ý như vậy. Hôm nay chắc quỷ thần xui khiến không cho sát nhân thoát tội nên mới che mắt sao đó làm tiểu nhân đào lằm chỗ chôn Lưu Tú.

Vừa lúc đó Bách Hùng cũng được dẫn đến, khai phù hợp với các lời khai khác nên Bao Công cho kết thúc vụ án như sau:

- Đồ tể họ Trịnh vì tham dâm hại chết Cẩm nương phải đền mạng, đem chém đầu giữa chợ.

- Bách Hùng cũng bị chém đầu đền mạng cho Lý Khắc Minh, gia sản bị tịch thu sung vào công quỹ.

- Lưu Tam tuy bị ép buộc nhưng đã giết người tất phải đền mạng, đem chém đầu.

- Bách An là đồng phạm giết người, che giấu tội phạm bị xử chết nhưng cho toàn thân, đem giao vào ngục thất chờ ngày đem treo cổ.

- Khâu Phương giấu diếm tang chứng, bị tội đồ, đầy đi xa.

- Ngọc Nhụy can tội thông dâm loạn luân, bắt làm nô tì bán cho các nhà quan.

- Diệp Thiên Nhi nhiều lần trộm cắp, không phải là người ngay thẳng, bắt phải sung quân lập công chuộc tội.

- Hàn Thụy Long chỉ vì tham tiền phi nghĩa, không nghe lời ngăn cản của mẹ, đứng ra cũng phải trị tội nhưng Bao Công xét là người còn trẻ đầu óc nông cạn, lại là người duy nhất để phụng dưỡng mẹ già nên chiếu cố tha cho, được tiếp tục học hành để mai sau nên người hữu dụng.

- Riêng Hàn thị tuy nghèo nhưng là người có học vấn, lại biết dạy dỗ con cái, được thưởng hai mươi lạng bạc làm gương sáng cho các bậc phụ mẫu trong huyện.

- Quan huyện truy xét sự việc không ra, cũng phải trừng phạt nhưng Bao Công khoan hồng chỉ trách mắng rồi cho giữ chức như cũ.

Với kỳ án này, từ một cái đầu người mà Bao Công dần dần tìm ra luôn ba vụ án mạng khác khiến cho người dân trấn Tam Tinh hết sức bội phục.

NGÔ NGỌC**SÁT NHÂN GIÀU XÁC**

Ở huyện Giang Hạ, phủ Võ Xương có một thương buôn tên là Trịnh Nhật Tân, từ nhỏ đã sống rất thân thiện với người em họ tên là Mã Thái. Hai người chơi chung như anh em ruột thịt, đến khi lớn Nhật Tân làm nghề buôn bán vải vóc thì Mã Thái cũng xin theo, rất ý hợp tâm đầu. Nhờ vậy hai anh em cũng kiếm khá nhiều tiền, không những đủ sống mà còn có số vốn tăng lên. Cứ mỗi năm hai anh em lại về quê ăn tết Nguyên đán rồi sau đó đến đầu năm thì sửa soạn ra đi. Năm ấy cũng theo lệ như thế, khi ăn Tết xong mỗi người đem theo gần 300 lạng bạc đến thành Hiếu Cảm thu mua vải lụa, toan tính với giá cả này thì sẽ có lời nhiều.

Hai anh em vội vã lên đường, mấy ngày sau thì đến Hiếu Cảm. Nơi đây có nhiều làng thôn dệt vải nên Nhật Tân bàn với Mã Thái:

- Nếu chúng ta cùng lúc mua một chỗ thì đã không được nhiều mà còn có khi bị người bán nâng giá. Chi bằng đệ đi đến Tân Lý, còn ta vào thành thu mua.

Mã Thái thấy có lý nên nghe theo. Trước khi chia tay, hai anh em vào một quán rượu quen của người chủ tên là Lý Chiêu uống vài chén. Hai anh em chỉ định uống một chút rồi lên đường ngay, nào ngờ Lý Chiêu mời mọc rất ân cần:

- Bây giờ vẫn còn là trong Tết. Năm mới mời hai vị uống một bình gọi là lấy may mắn.

Nể nang Lý Chiêu mời mọc kèo nài, hai anh em uống quá chén, người nào cũng khá say. Đây là lần đầu hai anh em chia nhau đi mỗi người một chỗ nên Nhật Tân dặn dò Mã Thái rất cẩn thận, khuyên đừng quá tham mà đi xa, bao giờ mua đủ số thì cứ thuê người gánh vào thành cho khỏi mệt sức.

Mã Thái chia tay xong, một mình tiến bước, thế nhưng chưa được mấy dặm thì rượu đã ngấm, ngồi dưới bóng cây nghỉ ngơi. Chẳng ngờ quá mệt, Mã Thái ngủ luôn một giấc dài đến mãi chiều tối mới tỉnh dậy. Vì vậy khi đi được vài dặm nữa thì đến một nơi hoang vắng, rất ít nhà của dân chúng, tên gọi là Nam Tích. Mã Thái đã toan trở về nhưng như thế hổng hết việc buôn bán nên cố sức đi thêm một đoạn đường nữa, hy vọng tìm được một quán trọ thì nghỉ ngơi, ngày mai sẽ đi tiếp.

Ngờ đâu càng đi càng thấy đồng không mông quạnh, vài ba dặm mới có một căn nhà rách nát của người tiểu phu. Tuy nhiên vì đã có qua đây một lần, Mã Thái biết trước mặt có một nhà của người tên là Ngô Ngọc, có thể trú chân được nhưng lại phân vân bởi Ngô Ngọc nổi tiếng là tham lam, nghe đồn là có nhiều hành vi bất chính, không nên tin tưởng. Thế nhưng trời càng lúc càng tối, lại có dấu hiệu một cơn mưa lớn sắp kéo tới, cuối cùng Mã Thái đành phải ráng bước đến nhà Ngô Ngọc hỏi thăm:

- Tôi đang định đi đến Tân Lý, bị lỡ đường, chẳng biết phía trước có quán trọ nào không?

Ngô Ngọc đáp:

- Mười lăm dặm phía trước toàn là rừng rậm, chắc sẽ có nhiều thú dữ. Bây giờ trời đã tối, sao quan khách không nghỉ chân nơi đây cho tiện? Dù nhà tôi nghèo hèn nhưng vẫn có thể dành cho quan khách một chỗ nằm tốt, tránh được mưa bão.

Bất đắc dĩ Mã Thái phải bằng lòng, Ngô Ngọc liền ra ruộng đuổi bò về nhốt trong chuồng rồi mới tìm vợ là Cung thị, nói:

- Hôm nay có người khách buôn đến đây. Người hãy mau sửa soạn rượu thịt đãi đằng, không sợ lỗ lã đâu.

Thật sự người mẹ của Ngô Ngọc và Cung thị thừa biết từ lâu rồi hần chuyên làm điều ác nhân, nhiều lần giết chết khách ngủ đêm đoạt của nhưng khuyên bảo mãi không chuyển. Vì vậy Cung thị tiếp đãi Mã Thái với vẻ giận dữ, trong ý muốn Mã Thái phát ý mà bỏ đi. Mã Thái không ngờ như vậy, lại tưởng mình làm phiên vợ chồng Ngô Ngọc, nói vuốt:

- Thật làm phiền các vị quá. Tôi tuy không giàu có nhưng cũng biết thế nào là đền ơn đáp nghĩa, sáng mai sẽ hậu tạ xứng đáng.

Cung thị nghe vậy không hề bớt giận, trái lại càng cau có hơn, liếc mắt hắt ra phía ngoài mấy lần, ra hiệu cho Mã Thái mau mau cao bay xa chạy nhưng anh ta hoàn toàn không hiểu tí gì. Đến khi Ngô Ngọc bày rượu thịt ra thì trời đã khuya, đang lúc đói bụng nên ngồi ngay vào bàn ăn uống. Ngô Ngọc lại giả ân cần mời rượu, Mã Thái vô tình uống luôn mấy chén có pha thuốc độc nên chưa hết bữa cơm đã gục xuống bàn chết rồi. Ngô Ngọc liền lục soát lấy hết tiền bạc, sau đó vác xác Mã Thái đến một cái ao lớn phía chân núi, buộc thêm mấy tảng đá cho thật nặng rồi quăng xuống phi tang. Những hành động của hần hết sức nhanh gọn, chứng tỏ đã nhiều

lần làm như vậy.

Trong khi ấy Nhật Tân vào thành Hiếu Cảm thu mua được khá nhiều vải tốt, đến ngày hẹn vẫn không thấy Mã Thái quay về thì rất nóng lòng sốt ruột. Chờ thêm 10 ngày sau, Nhật Tân không còn chịu được nữa, lập tức gửi hàng hóa nơi nhà người quen rồi một mình đến Tân Lý hỏi thăm tung tích của Mã Thái. Khi tới nhà người chuyên thu mua vải ở Tân Lý tên là Dương Thanh. Nhật Tân chưa kịp hỏi thì Dương Thanh đã nói trước:

- Sao năm nay huynh đài đến trễ vậy. Bao nhiêu vải tốt giá lại rẻ nên những lái buôn khác mua hết cả rồi. Bây giờ huynh mới đến thì còn gì đâu mà mua?

Nghe vậy Nhật Tân biết ngay Mã Thái chưa đến nơi, lo lắng nói:

- Tôi đã chia tay với người em họ Mã Thái từ hơn nửa tháng nay. Bây giờ lại biết Mã Thái không đến đây thu mua thì thật lạ. Theo huynh đài biết thì Tân Lý này còn chỗ nào có thể thu mua vải được không?

Dương Thanh lắc đầu đáp:

- Tân Lý này không phải chốn phồn hoa đô hội. Từ trước tới giờ chỉ có tôi làm nghề thu mua vải lụa của các thôn chung quanh rồi bán buôn lại cho thương lái, không hề có người nào khác. Thế Mã Thái đi từ ngày nào, có dặn hờ gì không?

Nhật Tân cho biết:

- Chúng tôi đến Hiếu Cảm rồi chia tay trong quán Dương La vào ngày 12 tháng giêng, bây giờ đã là đầu tháng hai mất rồi.

Dương Thanh nghe vậy cũng sốt sắng nói Nhật Tân nghỉ tạm ở nhà mình, sai gia nhân đi mấy chỗ hỏi thăm giùm, tất cả đều về thưa không thấy bóng dáng của Mã Thái lai vãng. Nhật Tân liền cấp tốc quay lại Dương La dịch, hy vọng Mã Thái vì sự cố nào đó phải gián đoạn việc buôn bán rồi trở về đó gặp lại anh em. Thế nhưng Lý Chiêu cho biết cũng không hề thấy Mã Thái nên Nhật Tân bắt đầu kinh sợ, chắc chắn đứa em đã gặp chuyện chẳng lành rồi.

Ở đó mấy hôm, Nhật Tân dò la biết rằng hơn tháng nay không hề có vụ trộm cướp nào xảy ra thì càng băn khoăn, một lần nữa đến Tân Lý, gặp Dương Thanh nói luôn:

- Chúng tôi đã có ước hẹn với nhau, tôi thu mua ở Hiếu Cảm, còn Mã Thái thu mua ở Tân Lý này. Hơn tháng nay suốt vùng không có tai nạn trộm cướp nào xảy ra thì không thể nói Mã Thái bị nạn dọc đường. Mã Thái có mang theo số bạc khá lớn gần 300 lạng, như vậy chắc chắn là người đã nổi tính tham, lén giết chết đứa em tội nghiệp này mà đoạt của rồi. Nếu không tự dừng tại sao biến mất được?

Dương Thanh tức quá cãi lại:

- Ông nhìn thử coi, nhà tôi bao giờ cũng tấp nập người khắp nơi đến mua bán, chẳng lẽ Mã Thái đến mà không một ai biết hay sao? Theo tôi thì em ông đã bị bọn cướp giết chết dọc đường, đừng vu oan giá họa cho tôi là người làm ăn lương thiện.

Nhật Tân không chịu, cãi lại:

- Dù em tôi có bị giết dọc đường thì cái xác vẫn còn đó, quan nha cũng biết đến. Mãi hôm nay vẫn chưa có tung tích gì thì nhất

định ông đã giết người đoạt của, giấu xác trong nhà rồi.

Thấy Nhật Tân nhất định gán tội cho mình, Dương Thanh đỏ bừng cả mặt, gân cổ lên to tiếng mắng lại. Sau nhiều lời qua tiếng lại, cả hai xông vào đánh nhau kịch liệt. Nhật Tân không đánh lại với Dương Thanh, tức tối nói:

- Được lắm! Người có sức khỏe nhưng không chống nổi với quan quân đâu. Ta quyết lần này lôi người ra công đường, xem thử xem ai đúng ai sai mới hả lòng.

Ngay hôm sau Nhật Tân thuê người viết đơn kiện, tố cáo Dương Thanh lén giết người cướp của. Quan tri huyện ở Tân Lý là Trương Thời Thái nhận đơn kiện xong cho gọi Nhật Tân và Dương Thanh đến nha phủ xét hỏi. Vốn là người đầu óc nông cạn, Trương Thời Thái hỏi cung rất đơn giản:

- Dương Thanh kia, có phải người giết người rồi giấu xác trong nhà phi tang phải không? Mau khai ra cho bản quan rõ, nếu không sẽ dùng tới khảo đả.

Nhật Tân thấy vậy rất nóng ruột, không chờ Dương Thanh phản bác, lập tức lên tiếng:

- Gian nhân tất phải có nhiều thủ đoạn, lại biết giữ bí mật, nếu đại nhân chỉ hỏi cung mà không tra khảo thì đời nào bọn chúng chịu khai nhận? Xin đại nhân cứ theo đơn mà dùng cực hình thì mới có kết quả.

Dương Thanh tức quá cãi luôn:

- Toàn những lời hồ đồ để hại người ngay. Trước mặt đại quan nhân đây, tiểu dân là Dương Thanh, buôn bán đã mấy năm nay ở Tân Lý chưa hề có tai tiếng nào xảy ra, xin trình với đại quan nhân

rằng Mã Thái từ đầu năm đến giờ chưa hề đặt chân đến nhà tiểu dân lần nào, nếu sai lời thì xin chịu tội chết. Theo tiểu dân thì chắc có lẽ Nhật Tân giết em lấy của rồi vu cáo cho người khác để chạy tội. Xin đại nhân cứ cung hình Nhật Tân sẽ rõ ngay.

Quan huyện Trương Thời Thái trợn mắt nhìn Nhật Tân quát hỏi:

- Người nói Dương Thanh giết em người nhưng rõ ràng có nhiều người làm chứng Mã Thái không hề đến nhà Dương Thanh. Hóa ra người giết em phải không? Hai người đi chung sao lại chia tay? Lúc chia tay có ai làm chứng không?

Nhật Tân thưa:

- Hai anh em chúng tôi có vào quán của Lý Chiêu ăn uống, được họ Lý mời rượu mừng xuân, sau đó rõ ràng là có chia tay. Lý Chiêu có thể làm chứng được.

Quan huyện liền tạm dừng xử án, triệu Lý Chiêu đến thẩm vấn. Lý Chiêu liền xác nhận đó là sự thật nên quan huyện chuyển nghi ngờ về phía bị cáo. Dương Thanh phải sai người về nhà gọi một số khách buôn đã đến nhà mình từ đầu năm, đến nay vẫn còn lưu lại vì chưa mua đủ số hàng đến làm chứng là không hề thấy Mã Thái lai vãng. Nhật Tân nhất định không chịu, nói:

- Những khách này thật ra đều là bằng hữu của Dương Thanh, chắc chắn họ làm chứng dối, không chừng cũng được chia phần ít nhiều rồi. Không thể coi họ là chứng có chạy tội được.

Quan huyện họ Trương hết sức hồ đồ, nghe Nhật Tân nói chắc như đinh đóng cột thì lập tức sai quân đề Dương Thanh xuống tra khảo. Mới đầu Dương Thanh còn chịu được, sau đến hình cụ kẹp

mười đầu ngón tay ngón chân thì đau đến chết đi sống lại mấy lần, không còn sức để kêu oan nữa. Cuối cùng sợ bị chết oan bởi tên quan huyện mù mờ, Dương Thanh đã nghiêng rằng nhận tội giết người.

Thế nhưng khi quan huyện Trương Thời Thái hỏi số bạc giấu ở đâu, xác chết phi tang nơi nào thì Dương Thanh ú ớ không biết khai làm sao cho phải, đành phải nói thật:

- Thật tội cho tiểu dân. Đó là vì quan lớn tra tấn quá nặng, tiểu dân không sao chịu nổi nên nhận bừa tránh khỏi đau đớn. Bây giờ đại nhân hỏi đến số bạc cùng xác chết thì tiểu dân đành chịu bởi có ra tay giết người đoạt của đâu mà biết?

Nghe vậy quan huyện Trương Thời Thái nổi hung lên, chỉ mặt Dương Thanh mắng:

- Tên gian xảo kia! Mỗi lần người khai một khác. Lúc thì nhận tội bây giờ lại chối thì còn coi ta ra thể thống gì nữa. Bây đâu! Lần này kẹp đến khi hấn chết thì thôi.

Dương Thanh sợ quá, vội vàng nói:

- Thôi thôi! Tội dân xin khai. Số bạc ấy tội dân đã ăn chơi sạch hết rồi, còn cái xác Mã Thái thì quăng xuống Trường Giang, chắc đã trôi mất hoặc là làm mồi cho tôm cá còn đâu.

Quan huyện rất mừng, lập tức viết văn án bắt Dương Thanh điểm chỉ vào rồi sai đóng gông nhốt vào ngục thất, chờ khi trình lên phủ phê chuẩn sẽ đem hành hình sau. Những tưởng trước sau gì Dương Thanh cũng bị chết oan nhưng số mệnh của hắn chưa đến ngày nên gặp được phán quan nổi tiếng sáng suốt thời bấy giờ là Bao Công.

Vụ việc đã xong gần một tháng, tri phủ chưa phê chuẩn án văn thì chợt có Bao Công theo lệnh Hoàng đế tuần thú đến thành Hiếu Cảm. Đêm hôm đó tri phủ đưa lên tất cả hồ sơ án mạng cho Bao Công duyệt xét. Khi ông đọc đến vụ án Dương Thanh giết người cướp của thì đã có chút nghi ngờ bởi ngoài lời tố cáo của Nhật Tân thì hoàn toàn không có vật chứng, nhân chứng nào. Bao Công còn đang suy nghĩ, cảm thấy người mệt mỏi bất thường, thiếp đi một lát.

Trong giấc ngủ, Bao Công nằm mơ thấy có một con thỏ đội mũ chạy trước án thư, định vô lấy nó thì giật mình tỉnh dậy. Bao Công biết ngay đây là vụ án oan, ngay hôm sau gọi Dương Thanh lên thẩm tra lại. Biết Bao Công là vị phán quan anh minh, xét xử như thần, Dương Thanh liền phản cung, nhất quyết khai rằng chưa hề gặp Mã Thái, chỉ vì bị bức cung mà nhận tội bừa.

Thời gian đã qua khá lâu mà vẫn không thấy tung tích của Mã Thái, dựa vào lời khai của Lý Chiêu thì đúng là hai anh em đã chia tay nơi quán Dương La, Bao Công đã hình thành ý tưởng là Mã Thái chắc chắn chết ở dọc đường. Vì vậy hôm sau Bao Công không thẳng đường xử án mà cùng mấy tùy tùng giả làm khách buôn đến thị sát nơi Dương La dịch và Nam Tích.

Bao Công ghé lại Dương La dịch nghỉ chân và ăn uống. Lý Chiêu không biết mặt Bao Công nên vẫn tiếp đãi như người bình thường, nhờ vậy Bao Công dò hỏi được nhiều điều quan trọng. Đó là khi đi khỏi Dương La dịch thì đường đến Tân Lý phải qua Nam Tích, toàn là rừng bụi ao đầm hoang vu, rất ít nhà dân ở. Bao Công nghĩ ngay đến vùng đất này chắc chắn phải là nơi yếu địa cho bọn

giết người tung hoành nên cùng với mấy tùy tùng đến tận nơi, đi loanh quanh dò xét.

Bao Công nhìn xa xa, chợt thấy đàn quạ xúm lại một điểm nơi góc rừng thì liền đi tới. Thì ra đó là cái ao khá rộng, nước không lưu thông nên xám xanh, bốc mùi hôi thối. May mắn sao, khi ấy Bao Công nhìn thấy khuất sau bụi lau sậy là một cái xác người nổi lên, vẫn chưa thối rửa hết, tức là nạn nhân chỉ mới chết gần đây.

Bao Công liền trở về huyện đường ra lệnh cho quan huyện phải cùng nha dịch và quân lính tới ao nước đó vớt cái xác lên. Một người quân lính tên là Triệu Trung vốn can đảm lại biết bơi giỏi nên tình nguyện xuống ao vớt xác. Thế nhưng sau khi kéo được cái xác kia lên bờ, Triệu Trung quỳ xuống báo với Bao Công:

- Thuộc hạ đã nhìn thấy lơ mờ dưới đáy ao có nhiều bộ xương. Chắc chắn còn nhiều xác chết nữa nhưng đã thối rửa hết rồi, chỉ riêng cái xác này chắc là chết chưa lâu nên còn nổi trên mặt nước.

Bao Công nghe vậy cả kinh, lập tức huy động thêm người bơi lặn giỏi, truyền lệnh vớt toàn bộ các bộ xương dưới đáy ao lên, chưa biết đã hết chưa mà được hơn 10 xác, chuyển hết về nha môn để chờ quan pháp y tới khám nghiệm. Tất cả đều phí công vô ích bởi không thể nào nhận diện được bất cứ thân thể của ai, kể cả cái xác nổi trên mặt nước.

Đây là cái ao hoang giữa rừng nên không thể truy cứu trách nhiệm cho ai được, thế là Bao Công mất biết bao công sức vẫn chưa nắm được chút đầu mối nào. Thế nhưng, với hơn 10 xác chết, đó là một vụ án lớn không thể bỏ qua, Bao Công suy nghĩ tìm cách phải làm sáng tỏ sự việc mới cam tâm. Sau mấy ngày tính toán, cuối

cùng Bao Công nghĩ ra một kế sách, truyền lệnh gọi toàn bộ số người sống ở chu vi mấy dặm chung quanh cái ao đó đến công đường. Bao Công bắt tất cả quỳ xuống, khai rõ họ tên, làm như họ đều là thủ phạm. Sau khi nha lại ghi xong tên tuổi, đưa danh sách lên, Bao Công liền nói:

- Ta đã biết tên tội phạm giết người, quăng xuống ao nước phi tang. Hôm nay xem lại danh sách thì quả đúng là có ở đây.

Nói xong, Bao Công cầm bút giả như khoanh một cái vào danh sách rồi nói:

- Trong số danh sách này bản quan đã chấm được mấy tên chắc chắn là hung thủ, còn lại đều vô tội. Bây giờ ai tự biết mình không phạm tội thì cứ đứng lên ra về, còn những tên thủ phạm thì quỳ ở đó nghe bản quan tra xét lấy lời khai.

Trong số người ấy tất nhiên là có cả Ngô Ngọc bởi vì nhà của hắn gần cái ao hơn hết. Nghe Bao Công tuyên bố, hầu như tất cả đều đứng dậy, chỉ riêng Ngô Ngọc tỏ ra lúng túng, không biết nên nhận tội hay cứ thủ chối cãi, thành ra chậm hơn những người khác một vài giây. Chỉ cần như thế, đôi mắt tinh tường của Bao Công đã nhận ra, khi Ngô Ngọc quyết định đứng dậy thì Bao Công lập tức đập bàn quát lớn:

- Tên kia, ngươi là thủ phạm giết người, sao dám đứng lên?

Đòn phủ đầu của Bao Công khiến Ngô Ngọc sợ quá, lại quỳ xuống như cũ, cúi đầu thật thấp chứ không dám ngẩng lên. Thái độ đó đã đủ thừa nhận hắn chính là hung thủ giết người, Bao Công liền quát tiếp:

- Người tên họ là gì, hãy khai thực đã giết bao nhiêu người?

Nếu người ngoan cố thì bản quan không nhẹ tay đâu.

Lần này Ngô Ngọc đã hơi bình tĩnh một chút, trong lòng thầm nghĩ: “Ta giết người nhiều năm nay chưa hề có chút chứng cứ nào. Tại sao tên quan kia biết được? Hay là hắn chỉ đoán chừng mà thôi?”. Do vậy Ngô Ngọc liền kêu oan, nói:

- Thảo dân sinh sống bằng nghề chăn nuôi trâu bò, bán cho lái buôn nuôi gia đình. Thảo dân chưa hề biết đến việc sát nhân, xin đại quan minh xét cho.

Bao Công cả giận, mắng Ngô Ngọc:

- Bản quan xét xử đã nhiều vụ án giết người nhưng người mới là kẻ sát nhân vô lương tâm nhất, không những giết nhiều người vô tội mà còn cứng đầu không chịu khai thật. Người đâu! Đánh cho hắn 40 roi thị uy, xem có còn chối cãi được mãi không?

Thế nhưng Ngô Ngọc là tên hung ác, chịu đau rất giỏi, dù đã hứng 40 roi thịt máu đầm đìa vẫn nhất định không nhận tội. Sau khi bị đánh hắn còn cố sức thêu thào nói:

- Đại nhân cứ một mực ghép thảo dân vào tội giết người thì chưa tâm phục khẩu phục. Thảo dân dù có chết cũng không oán thán nếu như đại nhân đưa ra bằng chứng xác thực.

Bao Công cười nhạt, nói:

- Người thật cứng đầu! Bản quan đã nắm được bằng chứng xác thực trong tay rồi nhưng muốn người tự khai ra. Nếu người nhất định ngoan cố thì bản quan cứ dùng cực hình cho người biết thế nào là đau khổ, sau đó sẽ đưa bằng chứng ra cũng chưa muộn.

Thật sự Bao Công hoàn toàn chỉ dựa vào thái độ lúng túng của

hắn mà suy đoán là hung thủ mà thôi, vì vậy đành phải dùng tới cực hình. Tuy nhiên, mấy lần dùng đến hình cụ kẹp ngón tay ngón chân, hầu như Ngô Ngọc gãy hết tứ chi mà hắn vẫn nhất định không nhận tội.

Bất đắc dĩ Bao Công phải tìm cách trì hoãn, nói:

- Bây giờ trời đã chiều. Ngày mai bản quan sẽ tra khảo lần nữa, nếu cuối cùng người nhất định không khai thì sẽ đưa bằng chứng ra, dựa vào đó mà kết tội là được.

Buổi tối hôm ấy đích thân Bao Công đến nhà Ngô Ngọc hạch hỏi bà mẹ của hắn cùng với Cung thị. Hai người này từ trước đến nay rất bất nhẫn vì những hành vi vô nhân của hắn nên đều khai ra hết. Bao Công cả mừng, lấy lời khai xong mới yên tâm trở về huyện đường nghỉ ngơi. Đồng thời ông cũng truyền lệnh cho hai người phải có mặt ở công đường đối chất với Ngô Ngọc.

Thoạt đầu Ngô Ngọc cũng không chịu khai nhưng khi thấy Bao Công gọi mẹ và vợ ra quỳ trước công đường thì biết rằng đã lộ mọi việc, đành phải cúi đầu xin khai thật. Bao Công liền hỏi:

- Người bắt đầu giết người từ bao lâu rồi?

Ngô Ngọc đáp:

- Thật tình tội dân không hề có ý định giết người. Thế nhưng khi thả trâu ngoài đồng ăn cỏ, công việc hết sức vất vả mà thường kiếm không đủ cho ba miệng ăn. Trong khi ấy thường các khách buôn lỗ đường lại mang nhiều vàng bạc nên dần dần bị tính tham lam lấn át, ra tay giết người cướp của. Một lần làm được thì những lần sau không còn ngại ngần gì nữa, tiểu nhân thấy cướp của quá dễ dàng thì cứ vậy mà tiếp tục. Tội dân cũng nhiều lần muốn dừng

tay nhưng không hiểu ma đưa lối quỷ đưa đường như thế nào mà không sao từ bỏ nổi.

Bao Công gật đầu hỏi tiếp:

- Trong số hơn mười xác chết chỉ có một là chưa thối rửa hết, như vậy người giết vào ngày nào?

Ngô Ngọc thưa:

- Tội dân không nhớ rõ, chỉ biết là lúc đó vào khoảng đầu năm, vừa ăn tết xong.

Bao Công nghe vậy biết ngay đó là xác của Mã Thái, tức giận nói:

- Người quả thật vô nhân tính. Đầu năm người ta lỡ đường, thật sự người phải tiếp đãi khách lỡ đường cho đầy đủ, thế mà lại đang tay giết người không có thù oán gì với mình. Hiện giờ người đã tích góp của vô nhân ấy được bao nhiêu rồi, chôn giấu ở đâu? Riêng số bạc gần ba trăm lượng của Mã Thái chắc chắn người chưa dùng tới phải không?

Ngô Ngọc biết cái chết đã chắc chắn, cúi đầu nói nho nhỏ:

- Thật ra tội dân cũng không muốn giết Mã Thái. Thế nhưng chẳng hiểu tại sao khi thấy số bạc quá lớn thì tự nhiên tối mắt tối mũi lại, như bị ma quỷ xúi giục mất hết lương tri nên mới theo cách cũ bỏ thuốc độc vào rượu, giết xong rồi đem quăng xuống ao phi tang, số bạc ấy tội dân chôn chung với những số tiền đã cướp được ngoài vườn sau nhà.

Bao Công thấy như vậy đã đủ, không cần bắt mẹ của Ngô Ngọc và Cung thị khai thêm, truyền giam hãm lại, giải lên phủ thẩm xét

kết tội lần cuối cùng. Ông gọi Nhật Tân đến nhận xác đứa em, trách mắng một hồi về việc vu cáo cho người lương thiện để đến nỗi Dương Thanh phải bị đau đớn. Nhật Tân hứa sẽ đền bù cho Dương Thanh một số tiền rồi xin phép Bao Công cho mình đem xác Mã Thái về quê chôn cất.

Đồng thời Bao Công cũng cùng quan quân đến nhà Ngô Ngọc đào tìm số tiền đã cướp được của khách qua đường làm tang chứng. Khi thấy quan quân rầm rộ kéo đến, người mẹ của Ngô Ngọc và Cung thị sợ bị tội, chạy ra ao nước nhảy xuống tự vẫn. May sao quan quân đuổi kịp cứu được Cung thị còn người mẹ vì quá già yếu, uống nước nhiều nên không thể cứu chữa nổi. Tuy được cứu sống nhưng Cung thị vẫn ân hận vì đã để chồng giết người quá nhiều, thưa với Bao Công:

- Chồng làm việc ác, vợ không ngăn cản được, cũng không tố giác để số người chết nhiều thì cũng là phạm tội. Tuy rằng tiểu dân đã hết sức khuyên can, đến mẹ già cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng dù sao vẫn là có tội thông đồng. Xin Bao quan nhân xử trí thì mới yên tâm sống hết cuộc đời được.

Bao Công thấy Cung thị là người hiếu đạo đức, khuyên nhủ:

- Người đã nhiều lần khuyên can mà không được thì việc này không thể gọi là thông đồng. Nay Ngô Ngọc sẽ chết mà mẹ già cũng không còn, bản quan cho người tùy ý muốn tái giá hay ở vậy cũng được, đừng nhớ lại chuyện cũ rồi đâm ra buồn phiền.

Sau đó không lâu, án văn được phê duyệt, Ngô Ngọc bị đem ra giữa chợ chém đầu làm gương cho những kẻ có lòng dạ ác độc vô nhân. Riêng Cung thị không sống ở Tân Lý nữa, bỏ đi đâu biệt

tích, sống chết thế nào không rõ.

8

TIÊU SINH

THẨM KỊCH GIA ĐÌNH

Vào năm Thiên Thánh thứ 3 đời Tống Nhân Tông, đất Khai Phong phát triển rất mạnh, ca lâu tửu quán mọc lên khắp nơi. Với vị trí thuận lợi, việc giao thương buôn bán nhộn nhịp nên số người nghèo ít hơn số người giàu, người dân ấm no sung túc. Ngày hôm ấy là dịp cuối xuân, hương vị ngày Tết cũng vẫn còn phảng phất nên các tửu điểm hầu như chật ních người. Trong số các tửu điểm nổi tiếng đất kinh thành, quán rượu Hoàng Hoa của người chủ họ Châu đắt hàng hơn cả bởi vị rượu ngon, giá cả lại tương đối. Hoàng Hoa quán cũng là nơi tụ tập trao đổi của các thương buôn và một số thi nhân tao khách nên lại càng đông hơn vào buổi tối.

Hầu như ai nấy cũng ăn mặc đẹp đẽ, cười nói vui vẻ, uống rượu hết sức hào sảng. Chỉ riêng ở trong góc cuối cùng của quán là có một thiếu niên ngồi uống rượu một mình, diện mạo tuy phong lưu nhưng hằn lên nét ưu sầu, cứ uống hết chén này đến chén khác, chẳng thèm nhìn ai cả. Chẳng bao lâu hình như thiếu niên này đã say, có khi rót rượu tràn ra cả chén mà không biết. Thói đời là vậy, khi người khác gặp chuyện buồn phiền thì người khác không tìm cách an ủi mà lại còn lấy cớ ấy để dè bĩu trêu chọc.

Thấy thiếu niên đã quá say, một người là thương buôn nổi tiếng

họ Triệu ngồi ở bàn gần đó nâng chén rượu lên mời mọi người, thật sự là cố ý để thiếu niên kia nghe rõ:

— Nào chúng ta hãy nâng chén uống cạn mừng cho thiên hạ được an trị. Thế nhưng chỉ lấy cố đất nước thanh bình mà cứ tối ngày uống rượu, chẳng làm gì thì thật phí hoài tuổi trẻ, đâu xứng đáng là nam nhi chí khí?

Mọi người vui vẻ uống cạn chén rồi cười lớn để tán thưởng. Nghe vậy thiếu niên đột ngột đứng phắt dậy, nói thật to phả cả hơi rượu nồng nặc đến mức mọi người bên bàn họ Triệu cũng có thể ngửi thấy:

— Các người đừng y mình may mắn buôn bán phát tài rồi khích bác người khác. Ta đây chưa muốn ra tay đấy thôi, bất cứ việc gì cũng có thể làm được... kể cả giết người lấy tiền. Các người đừng có khinh thường mà lâm đấy.

Triệu gia càng cười to hơn, khích thêm:

— Tiêu “công tử”, chúng tôi làm sao dám trêu chọc công tử. Đó chẳng qua là nhân tửu hứng nói chuyện đời mà thôi, chúng tôi thừa biết “công tử” là đại trượng phu, việc gì cũng dám làm... thế nhưng chắc tại trời nên lúc nào cũng nghèo kiết xác. Ha Ha, chẳng qua là thời vận phải không? Máy người chúng tôi vẫn chờ xem thời vận khá hơn của “công tử” có đến hay không... Ha Ha Ha, mong lắm thay!

Thật sự thiếu niên họ Tiêu chỉ là một Nho sinh nghèo túng, việc học hành cũng dang dở bởi người chị gái lấy chồng họ Từ, cũng là một thương buôn chuyên về vải lụa, tuy gia sản giàu có nhưng Tiêu thì không hề được cầm đến đồng to đồng nhỏ, làm sao giúp

cho em mình ăn học tới nơi tới chốn. Nhiều lần người chị cũng khuyên chàng Tiêu nên bỏ học chuyển sang buôn bán, nếu trời cho thì giàu sang mấy hồi. Thế nhưng Tiêu lang nhất quyết không chịu, chê rằng nghề buôn bán chẳng qua là mua thấp bán cao, lừa dối người khác lấy tiền mà thôi. Tiếc rằng chàng Tiêu đi thi cấp tỉnh nhưng đều bị rớt bởi kiến thức còn nông cạn, không được đọc nhiều sách vở thánh hiền. Càng thất bại chàng càng bất mãn, chàng đâm ra rượu chè say sưa để quên đời. Càng say thì tình hình lại càng túng bấn hơn nên có khi phải uống chịu nơi quán Hoàng Hoa, nhiều lần bị ông chủ Châu khó chịu cần nhằn.

Đêm hôm nay hầu như toàn kinh đô ai cũng vui vẻ, chỉ riêng mình cô độc buồn phiền nên chàng Tiêu không sao chịu nổi những lời châm chọc của bọn thương buôn theo phe họ Triệu nên nóng mặt nói bừa một câu cho hả giận rồi lập tức bỏ quán về nhà.

Khi đi đến phòng của chị, chàng Tiêu chợt nghe thấy hình như có tiếng thì thâm to nhỏ ở căn phòng khác sát vách nhưng khi vểnh tai lên thì âm thanh ấy lại tắt hẳn. Lúc đó người anh rể họ Từ đã về mấy ngày trước nhưng lại cấp tốc đi nữa, để Tiêu thị ở nhà một mình. Chàng Tiêu tưởng mình quá say nghe lầm nên không để ý tới nữa, lén bước vào phòng chị, thò tay xuống dưới gầm giường tìm kiếm. Hóa ra chàng Tiêu đã biết anh rể họ Từ rất hay giấu tiền bạc ở chỗ đó, lần này tức giận định trộm một ít trả tiền rượu còn thiếu. Chẳng ngờ bàn tay của chàng chạm vào một cái túi khá lớn, thử trọng lượng thì chắc đến hơn 100 lạng bạc. Chàng Tiêu nghĩ thầm: “Hắn có nhiều tiền thế này mà chẳng bao giờ giúp mình một phen, lại luôn luôn chê bai khinh ghét, có lẽ chỉ muốn mình ra khỏi nhà

mà thôi. Hôm nay tình cờ tìm được số bạc này, hay là lấy hết cho hấn hoảng sợ một phen?”.

Đang lúc vừa tức vừa say, chàng Tiêu không còn nghĩ được đúng sai, nhét túi bạc vào người rồi chạy như bay đến quán Hoàng Hoa, đập túi bạc lên bàn rồi nhìn thẳng vào đám thương buôn mà lên giọng nói thật lớn:

— Các người nhìn đây. Tiêu mỗ tuy không có sức mạnh nhưng chỉ cần có gan là việc gì cũng làm được hết. Mỗ đây vừa ra ngoài thành giết người cướp lấy số bạc này ăn chơi đây. Các người cứ cười trêu đi, có ngày sẽ biết tay Tiêu mỗ này... đừng hối hận đấy nhé.

Nói xong, chàng Tiêu ngồi phịch xuống bàn, hốt ra một nén bạc quăng lên bàn, quát tháo:

— Chủ quán đâu! Tiểu nhị đâu! Mang cho ta một bình rượu ngon loại lớn. Bấy nhiêu đây có đủ trả tiền rượu chưa?

Quả nhiên đồng tiền dù là bất nhân cũng làm cho người ta tối mắt, ông chủ Châu lập tức hối tiểu nhị đem rượu ra, ân cần rót cho chàng Tiêu đầy chén lớn. Tiếng cười đùa trêu chọc ở bàn bên cũng tắt hẳn bởi ai nấy đều run sợ tự nghĩ nếu chàng Tiêu oán ghét, hôm nào rình mò giết chết mình cướp tiền thì sao? Thấy chàng Tiêu bùng chén rượu lên nốc ừng ực như người điên, một thương buôn họ Lý liền nói nhỏ với người trong bàn:

— Quả người đã say dám làm những chuyện mà ngày thường chỉ nghĩ đến thôi đã rùng mình kinh sợ. Có lẽ hôm nay chàng Tiêu đã quá say nên làm liều, đừng trêu chọc hấn nữa mà mang họa.

Thế nhưng chẳng hiểu tại sao, dù họ Lý đã nói rất nhỏ mà chàng Tiêu vẫn nghe thấy, đứng dậy đập bình rượu xuống bàn

nghe “chát” một tiếng rồi hùng hổ nói:

— Người tưởng là hễ cứ say mới dám làm hay sao? Ta đây là đại trượng phu, không cần tới men rượu cũng dám giết người như thường. Các người không tin thì hãy đến cái giếng khô ở cửa thành phía Tây mà xem thử. Kẻ nào làm ta tức giận thì trước sau gì cũng xuống đó mà nằm.

Mọi người nghe vậy bắt đầu hoảng sợ, cố nán uống một chén rượu nữa rồi lén bám nhau bỏ về. Mất đối tượng, lại quá say, chàng Tiêu cũng không muốn uống nữa, lảo đảo ôm túi bạc về nhà.

Riêng họ Triệu không thể ngờ được chàng Tiêu lại dám liều lĩnh như vậy, suốt đêm trần trọc không sao ngủ được, mãi đến tờ mờ sáng thì đột ngột trở dậy, một mình đi thẳng đến cửa thành phía Tây. Nơi đây có cái giếng đã khô từ lâu, đất đá lấp đầy nên rất cạn, nằm giữa lau sậy tre trúc nên ít người để ý tới. Nhờ ánh sáng lơ mờ buổi bình minh, họ Triệu nhìn xuống giếng thì thấy rõ ràng có một tử thi dưới đó, mặt cắt không còn hột máu, phóng nhanh về nhà như bay, ngồi xuống giường mà thở mãi.

Thấy chồng có hành động kỳ lạ, người vợ liền hỏi:

— Chẳng hay phu quân đi đâu giữa lúc mờ sáng thế? Chắc là có chuyện gì ghê gớm lắm phải không, nhìn sắc mặt xanh tái của phu quân là biết ngay. Thiếp xuống dưới nhà nấu trà làm cơm sáng cho phu quân nhé.

Mặc vợ nói gì thì nói, đi đâu thì đi, họ Triệu cứ ngăn người ra nhưng mất hết hồn vía, tự nghĩ: “Hóa ra tiểu tử nói thật. Hắn dám giết người cướp của thì trước sau gì cũng tính đến cái mạng già này. Ta nhiều lần trêu chọc khinh bỉ hắn, chắc chắn hắn đã tức

giận trong lòng, nếu bất ngờ hôm nào đó có cơ hội sẽ giết ta ngay. Hắn còn sống ngày nào ta thật không ngủ yên được, không những chết oan uổng mà bao nhiêu vàng bạc tích góp bấy lâu nay về tay hắn tiêu xài thì đau đớn quá! Tốt nhất là làm cách nào cho hắn chết đi hoặc là suốt đời nằm trong ngục tối mới được”. Nghĩ vậy nên không chờ vợ dọn cơm sáng, nhân lúc chưa ai biết, họ Triệu quyết định chạy đến công đường huyện Khai Phong đánh trống tố cáo.

Khi Triển Chiêu ra tiếp nhận, có hơi ngỡ ngàng vì họ Triệu từ trước tới nay vốn rất đồ kỵ với công đường, chưa bao giờ héo lánh tới. Đó cũng là việc tự nhiên bởi giới thương nhân hết sức nghi kỵ công đường, hễ cứ ai bị chạm đến không tù tội thì cũng tan gia phá sản.

Triển Chiêu liền đưa họ Triệu vào công đường ngồi chờ một lúc Bao Công mới ăn sáng xong và ra thẳng đường. Bao Công hỏi trước:

— Có đơn kiện gì không, mau dâng lên!

Họ Triệu lấp bắp thưa:

— Bẩm đại nhân... vì việc quá gấp nên tiểu dân... quên cả làm đơn, xin khai sự thực về việc giết người cướp của.

Bao Công cũng không câu nệ, hỏi luôn:

— Người tố cáo ai giết người cướp của, có tận mắt nhìn thấy hay có bằng chứng xác thực nào không?

Họ Triệu lại càng lúng túng:

— Bẩm Bao đại nhân. Tên họ Tiêu là em vợ tiểu nhân đêm hôm

qua giết người cướp của, lại nhơn nhơn nói cho mọi người biết chứ không riêng gì tiểu nhân.

Bao Công lắc đầu nói:

— Có thể lúc đó Tiêu thư sinh quá say nên nói bừa mà thôi. Tuy bản quan chưa từng gặp mặt nhưng nghĩ rằng họ Tiêu là thư sinh nhiều lần đi thi, sức trời gà không chặt, lại đọc nhiều sách thánh hiền thì làm gì có gan giết người? Nếu người không có bằng chứng xác thực thì cứ về đi, bản quan tha thứ cho không ghép tội làm náo loạn công đường.

Họ Triệu đã có chút bình tĩnh, vội thưa:

— Tiểu nhân nhớ rồi, nhớ rồi! Đêm qua hấn khoe cái túi bạc khá lớn, lại nói thẳng là giết người bỏ xác xuống giếng phía cửa thành Tây phi tang, cả quán Hoàng Hoa đều nghe thấy chứ không riêng gì tiểu nhân. Sáng nay... sáng nay... tiểu nhân đã tới đó, đích thực nhìn thấy xác chết. Như vậy đã có đủ bằng chứng vật chứng, xin đại nhân sai bắt hấn cho mau.

Thấy thái độ của họ Triệu khá lúng túng, nhất là sự việc sáng sớm tự mình đi tìm xác chết thì không bình thường. Bao Công liền quay lại gọi Triền Chiêu, ra lệnh:

— Sát nhân là án quan trọng không thể khinh suất. Người hãy cùng quân lính đưa họ Triệu tới cửa thành phía Tây xem xét. Nếu quả có xác chết thì lập tức đưa về đây khám nghiệm, khi đã biết chắc thủ phạm mới tiến hành bắt người, đừng để kẻ vô tội bị oan sai.

Triền Chiêu tuân lệnh, cùng mấy tên quân và họ Triệu đến cửa thành phía Tây. Chắc hẳn họ Triệu không ngờ được việc tố cáo

bậy của mình đã dẫn đến vụ án giết người ly kỳ, càng làm cho danh tiếng của Bao Công thêm lừng lẫy. Lúc đến cái giếng thì trời đã có nắng lên cao, từ xa mọi người đều ngửi thấy mùi hôi thối bốc lên từ đó. Triển Chiêu liền sai hai tên quân đu dây xuống giếng kéo cái xác kia lên. Nhìn sơ qua diện mạo, người đàn ông đó khoảng hơn 40 tuổi, da mặt đen xì, lưỡi phồng rộp lên thè cả ra ngoài. Khám xét bằng mắt thôi, Bao Công đã thừa biết nguyên nhân gây ra cái chết của người đàn ông này, quay lại nói với Triển Chiêu:

— Những dấu hiệu trên mặt cho thấy hắn đã bị đầu độc bằng thạch tín, máu bị đông lại nên làn da mới đen bầm như thế. Cái xác này lại có mùi hôi thối thì không phải mới chết đêm qua như lời tố cáo của họ Triệu...

Nói đến đây, Bao Công định quay nhìn họ Triệu nhưng đột nhiên hắn bỏ chạy đâu mất. Triển Chiêu phải cho quân đi tìm mãi mới gặp họ Triệu ngồi nép mình sau một bụi cây, diện mạo xanh lè như người chết rồi. Khi dẫn về trình diện Bao Công, ông liền quát hỏi:

— Tại sao ngươi bỏ chạy? Phải chăng có quen biết với cái xác này hay không?

Họ Triệu lúng túng đáp:

— Không phải! Không phải! Tiểu nhân không hề biết người này là ai, chỉ vì sợ quá mà bỏ chạy đến chỗ khác ngồi thở mà thôi. Nếu muốn biết nạn nhân là ai thì đại nhân chỉ cần tra khảo Tiêu sinh là rõ ngay.

Bao Công càng thêm nghi ngờ bởi họ Triệu cứ nhất quyết đổ tội

cho Tiêu sinh. Thế nhưng không nói ra, cùng Triển Chiêu đi quanh hiện trường quan sát. Nơi đó là vùng đất thịt, đêm hôm qua có mưa nhỏ nên đến sáng đất vẫn còn ẩm ướt, hằn rõ một số vết chân người và vết bánh xe. Bao Công chú ý ghi nhận các vết tích đó, còn lấy cả một nắm đất đem về xem xét. Triển Chiêu lấy làm lạ, hỏi:

— Chúng ta đã ghi được các dấu vết, chắc chắn là đêm qua có kẻ dùng xe chở xác chết đến vất dưới giếng. Như vậy đã quá rõ ràng, tiểu nhân chưa hiểu lấy số đất ấy về làm gì?

Bao Công gật đầu, đáp:

— Trong việc xét án chưa có tìm ra thủ phạm chân chính thì tất cả các vết tích đều quan trọng. Nắm đất này có thể phát hiện ra cái xe đã chở xác chết đến đây.

Hai người còn đang bàn luận thì chợt có tiếng khóc vang lên rồi một người đàn bà đầu tóc rũ rượi chạy đến, vừa khóc vừa gào:

— Phu quân ơi, chàng chết rồi thì lấy ai chăm lo cho người vợ yếu đuối này đây! Thiếp làm sao sống nổi?

Vừa gào khóc, thiếu phụ vừa toan chạy đến ôm lấy xác chết. Bao Công liền sai quân chặn lại, hỏi luôn:

— Dân nữ kia! Người chưa hề nhìn thấy mặt, sao biết đó là chồng? Người tên là gì hãy khai trước ra đi.

Thiếu phụ ấy gạt nước mắt thưa:

— Dân nữ họ Tiêu, chính là vợ của người này đây. Dân nữ đang ở nhà thì chợt có người đến báo là chồng bị cường đạo giết chết, vất xác dưới giếng cửa thành Tây nên vội chạy đến.

Nghe vậy Bao Công biết thiếu phụ này chính là chị của Tiêu

sinh, còn người chết là thương buôn họ Từ. Muốn cho sự việc rõ ràng, không thể theo lời khai của thiếu phụ mà suy đoán, Bao Công sai giở tấm vải che mặt xác chết để thiếu phụ xác nhận. Thiếu phụ vừa nhìn thấy mặt chồng, tự nhiên rùng mình một cái rồi mới bật lên gào khóc, còn thê thảm hơn trước. Cử chỉ rất nhỏ của Tiêu thị không qua được đôi mắt tinh tế của Bao Công, ông thông thả hỏi thêm:

— Người đừng khóc nữa, người chết thì đã chết rồi. Bây giờ hãy trả lời bản quan, để bản quan có đủ yếu tố xét tìm thủ phạm giúp người trả thù. Chồng người không ở nhà hay sao? Đi đâu đến chốn hoang vu này để bị giết?

Tiêu thị liền ngưng khóc, sụt sùi khai rằng:

— Tiểu dân sống với chồng và đứa em trai là Tiêu sinh, không hề có oán giận gì. Chồng thiếp là người đam mê buôn bán nên mấy hôm trước vừa về tới, hôm sau nghe nói có nơi bán vải rẻ nên lập tức cầm tiền đi ngay. Chẳng ngờ lần đi này là lần vĩnh biệt.

Bao Công liền sai nha lại ghi chép toàn bộ lời khai cùng các ghi chú về dấu vết trên xác chết rồi cho Tiêu thị đem về quán, chờ khi nào xét xử xong sẽ chôn cất. Bao Công hình như có vẻ trầm ngâm suy nghĩ nên Triển Chiêu không dám hỏi nữa, sai quân giữ hiện trường cẩn thận rồi đón Bao Công về phủ.

Vừa tới nơi, Bao Công lập tức sai Triển Chiêu cùng mình đến nhà Tiêu thị bắt giữ Tiêu sinh, mặc dù có lẽ trong lòng ông đã biết chắc hẳn không thể là thủ phạm được nhưng đã có lời tố cáo của họ Triệu thì vẫn phải theo đúng trình tự mà thẩm vấn. Khi hai người tới nhà họ Tiêu thì không hề có ai, gọi mãi không được nên sau

cùng phải phá cửa xông vào. Có lẽ lúc ấy Tiêu thị mắc bận đi lo liệu việc quân xác chồng, Triển Chiêu đi mấy gian phòng mà không gặp ai. Mãi đến khi Triển Chiêu đến căn phòng nhỏ cuối cùng thì mới nhìn thấy một thiếu niên gầy gò hốc hác nằm lăn dưới đất mà ngủ, hai tay vẫn còn ôm chặt túi bạc. Triển Chiêu sai quân gọi dậy, rất lâu thiếu niên ấy mới làu bàu dụi mắt rồi cất tiếng hỏi:

— Các người là ai? Xông vào nhà ta làm gì vậy? Ta đang ngủ ngon, các người làm râm lên mất cả giấc ngủ. Các người là cường đạo phải không?

Triển Chiêu cả cười, quát:

— Tên thư sinh si ngốc kia, hãy nhìn xem là những ai đây. Mau chịu trói theo ta về phủ, đừng nhiều lời mà chịu đòn đau.

Lúc ấy Tiêu sinh mới kinh hoảng nhìn lên rồi khi bị bọn quân sĩ xúm lại trói chặt thì mới sợ hãi la lớn:

— Các người là quan quân thật nhưng ta có làm gì mà bắt trói thế này?

Tiêu sinh dụi mắt nhìn lần nữa, thấy Triển Chiêu và Bao Công đều mặc quan phục thì sợ hãi, lời lẽ kính trọng hơn:

— Tiểu sinh là học trò, biết rõ vương pháp, lại chưa từng làm điều gì sai quấy. Nếu không có chứng cứ rõ ràng thì tiểu sinh này quyết không đi đâu cả.

Triển Chiêu không muốn Tiêu sinh chống đối lời thôi, hỏi:

— Người thật sự không nhớ đêm hôm qua nói gì trong quán rượu Hoàng Hoa của ông chủ Châu hay sao?

Thấy Tiêu sinh ngơ ngác, Triển Chiêu lại hỏi tiếp:

— Chắc là người say quá nên không nhớ nổi nhưng tay còn cầm túi bạc thì nói sao cho suôn đây? Thôi! Đừng chống cự nữa, hãy theo ta về phủ, túi bạc ấy là tang chứng đấy.

Mặc cho Tiêu sinh mềm ra như con mèo ươn, bọn quan quân lập tức xốc nách kéo lôi về phủ đường. Riêng Bao Công chưa về ngay, chậm rãi đi quanh một vòng quan sát rất kỹ lưỡng từ nhà trong cho đến vườn sau. Ngôi nhà tuy đã cũ, nhiều chỗ rêu phong nhưng họ Từ vốn cũng có tiền nên không đến nỗi hoang phế. Khi đi đến vườn sau, Bao Công chợt chú ý đến một cái cửa nhỏ, có thể thông sang nhà người khác. Bao Công gọi một tên quân vốn là người địa phương lại hỏi thì được biết trước đây chưa từng có cái cửa này, nó mới được đục ra làm cửa cách đây vài năm mà thôi. Bao Công lại hỏi xem cánh cửa ấy thông qua nhà ai thì hết sức bất ngờ, bởi có thể thông đến phía sau quán rượu Hoàng Hoa của ông chủ Châu. Có lẽ nhờ chi tiết này mà Bao Công đã hình thành một đáp án, gạt gù trở lại công đường, gọi Tiêu sinh ra thẩm vấn. Tiêu sinh một mực kêu oan, khai rằng:

— Bây giờ tiểu sinh đã nhớ ra rồi. Đêm qua uống rượu ở quán Hoàng Hoa quá say rồi sau đó về nhà ngủ. Bao đại nhân thấy rõ đến sáng nay tiểu sinh còn chưa dậy nổi, sao có thể là hung thủ sát nhân được?

Bao Công đập bàn quát lớn:

— Người là người có học hành tử tế, biết đạo lý thánh hiền, sao dám cả gan giết người cướp của? Không những đã có người tố cáo người khoe khoang ở quán mà xác nạn nhân cũng đã tìm ra, người lại còn ôm túi bạc trong tay, nhân chứng vật chứng đầy đủ, nếu

không khai thật thì bản quan sẽ dùng đến cực hình tra khảo.

Thế nhưng Tiêu sinh không chịu thua, lấy lý vặn lại:

— Cứ cho là tiểu sinh giết người đi, nhưng đại nhân đã có thấy ai giết người cướp của mà lại đi khoe rầm trong quán rượu hay không? Vả chẳng tiểu sinh chân yếu tay mềm, lại không có hung khí thì làm sao giết người nổi?

Bao Công cũng phải công nhận, gật đầu nói:

— Người có học nên biết suy nghĩ sự việc. Thế nhưng người trả lời sao với số bạc cầm trong tay?

Thật sự Bao Công không muốn nhắc đến việc nạn nhân bị thuốc độc mà chết chứ không phải do người đánh hay đâm bằng hung khí, ông muốn Tiêu sinh khai ra những chi tiết để có thể kết hợp với những gì mình đã nghi ngờ. Thấy Tiêu sinh ngơ ngác không thể trả lời được câu hỏi về số bạc đã lấy ở đâu, Bao Công cũng không truy gắt, hỏi đến vấn đề khác:

— Người có biết rằng đã giết chết ai không?

Tiêu sinh lắc đầu trả lời:

— Tiểu sinh không hề giết người thì làm sao dám nói biết nạn nhân là ai.

Bao Công gật đầu, nói luôn:

— Đó là anh rể họ Từ của người.

Lần này Tiêu sinh thoáng vẻ buồn rầu, gục đầu nói:

— Hắn có chết cũng không liên quan gì tới tiểu sinh, chỉ tiếc rằng như vậy... chắc là chị tiểu sinh sẽ buồn khổ lắm mà thôi. Đại nhân đã nói là có người tố cáo tiểu sinh, bây giờ có thể cho đối chất

trước công đường được không?

Bao Công theo lời thỉnh cầu của Tiêu sinh, gọi họ Triệu lên công đường. Vừa thấy mặt họ Triệu, Tiêu sinh đã đứng bật dậy, chỉ tay mắng luôn:

— Thì ra là người! Chính người nhiều lần cười giễu ta bất tài vô tướng chỉ biết ăn bám theo chị. Nay chắc người tìm có vu oan giá họa cho ta chẳng sai.

Tiêu sinh lại quỳ xuống thưa:

— Đất Khai Phong này ai chẳng biết Bao đại nhân xử án công minh, giải oan cho người hiền lương. Nay đã có hấn trước mặt, tiểu sinh xin nói rõ hấn chính là người vu cáo, hoàn toàn tiểu sinh đâu có thể giết người.

Họ Triệu cũng gân cổ cãi:

— Chính người nói với mọi người rằng đã giết người cướp của. Ta đâu vu cáo? Ta thấy người vô nhân độc ác nên đi tố cáo đây, trước mặt quan lớn người giỏi thì cứ chối tội đi.

Câu qua lời lại, đôi bên không ai nhin ai, dần dần to tiếng. Thấy vậy Bao Công đập bàn quát lớn:

— Hay cho các người! Trước công đường mà dám tự tiện tranh cãi chẳng coi bản quan ra gì. Vì chưa có chứng cứ rõ ràng, bản quan tha cho hai người cái tội bất kính, nay cứ tạm giam Tiêu sinh, chờ khi nào minh oan được thì thả ra cũng không muộn.

Khi Tiêu sinh bị dẫn vào ngục rồi, Bao Công liền đưa cho họ Triệu một gói giấy nhỏ, ghé tai dặn thêm mấy câu rồi để hấn tự do về nhà. Lúc đó người vợ cũng đang mong ngóng chồng bởi quán

rượu hết sức đông đảo khách đến uống mà mấy ngày nay ông chồng thì cứ hết tần ngần lại đến ra đi, bỏ bê việc buôn bán lẫn cơm nước, giống như cái xác không hồn. Bà vợ tức giận vô cùng, ngồi luôn trước cửa, định bụng nếu chồng về thì không nhìn nữa, sẽ làm cho một trận tam bành.

Quả nhiên họ Triệu về nhà thật nhưng bất ngờ là cứ ngồi trước cửa, im lìm như tượng gỗ, không hề nói một lời nào. Vì vậy bà vợ kinh ngạc, không dám hỏi tại sao, chỉ biết tìm người thân bàn tính là phải đi tìm thầy bùa bà đồng về trị bệnh ma quỷ cho ông ta. Mấy ngày như vậy, chợt họ Triệu giật mình một cái rồi như con thoi chạy như bay đến cái xe ngựa đang dừng trước quán Hoàng Hoa. Cái xe ngựa này chở rượu tới cho ông chủ Châu. Khi người đánh xe bận rộn ôm các vò rượu vào, họ Triệu mau lẹ chạy đến thật sát chiếc xe, lấy tay hốt một ít đất bùn cho vào miếng giấy mà Bao Công đã đưa. Ông chủ Châu thấy họ Triệu lén lút làm gì đó, mặt mày tái xanh thì vội hỏi nửa đùa nửa thật:

— Chẳng lẽ hôm nay ngài thương gia họ Triệu đây định trộm cắp cái gì trong quán của tôi hay sao mà mặt mày lấm lét thế?

Họ Triệu giật bắn cả người nhưng nhanh trí đáp lời:

— Có gì lạ đâu! Ý tôi đang định mua chiếc xe giống như thế này để chở vải nên muốn xem kỹ một chút.

Ông chủ Châu vẫn còn chút nghi ngờ nhưng không biết nổi ý định của họ Triệu, cười mát mà nói:

— Giàu có như ông thì phải mua cái xe đẹp và sang trọng gấp năm gấp mười cái xe này mới đáng chứ.

Họ Triệu liền nói qua loa vờ vĩnh vài câu rồi rút lui ngay khiến

ông chủ Châu càng thêm nghi ngờ bởi hắn là người rất khó chịu, nếu ai mai mỉa một chút lập tức trả đũa chứ đâu có hiền lành như vậy. Khi họ Triệu đã đi khuất rồi, ông chủ Châu vẫn còn mãi suy nghĩ, sau khi nhìn chăm chăm vào chiếc xe ngựa, hình như hắn khám phá ra một điều gì đó, giật mình một cái rồi trấn tĩnh lại, đôi môi bặm chặt, hai mắt giống như tóe lửa đầy vẻ ác độc. Một lúc sau ông chủ Châu mới trấn tĩnh hoàn toàn, mím môi nói nho nhỏ một mình:

— Được rồi! Được rồi! Sẽ biết tay ta.

Ngày hôm sau Bao Công lại gọi Tiêu sinh ra thẩm vấn. Vẫn loanh quanh mấy câu hỏi như trước và Tiêu sinh vẫn một mực kêu mình bị oan. Bất chợt Bao Công hỏi một câu gần như không dính líu tới án mạng giết người:

— Người có biết về thuốc độc hay không? Có bao giờ dùng tới thuốc độc?

Tiêu sinh ngớ cả người ra, ấp úng đáp:

— Bao đại nhân tại sao hỏi kỳ lạ như vậy? Tiêu sinh là học trò chứ có phải thầy lang đâu mà biết thuốc bổ hay độc.

Bao Công giận dữ quát:

— Điều đó không liên quan đến người. Bản quan hỏi thì cứ trả lời đi. Bản quan nhắc cho người nhớ là những lúc gần đây có thấy ai dùng thuốc độc hay bất cứ việc gì liên quan tới thuốc độc thì hãy khai ra mau. Đó chính là lối thoát cho người đó.

Tiêu sinh thấy Bao Công tỏ ra quan trọng thì biết điều này không phải vô ích, nhú mày suy nghĩ rồi chột thưa:

— Tiểu sinh chẳng nhớ ngày nào tháng nào, chỉ mới mới đây có lần tử tử đi chợ mua về một gói thạch tín khá lớn, cất kỹ vào ngăn tủ nên tiểu sinh tò mò hỏi để làm gì. Tử tử cho biết dạo này nhiều chuột quấy phá, phải mua thạch tín trộn với cơm giết bọn chúng. Đây là việc thường tình nên tiểu sinh không để ý nữa, bây giờ bị đại nhân gạn hỏi mới nhớ ra. Chẳng lẽ...

Bao Công lập tức gạt lời Tiêu sinh, cấp tốc viết trát triệu Tiêu thị lên công đường đối chất. Thoạt đầu nghe Bao Công hỏi tới thạch tín, Tiêu thị giả như ngỡ ngàng, chối:

— Nhà chỉ có hai chị em, chồng dân nữ đi vắng quanh năm, dân nữ mua thạch tín để làm gì mới được. Chắc là đứa em đã nhớ sai rồi.

Tiêu sinh cãi lại:

— Em nhớ rất rõ, thậm chí còn nhớ rõ gói thuốc ấy gói bằng giấy loại gì. Tử tử đã không giết người thì cứ tình thực khai ra, sao lại phải giấu?

Bất đắc dĩ Tiêu thị đành phải khai thực là mua thạch tín về định làm bẫy giết chuột. Bao Công đã có chứng cứ chắc chắn đúng với suy đoán của mình, một mặt sai quân đến nhà Tiêu thị tìm kiếm quyết phải cho ra gói thuốc độc, một mặt sai người đi gọi người chủ đánh xe ngựa hôm trước, vốn là người giao hàng quen thuộc của quán Hoàng Hoa tới công đường.

Người này rất chất phác, chỉ biết ngày ngày đánh xe chuyên chở kiếm sống nên khi tới công đường run như cây sậy, lập tức quỳ xuống kêu van:

— Bẩm quan lớn! Con là người hiền lương, nếu quan lớn cần gì

thì cứ hỏi, con sẽ thành thật khai ra hết. Chỉ xin đừng giam con vào ngục, lấy ai tìm kiếm miếng ăn cho vợ con đây.

Bao Công liền dùng lời ôn tồn hỏi:

— Người rất thường hay chở rượu đến quán Hoàng Hoa, cố nhớ lại là có lần nào được ông chủ Châu tiếp đãi ân cần hoặc là giữ lại ngủ đêm không?

Người đánh xe cả mừng, nói ngay:

— Việc đó tiểu nhân nhớ rất rõ bởi vì mấy năm đánh xe chưa bao giờ được ông chủ Châu tiếp đãi lần nào. Thế mà cách đây hơn tuần, một lần tiểu nhân đánh xe đến thì được ông chủ Châu ân cần cho ăn uống, chuốc rượu quá nhiều. Tiểu nhân đã say thì ông chủ Châu còn tốt bụng nói hãy ở lại một đêm, sáng mai về sớm cũng được. Đây là chuyện rất kỳ lạ nên tiểu nhân làm sao quên được?

Bao Công thoáng mừng rỡ, hỏi tiếp:

— Sáng ra người lấy xe có thấy điều gì khác thường không?

Lần này người đánh xe phải nghĩ mãi mới ra, vội vàng nói:

— Sáng hôm sau tiểu nhân lấy xe định về nhà thì thấy bánh xe dính đầy bùn cát. Thế nhưng ông chủ Châu đã đãi đằng hậu hĩnh thì việc này có sao, tiểu nhân định đem xe về nhà rửa sạch nhưng công việc tới tấp, đến hôm nay vẫn chưa rửa được.

Bao Công hỏi cung xong truyền lệnh giam cả người đánh xe lẫn Tiêu thị vào ngục, đồng thời tung tin là đã bắt được hung thủ giết người bỏ xuống giếng cửa thành Tây phi tang. Tối hôm ấy Bao Công và Công Tôn Sách cùng đi tới quán Hoàng Hoa. Ông chủ Châu vừa thấy bóng dáng hai người thì đã lập tức chạy ra chào hỏi,

vồn vã đón mời:

— Chẳng biết cơn gió lành nào thổi hai vị tới đây, thực hân hạnh cho quán của tiểu nhân quá! Xin hai vị vào trong rồi tiểu nhân sẽ đưa thứ rượu ngon nhất ra, hầu hạ hết sức chu đáo để tỏ lòng thành kính với Bao đại nhân.

Bao Công và Công Tôn Sách chẳng đợi tới lần mời thứ hai, thông thả vào bàn ngồi nhâm nhi chén rượu, luôn miệng khen ngợi rượu ngon làm cho ông chủ Châu vô cùng sung sướng. Uống được vài tuần rượu, thừa lúc ông chủ Châu phải chạy ra đón khách, Bao Công liền lấy có vệ sinh đi thẳng xuống bếp. Bọn gia nhân thấy có vẻ hơi kỳ quặc nhưng không dám hỏi mà cũng không dám báo cho chủ nhân biết, để mặc Bao Công thông thả. Nhân cơ hội ấy nhìn kỹ khắp nơi, thấy trong xó tối có một đôi giày cùng bộ quần áo giấu trong đó, Bao Công liền nhanh tay lấy bỏ vào người rồi mới trở ra, cùng Công Tôn Sách về phủ nghỉ ngơi.

Đêm hôm ấy Bao Công cho gọi Tiêu sinh gặp riêng, lấy tình cảm dò hỏi:

— Ta biết người không thể nào là hung phạm nhưng riêng Tiêu thị thì có nhiều nghi vấn. Bây giờ người hãy bỏ hết tình riêng mà khai thật với ta là có khi nào hai vợ chồng họ Từ gây gỗ với nhau không?

Tiêu sinh cũng không đến nỗi quá ngu ngốc, nghe vậy biết rằng Bao Công đã nghi ngờ người chị của mình. Thế nhưng nếu giấu diếm thì mình sẽ bị khép tội mà khai ra có khi nguy đến tính mạng của chị gái. Vì vậy Tiêu sinh ngần ngừ mãi không trả lời. Bao Công nhìn vẻ bối rối ấy càng thêm đoan quyết, khuyến khích mãi Tiêu

sinh mới khai ra:

— Ông anh rể họ Từ ấy vốn đi buôn bán đã lâu, trước mấy ngày khi tiểu sinh say đến mất cả tâm trí thì ông ta có về nhưng chẳng hiểu tại sao lại chửi mắng tý tý rất dữ, thậm chí còn đánh đập tàn nhẫn nữa. Tiểu nhân nghe loáng thoáng có nhắc đến “thông dân” nhưng nóng ruột vì chị liền nhảy vào can thiệp, rồi sinh ra ẩu đả. Ông anh rể thấy vậy mới tức giận bỏ đi, chẳng ngờ chết thảm ở nơi giếng hoang.

Nắm được đầu mối rồi, Bao Công lại sai Triển Chiêu đi dò hỏi số thạch tín ấy do hiệu thuốc nào bán và bán cho ai. Với uy danh của mình, Triển Chiêu không mất nhiều công sức đã tìm ra Ký Tân đường là nơi bán ra số thạch tín. Lang y ở hiệu thuốc cũng cho biết chi tiết, đó là ông ta hơi ngạc nhiên vì số thuốc khá lớn nhưng vốn nể ông chủ Châu nên mới bằng lòng bán.

Khi đã thu thập đầy đủ tang chứng vật chứng, Bao Công liền thăng đường mở phiên xét xử, cho gọi mọi người liên can đến quỳ trước sân. Sau đó Bao Công mới phát lệnh triệu tập ông chủ Châu đến khai báo. Mặc dù biết rõ Triển Chiêu theo lệnh của Bao Công, một vị đại quan hàm tam phẩm nổi danh nghiêm minh nhất trong triều, ông chủ Châu cũng phản ứng rất dữ, hung hăng nói:

— Chắc các người lầm rồi. Tối hôm qua Bao đại nhân và Công Tôn tiên sinh đến đây uống rượu rất vui vẻ, sáng hôm sau lại yết thị bố cáo đã bắt được hung phạm. Sao hôm nay lại bất ngờ tập nã ta thế. Ta là người buôn bán lương thiện chưa bao giờ phạm vương pháp thì các người không có quyền bắt dẫn đi. Bao giờ đưa được bằng chứng thì ta mới chịu theo đến công đường.

Triển Chiêu phải dùng sức mạnh mới bắt hắn được. Vừa đến công đường, ông chủ Châu chưa chịu quỳ mà ngược nhìn Bao Công kêu vang lên:

— Bẩm Bao đại nhân công minh! Tiểu nhân có tội gì mà phải đến đây? Có phải đại nhân đã sai người bắt lầm rồi không?

Bao Công bình tĩnh nói lớn:

— Lầm hay không thì chỉ chút nữa thôi người sẽ biết tường tận. Nếu ngoan cố kêu la loạn xạ thì đừng trách bản quan dụng hình. Triển Chiêu đâu! Hãy đưa hết các nghi phạm lên đây.

Khi Tiêu thị đi ngang qua mặt ông chủ Châu, thị lén liếc một cái đôi mắt tỏ vẻ oán hờn. Những chi tiết đó không qua được mắt Bao Công, ông chờ khi tất cả đã quỳ trước mặt mới bắt đầu lớn tiếng tuyên bố:

— Bản quan qua nhiều ngày hạch hỏi các nghi phạm và thu thập chứng cứ, quả nhiên đã bắt được chính hung thủ. Các người hãy nghe đây, hung thủ là chủ quán rượu Hoàng Hoa họ Châu. Hắn đã thông dâm rồi dùng thuốc độc giết chết chồng của Tiêu thị họ Từ. Sau đó họ Triệu khích bác khiến Tiêu sinh phần uất nói càng, lại tưởng là thật nên đi tố cáo...

Bao Công liền chỉ mặt ông chủ Châu mắng:

— Bản quan đã có đủ nhân chứng vật chứng, người còn gì để chối cãi nữa không?

Chẳng biết trong lòng tên chủ quán rượu có hoảng sợ hay không, ngoài mặt hắn vẫn giữ được bình tĩnh, gian xảo thưa:

— Tiểu dân cả đời buôn bán làm ăn, số tiền kiếm được nơi quán

Hoàng Hoa thừa đủ để tiêu xài, lo cho vợ con thì đâu còn tham lam tiền bạc mà giết người đoạt của. Vả chẳng tiểu nhân không hề thù oán gì với họ Từ, tại sao lại đi giết hắn? Nói ra những điều này không phải chối cãi mà xin đại nhân sáng suốt xem lại, minh oan cho tiểu nhân mà thôi.

Bao Công cười nhạt, thét nha sai đưa đôi giày và bộ quần áo dính đầy bùn đất đã lén lấy được trong quán Hoàng Hoa đặt lên án thư khiến hắn không sao giữ được bình tĩnh nữa, mặt mày biến thành màu xanh. Bao Công thông thả nói tiếp:

— Đôi giày và bộ quần áo này là của người, ta đã lấy được trong chính nhà của người. Bản quan cũng nói rõ là đã so sánh các vết bùn đất trên đôi giày cùng quần áo với vết bùn đất ở cỗ xe ngựa, lại trùng khớp với mẫu bùn đất mà bản quan đã lấy từ giếng hoang về. Như thế đã đủ bằng chứng chưa?

Nghe vậy ông chủ Châu càng run rẩy, cứng họng không nói được lời nào. Bao Công liền chỉ mặt hắn mắng lớn:

— Tội phạm kia! Người quả là thứ lang sói, từ lâu đã muốn chiếm Tiêu thị làm tình nhân rồi cướp đoạt gia sản của họ Từ. Thế nhưng vì có Tiêu sinh ở đó nên người tìm cách tư thông với Tiêu thị làm tay sai, xúi giục vợ giết chồng. Người toan tính sẽ tìm cách đổ tội sát nhân cho Tiêu sinh để hoàn tất việc ác. Kế hoạch của người thật là tinh vi, thế nhưng “trời bất dung gian”, Tiêu sinh vì quá phần uất nói bừa tạo cơ hội tốt cho người. Người đã giữ người đánh xe lại ăn uống, dùng cái xe đó đưa xác chết họ Từ đến cái giếng hoang quăng xuống, dấu bánh xe và dấu chân đều vừa khớp với các tang vật. Người còn chối cãi được hay không?

Tên chủ họ Châu nghe vậy không còn hồn vía nào nữa bởi Bao Công nói không sai một tý. Ông lại nói tiếp:

— Thế nhưng không chỉ mình người mà bản quan còn đoán ra Tiêu thị là tông phạm bởi cái cửa sau thông qua nhà người. Ngay lúc phát hiện ra xác chết bản quan đã biết nạn nhân chết vì thuốc độc chứ không phải do hành hung, lại chết trước một hai ngày. Đến khi Tiêu thị chạy đến, chưa thấy mặt đã kêu khóc thì lại càng chính xác hơn. Hiện giờ bản quan đã nắm trong tay lời khai của chủ hiệu thuốc, đầy đủ tang chứng vật chứng rồi đó, người nói sao đây?

Tên chủ quán Hoàng Hoa càng nghe càng rủ người xuống như đã chết rồi. Thế nhưng hấn vốn gian manh thành tính, chỉ trong phút chốc đã tìm được một tia hy vọng sống sót, vội ngẩng lên chỉ mặt Tiêu thị mà mắng:

— Chính thị là người đầu độc chồng. Tiểu nhân quả có thông dân nhưng chưa đến nỗi giết người. Chính thị đã giết chồng rồi toan tính gian dối với tiểu nhân, nhờ tiểu nhân đem xác chồng đi phi tang, xin đại nhân minh xét cho.

Tiêu sinh tức quá lồng lên, đã toan xắn lại đánh cho tên chủ họ Châu mấy cái nhưng quân lính can thiệp kịp thời, đành phải van nài từ xa:

— Tỷ tỷ ơi! Đã đến nước này thì cứ thật thà khai ra, đừng để tên gian manh kia thừa cơ đổ tội lên đầu. Dù có chết tỷ tỷ cũng đừng làm hoen ố danh tiếng của họ Tiêu chúng ta.

Tiêu thị nghe vậy liền ngẩng đầu lên, lau nước mắt nói với Bao Công:

— Dân nữ xin kể hết mọi chuyện từ đầu đến đuôi để thấy lòng lang dạ sói của hấn. Sau khi xem xét tùy ý đại nhân xử tội như thế nào dân nữ cũng cam lòng, nhất quyết không để hung thủ xảo quyệt thoát được vòng lao lý...

Tiêu thị quá xúc động nên phải ngừng một chút rồi mới tiếp được:

— Chồng dân nữ vốn hay đi xa lâu ngày không về. Hấn ở sát bên nhiều lần lấy lời chọc ghẹo, dân nữ cũng hơi xiêu lòng nhưng chưa đến nỗi phản bội chồng. Nhân dịp phu quân về nhà, hấn lân la làm quen rồi xin mở cửa sau để tiện bề thăm hỏi. Phu quân dân nữ ngay tình bằng lòng, thế là hấn có dịp ra vào thông thả. Nhân một lần em trai không có nhà, hấn liền dùng sức mạnh cưỡng dâm rồi hăm dọa nếu đi báo quan cũng không được gì, hấn sẽ bỏ thật nhiều tiền ra chạy tội. Dân nữ quá sợ, lại e rằng em trai bị tai tiếng không tốt nên can rằng chịu đựng...

Một lần nữa Tiêu thị phải ngừng lời, sau đó thở dài nói tiếp:

— Dân nữ thật không ngờ rằng hấn đã có ý định giết phu quân của dân nữ từ lâu, vừa chiếm được vợ người vừa chiếm được gia tài. Chỉ vì còn có đứa em nên hấn chưa ra tay đấy thôi. Để trừ khử một lượt hai người, trước tiên hấn hăm dọa nếu không hạ độc giết chồng thì sẽ rêu rao chuyện xấu xa cho mọi người biết. Bất đắc dĩ dân nữ phải nghe theo, bao nhiêu tội xin gánh chịu hết. Dân nữ lại không sao ngờ được đây là kế đưa em trai vào vòng tù tội, mãi đến nay mới nhìn rõ được lòng dạ lang sói vô nhân của hấn. Bây giờ đến nước cùng, hấn lại đổ hết tội lỗi lên đầu dân nữ thì thật không thể giấu diếm được nữa.

Bao Công không ngờ vụ án lại chuyển qua tình tiết bất ngờ như thế, giận dữ phán quyết:

— Dù họ Châu không tự tay giết người nhưng đi mua thuốc độc về rồi dùng áp lực bắt phụ nữ yếu đuối phải thi hành theo ý của mình thì tội cũng sánh ngang với thủ phạm, hãy giam vào ngục tử tội, khi nào văn án hoàn thành thì đem ra chợ chặt đầu làm gương.

Bao Công cũng phân xử các người khác:

— Tiêu sinh hoàn toàn không có tội, được tha về. Thế nhưng đã là người theo học thánh hiền thì không nên sa vào tình trạng uống rượu quá say mà đánh mất tư cách của mình đi. Họ Triệu tuy tố cáo oan nhưng chính là lo sợ cho trật tự, lại có công lén lấy bằng chứng theo lệnh của ta nên “công chuộc tội” cho tha về nhà làm ăn.

Bao Công nhìn Tiêu thị, trầm giọng nói:

— Người chỉ vì sa ngã mà dần dần vướng vào tròng của ác nhân, đáng ra có thể dung thứ vài phần. Tiếc rằng tội đầu độc chồng không sao nhẹ được, bản quan khuyên người nên sám hối để khi chết linh hồn được thanh thản.

Nghe vậy cả Tiêu thị lẫn Tiêu sinh đều rơi nước mắt, ôm chặt lấy nhau. Một lúc sau Tiêu thị chột đầy em ra nghẹn ngào nói:

— Chị vì ngu dại chết đã xứng lắm rồi. Chị chỉ mong em từ nay bỏ thói rượu chè, chuyên tâm học hành để sau này làm rạng danh họ Tiêu chúng ta. Như thế chị có xuống suối vàng cũng không hổ thẹn với cha mẹ, tổ tiên.

Tiêu sinh còn chưa kịp an ủi thì Tiêu thị đã bất ngờ chạy đến, lao mạnh vào cột đá nơi công đường vỡ tung đầu óc, máu chảy ra

lênh lảng, tắt thở ngay tức thì. Bao Công cũng xúc động không kém truyền bá đường để Tiêu sinh được thông thả đem xác chị về quê hương chôn cất.

9

LAI PHÁP

NGƯỜI NGAY ĐƯỢC PHÚC

Vào năm Chính Hòa thứ 2 đời Tống Huy Tông, tức là năm 1112, ở Chiết Giang có một thư sinh tên là Lai Pháp, tên tự là Bản Như, tính tình khác lạ hơn người, rất phóng khoáng ngay thẳng, trọng nghĩa tình hơn là tiền bạc. Vốn có trí thông minh, lại ham học hỏi nên đến khi 20 tuổi thì Lai Pháp đã thành người lâu thông kinh sử, kiến thức rộng rãi, thơ văn cũng thuộc hạng danh tài. Thế nhưng vì tính quá phóng khoáng không câu nệ tiểu tiết nên Lai Pháp thi hoài mà không đỗ, đành phải làm gia sư cho một phú hào ở ngoại thành, kiếm miếng ăn qua ngày chờ thời vận hanh thông.

Người phú hào này tên là Thủy Giám đã có vợ lớn và một đứa con gái tên là Quan Cô rất xinh đẹp nhưng vợ lớn chết sớm, đành phải lấy vợ lẽ là Phong Nguyệt Di, cũng sinh được một đứa con trai. Khi thấy Lai Pháp diện mạo phong nhã, Nguyệt Di đem lòng hâm mộ, rất muốn được cùng chàng trai tư thông. Tiếc rằng tính của Lai Pháp trung thực và nghiêm nghị, tuy biết lòng dạ Nguyệt Di nhưng không bao giờ để mắt tới, giữ đúng bốn phận là một gia sư.

Rất nhiều lần Nguyệt Di tìm cách trêu ghẹo nhưng Lai Pháp giữ gìn tiết tháo rất chặt, chưa bao giờ đáp lại. Vì vậy Thủy Viên

ngoại có ý coi trọng Lai Pháp, định gả Quan Cô cho chàng. Lai Pháp trân trọng cảm ơn Thủy Viên ngoại nhưng nhẹ nhàng từ chối, nói rằng bao giờ công thành danh toại mới tính đến việc thê thiếp. Thủy Viên ngoại nghe vậy rất buồn, không dám nói đến chuyện hôn nhân nữa, càng thêm kính trọng chàng Nho sinh trẻ tuổi nhiều chí khí ấy.

Một hôm Lai Pháp vào thành thăm bạn, khi về ngang một cái miếu bỏ hoang thì chợt nghe có tiếng kêu khóc của phụ nữ, lập tức xông vào xem đã có việc gì xảy ra. Lúc ấy có hai hòa thượng mặt mày dữ tợn đang định đề một thiếu phụ ra làm chuyện tồi bại, thấy Lai Pháp xông vào thì thoát đầu hơi hoảng sợ. Khi biết thư sinh này chỉ có một mình, hòa thượng to béo hơn liền cầm cây thiền trượng quát tháo, định đánh chết để phi tang. Lai Pháp hết sức kinh hoảng, quay đầu chạy trốn, quá vội nên vấp phải ngạch cửa, rơi mất một chiếc giày màu đỏ mà chàng rất ưa thích.

Lai Pháp không dám nghĩ đến việc nhặt giày, cầm đầu mà chạy, chẳng may không nhìn thấy cái giếng cạn trước mặt nên ngã nhào xuống.

Hòa thượng kia đuổi tới, thấy giếng tối đen, thọc thiền trượng xuống vẫn chưa thấy đáy. Hòa thượng nghĩ rằng thư sinh kia chắc chắn không sống nổi nên quay về miếu hoang. Chẳng biết tại sao người thiếu phụ đã chết, còn tên hòa thượng đồng bọn thì đi đâu mất biệt, rốt cuộc hắn cũng bỏ trốn luôn.

Người thiếu phụ kia là Chu thị, vợ của người bán rượu trong thành tên là A Nhuận, vì vợ chồng giận dữ nhau nên Chu thị mới bỏ đi chẳng may gặp đúng hai tên hòa thượng dâm dục đành phải

mất mạng. Khi thấy vợ giận bỏ đi, người anh hết lời khuyên A Nhuận rồi cùng nhau bỏ đi tìm. Khi đến cái miếu hoang, hai người nhận ra xác chết chính là Chu thị, nhặt chiếc giày đỏ làm tang vật đem về trình báo với huyện quan. Người dân gần đó nghĩ rằng thủ phạm vội vã đến mức rơi cả giày thì chắc không đi đâu xa được, gọi nhau lục soát. Quả nhiên khi tới cái giếng cạn thì họ nghe có tiếng kêu cứu, lập tức thả dây xuống kéo Lai Pháp lên.

Ai nấy nhìn thấy Lai Pháp chỉ còn một chiếc giày đỏ thì đều vui mừng nói:

— Quả là lưới trời lồng lộng, tuy thưa mà khó lọt, ác nhân tất không thể tránh khỏi nên mới rơi xuống giếng.

Lai Pháp ngơ ngác một lúc, hết sức kêu oan uổng nhưng mọi người dẫn đến cái miếu hoang chỉ xác thiếu phụ làm chứng rồi lập tức giải anh ta lên huyện đường. Quan huyện bấy giờ tên là Hồ Hồn, vốn hâm mộ đạo Phật, thích ăn chay và bố thí làm điều lành nên rất ghét kẻ ác. Hồ Hồn đọc lời tố cáo thấy Lai Pháp cưỡng dâm không được rồi giết người thì vô cùng tức giận quát bảo sai nha đề Lai Pháp xuống đánh ngay. Lai Pháp vội kêu oan, trình bày những gì mình đã thấy. Thế nhưng quan huyện hỏi mọi người xem có thấy hòa thượng nào không, tất cả đều thưa hoàn toàn không nhìn thấy một hòa thượng nào cả bởi vì hai tên hòa thượng thủ phạm đã trốn theo đường nhỏ, đâu dám lộ diện nơi đông đúc? Quan huyện nghe xong chỉ mặt Lai Pháp mắng lớn:

— Tên ác nhân kia! Người đã là học trò mà tâm địa quá xấu xa độc ác. Người thấy phụ nữ thân cô đi một mình thì tính giở trò tồi bại, không như ý nên giết người diệt khẩu phải không? Mau khai

ra đi. Dù người không khai thì bản quan vẫn có nhân chứng và vật chứng là chiếc giày đỏ bỏ lại hiện trường, nếu chối cãi thì đừng trách bản quan đấy.

Lai Pháp cương quyết không nhận tội khiến quan huyện càng thêm tức giận, sai quân lính tra khảo đến mức Lai Pháp vô cùng đau đớn, thịt da bầm nát. Thấy Lai Pháp dù chết đi sống lại mấy lần vẫn không nhận tội, quan huyện càng tức tối, nói:

— Người thật ngoan cố! Nếu vậy ta sẽ đánh người đến chết. Người đâu, hãy dùng trượng đánh đến khi nào hấn khai nhận thì mới thôi, bằng không cứ đánh chết cho ta.

Nghe vậy Lai Pháp biết rằng mình không còn con đường nào khác, đành phải nhận tội. Quan huyện liền làm văn án khép Lai Pháp vào tội tử hình, giam vào ngục thất, trình án văn lên tỉnh phê chuẩn xong sẽ đem ra giữa chợ chém đầu làm gương. Lúc còn ở ngoài, Lai Pháp giao du với nhiều bạn bè, ai nấy đều ngưỡng mộ chàng, tiếc rằng khi bị khép án rồi chẳng còn thấy mặt bất cứ một ai. Chỉ riêng mình Thủy Viên ngoại vẫn tin chắc rằng Lai Pháp không bao giờ tham dâm đến mức trở thành kẻ ác đến như vậy, thường vào ngục thăm hỏi an ủi, tiếp tế tiền bạc và thức ăn. Nhờ vậy Lai Pháp cũng không đến nỗi đói khổ lắm.

Lai Pháp ngồi tù được gần 3 năm thì quan huyện Hồ Hồn đổi đi nơi khác, chưa có quan huyện mới về thay. Tình hình càng thêm biến động vì một nông dân tên là Phương Lạp nổi dậy chống lại triều đình ở Giang Nam, thanh thế rất mạnh. Triều đình đành phải sai Đại tướng Trương Thúc Dạp, phong ông làm Chiêu Thảo sứ dẫn đại quân đến tiêu trừ.

Quân của Phương Lạp vốn ô hợp nên không thể chống nổi, phải dẫn tàn quân bỏ chạy. Khi qua huyện Đồng Hương, Phương Lạp ra lệnh cho quân phá toàn bộ cửa ngục thất, tha hồ cho tù nhân trốn ra với ý đồ làm cho tình thế đại loạn thêm để dễ bề rút lui. Chỉ riêng Lai Pháp vốn tính ngay thẳng chính trực, cho rằng trốn chạy khỏi ngục thất càng làm cho tội thêm nặng, đã oan khuất càng thêm oan khuất nên nhất định ngồi ở lại ngục thất, không bỏ trốn như những người khác.

Khi Trương Thúc Dạ tiến quân vào huyện Đồng Hương, biết việc này rất kinh ngạc, gọi Lai Pháp đến quân doanh hỏi:

— Tại sao người không bỏ trốn?

Lai Pháp thưa:

— Tại hạ vốn là thư sinh, bị hàm oan nên mới bị giam trong ngục thất. Thế nhưng tại hạ nghĩ rằng người làm quan đã có học hành đầy đủ, thế nào cũng có quan huyện khác sáng suốt anh minh hơn giải oan cho tại hạ nên dù chết cũng không bỏ trốn. Nếu như nhân lúc loạn lạc mà bỏ trốn thì có khác gì bọn tù phạm hình sự tầm thường, đâu đáng với công sức học hành sách thánh hiền?

Trương Thúc Dạ nghe vậy hết sức khen ngợi, sai quân lục tìm văn án để xem lại. Vốn là người sáng suốt, Trương Thúc Dạ lập tức nhận ra ngay mấy điểm mâu thuẫn trong văn án mà viên quan huyện Hồ Hồn ngu muội không để ý tới. Đó là nếu Lai Pháp đã có thời gian giết người thì làm gì vội vã đến mức đánh rơi chiếc giày, vả chăng nếu có đánh rơi cũng thừa sức nhặt nó, sao lại bỏ nơi hiện trường làm tang chứng? Đã dám cưỡng dân rồi giết người thì tại sao hoảng hốt đến mức không nhìn thấy cái giếng hoang, để phải

rơi xuống đó? Theo văn án thì Chu thị bị đâm chết nhưng hoàn toàn từ đầu đến cuối trong văn án không hề ghi lại vũ khí đó là gì, cũng không có vật chứng.

Tuy nhiên Trương Thúc Dạ cũng biết nếu chưa bắt được hai hòa thượng mà Lai Pháp khai thì cũng chưa thể kết thúc vụ án, chưa thể giải oan cho người ngay được. Trương Thúc Dạ liền dựa vào việc Lai Pháp nhất định không bỏ trốn khỏi ngục thất mà tha Lai Pháp, lại thấy Lai Pháp ứng đối trôi chảy, kiến văn rộng rãi nên cho làm tham mưu theo quân đuổi theo tiêu diệt Phương Lạp.

Lai Pháp theo quân của Trương Thúc Dạ được mấy ngày thì chợt có quân vào báo là đã bắt được mấy trăm phụ nữ do Phương Lạp bỏ lại, xin Trương Chiêu Thảo sứ ban lệnh giải quyết. Ông thấy Lai Pháp là người ở đó, hỏi ý kiến thì Lai Pháp thưa:

— Đây toàn là những phụ nữ dân quê bị giặc bắt theo hầu hạ, không có tội tình gì. Theo ý thuộc hạ thì nên đưa vào những nhà bỏ trống, rồi treo yết thị cho người nhà biết mà đón về.

Trương Chiêu Thảo sứ nghe theo, sai Lai Pháp đến ghi tên tuổi, sắp xếp chỗ ở cho họ rồi sau đó viết yết thị treo lên khắp nơi. Khi Lai Pháp đang hỏi từng người để ghi tên họ thì chợt có một thiếu phụ nhìn chăm chăm rồi nói:

— Có phải là Lai sư phụ đấy không? Tuy ông tiêu tụy khác trước rất nhiều nhưng tôi vẫn nhận ra ngay.

Lai Pháp nhìn lại, hóa ra đó là Phong Nguyệt Di, người mà trước kia có tình ý với mình. Lai Pháp cả mừng, hỏi tin tức của Thủy Viên Ngoại và Quan Cô thì Nguyệt Di đáp:

— Tôi cùng Viên ngoại và Quan Cô dẫn nhau định chạy đến am

Lạc Hương của các ni cô tránh nạn nhưng giữa đường thì gặp giặc vây bắt. Tôi bị lạc nên cuối cùng bị giặc bắt còn Thủy Viên ngoại chạy thoát, có lẽ đến am Thủy Nguyệt cách đó không bao xa.

Phong Nguyệt Di nói xong tỏ vẻ vui mừng, nói tiếp:

— Tôi nghe nói Lai sư phụ bị bắt giam, bây giờ lại được làm quan thì thật kỳ lạ, có thể giúp gì cho chúng tôi không?

Lai Pháp bèn kể lại mọi chuyện rồi đưa Phong Nguyệt Di về một chỗ trú tạm tươm tất trong khi chờ mình đi tìm Thủy Viên ngoại. Khi đã sắp xếp xong cho các nữ nhân kia, Lai Pháp mới viết thiệp đưa đến am Thủy Nguyệt hỏi về tung tích của Thủy Viên ngoại. Lúc đó Viên ngoại rất lo buồn vì đã thất lạc người vợ kế, biết tin Lai Pháp đã được làm quan, vợ mình vẫn còn sống thì vui mừng khôn xiết, vội vã tới quân doanh bái kiến Lai Pháp.

Lai Pháp cũng tạ ơn Thủy Viên ngoại trước kia đã hết lòng chăm sóc cho mình, không nghĩ đến đó là tù nhân trọng phạm. Nhân lúc đoàn viên, Thủy Viên ngoại nhắc lại việc hôn nhân, cười nói:

— Trước kia công tử muốn công thành danh toại rồi mới lập gia đình, nay tuy chưa đỗ đạt nhưng cũng là một chức quan thì không nên câu nệ nữa. Vả chăng tôi đã già yếu, nếu chưa tính được việc chồng con cho tiểu nữ thì cũng chưa yên lòng nhắm mắt.

Lai Pháp thật sự chưa muốn bị trói buộc vào vòng thế nhĩ, ảnh hưởng tới bước đường công danh của mình nhưng nể lời Thủy Viên ngoại, liền nói:

— Việc quân hãy còn bận rộn, bây giờ tiện sinh xin đưa sính lễ trước để làm bằng, sau này sẽ thành hôn chắc cũng chưa muộn

đâu.

Thủy Viên ngoại mừng rỡ nhận lời. Lai Pháp liền nói với Trương Chiêu Thảo sứ đứng ra làm chủ hôn. Ông rất vui mừng tặng cho Lai Pháp 200 lạng bạc cùng nhiều vải vóc sau đó chọn ngày lành tháng tốt, làm lễ xong vẫn ai ở nhà nấy, hẹn ước khi xong việc quân sẽ thành hôn. Lễ xong, Lai Pháp theo Trương Thúc Dạ dẫn quân tiến đánh Phương Lạp tiếp, định rằng bao giờ trừ được gốc ngọn mới chịu rút binh về.

Khi làm tham mưu cho họ Trương, Lai Pháp hết sức khuyên ông không nên để quân sĩ quấy nhiễu của dân nên quân triều đình đi đến đâu người người đều tung hô vạn tuế, ca tụng cả Trương Chiêu Thảo sứ lẫn quan Lai tham mưu. Lai Pháp lại hiến kế sách tài tình, chia quân ra nhiều nên mai phục, quả nhiên bắt được Phương Lạp, thế là phiến quân như rắn mất đầu, chẳng bao lâu đã tan vỡ.

Với những công trạng ấy, lại được Trương Thúc Dạ hết lời khen ngợi với triều đình nên Tống Huy Tông phong cho Lai Pháp làm Xu Mật viện Chánh sứ. Nhân dịp kỳ thi mới mở, Lai Pháp được đặc cách dự thi, văn bài tuyệt diệu nên đỗ Tiến sĩ, liền được thăng lên làm Giám sát Ngự Quảng Đông. Ông không quên lời hẹn ước, tâu với triều đình cho mình về Chiết Giang làm lễ thành hôn với Quan Cô rồi mới lên đường nhậm chức. Kể cả ba năm ngồi tù, lúc danh vọng đã lên tới tột đỉnh, Lai Pháp chỉ mới 24 tuổi khiến ai nấy biết chuyện đều khâm phục ý chí kiên cường của người thư sinh này.

Đã một lần bị hàm oan, khi đến Quảng Đông, quan Ngự sử rất

chú ý đến những vụ án ly kỳ, quyết tâm sẽ làm sáng tỏ chứ không chịu mù mờ xét xử như viên quan huyện họ Hồ trước kia. Trong khi tra xét các vụ án lớn, Lai Pháp được một người dân tên là Tiểu Tam dâng đơn khiếu tố mà rốt cuộc khám phá ra hai tên hòa thượng thủ phạm đã giết người khiến mình phải lâm vòng lao lý trong ba năm trời, nếu không có phúc đức tổ tiên để lại thì không chừng đã mất mạng từ lâu rồi.

Nguyên lúc đó ở huyện Long Môn có một viên Tham tướng tên là Cao Huân, dựa vào thế lực của Thái úy Cao Cầu làm nhiều chuyện bất chính. Thật ra Cao Huân không hề có thân thuộc gì với Cao Cầu, chỉ trùng họ Cao nên nhận bừa, người không biết rất sợ hãi. Cao Huân không những lấy quyền hành của mình nhũng lạm người dân mà còn dùng số gia sản kếch sù của mình làm lợi bằng cách cho người vay với giá lời cắt cổ. Không ít người đại dột vướng vào vòng công nợ với Cao Huân, trước sau đều khuynh gia bại sản bởi hắn có nhiều thủ đoạn nham hiểm, không khi nào cho người đó thoát khỏi bàn tay tham lam của mình. Người dân ở Long Môn rất thán oán nhưng không ai dám đứng ra tố cáo Cao Huân vì sợ thế lực của hắn.

Vụ án mà Lai Pháp chú ý là của một người tên là Tăng Tiểu Tam. Người này làm ăn lương thiện bằng cách mở một cửa hàng bán thức ăn điểm tâm, cuộc sống không đến nỗi nghèo khó. Thế nhưng vì mẹ già chết đột ngột, Tiểu Tam không phòng bị nên chẳng biết làm sao có tiền làm tang ma cho mẹ cho đúng lễ nghĩa người con hiếu, đành phải đến vay của Cao Huân mười lạng bạc. Chỉ một năm sau lãi mẹ đẻ lãi con, số tiền ấy tăng lên thành ba

mười lạng khiến Tiểu Tam dù hết sức lo toan vẫn không làm sao thu góp cho đủ.

Ngay lúc ấy Cao Huân lại được điều đi nơi khác, cho người tới đòi nợ rất dữ. Không còn cách nào khác, Tiểu Tam đành phải van xin bọn lính đến đòi nợ:

— Tôi là người làm ăn hiền lương, số bạc đó quả là không thể kiếm được. Bây giờ lại không có con cái gán cho Cao đại quan làm gia nhân trừ nợ dần. Xin các ông về thưa với đại quan cho tôi gán vợ là Thương thị vậy.

Bọn lính không chịu, gia hạn cho Tiểu Tam mấy ngày nữa để có thời gian bán vợ mà trả tiền. Đúng ra Thương thị không xinh đẹp thì làm sao có thể bán được với giá cao như vậy nên cuối cùng Tiểu Tam đành phải nói khó với vợ là sẽ bán vào lầu xanh. Tuy Thương thị bằng lòng, lấy thân mình trả hiếu cho mẹ chồng nhưng đau lòng quá khóc ngất, Tiểu Tam cũng xót xa, ông cùng khóc theo, âm thanh thê lương vang đến tai người láng giềng là Thi Huệ Khanh.

Huệ Khanh sinh nhai bằng nghề đóng giày, cũng vất vả như Tiểu Tam nhưng nhờ anh ta không có vợ con, lại biết tần tiện nên cũng để dành được chút ít, tính ra vừa đúng ba mươi lạng bạc. Vốn là người mộ đạo, Huệ Khanh thấy có một hòa thượng đến chùa Báo ứng mở cuộc quyên góp xây chùa thì định đem số tiền mồ hôi nước mắt ấy đi cúng dường lấy phúc. Cũng may khi Huệ Khanh mời hòa thượng đi hóa duyên ấy đến nhà đãi cơm chay, định là sau đó sẽ dâng cúng số tiền ấy thì chợt nghe tiếng khóc của vợ chồng Tiểu Tam, lập tức chạy sang hỏi nguyên do.

Khi biết được hoàn cảnh thương tâm của Tiểu Tam, Huệ Khanh

tự nghĩ:

“ “Sách Phật có dạy cứu một mạng người còn hơn xây chín ngọn phù đồ”, nay ta dùng số tiền ấy giúp cho Tiểu Tam thì còn công đức nhiều hơn là xây chùa dựng tháp”.

Quả là:

*Dẫu xây chín đợt phù đồ,
Sao bằng làm phúc cứu cho một người. (KVK).*

Lời dạy trong kinh Phật chẳng sai, Huệ Khanh tuy bị đau khổ một thời gian ngắn nhưng bù lại nhờ vào công đức biết cứu mạng người, ăn ở chân thật, hết lòng mộ đạo mà sau này trở thành vị chân tu đắc quả. Đó là việc về sau.

Nhắc lại khi Huệ Khanh biết rõ tình cảnh bi đát của Tiểu Tam thì lập tức về nhà, không nhắc gì đến việc cúng dường, chờ khi hòa thượng đi rồi liền sang nhà Tiểu Tam nói việc sẽ cho mượn tiền trả nợ, bao giờ trả cũng được, bằng không trả nổi thì cứ coi như là đã cúng dường của Phật rồi vậy. Tiểu Tam biết Huệ Khanh có số tiền ấy là do ăn tiêu tiện tặn nhiều năm mới được nên ngần ngại không muốn nhận. Đúng lúc đó bọn quân sĩ của Cao Huân xông đến, la hét rầm trời, nhất quyết lần này không thu được nợ cho chủ nhân thì sẽ bắt Tiểu Tam mang đi trừng trị đánh đập. Huệ Khanh nghe vậy không để Tiểu Tam từ chối nữa, chạy ra nói với bọn quân sĩ:

— Các người đừng làm rộn lên. Ta đã cho Tiểu Tam mượn số bạc đủ để trả nợ rồi. Hãy chờ ở đây một lát.

Nói xong Huệ Khanh chạy về nhà lấy số bạc đưa cho bọn quân sĩ khuyến mãi. Bọn này không cần biết đó là tiền của ai, lập tức thu giữ rồi đi ngay. Huệ Khanh tưởng như vậy là xong mọi chuyện, đâu có ngờ Tiểu Tam vẫn không cam tâm lấy không của người bạn tốt số tiền mồ hôi nước mắt ấy, nghĩ thầm:

“Huệ Khanh chưa có vợ con mà ta đã quyết định bán vợ lấy tiền trả nợ. Tuy Huệ Khanh không đòi hỏi nhưng ta làm sao yên tâm được, phải bàn với vợ tìm cách đền bù cho xứng đáng”.

Vì vậy đêm hôm ấy Tiểu Tam to nhỏ với vợ điều gì đó, Thương thị một lần nữa rơi nước mắt nhưng vẫn nhận lời chồng, hứa sẽ làm như vậy. Ngày hôm sau Tiểu Tam làm một bữa rượu nhỏ, mời Huệ Khanh sang nhà mình gọi là cảm ơn. Huệ Khanh vô tình ngồi vào bàn, thấy trên đó có 3 đĩa chén thì hỏi ngay xem còn ai khác. Tiểu Tam cúi đầu đáp:

— Chẳng còn ai khác đâu! Đó là để sẵn cho vợ tôi cùng ăn vậy.

Nói xong Tiểu Tam vào nhà dẫn vợ ra rồi cùng ngồi với nhau. Huệ Khanh làm được việc phúc thì trong lòng phơi phới không hề để ý đến nét mặt của Thương thị ử dột khác thường. Được vài ba chén, Tiểu Tam chợt đứng dậy nói:

— Tôi vào sau nhà có việc. Hai người cứ uống với nhau... thân mật nghe!

Huệ Khanh cả đời chưa uống rượu, mới có mấy chén mà đã mơ màng, nghe hình như có điều gì khác lạ vẫn không nhận ra. Rất lâu sau không thấy Tiểu Tam đâu, Huệ Khanh mới nhìn lại Thương thị. Thì ra từ khi được dẫn ra giới thiệu, Thương thị cứ ngồi cúi gằm mặt xuống, không uống một giọt rượu nào. Huệ

Khanh ngạc nhiên hỏi:

— Tiểu Tam ca ca đâu rồi? Mà sao tẩu tẩu cứ ngồi im như thế? Hôm nay là ngày trả hết nợ phải vui lên chứ?

Thấy Thương thị không nói lời nào vẫn cúi đầu lặng yên, Huệ Khanh định vào trong tìm gọi Tiểu Tam ra. Lúc ấy Thương thị mới ngược mặt lên, đôi mắt ràn rụa lệ thảm, run run nói:

— Đừng tìm làm gì! Chàng đã đi mất rồi!

Huệ Khanh cả kinh, vặn hỏi thì Thương thị thú thực:

— Chàng đã bàn với tôi là đại ca rất nghèo, bây giờ lấy hết số tiền dành dụm ra giúp đỡ thì mai này lấy đâu ra để cưới vợ. Vì vậy Tiểu Tam nhất định nhường tôi cho anh, lên Ngũ Đài Sơn cắt tóc quy y rồi.

Huệ Khanh nghe xong sợ hãi nói:

— Tôi có ý tốt muốn giúp hai người chứ đâu phải là muốn chiếm vợ người. Làm như vậy bao nhiêu ý nghĩa phúc đức đều không còn, không chừng lại bị người ta chửi mắng là người bạn xấu. Bây giờ tôi phải đi tìm Tiểu Tam bằng được để bày tỏ chân tình của tôi mới được.

Nói xong, Huệ Khanh lập tức bỏ về nhà thay quần áo định đi tìm Tiểu Tam. Thế nhưng trong lòng lại nghĩ:

“Nếu thực sự Tiểu Tam bỏ đi nhường vợ cho ta, dù ta không nhận nhưng vẫn còn ở sát một bên như thế này thì chắc chắn người ta sẽ xâm xì dị nghị. Chi bằng ta dọn nhà đi thì tốt hơn”.

Do vậy Huệ Khanh không đi tìm Tiểu Tam nữa mà vội vàng đi thuê tạm một căn nhà nhỏ, ngày hôm sau dọn đi luôn. Được mấy

hôm hàng xóm không thấy Thương thị lộ mặt ra thì sinh nghi, nhìn tới chân cửa thì thấy có vết đào nên càng sợ, gọi nhau xông vào. Quả nhiên Thương thị nằm chết trên giường, lưỡi thè dài, thấy rất rõ vết bầm do bị bóp cổ. Ai nấy bàn tán xôn xao, đề quyết chỉ có mỗi mình Huệ Khanh ra vào nhà của Tiểu Tam, rồi tự nhiên dọn đi nơi khác thì chắc chắn phải là hung thủ không sai, chung tay viết một lá đơn đưa lên huyện tố cáo.

Quan huyện lúc ấy là Thẩm Bá Minh nhận được đơn tố cáo lập tức sai quan quân truy nã, bắt Huệ Khanh về công đường thẩm vấn. Mặc dù Huệ Khanh đã khai thực mọi chuyện, nói rằng sở dĩ phải dọn nhà để tránh hiềm nghi. Thế nhưng quan huyện Thẩm Bá Minh đâu thể tin vào lời khai ấy, lập tức sai người tra khảo, bắt Huệ Khanh phải nhận tội mới thôi. Huệ Khanh bị đòn đến nổi da thịt trên người đều nát bét, máu tươi chảy ra đầm đìa, đau đớn quá nên cuối cùng đành phải nhận tội bừa.

Quan huyện Thẩm Bá Minh cả mừng, làm văn án xong khép Huệ Khanh vào trọng tội toan cưỡng dâm vợ người không được nên giết chết, giam vào ngục thất chờ ngày phê chuẩn là hành hình. Thật ra lúc ấy Tiểu Tam theo ngõ sau mà đi, nhắm hướng Ngũ Đài Sơn. Thế nhưng mới được hơn chục dặm thì trời đã tối, phải vào một quán trọ nghỉ ngơi. Chẳng ngờ nhuốm sương gió thế nào mà bị bệnh đến liệt giường, gần một tháng mới tạm khỏi.

Nơi quán trọ có nhiều người qua lại, đồn kháo nhau âm ỉ việc tên thợ giày Thi Huệ Khanh toan cưỡng dâm Thương thị rồi sau đó giết người. Tiểu Tam nghe được việc này, kinh sợ nghĩ thầm trong bụng là không thể như vậy được bởi chính mình đã bàn với vợ

trước rồi, đâu có thể xảy ra tình trạng Huệ Khanh phải cưỡng dâm, anh ta lại là người tốt dám bỏ hết tiền dành dụm ra giúp đỡ láng giềng thì làm sao có thể đang tay giết người vô tội?

Do vậy dù bệnh chưa khỏi hẳn, Tiểu Tam cũng gắng gượng đi vào thành, xin ngục tốt cho mình gặp mặt Huệ Khanh. Thấy Huệ Khanh bầm dập tới tả, quần áo vẫn còn dính máu, Tiểu Tam xúc động rơi nước mắt, hết lời an ủi. Huệ Khanh vốn mộ đạo, lấy thuyết nhân quả ra tự an ủi mình, cũng là an ủi Tiểu Tam:

— Chẳng biết kiếp trước tôi làm gì đại ác lắm nên kiếp này mới bị quả báo. Tôi chấp nhận tất cả nhưng chỉ thương cho vợ anh là người vô tội phải chết oan mà thôi.

Tiểu Tam nghe nhắc đến vợ thì lại tuôn hai hàng nước mắt như suối, nói:

— Tôi nhất quyết phải minh oan cho anh, đồng thời xin quan trên tìm ra kẻ giết vợ mới cam lòng. Hiện giờ đang có Lai Ngự sử đi xem xét ở vùng này, quan huyện có thể u mê chứ tôi hy vọng vị quan lớn như Lai Ngự sử có thể đưa ra ánh sáng vụ án này.

Nói xong, Tiểu Tam lập tức muốn người viết đơn khiếu oan rồi lặn lội tìm đến chỗ của Lai Ngự sử dâng lên. Lai Ngự sử đọc trong đơn cũng thấy có nhiều chi tiết không đúng thực tế, liền gọi Tiểu Tam đến thẩm vấn trực tiếp, đồng thời sai nha lại đến huyện Long Môn lấy án văn về xem xét. Lai Ngự sử còn triệu tất cả những người hàng xóm vào hôm đã phát hiện ra thi thể của Thương thị đến công đường, cố tìm ra những chi tiết mà quan huyện đã bỏ qua. Huệ Khanh cũng được giải đến công đường để đối chất với các lời khai của họ.

Thế nhưng tất cả đều khai đúng như trong văn án, đề quyết chỉ có mình Huệ Khanh ra vào nhà Tiểu Tam, ngoài ra không còn bất cứ ai lai vãng. Điều này làm cho Lai Ngự sử rất khó xét đoán bởi Huệ Khanh là người duy nhất gặp Thường thị trước khi chết. Ông hỏi Huệ Khanh lần nữa:

— Trong mấy ngày từ khi trả nợ giùm rồi sang nhà Tiểu Tam uống rượu, người có thấy ai đến nhà hấn không? Có giao tiếp trò chuyện với ai không thì cố nhớ ra đi.

Huệ Khanh đáp là không hề có ai nhưng đột nhiên nhớ lại, vội thưa:

— Ngay hôm ấy có hòa thượng ở chùa Bảo Ứng đến hóa duyên, được tiểu dân đãi cơm chay. Cũng vì vậy mà tiểu dân biết chuyện Tiểu Tam thiếu tiền mà giúp đỡ.

Lai Ngự sử có vẻ mừng hỏi hòa thượng ấy vẫn còn hóa duyên thêm cho vào số tiền định xây chùa hay không thì những người hàng xóm cho biết:

— Hòa thượng ấy không hiểu đã quyên đủ số tiền chưa mà đi ngay trong ngày hôm Huệ Khanh dọn nhà.

Lai Ngự sử “À” lên một tiếng, hình như đã có chút ánh sáng nhưng lại nói là chưa thể xét xử ngay được, cho mọi người về nhà, Huệ Khanh cũng về ngục thất chờ đợi. Chẳng biết Lai Ngự sử có quên không mà mãi hai tháng sau vẫn không hề nhắc gì đến vụ án này, ai cũng tưởng rồi sẽ rơi vào quên lãng.

Bất chợt một ngày kia Lai Ngự sử bỏ ra một số tiền khá lớn là trăm lạng bạc cho chùa Bảo Ứng, dùng để mở tiệc chay thết đãi tất cả các sư tăng hòa thượng trong phạm vi huyện Long Môn, đồng

thời cũng báo trước sẽ đến chùa dâng hương cầu phúc. Đây là thịnh sự ít khi xảy ra nên các sư tăng ra sức thu xếp, mời không sót một đồng đạo nào. Ngày hôm Lai Ngự sử đến, các sư tăng đứng thành hai hàng dài để nghênh tiếp. Dâng hương xong, Lai Ngự sử đi một vòng chùa, ngắm nhìn rồi bất chợt ông hỏi xem sửa chùa lần này hết bao nhiêu, cử bao nhiêu hòa thượng đi quyên giáo. Nghe đáp là phải điều đến 10 hòa thượng đi nhiều chỗ mới quyên đủ số tiền hơn 2000 lạng bạc, Lai Ngự sử bèn hỏi:

— Mười vị cao tăng ấy hôm nay có mặt không để ta thăm hỏi.

Thế nhưng Lai Ngự sử khôn khéo chỉ gọi từng người, hỏi han những gì thì sư tăng trụ trì không hề biết. Khi đã tiếp đến vị hòa thượng thứ chín thì hết, còn một hòa thượng nữa tìm mãi mà không thấy. Lai Ngự sử tỏ vẻ giận dữ, nói lớn:

— Ta đã bỏ hết việc quan thân tới đây thăm hỏi mà tại sao hòa thượng ấy không đến, hấn khinh dễ không thèm gặp mặt ta chăng?

Nói xong Lai Ngự sử bắt quan quân phối hợp với sư tăng trong chùa phải lục soát tìm cho bằng được. Quả nhiên sau một hồi tìm kiếm thì thấy hòa thượng ấy trốn sau Phật điện, liền lôi đến trước mặt quan Ngự sử. Đã có chuẩn bị trước, Lai Ngự sử lập tức gọi Huệ Khanh và các người hàng xóm của Tiểu Tam ra hỏi:

— Có phải đây chính là hòa thượng đã đến hóa duyên rồi bỏ đi mất ngay ngày Huệ Khanh dọn nhà hay không?

Huệ Khanh cùng mọi người đều xác nhận đúng là hòa thượng ấy nên Lai Ngự sử chẳng cần hỏi thêm nữa, vỗ án thư rồi chỉ mặt hấn quát lớn:

— Người chính là thủ phạm giết Thương thị, vợ của Tăng Tiểu

Tam. Bản quan đã có đủ chứng cứ, còn không khai thực ra mau.

Thấy tên hòa thượng này ngoan cố cứ khai loanh quanh, Lai Ngự sử liền sai quân sĩ giải về công đường, dùng hình cụ tra khảo thật đau. Cuối cùng không chịu nổi, hòa thượng khai rằng:

— Tội dân pháp danh là Khứ Phi tu hành tại chùa Bảo Ứng, được phân công đi hóa duyên cùng với các sư tăng khác lấy tiền xây dựng lại chùa. Lúc Huệ Khanh mời cơm chay thì tội dân đã biết việc Huệ Khanh không cúng dường nữa mà đem tiền đi cho Tiểu Tam trả nợ. Ngày hôm sau tội dân trở lại thì thấy Huệ Khanh đã dọn nhà đi đâu mất, thấy Thương thị ở nhà một mình nên tội dân nảy lòng dâm, đêm đến lén đào chân cửa lén vào. Thương thị không bằng lòng, chống cự dữ dội rồi định kêu gọi hàng xóm tới cứu nên tội dân đành phải bóp cổ để ngăn lại... ngờ đâu thả tay ra thì Thương thị đã chết cứng rồi. Xin đại nhân minh xét.

Lai Ngự sử cười nhạt, mắng:

— Người gian dối đã quen nên vẫn chưa khai thật. Người cố tình bóp chết Thương thị vì sợ người khác biết chứ không phải ngộ sát như đã khai. Vì vậy người mới trốn không chịu ra gặp mặt ta, nếu là tu hành chân chính thì sợ gì mà không dám chường mặt ra? Người đâu, đánh cho hấn 30 trượng để đừng khai man lần nữa.

Khứ Phi hòa thượng sợ quá, vội vàng kêu lên xin khai thật là cố ý giết Thương thị. Lúc đó Lai Ngự sử mới sai nha lại viết văn án, bắt hấn điểm chỉ vào và giam vào ngục tử tù. Lai Ngự sử lại gọi hòa thượng trụ trì đến trách:

— Người là trụ trì chỉ biết quyên góp làm lợi cho chùa mà không quản lý được các sư tăng, để cho họ làm bậy hãm hại dân

lành. Đáng ra phải chịu tội đồng lõa nhưng bản quan thấy người đã già yếu, lại không biết tí gì về việc này nên tha cho, phải trích ra ba trăm lạng bạc đền bù cho Huệ Khanh đã phải chịu đau khổ đói khát mấy tháng trong tù.

Sư cụ trụ trì cúi đầu xin nghe theo. Sau đó Lai Ngự sử lại gọi quan huyện trước kia là Thẩm Bá Minh đến mắng cho một trận rồi phán xử:

— Người là cha mẹ của dân được triều đình tin tưởng giao trọng trách giúp đỡ và giáo hóa dân. Thế mà người mê muội bức cung xử oan cho dân thì còn làm quan thế nào được? Ta sẽ tâu về triều đình cách chức của người, bây giờ phải đưa ra năm trăm lạng bạc đền bù cho Thi Huệ Khanh.

Đương nhiên Thẩm Bá Minh không dám chống cự, cúi đầu tuân theo răm rắp. Khi đã thu được số tám trăm lạng bạc, Lai Ngự sử gọi Huệ Khanh đến, an ủi:

— Người là người có tâm địa tốt lành, đã giúp đỡ hàng xóm chí tình mà còn không lợi dụng sự cảm ơn mà làm việc vô luân bại hoại. Đây là số bạc ta đã bắt bọn sai trái đền bù, cầm lấy mà làm ăn.

Thế nhưng Thi Huệ Khanh không nhận, thưa rằng:

— Số mệnh của tiểu dân chắc là phải chịu khổ nhục như thế, không dám oán giận Trời Phật, được đại nhân giải oan thì cũng như chết đi sống lại rồi, còn mong cầu gì nữa. Vả chẳng tiểu dân muốn dùng số tiền dành dụm ấy làm công đức thì nay nỗ cầm tiền của chùa được sao? Theo tiện dân thì đại nhân nên đưa số tiền ấy cho Tiểu Tam, có thể dùng lấy vợ khác hoặc là lo liệu việc cúng tế

hàng năm cho Thương thị, để người chết oan được ngậm cười nơi chín suối.

Lai Ngự sử bằng lòng nhưng Tiểu Tam cũng không nhận, thưa:

— Từ khi phải ép buộc người vợ hiền thực phải hai lần bán thân trả nợ, tiểu dân hầu như đã chán ngán cuộc đời, muốn được lên Ngũ Đài Sơn xuất gia. Nay đại nhân có thể dùng số bạc đó xây dựng chùa chiền, tạo phúc đức cho bá tánh thì hay hơn.

Lai Ngự sử thấy là hai người tâm thường mà khi mộ đạo giác ngộ lẽ vô thường của cuộc sống đều có thể trở thành hai hòa thượng chân chính thì rất nể phục. Ông lại nghĩ đến tên hòa thượng giết người không gớm tay thì chợt nhớ lại hai tên hòa thượng trước kia đã giết chết thiếu phụ ở tòa miếu hoang, làm cho ông phải chịu nhục nhã ba năm trong ngục thất. Những tên hòa thượng ấy xứng đáng bị trừng trị, không thể để bọn chúng nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật để rồi tiếp tục làm những tội ác trời không dung, đất không tha. Đã có chủ ý trong lòng, Lai Ngự sử liền nói:

— Hai người đều muốn xuất gia thì ta cũng không cản, sẽ tiến hành việc thụ giới cho hai người thật xứng đáng mới được.

Huệ Khanh và Tiểu Tam không hiểu ý của Lai Ngự sử ra sao, cúi đầu chào rồi ra về. Chẳng ngờ chỉ mấy hôm sau Lai Ngự sử đã gọi toàn bộ hòa thượng chùa Bảo Ứng tới, nghiêm nghị trách mắng:

— Các người chỉ cạo đầu lừa thiên hạ mà thôi, theo ta thì trong số các người chưa đến phân nửa thành tâm thực ý tu hành. Ta đã điều tra kỹ càng, hầu hết các người là do gia cảnh nghèo đói, cha mẹ nuôi không nổi nên mới đưa vào chùa kiếm miếng cơm chay; hoặc là thất chí tuyệt tình đem tấm thân vào chốn tôn nghiêm để

mong quên đi thế gian; cũng có khi là những tên tội phạm bị truy nã không còn đường nào khác phải vào cửa thiền trốn tránh. Thế nhưng các người được khách thập phương mộ đạo cúng dường đầy đủ quá nên sinh tật, không những giết người mà còn không từ bỏ được lòng dâm dục, thế thì tu hành làm gì? Nay ta cho phép các người tự xét mình, người nào thấy không thật tâm tu hành thì sẽ được ban cho năm lạng bạc trở về quê quán làm ăn.

Nghe vậy các hòa thượng rất sợ hãi bởi lời của Lai Ngự sử quả đúng với tâm trạng của bọn chúng, hầu hết đều là do hoàn cảnh bức bách mới phải vào chùa, do vậy đều xin được hoàn tục. Còn lại một số sư tăng, Lai Ngự sử liền cho Huệ Khanh và Tiểu Tam làm trụ trì, nói:

— Nay đã có trụ trì mới. Ta muốn cho việc xuất gia của hai người này được long trọng nên sẽ mở đàn tràng cầu siêu cho các vong hồn cô đơn không nơi nương tựa rồi mới làm lễ thí phát cho họ. Vì đa số chưa biết hành lễ đúng qui tắc nên cần phải mời nhiều sư tăng hòa thượng ở các nơi khác đến chỉ dạy thì mới hoàn tất được cuộc lễ long trọng này. Do đó ai quen biết các sư tăng hòa thượng thì được phép mời họ đến đây, không những có tiệc chay chiêu đãi mà sau khi hoàn thành ta còn thưởng cho ít nhiều.

Lai Ngự sử không chỉ dặn dò các hòa thượng mà còn treo yết thị khắp nơi, từ thành thị cho đến những nơi hẻo lánh, nội dung cũng giống như vậy khiến đâu đâu đều nhắc đến thịnh sự có một không hai lần đầu tiên diễn ra ở huyện Long Môn. Tin tức truyền đi rất nhanh, những sư tăng hòa thượng đang đi vân du hay đi hóa độ hóa duyên đều nghe tin, lần lượt kéo về chùa Bảo Ứng rất đông.

Khi đã thấy khá đủ, Lai Ngự sử đích thân đến chùa ghi danh và thăm hỏi từng người khiến ai nấy đều ngạc nhiên bởi chưa từng có vị quan lớn nào quan tâm đến Phật pháp như vậy.

Khi gặp gỡ các hòa thượng, Lai Ngự sử nhận ra ngay tên hòa thượng đã cầm thiền trượng đuổi đánh mình để đến nỗi phải ngã xuống giếng. Vật đổi sao dời, Lai Ngự sử trải qua hết gian truân này đến vinh quang khác nên diện mạo đổi khác khá nhiều, hòa thượng ấy không hề nhận ra nhưng khuôn mặt hung ác của hắn thì ông chẳng bao giờ quên được. Lai Ngự sử đặc biệt ân cần với hắn, giả vờ nói:

— Đêm hôm qua bản nhân mơ thấy Quan Âm Bồ Tát hiện về báo rằng: “Ngày mai sẽ gặp một vị hòa thượng diện mạo hung hãn nhưng đó chính là người cao tăng có công quả nhiều nhất, đừng khinh thường”. Hôm nay bản nhân thấy mộng đúng sự thực nên xin mời về nhà môn đặc cách chiêu đãi tiệc chay.

Tên hòa thượng này mừng quá, không hề nghĩ đến tại sao lại phải về nhà môn mới được, bỏ thiền trượng ở chùa rồi theo quân lính đi ngay. Lai Ngự sử ngồi trên công đường, vừa thấy hòa thượng vào thì liền quát lớn:

— Trói tên ác đồ ấy này lại cho ta.

Bị trói chặt, hòa thượng sợ quá kêu oan luôn miệng. Lai Ngự sử liền nói thẳng ra:

— Người kêu oan ức ư? Chẳng lẽ không nhớ nổi năm năm trước đã cùng đồng bọn toan cưỡng dâm thiếu phụ vợ của A Nhuận nơi miếu hoang ngoại thành Đồng Hương rồi đuổi đánh một thư sinh khiến hắn rơi xuống giếng cạn hay sao? Người tưởng thư sinh ấy

chết rồi phải không?

Nghe nhắc, hòa thượng kia vội nhìn lên, lúc bấy giờ mới nhận ra quan Ngự sử chính là thư sinh mà mình đã đuổi đánh toan giết chết bịt đầu mối. Hắn chết cứng cả người một lúc, biết rằng không thể giấu diếm được nữa nên ngoan ngoãn quỳ xuống cung khai:

— Tội dân pháp danh là Đạo Hư, năm ấy cùng với sư huynh Đạo Vi đi khuyến thiện ở Đồng Hương. Đi ngang qua ngôi miếu cổ chợt thấy người phụ nữ vừa khóc vừa đi thì nổi lòng dâm dục lên, bàn nhau định cưỡng hiếp. Tội dân không ngờ được là đại quan lúc ấy tình cờ đi ngang nên táo gan đuổi đánh. Thế nhưng khi tội dân về tới miếu thì người thiếu phụ ấy đã bị đâm chết, còn sư huynh Đạo Vi cũng mất biệt. Như vậy tội dân không phải là hung thủ giết người.

Lai Ngự sử gật đầu, hỏi:

— Hiện nay Đạo Vi đang ở đâu?

Tên hòa thượng ấy đột nhiên lão liên đôi mắt rồi khai:

— Thực tình tội dân không biết sư huynh Đạo Vi hiện nay ở đâu.

Thái độ ấy không qua được đôi mắt tinh tường của Lai Ngự sử, ông thừa biết tên này vốn tính gian ngoan nên không dễ gì khai ngay ra đồng bọn, suy nghĩ một lúc liền ra lệnh giam Đạo Hư vào ngục, thân hành tới chùa Bảo Ứng xem lại danh sách các sư tăng. Quả nhiên trong danh sách có ghi tên Đạo Vi. Lai Ngự sử rất mừng vì lưới trời lồng lộng, rốt cuộc hai kẻ sát nhân đều lọt vào tay mình, lập tức gọi Đạo Vi ra rồi dẫn về công đường xét hỏi. Thế nhưng Đạo Vi còn gian manh hơn Đạo Hư, khai là không hề biết

Đạo Hư là ai, chắc vì quá bức bách nên khai bừa đấy thôi. Lai Ngự sử cho Đạo Hư ra đối chất thì hắn cũng giả vờ ngơ ngác không nhận biết Đạo Hư là ai khiến tên này rất tức giận, mắng đồng đạo:

— Chính người giết thiếu phụ ấy, bây giờ chối là không biết ta để chạy tội hay sao?

Đạo Vi vẫn bình tĩnh, nhất quyết là không hề biết Đạo Hư và cũng không đến phạm vi Đồng Hương bao giờ làm cho Lai Ngự sử đâm ra khó khăn. Bởi vì lúc nguy cấp ấy ông chỉ kịp nhận diện được Đạo Hư, còn Đạo Vi lấp ló trong miếu, không thể xác quyết được. Nếu như Đạo Hư khai bừa bãi thì thủ phạm lọt lưới mà Đạo Vi bị oan. Ông đành phải sai giam hai tên hòa thượng riêng rẽ, rồi hôm sau mới xét xử tiếp.

Đạo Vi bị giam trong ngục nhưng trong bụng mừng thầm bởi vì biết chắc rằng Lai Ngự sử không nhận diện được hắn, nhủ thầm nếu ngày mai có bị tra khảo đến đâu cũng nhất quyết không khai nhận thì sẽ cứu được tính mạng. Hắn khoan khái làm một giấc cho đến tận canh ba thì chợt tỉnh dậy vì nghe có tiếng động từ xa vọng tới. Âm thanh này mới đầu vo ve gào rít như tiếng ma kêu quỷ hú, sau dần đến gần nghe rõ đó là âm thanh của một phụ nữ:

— Đạo Vi, ta chết oan ức lắm, hồn không được siêu sinh khổ sở vô cùng. Bây giờ là lúc người phải đền tội rồi đó.

Trong đêm tối của ngục thất, không khí lạnh lẽo càng làm cho tiếng kêu khóc ấy tăng thêm phần ghê rợn. Đạo Vi bị bất ngờ cũng dựng cả tóc gáy, kêu lên nho nhỏ:

— Người đừng dọa ta nữa! Lúc ấy tại người kêu la quá nên bất đắc dĩ ta phải giết chết, ta hối hận lắm rồi nhưng không làm sao

cứu vẫn được nữa. Nếu lần này ta thoát khỏi ngục tù thì sẽ làm lễ cầu siêu cho người thật trọng thể.

Đạo Vi vừa dứt tiếng thì bỗng nhiên đèn đuốc ở đâu cháy sáng choang, mấy tên quân của Lai Ngự sử xấn vào quát tháo:

— Tên trọc đầu ác nhân kia! Chúng ta đã nghe rõ hết rồi, người có chối cũng không xong. Chân tướng đã bại lộ thì nên ngoan ngoãn nhận tội để khỏi bị đau khổ là hay hơn.

Hóa ra Lai Ngự sử nhận biết tên hòa thượng này rất cứng đầu cứng cổ, phải lập kế sai một tên quân có giọng nói the thé giống như phụ nữ, giả làm tiếng kêu khóc đòi báo thù của Chu thị, vợ người bán rượu A Nhuận. Đạo Vi ngỡ người ra chẳng còn biết nói sao, từ đấy im lặng chịu trói, chờ đến sáng thì giải lên công đường. Lai Ngự sử tươi cười hỏi hấn:

— Người không đánh mà khai, bây giờ hãy nói rõ toàn bộ sự việc cho bản quan biết đi.

Đạo Vi đành phải khai sự thực, không giấu diếm tí gì. Lai Ngự sử sai giam hấn vào ngục tử tù rồi thân hành đến chùa Bảo Ứng xuống tóc cho Huệ Khanh và Tiểu Tam, đặt pháp hiệu là Chân Thông và Chân Thiết.

Sau khi làm lễ quy y xong, Chân Thông và Chân Thiết chính thức trở thành trụ trì chùa Bảo Ứng, được mời lên thượng điện làm chủ tế đàn tràng.

Thế nhưng cả hai đều thưa:

— Chúng tôi là dân thường hâm mộ Phật pháp, tuy biết tụng kinh nhưng không hề cáng đáng nổi một đàn tràng lớn lao như hôm nay. Xin đại quan cho người khác làm chủ tế vậy.

Lai Ngự sử không chịu, nói:

— Tâm là Phật, quay đầu là thành Phật. Những người biết đủ cách hành lễ thật sự chưa có Tâm bằng hai người. Vì vậy ta cũng không bắt phải theo đúng lễ nghi bề ngoài, chỉ cần tụng kinh cho mọi người làm theo là thừa đủ cầu xin cho các vong hồn các đảng siêu sinh tịnh độ. Việc hành lễ theo đúng quy tắc hai người sẽ học sau, hiện tại đã là hòa thượng chân chính rồi, đừng ngại ngần gì nữa.

Chân Thông và Chân Thiết đành phải theo lời, bước lên đài cao ngồi tụng kinh, ba ngày ba đêm thì đại lễ viên mãn nhưng sự kiện thì chưa hết, còn diễn ra khiến người ta phải táng đởm kinh hồn. Đó là do Lai Ngự sử muốn nhân vụ án này trừng trị mấy tên hòa thượng dâm ác bằng cách thức dữ dội, làm gương cho kẻ khác không dám noi theo. Cách thức này tuy khá dã man nhưng đó là Lai Ngự sử cố ý răn dạy bảo vệ cho đạo Phật được thanh tịnh, loại trừ bọn xấu xa đội lốt sư tăng làm bậy.

Lai Ngự sử cho dán yết thị định rõ ngày hành hình ba hòa thượng phạm tội giết người ở sân chùa Báo Ứng, người kéo đến xem đông không kể xiết. Lai Ngự sử đã cho làm sẵn ba cái quan tài đặt trước chính điện chùa Báo Ứng, đặt sẵn bài vị của Thương thị và Chu thị, rồi sai quân dẫn Khứ Phi, Đạo Hư và Đạo Vi ra, đánh mỗi người 100 trượng. Đánh xong chẳng cần biết sống hay đã chết, cho vào quan tài rồi chất củi hỏa thiêu, nhờ Chân Thông và Chân Thiết đọc bài kệ giải thoát cho linh hồn của ba tên ấy.

Sau khi xong xuôi mọi việc, Lai Ngự sử còn đặt ra các quy định khá nghiêm khắc để các hòa thượng theo đó mà tu hành, mỗi khi

đi đâu xa đều phải báo cho trụ trì và quan quân biết. Lai Ngự sử cũng không quên những sai lầm của quan lại ngày trước khiến cho người dân thường bị oan ức, lục lại giấy tờ rồi trình lên triều đình xin trừng trị ba viên quan là Hồ Hồn, Thẩm Bá Minh và Cao Huân.

Lúc đó Hồ Hồn đã bị giáng xuống làm huyện thừa; Thẩm Bá Minh bị cách chức làm thường dân; riêng Cao Huân cố chạy chọt lo lót cho Cao Cầu nên vẫn được giữ chức Tham tướng như cũ. Được sự phê chuẩn của triều đình, Lai Ngự sử gọi ba người này đến công đường Long Môn, mắng chửi xong còn bắt Hồ Hồn và Thẩm Bá Minh phải đền 200 lạng bạc cho A Nhuận. Riêng Cao Huân bóp nặn người dân đã nhiều thì phạt nặng hơn. Thế nhưng tên này vẫn gian ngoan chỉ chịu nộp phạt 1000 lạng bạc dùng vào việc xây dựng chùa chiền. Lai Ngự sử đồng ý nhưng lại nói:

— Người lấy số tiền máu mủ của dân ra xây chùa thì có khác gì dùng lớp sơn máu mủ ấy tô điểm lên Phật tháp, chưa đem lại lợi ích gì cho người dân. Vì vậy bản quan tuyên phạt người thêm 1000 lạng bạc nữa dùng vào việc thu mua thóc lúa để khi có thiên tai hạn hán sẽ đem ra cứu tế dân nghèo.

Cao Huân đành phải cúi đầu nghe theo. Lai Ngự sử còn muốn làm gương cho những kẻ xấu xa nên chưa ngừng ở đấy, bắt Thẩm Bá Minh, Hồ Hồn và Cao Huân đi chân đất đến chùa Bảo Ứng làm lễ tạ tội với Chân Thông, Chân Thiết, đồng thời tiến hai vị chân tu này đến Ngũ Đài Sơn.

Những việc Lai Ngự sử thi hành rất được người dân ca tụng, tiếng thơm lan truyền khắp nơi, đến cả triều đình. Trương Thúc

Dạ lúc ấy làm Xu Mật sứ nắm giữ đại quyền trong tay hết lòng tiến cử nên Tống Huy Tông thăng cho Lai Pháp lên chức Điện trung Thị Ngự sử, triệu về triều phò tá cho mình. Khi Lai Ngự sử rời khỏi Quảng Đông, nhân dân đứng chật hai bên đường đưa tiễn, ai nấy đều than thở tiếc nuối vì vị đại quan anh minh sáng suốt phải rời khỏi địa phương này.

Nhân dịp đó Lai Ngự sử ghé qua trấn Đồng Hương đón toàn bộ gia đình Thủy Viên ngoại về kinh thành với mình. Triều đình còn ban đặc ân cho cả Thủy Viên ngoại được làm quan trong triều. Khi đứa con của Phong Nguyệt Di lớn lên, Lai Ngự sử lại dẫn dắt học hành để báo cái ơn tri kỷ của Thủy Viên ngoại trước, chẳng bao lâu đứa con ấy đã đỗ đạt và được bổ đi làm quan. Như vậy cả nhà Lai Ngự sử đều được vinh hiển chỉ nhờ vào sự thẳng thắn trung thực, làm gương sáng cho người sau học hỏi.

LÝ TRINH TÚ**HÀM OAN GIẾT CHỒNG**

Vào đời nhà Thanh, năm Đồng Trị thứ 3, tức năm 1865 dưới sự cai trị của Thanh Mục Tông Ái Tân Giác La Tải Thuần, đất nước Trung Hoa xuất hiện khá nhiều quan lại có tâm huyết với đất nước. Những quan lại này đa số là người Hoa Hạ nhưng vẫn được triều đình Mãn Thanh trọng dụng bổ nhiệm ra làm quan. Thế nhưng cũng không ít quan lại chỉ vì đồng tiền mà xử đoán khiến rất nhiều oan án xảy ra. Điển hình nhất là vụ việc người vợ mới cưới giết chồng ngay trong đêm tân hôn ở huyện An Nhạc.

Một hôm, quan huyện An Nhạc nhận được đơn kiện của người hào phú tên là Vương Minh Sơn, tố cáo con dâu vô cớ giết chồng trong đêm tân hôn. Quan huyện hết sức ngạc nhiên bởi nề nếp “nam trọng nữ khinh” và “phu xướng phụ tùy” tuy đã mai một ít nhiều nhưng không thể nào một người vợ mới cưới, hoàn toàn không có thù oán gì với chồng mà lại đủ liều lĩnh ra tay giết người ngay đêm tân hôn, cũng là lúc có đông đảo họ hàng đôi bên cùng ăn uống vui chơi chúc mừng ở đó.

Vương Minh Sơn vốn là người giàu có, lại gian xảo nên trước khi đưa đơn kiện đã ngấm đút lót khá nhiều tiền bạc cho huyện quan, vì vậy ngay khi Lý Trinh Tú bị giải giao đến là lập tức bị

giam vào ngục thất, rồi sau đó huyện quan mới giả vờ sai nha lại điều tra sự tình. Thật sự vụ việc không hề có bằng chứng gì xác thực nhưng cuối cùng huyện quan cũng quyết định đưa ra xét xử. Hấn dựa vào lời tố cáo của Vương Minh Sơn, nhất định ép buộc Lý Trinh Tú vào tội chết.

Nguyên Vương Minh Sơn nhờ bản tính nhiều miệng lưỡi, dựa vào đó mà đứng ra giải quyết những rắc rối cho người dân trong huyện. Thật sự họ Vương nhân cơ hội này mà xúi giục bên này kiện cáo bên kia, câu kết với quan lại để kiếm chác tiền bạc. Nhân vì vậy Minh Sơn rất quen thuộc đường lối công đường, cũng đã nhiều lần đút lót cho quan huyện, trở thành người cung cấp mỗi manh giúp huyện quan kiếm chác tiền bạc.

Vương Minh Sơn có vợ đã lâu nhưng mãi đến lúc gần 50 tuổi mới sinh hạ được một đứa con trai kháu khỉnh, đặt tên là Vương Thiên Hỷ, vì vậy hai vợ chồng hấn coi Thiên Hỷ như vàng ngọc, hết sức chiều chuộng đứa con này. Tiếc rằng Thiên Hỷ diện mạo sáng sủa nhưng trí tuệ hết sức tầm thường, lại được cha mẹ quá nuông chiều nên sinh tật xấu. Thiên Hỷ không những học hành tệ hại, đến lúc 15 tuổi rồi mà vẫn chưa thuộc nổi “Tứ thư”, mà còn bị vị sư phụ hư hỏng tên là Thôi tiên sinh đưa vào con đường nghiện ngập.

Biết con mình nghiện nặng, Vương Minh Sơn lại đại dốt giao cho Thôi tiên sinh quản giáo dạy dỗ, không hề ngờ rằng chính Thôi tiên sinh là người còn nghiện nặng hơn cả con mình. Chính Thôi tiên sinh dựa vào Thiên Hỷ mà có tiền mua thuốc, hai thầy trò cùng nhau hút xách thỏa thuê, chẳng hề dạy dỗ một chữ nào. Sau này Minh Sơn phát hiện ra điều đó, vội vàng đưa Thiên Hỷ về nhà

chữa chạy, bồi bổ hết sức tốn kém. Nhờ vậy hơn năm sau Thiên Hỷ đã dần dần từ bỏ được thói nghiện hút, da dẻ hồng hào trở lại. Thế nhưng vẫn do lối sống quá nuông chiều con cái, chẳng bao lâu Thiên Hỷ lại bị bọn bạn bè xấu dẫn dụ hút xách trở lại. Lần này Thiên Hỷ giấu rất kỹ, chỉ dám hút vào lúc đêm khuya, khi cha mẹ và gia nhân đã ngủ hết. Hắn lén đào một hố nhỏ dưới gầm giường rồi giấu cái tẩu hút ở đó, khi nào cần thì lấy lên.

Nhờ vậy một thời gian dài hai vợ chồng Vương Minh Sơn không hề hay biết. Thế nhưng một thời gian sau đồ đạc quý giá trong nhà không cánh mà bay, mất dần mất mòn, lúc đó Minh Sơn mới nghi ngờ ngầm điều tra. Hóa ra chính đứa quý tử Thiên Hỷ vì túng tiền mua thuốc đã lấy cắp các món đồ quý giá ấy đem đổi lấy “nàng tiên nâu”.

Biết được điều này, Minh Sơn vô cùng chán ngán, không dám nói ra cho mọi người biết mà cùng với vợ là Ngũ thị bàn cách đối phó giúp con tránh khỏi cái tật xấu xa ấy. Ngũ thị liền nói:

- Nếu muốn trừ tuyệt thì không gì bằng lấy vợ cho Thiên Hỷ. Đã có người đàn bà suốt ngày săn sóc hầu hạ bên mình thì ít nhất nó cũng không dám lộng hành. Sau đó chúng ta sẽ nhờ vợ nó dùng lời ngon ngọt khuyên bảo, chắc rằng dần dần nó sẽ đoạn tuyệt được.

Vương Minh Sơn khen hay rồi lập tức sai người dò la manh mối. Chẳng bao lâu đã có bà mối giới thiệu một người con gái họ Lý ở cùng huyện, nhà cách nhau không bao xa. Vương Minh Sơn cũng đã nghe tiếng của Lý Trinh Tú là người con gái đoan trang đức hạnh, tuy không đẹp đến mức “chim sa cá lặn” nhưng về việc nội

trợ thì không ai bì kịp. Vương Minh Sơn rất mừng, lập tức nhờ bà mối đem danh thiệp đến họ Lý xin cưới. Cha của Lý Trinh Tú là Lý Thiệu Nho thấy nhà Minh Sơn giàu có thì bằng lòng ngay, hy vọng con gái sẽ được tấm chồng tốt và cuộc sống sung sướng. Vả chăng nhà họ Lý không hề biết rằng Thiên Hỷ nghiện hút, nhìn bề ngoài gia đình giàu có, diện mạo khôi ngô của Thiên Hỷ, ai cũng cho rằng nhà họ Lý có phúc lớn.

Đám cưới diễn ra rất suôn sẻ, người của hai họ cùng ăn uống chè rượu vui say suốt một ngày, đến tối lại theo thông lệ vào phòng cô dâu chú rể nài ép đôi tân lang và tân giai nhân cùng uống. Trinh Tú khôn ngoan chỉ nhấp môi, thật sự uống rất ít nên hoàn toàn không say nhưng giả vờ quá mệt lui vào phòng riêng. Trong khi ấy Thiên Hỷ càng uống càng thấy thèm hút nên cuối cùng cũng đánh lừa mọi người rồi cấp tốc vào phòng để được tự do thỏa mãn cơn nghiện. Thấy Trinh Tú có mặt trong phòng, Thiên Hỷ hết sức bối rối bởi chưa muốn cho người vợ mới cưới biết mình nghiện nặng.

Trinh Tú là người rất thông minh, nhìn thái độ của Thiên Hỷ thì biết ngay có việc gì muốn giấu, nhẹ nhàng tìm lời hỏi han. Mãi sau quá thèm thuốc, Thiên Hỷ đành phải nói thật:

- Tôi đã cai nhiều lần nhưng không sao cai được. Bây giờ vẫn phải hút nhưng không muốn cho cha mẹ biết. Vì vậy xin nàng cũng giữ kín giùm, nếu lộ ra thì cả hai đều gặp phiền phức không ích lợi gì.

Trinh Tú nghe vậy thở dài, trong lòng đã ngấm u oán vì không thể ngờ tới người chồng tướng mạo đường hoàng khôi ngô tuấn tú

như Thiên Hỷ mà lại là người nghiện hút. Nàng thầm nghĩ nếu số phận đã vậy thì đành phải chiều theo, sau này sẽ từ từ tìm cách can gián để chồng cai nghiện vậy. Do đó Trinh Tú bình tĩnh trải mền chiếu cho chồng nằm. Thiên Hỷ liền thò tay vào gầm giường lật tấm ván lên, lấy bàn đèn và tẩu thuốc ra.

Nằm nghiêng trên giường, Thiên Hỷ sung sướng đốt đèn, châm thuốc rồi rít luôn mấy hơi thật mạnh. Thế nhưng mấy lần như vậy mà chẳng thấy có hơi thuốc nào vào miệng, Thiên Hỷ bực bội ngồi dậy sẫm soi cái tẩu hút rồi cầu nhàu nói:

- Thật lạ quá. Có lẽ cái tẩu này để lâu dưới đất nên bị tắc rồi chẳng?

Thiên Hỷ liền tìm một cái thông tẩu bằng tre, thọc mạnh vào cái tẩu, mấy lần như vậy mới thông được nó. Không cần tìm hiểu xem tại sao tẩu bị nghẹt, Thiên Hỷ vội vàng nằm xuống kéo luôn mấy hơi, diện mạo coi bộ tươi tỉnh hẳn ra. Khi hút xong, Thiên Hỷ khoan khoái trong lòng, lơ đãng nhìn Trinh Tú nói:

- Trời đã khuya rồi, nàng cứ ngủ đi.

Trinh Tú nghe vậy thở dài não ruột, ghé người nằm xuống phía ngoài giường. Trong lòng nàng hết sức đau khổ vì đêm tân hôn là ngày hạnh phúc nhất đời người, thế mà phải nằm không nhìn người chồng nghiện hút. Còn Thiên Hỷ hút xong chẳng màng đến người vợ xinh đẹp mới cưới, cởi áo ngoài rồi lập tức xoay vào trong ngáy khò khò. Thế là đêm tân hôn trở thành đêm mỗi người nằm một góc.

Lấy chồng mà cũng như không, Trinh Tú cố nén đau khổ trong lòng, mặc cho hai hàng nước mắt tuôn rơi, nằm ghé lưng ngoài

giường, mãi cho đến khi gà gáy sáng vẫn chưa chợp mắt được chút nào. Ngay lúc ấy đã có một số người thức dậy, gọi nhau dọn tiệc để ăn uống tiếp. Trình Tú bất đắc dĩ phải trở dậy, rửa mặt xong liền trang điểm để che lấp các dấu vết buồn phiền đêm hôm qua. Thấy Thiên Hỷ vẫn còn nằm xoay mặt vào vách như cũ, Trình Tú gọi luôn mấy tiếng nhưng hình như Thiên Hỷ ngủ quá say nên không hề trả lời hay động cựa gì.

Khi ấy người hai họ đã dọn xong tiệc tùng, đến trước cửa kêu gọi tân lang, tân giai nhân ra tham dự nên Trình Tú đành phải nắm vai chồng lay dậy. Ngờ đâu bàn tay của Trình Tú vừa chạm vào người Thiên Hỷ thì thấy lạnh toát, chẳng có chút hơi ấm nào. Trình Tú bạo gan lay thử lần nữa thì mới biết người Thiên Hỷ đã cứng lại, chết từ bao giờ rồi. Kinh hoàng thất sắc, Trình Tú vội chạy ra cửa kêu gào mọi người vào xem thử. Vốn rất thương con, nghe vậy lập tức Vương Minh Sơn chạy vào phòng trước, cố lật Thiên Hỷ ra xem xét. Khi ấy mắt mũi, tai miệng của Thiên Hỷ đều ứa máu thành từng vệt bầm tím nên Minh Sơn biết ngay là trúng độc, gào lên thảm thiết:

- Trời ôi. Con ta bị người ta hạ độc chết mất rồi.

Chỉ gào được một câu, Minh Sơn đau lòng quá ngã vật ra đất bất tỉnh nhân sự. Người trong hai họ đều kinh hoảng, xúm lại người tìm nước gừng chữa trị cho Minh Sơn, kẻ xem xét thi hài của Thiên Hỷ rồi hô hào phải báo cho quan biết. Lúc đó Ngũ thị mới chạy tới, chẳng quản đó là xác chết lạnh giá, cứ ôm con mà khóc ngất. Vương Minh Sơn cũng đã được cứu tỉnh, cùng với vợ kêu gào khóc lóc không thôi khiến đôi bên họ hàng đều mũi lòng khóc theo.

Rất lâu sau Minh Sơn mới như chợt tỉnh, đứng phắt dậy hỏi lớn:

- Con tiện tỳ giết chồng đâu rồi?

Chỉ cần nghe như vậy là Trinh Tú hiểu ngay cha chồng đã có ý nghi ngờ mình, trong lòng hết sức lo sợ nhưng Trinh Tú vẫn gắng gượng chùi nước mắt bước ra chào hỏi. Vương Minh Sơn không thềm nhìn, lập tức quát hỏi:

- Tại sao chồng người chết? Đêm hôm qua người đã cho chồng uống thứ gì?

Trinh Tú nghẹn ngào đáp:

- Thật sự con không hề biết vì sao tướng công lại chết thảm như vậy. Đêm hôm qua hai vợ chồng chưa hợp hoan, tướng công say quá nên ngủ vùi. Mãi đến sáng con đánh thức mới biết chàng đã chết từ đêm rồi.

Minh Sơn trợn ngược đôi mày, quát tháo:

- Con tiện tỳ kia! Người nói không biết là sao? Chẳng lẽ nói Thiên Hỷ của ta đang mạnh khỏe mà tự lẫn ra chết được sao? Rành rành đêm qua chỉ có hai vợ chồng người ở với nhau trong phòng riêng, nếu người không ép nó uống thứ gì đó thì tại sao mồm miệng lại ứa máu ra kinh khủng như vậy được?

Nói xong, Minh Sơn quay lại phân bua với mọi người:

- Đây là dấu hiệu đứa con yêu quý của tôi bị trúng độc chết thảm. Các vị đã chứng kiến thì xin làm chứng hộ, tôi quyết đưa vụ án này lên quan để trừng trị con đàn bà ác độc này mới hả lòng.

Mọi người đều nhao nhao lên tán đồng. Có người còn chỉ mặt Trinh Tú mắng nhiếc thậm tệ, cho rằng từ trước tới nay chưa có ai

độc ác đang tâm giết chồng ngay đêm tân hôn. Thấy tình hình nguy cấp, bất đắc dĩ Trinh Tú phải nói ra sự thật:

- Con... con thật sự không hề biết tại sao. Cũng không hề cho chàng uống bất cứ thứ gì. Có lẽ là do... do...

Vương Minh Sơn tức giận chặn lời:

- Là do gì? Người cứ ấp úng như vậy mong lừa dối ta và mọi người được sao? Nếu quả thực có nguyên nhân gì khác thì tại sao không dám nói ra?

Trinh Tú nắc lên, nước mắt lại tuôn ra như mưa, đáp:

- Chàng... chàng... chỉ hút có mấy hơi thuốc phiện rồi lăn ra ngủ ngay.

Mọi người ồ lên một tiếng ngạc nhiên. Ai nấy toan hỏi thêm thì Minh Sơn đã mau lẹ nói gạt đi ngay:

- Hừm! Thế ra tên nghịch tử vẫn còn lén lút hút xách. Nhưng ta cho rằng có hút bao nhiêu đi nữa cũng không thể chết người, cũng không thể gây ra tình trạng xuất huyết máu nơi cứu khiếu. Người biết con ta lén hút thuốc nên mới lấy đó làm nguyên nhân cái chết chứ gì? Đáng ra ta phải đánh chết người ngay tại chỗ đền mạng cho đứa con nhưng cả đời ta vẫn tôn trọng công minh chính trực, phải nhờ tới quan lớn thì người mới không còn oán hận ta hồ đồ được nữa.

Nói xong Vương Minh Sơn không để cho Trinh Tú biện minh thêm, lập tức sai người trói lại rồi tự tay viết đơn kiện đưa lên huyện đường, đề quyết Trinh Tú giết người. Ông ta vốn lạnh lợi miệng lưỡi, quen việc đầu đơn kiện cáo nên viện ra nào là “tứ đức tam tông”, nào là nghĩa tình phu thê, lời lẽ buộc tội hết sức vững

chắc để xin huyện quan trừng trị thật nặng đền mạng cho Thiên Hỷ mới hả lòng.

Huyện quan hoàn toàn không nắm được chi tiết và nguyên nhân cái chết của Thiên Hỷ thế nào, cứ theo lời tố cáo của Minh Sơn mà thẳng đường xét xử. Sau khi hỏi Minh Sơn rõ ràng là Thiên Hỷ không hề bệnh tật gì ngoài việc hút thuốc phiện, Quan huyện liền quay qua thẩm vấn Lý Thiệu Nho. Biết rõ Thiệu Nho là người hiền lương, hiểu rõ đạo đức thánh hiền và được triều đình cho danh hiệu Lãm sinh, người vợ là Lưu thị cùng với con gái Trinh Tú lại nổi tiếng đoan trang hiền thực, tề gia nội trợ giỏi giang, quan huyện lại càng bối rối vì nhất thời không thể đề ra nguyên nhân tại đâu. Nếu như Lý Trinh Tú không điểm chỉ vào lời khai thì án văn không thể hoàn thành, tức là sẽ nuốt không trôi số tiền đứt lót của Vương Minh Sơn.

Vì lòng tham, huyện quan quyết định phải ép cung Lý Trinh Tú, lấy mặt giận dữ rồi đập án thư quát hỏi:

- Trinh Tú! Sự việc đã rõ ràng như vậy mà người còn to gan chối tội nữa sao? Hãy khai thực ra đi kẻo bị tan da nát thịt, hối hận cũng không còn cứu vãn được nữa đâu.

Trinh Tú hết sức lo sợ, nước mắt lại tràn ra như mưa, quỳ sụp xuống đất mà thưa:

- Quả thật tiện nữ vô tình không biết tại sao tướng công lại chết thảm. Quan lớn là người nổi danh công minh sáng suốt, xin xem xét minh oan giùm tiện nữ. Tiện nữ xin đội ơn sâu, kiếp sau xin làm thân trâu ngựa để báo đền cho quan lớn.

Quan huyện cười nhạt, quát:

- Tiện tỳ thật táo gan. Người tưởng tâng bốc ta công minh sáng suốt là chạy tội được sao? Cha chồng người đề quyết trong phòng chỉ có hai người, sáng ra Thiên Hỷ đã chết bất đắc kỳ tử thì người lấy lý do gì mà cãi lại đây?

Trinh Tú càng thêm hoảng sợ, khóc ngất một hồi mới thốt ra được lời:

- Xin đèn trời soi xét, quả thật tiện nữ hoàn toàn không biết gì hết. Chẳng biết tiện nữ kiếp trước đã phạm tội gì ghê gớm mà nay bị hàm oan quá nặng nề. Tiện nữ thật không có gì để khai...

Quan huyện lập tức ngắt lời, gằn giọng nói:

- Người thật đê tiện, đã có gan giết chồng thì cứ thành thực khai ra đi. Còn vòng vo nữa thì đừng trách bản quan vô tình đấy nhé.

Trinh Tú hoảng hốt thưa:

- Tiện nữ thực không dám vòng vo. Chẳng qua vì không thể biện minh ra sao nên mới nghĩ đến có lẽ là do tội lỗi kiếp trước mà thôi. Lúc Thiên Hỷ hút thuốc xong lập tức ngủ ngay, tiện nữ không dám kinh động. Đến khi trời sáng thì lay dậy, hoàn toàn không đưa cho chồng ăn hay uống bất cứ thứ gì. Đó là sự thật, xin đại nhân sáng suốt xét cho tiện nữ chưa hề quen biết bất cứ chàng trai nào thì lấy gì mà gọi là thông dâm, lại không hề cho chồng ăn uống thì làm sao đầu độc được?

Quan huyện nghe xong hầm hầm đập mạnh xuống án thư, quát lớn:

- Người cứ chối quanh. Chồng người ban đêm vào phòng vẫn

còn khỏe mạnh, chỉ có mình người ở đó, đến sáng thì chết, máu tươi ứa ra đầy thất khiếu. Chẳng phải là người đầu độc thì là ai đây? Bản quan vốn không muốn dùng hình phạt nhưng người đã nhất quyết không khai thì đành phải dùng cực hình tra tấn, thử xem người còn khăng khăng nữa hay không?

Quát xong, quan huyện quay gọi nha lại:

- Bay đâu, vả con tiện tì dâm ác này 40 cái thật mạnh cho ta.

Bọn quân sĩ dạ ran, lập tức tiến đến thẳng tay thi hành. Với thân liễu yếu đào tơ, chỉ cần một cái vả là Trinh Tú đã đổ máu tươi ra hai bên mép, ngã gục ngay xuống nhưng bọn quân sĩ tuân lệnh cứ tiếp tục thi hành khiến chẳng bao lâu nàng đã bất tỉnh. Quan huyện cười nhạt, nói:

- Tiện tỳ này giả vờ đấy thôi, mới vả mấy cái thì ăn thua gì. Bay đâu, lấy nước lạnh đổ vào mặt để bản quan tiếp tục tra hỏi.

Khi tỉnh dậy, Trinh Tú chùi máu miệng rồi thều thào van lạy:

- Trăm lạy đại quan. Tiện nữ thật tình không biết gì về cái chết của chồng, dù đại quan có vả đến ngàn cái cũng vậy thôi. Tiện nữ đã được cha mẹ dạy dỗ học hành, biết “tam tòng, tứ đức”, dù có oán hận đến đâu cũng không bao giờ dám ra tay giết chồng như thế.

Huyện quan cười gằn:

- Hóa ra người thách thức ta chẳng? Người tự nhận là người biết lễ nghĩa liêm sỉ thì ta đây là kẻ không biết phải không? Người đâu, đánh ả hai mươi roi xem còn sức phỉ báng quan trên hay không?

Trinh Tú nghe vậy hầu như chết ngất, bởi vì đã được chứng

kiến không ít phạm nhân khi bị đánh đòn roi, sau đó thịt da nát bét, xương cốt lòi cả ra ngoài, máu me lênh láng hết sức ghê sợ, dù có bị kết tội hay không rốt cuộc cũng phải mất đến mấy tháng mới bình phục được. Với tấm thân mảnh dẻ của nàng thì chỉ vài ba roi đòn cũng đã hồn sa địa phủ, đừng nói gì tới hai mươi roi. Nàng cố lấy hết sức tàn kêu van:

- Tiện nữ bị hàm oan giết chồng, tâm thần hôn phách đều đau khổ vô cùng tận. Nếu như tiện nữ quả thực phạm tội thì chắc chắn đã khai ra hết để tránh cái đau khổ của roi đòn rồi, xin đại nhân mở lượng hải hà xét lại cho.

Dù vậy quan huyện vẫn không động lòng chút nào, nhất quyết sẽ đánh đòn nhiều hơn nếu như không chịu khai đúng theo ý muốn của ông ta. Thế nhưng Lý Trinh Tú dù chịu tan da nát thịt vẫn nhất định không nhận tội khiến huyện quan vô cùng tức giận, bắt đắc dĩ phải tạm hoãn việc xét xử, chờ khi Trinh Tú bình phục mới tiếp tục tìm cách ép cung, bắt nàng phải nhận tội thông dâm với người tình nào đó rồi hạ độc giết chồng.

Khi vụ án tạm hoãn, những người bên nhà gái vốn biết tính tình nhu thuận trình thực của Trinh Tú, hết sức tức giận vì huyện quan quá u mê chỉ biết nghe theo lời tố cáo vô bằng chứng của Vương Minh Sơn, hậm hực kéo nhau về kể lại cho Lý Thiệu Nho biết. Theo phong tục thời bấy giờ thì người cha không đưa dâu, vả lại Lý Thiệu Nho đang bị cảm hàn nên nằm ở nhà, nghe kể lại sự tình thì rơi nước mắt than thở:

- Họ Lý chúng ta mấy đời ăn ngay ở lành, dù không giàu có nhưng cũng cố nhín chút miếng ăn làm việc từ thiện. Thế mà

chẳng hiểu do đâu lại vướng vào cái tội tà trời như thế. Ta vẫn thường nghe nói Vương Minh Sơn chuyên lo việc kiện tụng, đối xử rất công bằng, tại sao lại hồ đồ gán tội cho con gái ta như vậy?

Lý Thiệu Nho nói xong thì khóc ngất khiến Lưu thị cùng cả nhà cũng không sao cầm được nước mắt, suốt ngày đêm từ trong nhà không dừng tiếng oán than. Hôm sau trời chưa sáng, Lưu thị đã thu xếp ít bánh trái cùng tiền bạc vào ngực thăm con gái. Bà dứt lốt cho bọn cai ngục, xin giúp đỡ đừng hành hạ Trinh Tú quá đáng. Bọn này tuy là những tên lang sói bất nhân nhưng cũng biết Trinh Tú là cô gái ngoan hiền, nhận tiền xong liền an ủi Lưu Thị:

- Lão mẫu cứ yên tâm về đi. Dù gì thì án vẫn chưa kết thúc, chúng tôi chưa coi Trinh Tú là tội phạm nên không có hành hạ hay đánh đập gì đâu.

Thế nhưng khi Trinh Tú đã hơi bình phục mà quan huyện vẫn không tìm ra chứng cứ gì, bị Minh Sơn hối thúc quá nên gắng gượng đăng đường xét xử lần nữa. Trinh Tú cũng một mực kêu oan nhưng khi thấy huyện quan sẽ dụng hình cực tàn khốc hơn thì tự nghĩ:

- “Ta thường nghe giảng về Phật pháp, người nào gieo nhân nào thì hái quả ấy. Ta xét mình không hề có tội lỗi gì, có lẽ là do cái nghiệp kiếp trước chẳng? Đã vậy thì có khai hay không cũng phải chết, chi bằng cứ nhận bừa để khỏi phải chịu đau khổ là hơn?”.

Vì vậy Trinh Tú liền khai nhận đã có thông dâm với người khác, nhờ người ấy nhân lúc đám cưới lộn xộn thì lén đưa thuốc độc rồi đêm hôm ấy ra tay hạ thủ giết chết Thiên Hỷ. Quan huyện hết sức hài lòng, sai nha lại viết lời khai cẩn thận, bắt Trinh Tú

điểm chỉ làm bằng rồi vui vẻ làm giấy sai áp giải Trinh Tú lên cấp tỉnh xem xét lần nữa, nếu đúng sẽ hành hình ở đó. Trước khi giải đi, huyện quan còn hăm dọa Trinh Tú:

- Người đừng tưởng nhận tội, rồi khi đến Niết ty có thể phản cung. Như vậy tất Niết ty sẽ trả về cho bản quan xét xử lại, lần này chính là lần người phải chết thảm đấy, đừng có vọng động mà thiệt vào thân. Gia dĩ tất cả người trên Niết ty đều thân quen với bản quan, người càng phản cung càng chịu đau khổ nhiều hơn đấy, chẳng làm gì được bản quan đâu.

Nghe tin này cả nhà họ Lý đều kinh hoàng thất sắc, ai nấy dấm ngực kêu trời nhưng không biết làm sao chống lại lệnh quan, đành phải kéo nhau đến ngục thất thu xếp các việc trước khi Trinh Tú bị giải đi. Lý Thiệu Nho chùi nước mắt khuyên giải con gái:

- Có lẽ đây là oan nghiệt từ kiếp trước, vì vậy mới sa vào cái tội nặng nề như vậy. Cũng do oan nghiệt đưa đẩy nên con mới gặp viên quan hồ đồ đến mức chẳng cần hỏi xem người thông dân và đưa thuốc độc cho con tên tuổi là gì. Cha hy vọng là khi lên cấp tỉnh, gặp được viên quan đỡ ngu ngốc hơn, xét xử nhẹ đi một chút là phúc đức cho nhà họ Lý chúng ta lắm rồi. Cha sẽ chờ xem quan cấp tỉnh đoán quyết ra sao rồi tùy cơ ứng biến nhưng chắc chắn nếu lại xét xử hồ đồ giống như Huyện quan thì cha nhất quyết sẽ đầu cáo minh oan lên cấp cao hơn. Con cứ yên tâm, ráng giữ gìn sức khỏe, đừng quá bi quan mà đại đột tự kết liễu cuộc sống. Chết như thế không những con nhớ danh mà họ Lý chúng ta cũng nhục nhã không sao gột được tiếng xấu đấy.

Lý Thiệu Nho lại dặn dò:

- Tên huyện quan kia hăm dọa con đừng phản cung là đúng lắm bởi hầu như “huyện bênh huyện, phủ bênh phủ”. Con cứ khai đúng như vậy để khỏi chịu đau đớn, khi nào gặp được vị quan công minh thì mới khai ra sự thật. Cha nghe nói ở Niết ty có vị Án Sát tên là Ngưu công rất anh minh sáng suốt, nếu gặp được người này thì vận số của con sẽ đổi khác mà gia đình họ Lý chúng ta cũng được rũ bỏ tiếng oan.

Trinh Tú nghẹn ngào xin nghe theo lời dạy của cha, sau đó mặc áo đỏ tù phạm và đeo gông theo chân hai tên sai nha lên đường đến Đồng Châu. Khi đến Bảo Ninh thì trời đã tối, hai tên sai nha tìm một quán trọ nghỉ chân. Bọn chúng đã được Lưu thị đút lót một số bạc nên đối đãi rất tử tế, cho Trinh Tú ăn uống đầy đủ. Tuy bọn chúng không dám sai phép nước tháo gông cho nàng nhưng kiếm ít rơm rạ lót ở góc nhà để Trinh Tú không bị lạnh lẽo.

Thế nhưng lúc sáng ra, chẳng hiểu vì nguyên nhân gì, Trinh Tú vẫn còn đeo gông mà chiếc áo đỏ tù phạm lại biến đâu mất. Hai tên sai nha không thể đổ tội cho Trinh Tú được vì hai tay của nàng vẫn còn vướng trong gông, làm sao cởi cái áo đỏ đó ra được? Đành ngơ ngẩn nhìn nhau thất sắc. Bọn chúng bàn tán mãi không ra nguyên nhân, cuối cùng cứ liều đưa phạm nhân lên công đường, nếu bị hạch hỏi thì cứ sự thực mà khai.

Lúc đó trời đã sáng hẳn, viên quan Án Sát tên là Ngưu Thụ Mai ở Đồng Châu, thường được người dân kính trọng gọi là Ngưu công, vừa uống trà xong, ra vườn ngắm hoa thì chợt nghe thấy tiếng quạ kêu vang trời, Thụ Mai giật mình nhìn lên, hóa ra có đến mấy chục con quạ đen xúm nhau tha một vật gì đó màu đỏ chói,

vừa bay vừa kêu như thể muốn tố cáo việc gì đó. Ngưu công còn đang suy nghĩ thì chợt lũ quạ bỏ rơi cái áo đỏ, cách nơi ông đứng mấy bước, sau đó vừa kêu vang vừa kéo nhau bay đi mất.

Vốn là quan phụ trách về hình án, đầu óc của ông rất nhạy bén, bất cứ việc nhỏ nhất nào cũng chú ý xem xét ít khi bỏ qua. Bây giờ thấy hiện tượng khá lạ này, Thụ Mai liền bước tới nhặt cái áo đỏ lên lật ngang dọc xem xét rất kỹ. Đã nhận ra đó là chiếc áo của tù nhân phạm trọng tội, Thụ Mai liền đọc kỹ mấy dòng chữ ghi trên ngực và lưng áo. Dù bụi đường phong sương đã làm mờ nhạt đi một ít nhưng Ngưu công vẫn có thể đọc được rõ ràng mấy chữ “Lý Trinh Tú, phạm nhân ở An Nhạc”. Ngưu Thụ Mai gật gù nói lẩm bẩm một mình:

- Sự kiện này khá lạ lùng. Nếu như hôm nay có vụ án nào mà phạm nhân tên Lý Trinh Tú, giải giao từ An Nhạc đến thì ta phải xem xét thật cẩn thận mới được. Theo như hiện tượng lũ quạ tự nhiên tha cái áo rồi bỏ rơi trước mặt ta thì có lẽ vụ án này hàm oan rất nặng.

Sau đó Ngưu Thụ Mai vội trở về nha phủ chải đầu đội mũ, mặc quan phục để ra công đường. Thật kỳ lạ, vừa đúng lúc hai tên sai nha giải Lý Trinh Tú đến nơi. Ngưu Thụ Mai lập tức quan sát kỹ nhân dạng của người nữ tù này. Thấy Trinh Tú diện mạo đoan trang, dáng vẻ hiền lương thì đã có chút thiện cảm. Đến khi xem văn án, thấy huyện quan ghép Lý Trinh Tú vào tội thông dâm rồi đầu độc chồng, Ngưu Thụ Mai lại càng nghi ngờ bởi theo ông thì dù có thông dâm đi nữa cũng không thể đang tâm giết chồng mới cưới ngay đêm tân hôn được.

Ngưu Thụ Mai xem xét các lời khai rất kỹ, thấy rằng cuộc hôn nhân này hoàn toàn không bị ép buộc thì Trinh Tú không thể uất ức đến mức giết người, nếu như đã có tình nhân thì vẫn có thể từ chối lấy Thiên Hỷ, cần gì phải ra tay độc ác gần như công khai đến như vậy? Ngưu Thụ Mai nhận định chắc chắn tù nhân đã bị ép cung làm sai vụ việc đi hoàn toàn nên quyết phải làm sáng tỏ. Ông nhẹ lời hỏi:

- Phạm nhân dưới kia có phải tên là Lý Trinh Tú không? Bản quan thấy người là nữ nhân có dáng vẻ hiền thực, tại sao lại đi giết chồng? Nếu có gì oan khuất thì cứ khai ra đi, bản quan không dựa vào văn án mà xét xử hồ đồ đâu.

Trinh Tú nghe vậy đã thấy đỡ lo trong dạ nhưng vẫn e sợ gặp phải viên quan bất minh nên chưa dám tỏ thật, cứ cúi đầu khóc ngất. Ngưu công phải dẫn dụ:

- Bản quan cho rằng người bị ép cung, nay đã đến đây thì đừng lo sợ gì nữa, cứ tình thực khai ra đi. Bản quan quyết không để bất cứ người dân nào mắc hàm oan, huống chi người lại là thân thực nữ có gia đình nổi tiếng hiền lương.

Khi ấy Lý Trinh Tú mới yên lòng, khai toàn bộ sự việc như mình đã chứng kiến. Lúc Trinh Tú khai đến chỗ Thiên Hỷ lật tấm ván dưới giường, lấy bàn đèn tẩu thuốc từ cái hố đào sẵn lên, Ngưu công lập tức chặn lời, hỏi ngay:

- Người thấy Thiên Hỷ hút thuốc rồi ngủ ngay hay còn sự việc gì khác không?

Lý Trinh Tú đã trải qua nhiều đau đớn lần tuyệt vọng nên nhất thời không nhớ ra được các chi tiết, chỉ gật đầu xác nhận là lúc đó

Thiên Hỷ hút thuốc xong liền lăn ra ngủ ngay, không hề ăn hay uống thứ gì cả. Nghe xong Ngưu công tỏ vẻ bối rối bởi theo cả văn án lẫn lời khai của Trinh Tú thì không hề có chút manh mối gì về nguyên nhân đã làm cho Thiên Hỷ phải chết. Ông suy nghĩ rất lâu, xem lại văn án lần nữa rồi mới trầm giọng an ủi Trinh Tú:

- Theo bản quan thì chắc chắn việc hút thuốc của Thiên Hỷ liên quan tới cái chết. Thế nhưng chưa bao giờ xảy ra tình trạng người nào chết vì hút thuốc phiện. Bản quan cũng phán đoán là người bị hàm oan nhưng nếu không tìm ra chứng cứ phản bác lại thì cũng khó mà xóa tội cho người được.

Nghe vậy Lý Trinh Tú đang thất vọng lại càng thêm thất vọng. Đúng lúc ấy hình như có ai dun dũi, Trinh Tú chợt nhớ đến một chi tiết, vội vàng nói ngay:

- Bẩm đại nhân. Tất cả những gì dân nữ khai đều là sự thật. Chỉ có một điều hơi khác lạ, chẳng biết có nên khai ra hay không?

Thật sự Ngưu công cũng khá thất vọng, sợ rằng lần này khó tìm ra manh mối. Nghe Trinh Tú nói thì tươi nét mặt, phán bảo:

- Trong các vụ án bí hiểm, có khi một chi tiết tưởng như vô hại lại là đầu mối rất quan trọng. Người khai thử cho ta nghe đó là điều bất thường gì vậy?

Trinh Tú liền kể lại việc cái tẩu thuốc bị tắc, Thiên Hỷ phải mấy lần dùng que thông mới sử dụng được. Ngưu công cả mừng, lập tức vin vào việc chưa đủ chứng cứ, tháo gông và cho Trinh Tú giam ở nơi tương đối sạch sẽ, đồng thời sai nha lại đến huyện An Nhạc lấy tang vật đem về. Trước khi đi, Ngưu công còn dặn dò bọn nha lại:

- Các người có tên nào nghiện hút thì cố mà nhịn, đừng dùng cái tẩu ấy mà mất mạng giống như Thiên Hỷ đấy!

Bọn này cả cười, cho là quan lớn đùa giỡn nhưng vẫn theo lệnh, đến huyện đường đòi chiếc tẩu thuốc của Thiên Hỷ. Tất nhiên bọn nha lại của Niết ty cũng không để lỡ dịp làm tiền, dùng lời úp mở hăm dọa khiến bọn nha lại ở huyện An Nhạc lo sốt vó, phải cung ứng cho bọn chúng mấy lạng bạc mới yên chuyện.

Khi nhận được cái tẩu, Ngưu công liền vào phòng riêng xem xét kỹ lưỡng, sau đó chợt ra lệnh ngày mai gọi tất cả nhân chứng, từ Minh Sơn cho đến huyện quan lên công đường Niết ty để xem phán quyết. Ai nấy đều làm lạ bởi vụ án hầu như chưa có manh mối gì nhưng vẫn theo lệnh thi hành, cấp tốc đưa trát triệu các bên liên quan đến công đường. Vụ án khá ly kỳ này cũng thu hút không ít người dân ở Thành Đô, hôm sau hầu như công đường chật kín, ai nấy đều hồi hộp chờ xem Ngưu công nổi tiếng sáng suốt sẽ xử án ra sao.

Càng bất ngờ hơn là khi Ngưu công thẳng đường chẳng thêm hỏi ai câu gì, chỉ hỏi Trinh Tú đúng một câu:

- Người có chắc chắn rằng Thiên Hỷ chỉ dùng cái tẩu thuốc này hút mà không ăn uống bất cứ thứ gì, sau đó đi ngủ ngay phải không?

Trinh Tú dập đầu vâng dạ, trong lòng không khỏi lo lắng vì quanh đi quẩn lại cũng chỉ là những lời khai ban đầu mà thôi. Thế nhưng hình như Ngưu công nghiêm nghị hẳn ra, vừa ngồi xuống ghế đã lập tức sai nha lại đem cái tẩu thuốc ra để dưới đất, trước mặt án thư rồi chêm chệ quát bảo:

- Cái tẩu kia! Người thật táo gan dám giết người. Hãy khai sự thật ra đi kéo bản quan dụng cực hình thì hối hận không kịp đấy!

Cả công đường đều ngăn người ra, chẳng ai biết tình thế ra sao nên cứ hồi hộp chờ xem diễn tiến. Đột nhiên Ngưu công đập xuống án thư một cái thật mạnh, quát tháo:

- Bản quan hỏi mà người không trả lời được ư? Cái tẩu này quá lớn gan nhiều mật. Bây đầu, đánh cho nó mấy roi cho ta!

Bọn nha lại càng thêm ngăn ngại, bối rối đi tìm roi rồi ngần ngại hỏi lại:

- Bẩm đại nhân, nhất định phải đánh thật chứ ạ?

Ngưu công trầm mặt đáp:

- Sao lại không? Bất cứ tội phạm nào không thành thực khai rõ thì bản quan tất phải dùng đến cực hình. Các người cứ đánh nó cho thật đau vào, xem nó có ngoan cố được nữa không.

Tên sai nha nghe vậy rất buồn cười, phải lén bưng miệng rồi giơ cao cái roi đập xuống thật mạnh. Tất nhiên cái tẩu làm sao chịu nổi, lập tức vỡ ra làm mấy mảnh. Ngưu công liền sai tả hữu:

- Các người xuống xem trong ruột cái tẩu có gì nào?

Bọn nha lại liền xúm lại xem, hóa ra trong ruột tẩu có xác một con rết lớn, đã bị đứt làm mấy khúc. Một vài tên lập tức hiểu ra có sự nhưng cũng có tên không hiểu gì cả, khúm núm thưa xin Ngưu công giải thích việc này. Ông bèn quay qua hỏi Trình Tú trước:

- Người đã nhìn thấy tận mắt, có đoán ra tại sao chồng người chết hay không?

Vốn là người có trí tuệ, Trình Tú biết ngay nguyên nhân là do

nọc độc của con rết, mừng rỡ vái lạy Ngưu công để cảm ơn trời biển. Ngưu công bèn nói với mọi người:

- Thiên Hỷ giấu cái tẩu thuốc dưới nền nhà, đúng vào mùa này loài rết đang sinh sản nhiều nên đánh hơi được mùi thơm của thuốc phiện. Gia dĩ đó lại là nơi ấm áp nên bọn rết chạy vào đó rồi ở luôn. Khi Thiên Hỷ thấy tẩu bị tắc liền dùng que thông, mấy lần sử dụng làm cho con rết bị đứt ra nhiều đoạn, chất độc cũng vì vậy tiết ra nhiều hơn gấp bội. Thiên Hỷ hút cả chất độc này vào bụng thì hỏi sao còn sống nổi được đây? Ta đã kết luận là Thiên Hỷ chết vì hút thuốc, đến khi nghe phạm nhân khai việc lấy cái tẩu từ dưới đất lên thì hiểu ngay nguyên nhân nằm ở đó mà thôi. Điều này chỉ cần suy nghĩ một chút là rõ ngay. Chỉ tiếc cho tên huyện quan ngu ám không để ý đến khiến suýt nữa người vô tội phải chết oan.

Mọi người nghe xong đều ồ lên thán phục. Thế là vụ án kết thúc mau chóng, Lý Trinh Tú được tha bổng, còn huyện quan An Nhạc thì bị Ngưu công tâu lên triều đình xin cách chức. Riêng việc trả Lý Trinh Tú về đâu cũng được Ngưu công chú ý tận tình, chứng tỏ rằng ông là người rất am hiểu nhân tình thế thái, không chỉ có tài xử án mà thôi. Ngưu công nói với Trinh Tú:

- Đáng ra dù một ngày cũng là nghĩa vợ chồng, người phải về nhà cha mẹ chồng. Thế nhưng chính cha chồng người tố cáo, nhà lại không có anh em thì khó mà sống hòa thuận được. Do vậy bản quan muốn tùy người quyết định, hoặc là về nhà chồng hoặc là về nhà cha mẹ để lấy chồng khác.

Trinh Tú liền xin với Ngưu công được về nhà thờ phụng cha mẹ. Sẵn Lý Thiệu Nho cùng Lưu thị có mặt, Ngưu công liền phán

quyết cho nàng được toại nguyện. Tuy ông không nói gì đến Vương Minh Sơn nhưng việc để cho Trinh Tú về với cha mẹ cũng đủ làm cho hắn bề mặt với mọi người.

Khi vụ án đã xong, Lý Thiệu Nho thấy con gái vẫn âu sầu không quên được chuyện cũ thì liền nhờ mối lái làm mai, gả nàng cho một chàng trai họ Dương. Chàng này diện mạo còn tuấn tú hơn cả Thiên Hỷ, lại có học vấn nên rất coi trọng vợ mình. Hai người sống với nhau rất hạnh phúc đến suốt đời, sinh nhiều con cháu. Mấy năm sau Lý Thiệu Nho lại thi đỗ, được bổ làm quan, gia đình càng thêm sung túc.

Riêng Vương Minh Sơn thì không may mắn như vậy, đó cũng là quả báo về việc cố tình hãm hại người hiền lương. Hắn không có con nối dõi nên quyết định lấy một người thiếp nữa. Chẳng ngờ người thiếp này hết sức xinh đẹp nhưng lại quá dâm dăng, không những đòi hỏi Minh Sơn đến kiệt sức mà còn lên lút thông dâm với các chàng trai trẻ trong vùng. Chính thị vì dâm dục vô độ cũng không thể sinh nở, bất đắc dĩ Vương Minh Sơn phải xin một đứa cháu họ xa về để kế thừa gia sản to lớn của mình. Gia tài của hắn rất lớn nên những đứa cháu họ gần không chịu mất, xúm nhau làm đơn kiện cáo, đòi phải được kế thừa hoặc ít nhất là cũng được chia phần.

Gia đình họ Vương vì vậy rất ly tán lộn xộn, người này nghi kỵ người kia. Người vợ lẽ thấy vậy một hôm cuôm một số vàng bạc khá lớn rồi bỏ trốn đi đâu mất. Vì những lý do này, dần dần gia sản của Vương Minh Sơn cũng khánh kiệt, đến lúc chạy vạy lo liệu xong vụ kiện tụng của mấy đứa cháu thì chẳng còn lại bao nhiêu,

kiệt sức rồi chết.

SỬ MINH**XÉT ÁN TỎ TƯỜNG**

Vào năm Kiến Nguyên thứ tư, tức là khoảng năm 483 ở đất Tề, dưới sự cai trị sáng suốt của Cao đế Tiêu Đạo Thành, đất nước có nhiều quan lại thanh liêm, biết lo lắng cho dân. Tiêu Đạo Thành tuy là Hoàng đế nhưng rất hâm mộ Phật pháp, không những khuyến khích người dân tu hành mà còn lấy nhân nghĩa để cảm hóa con người. Các quan lại cũng vì vậy mà theo gương Hoàng đế, luôn luôn lấy chính trực và đạo đức làm đầu để cai trị. Trong số những vị quan thanh liêm và có tài năng là một vị quan huyện tên là Sử Minh, ông học rộng tài cao, trí tuệ sáng suốt, nhất là tài xét đoán các vụ án thì chưa sai chạy bao giờ. Sử Minh xuất thân từ khoa bảng, đậu Tiến sĩ rồi được bổ về làm Huyện lệnh Lâm Tri, sau nhiều năm làm quan vẫn thanh liêm chính trực, được dân chúng khắp vùng ca tụng.

Một ngày kia có tên vô lại là Triệu Đại đệ đơn lên công đường, tố cáo người bạn tên là Trương Thuận giết người cướp của, sau đó vất xác nạn nhân xuống cái giếng sâu ở ngoại thành. Cái giếng này được người dân ở Lâm Tri gọi là giếng Thâm Tỉnh. Dựa theo lời tố cáo, Sử Minh lập tức viết trát sai bộ khoái tập nã Trương Thuận, giải về công đường thẩm vấn. Khi xét trong nhà của Trương Thuận

quả nhiên tìm thấy một số bạc lớn, vì vậy Sử Minh đã toan làm án đưa hấn lên phủ. Thế nhưng Trương Thuận một mực kêu oan, cho biết số bạc ấy là của anh rể mình tên Chủ Trung gởi nhờ mua đất cát ở Lâm Tri chứ không phải tài vật cướp được.

Sử Minh liền triệu Chủ Trung tới hỏi, quả đúng là hấn đã có gởi Trương Thuận số bạc ấy nên vụ án đâm ra thiếu chứng cứ. Sử huyện quan liền sai lính giải Trương Thuận đến giếng Thâm Tỉnh, tận mắt chứng kiến việc khám xét. Khi bọn lính từ dưới giếng trèo lên có đưa theo một cái xác chết không đầu khiến Trương Thuận kinh hoảng mất cả hồn vía, vội sụp lạy như tể sao nhưng vẫn kêu oan, không hề biết cái xác đó là của ai, tại sao lại tình cờ nằm trong giếng.

Sử Minh cười gằn, chỉ mặt Trương Thuận mà mắng:

- Tang chứng đã quá rõ ràng rồi, còn lại số bạc kia có phải do Chủ Trung gởi hay không thì bản quan sẽ xét sau. Có thể hai người cấu kết với nhau làm chứng dối, càng làm cho tội trạng thêm nặng, phải xét rõ rồi trừng trị làm gương cho kẻ khác mới được.

Mặc cho Trương Thuận kêu gào, Sử Minh lập tức sai quân giải về giam trong ngục thất, đồng thời thông báo cho người nhà nạn nhân đến nhận xác đem về chôn cất. Ai nấy cũng tưởng như thế là kết thúc vụ án. Thật ra Sử Minh nhìn ra khá nhiều nghi vấn trong việc này, tạm thời gán tội cho Trương Thuận để có thời gian dò xét cho rõ ràng.

Nguyên ở đất Lâm Tri có người phú hào tên là Vương Tuấn, tuổi còn trẻ mà không chịu học hành, chỉ thích dùng tiền bạc sẵn có của cha mẹ để cho vay nặng lãi. Vương Tuấn càng lớn càng biểu

lộ tính tình tham lam, lại rất tàn nhẫn vô nhân, hễ việc gì có lời là hấn tìm đủ mọi cách thu vén tiền bạc về cho mình ngay bất kể người kia bị tổn hại đến thế nào. Vì vậy tuy người cha là Vương Hàn không giàu có bao nhiêu, cũng không để lại gia tài mà Vương Tuấn mỗi ngày một giàu lên thấy rõ, số vàng bạc mà hấn bòn rút của người dân lên đến số mấy vạn lạng.

Sau khi Vương Hàn và vợ theo nhau chết thì Vương Tuấn lại càng hung hăng, không còn kiêng nể ai hết, ngày đêm rượu chè trai gái, chơi bởi hưởng lạc. Lúc còn sống, Vương Hàn đã nhìn ra tính của con, quyết định bắt Vương Tuấn phải lấy một người con gái họ Phùng về làm vợ. Phùng thị vốn xinh đẹp nhưng không lả lơi dâm đãng, hết sức đoan trang cẩn trọng, Vương Hàn hy vọng nhờ đó sẽ kềm chế bớt tính ngông cuồng háo sắc của Vương Tuấn phần nào. Chẳng ngờ Vương Tuấn rất thích những cô gái lẳng lơ hơn người vợ hiền, thường bỏ bê vợ vò võ ở nhà một mình, đi tìm lạc thú “lá gió cành chim, liễu ngô hoa tường”.

Một hôm hấn uống rượu đã ngà ngà say, có lẽ không tìm được gái vừa ý nên bò về nhà, quất tháo bắt đem rượu ra uống tiếp. Nhìn kỹ, thấy vợ mình cũng khá đẹp, Vương Tuấn nổi hứng bắt Phùng thị phải vào nhà thay đổi xiêm y cho thật hở hang rồi phải bắt chúc các điệu bộ lẳng lơ dâm dục của bọn kỹ nữ chúc rượu cho mình. Tất nhiên Phùng thị quen tính đoan trang nên nhất định không bằng lòng.

Đang lúc men rượu làm cho mất cả thần trí, Vương Tuấn nổi hung lên, xông đến đánh đấm Phùng thị một trận tơi bời, sau cùng lại đá trúng vào chỗ nhược khiến Phùng thị ngã nhào xuống đất,

trộn ngược hai mắt rồi tắt thở lập tức. Khi ấy bao nhiêu men rượu tan biến đâu mất hết, Vương Tuấn vội đưa xác vợ lên giường rồi hô hoán, báo tin là vợ bị trúng phong mà chết.

Thế nhưng anh em họ Phùng đến nơi xem xét, thấy có vết tích do cú đá vào chỗ nhược thì làm âm lên, đòi kiện cáo. Vương Tuấn cả sợ, phải lòi ra rất nhiều tiền lo liệu chuyện này mới dần xếp êm xuôi. Chỉ vài tháng sau, tính trăng hoa của Vương Tuấn lại nổi dậy, nhân đã có tư tình với một người con gái lẳng lơ tên là Đào Nương, hấn bèn bỏ tiền bạc ra thuyết phục người cha gả cho mình, hối hôn với họ Trần.

Đào Nương về nhà chồng rồi càng tỏ ra phóng túng, suốt ngày chỉ biết trang điểm, tổ chức ăn chơi hát xướng, thậm chí sẵn sàng liếc mắt đưa tình với bất cứ chàng trai nào ả thấy vừa mắt. Với việc tiêu xài hoang phí như vậy, chẳng bao lâu Vương Tuấn đã gần như khánh kiệt, phải tìm cách buôn bán nhỏ sống qua ngày. Thấy chồng không còn giàu sang như trước, Đào Nương lập tức trở mặt, không những chửi mắng Vương Tuấn thậm tệ mà còn sẵn sàng làm gái để vừa thỏa mãn nhục dục vừa kiếm nhiều tiền. Quả là nhân quả nhãn tiền, một tên khốn khiếp như Vương Tuấn bây giờ phải chịu nhục, không dám nói lời nào với chính vợ mình.

Dần dần Đào Nương càng lộ hành hơn, đưa hấn một tên đồ tể là Đỗ Bưu về nhà ăn nằm, có lúc vui chơi khoái lạc ngay trước mặt Vương Tuấn, không coi người chồng bạc nhược này ra gì nữa. Vương Tuấn hết sức căm tức và nhục nhã nhưng Đỗ Bưu nổi tiếng hung bạo, lại có sức mạnh nên không dám làm gì, cắn răng nhục nhã nhìn cảnh vợ mình giao du với người khác.

Thấy Vương Tuấn chịu nhịn, Đào Nương và Đỗ Bưu càng lúc càng lấn lướt, thậm chí bắt Vương Tuấn phải xuống bếp nấu, để giường chiếu êm ấm cho bọn chúng truy hoan, không cho ló mặt lên nhà trên.

Dù đã cố nhịn nhục nhưng cuối cùng Vương Tuấn cũng không thể cứ nhìn mãi cảnh dê tiện này được nữa, thu góp chút vốn liếng đi nơi khác buôn bán. Thế là Đỗ Bưu và Đào Nương trở thành vợ chồng chính thức, chiếm luôn căn nhà của hắn.

Cùng ở huyện có hai thanh niên tên là Trương Thuận và Triệu Đại, nhà ở cạnh nhau. Hai người này trước kia tranh chấp đất đai rất dữ nhưng về sau Triệu Đại biết không thể chống nổi với sức mạnh của Trương Thuận nên xảo trá xoay qua dùng độc kế. Hắn giả vờ xin lỗi Trương Thuận rồi cùng nhau kết thân, toan tính khi nào gặp được cơ hội sẽ ra tay hãm hại. Triệu Đại rất đắc chí, thường tự hào là “không cần dùng sức, chỉ dùng trí” cũng hạ được kẻ thù.

Chẳng bao lâu cơ hội đã tới, nhân lúc say rượu, Trương Thuận bị Triệu Đại nói khích nên đại dột cho rằng phải bắt lương mới giàu có được. Thấy Triệu Đại tỏ ý nghi ngờ, Trương Thuận liền chạy vào nhà trong lấy ra mấy chục nén bạc rồi đặt chuyện, huênh hoang kể:

- Hôm ấy đi giữa đường, ta thấy có người mang nhiều vàng bạc mà trời lại tối, chẳng có ai qua lại, liền xông đến đánh chết hắn rồi cướp số bạc này đây.

Triệu Đại mừng thầm trong bụng, giả như ngờ vực hỏi:

- Có thật thế không? Còn cái xác người kia để lộ trên đường thì

làm gì giấu được tai mắt của sai nha?

Rượu làm cho Trương Thuận mất hết lý trí, cười khà khà nói với Triệu Đại:

- Bằng hữu ơi! Sao mà ngu ngốc đến thế? Giết người cướp của tất phải phi tang. Nhân ở đó gần giếng Thâm Tĩnh, ta liền vác xác chết quăng xuống luôn. Hà! Hà! Thế là trời không biết, quỷ không hay, số bạc này ta ung dung mà tiêu xài cho đến mãn đời.

Chẳng chờ cuộc rượu tàn, Triệu Đại nghe xong lập tức về nhà viết đơn tố cáo dâng lên quan huyện Sủ Minh và ông đã cho xác mình bằng cách đến tận giếng Thâm Tĩnh để lấy cái xác lên. Tuy nhiên có một điểm mà không ai chú ý, đó là Trương Thuận kẻ đã đánh chết người, riêng cái xác lại không đầu, là chi tiết hoàn toàn sai lạc nên quan huyện Sủ Minh nhận ra ngay, tạm thời chưa xét xử vội.

Khi Sủ Minh yết thị cho người đến nhận xác chết thì lập tức có Đào Nương đến nhận, khai rằng Vương Tuấn trước khi di buôn đã bán hết ruộng đất được mấy trăm lạng bạc. Sủ Minh liền hỏi:

- Có lẽ đúng như vậy nhưng tại sao người biết đó chính là xác của Vương Tuấn? Xác chết đâu có đầu mà nhận diện được mặt mũi?

Đào Nương miệng lưỡi khai rằng:

- Trước khi đi chồng của dân nữ có dặn rằng chừng vài ba tháng sẽ về qua lối Lĩnh Nam, thật trùng khớp với thời điểm Trương Thuận giết người cướp của. Nay đã quá hạn rồi mà chưa thấy chồng dân nữ về thì tất cái xác dưới giếng là của chồng dân nữ không sai. Hiện nay chúng con rất túng thiếu, xin đại nhân cho

nhận xác về chôn cất tử tế, đừng để mang tiếng phụ tình bạc nghĩa. Sau đó dân nữ cũng cúi xin đại nhân soi xét cho nhận lại số bạc vốn liếng đã phải vất vả buôn bán ngược xuôi mới có được.

Sử Minh vuốt râu cười nhẹ, ậm ừ chứ không trả lời dứt khoát, sau đó chợt hỏi:

- Khi ra đi chồng người mặc áo lót màu gì?

Bị hỏi bất ngờ, Đào Nương giật bắn cả người nhưng vốn xảo quyệt nên mau lẹ đáp luôn:

- Hình như chàng mặc chiếc áo lót đã bị rách một chỗ thì phải.

Sử Minh lập tức cho quân khám nghiệm, quả nhiên xác chết không đầu ấy mặc chiếc áo lót màu trắng có một chỗ bị rách. Đào Nương thấy vậy rất mừng, liền òa lên khóc nức nở, kể lể những nỗi niềm vợ chồng xa cách, nay lại gặp phải đau thương đến mức chẳng còn muốn sống nữa. Sử Minh lắng lắng nghe những lời ai oán thê lương ấy, bất chợt lại hỏi:

- Gia đình người có mấy người?

Đào Nương tưởng rằng quan huyện hỏi như vậy để xem ai xứng đáng là người thừa kế số bạc nên tươi tỉnh thưa ngay:

- Bẩm đại nhân! Vợ chồng dân nữ cưới nhau chưa bao lâu nên chưa có con cái. Anh em của chàng cũng chẳng còn ai. Hiện tại chỉ mỗi mình dân nữ sống đơn chiếc, vất vả. Nếu đại nhân muốn trả số bạc ấy cho gia đình thì chẳng ai xứng đáng hơn là dân nữ vậy.

Sử Minh gật đầu:

- Hay lắm! Người cứ chờ sau khi ta kết án Trương Thuận xong sẽ trả số bạc này cho người làm vốn liếng lấy chồng khác. Bây giờ

hãy cứ ở trong nhà đừng ra ngoài, chờ khi nào bản quan điều tra xong sẽ gọi lên.

Đào Nương cả mừng, sụp đầu vái lạy như tế sao, hết lời khen ngợi quan huyện anh minh sáng suốt. Ấy chắc mẩm phen này không những che giấu được tội ác mà còn được hưởng số tiền khá lớn, tha hồ cùng với Đỗ Bưu ăn chơi khoái lạc.

Sau đó Sử Minh cho người khám nghiệm tử thi cẩn thận, ghi kỹ vào văn án là xác chết có một vết dao đâm rất sâu. Căn cứ theo thời gian da thịt bị hủy hoại thì vết thương bị dao đâm có trước vết thương nơi chỗ bị cắt đầu, chứng tỏ nạn nhân đã bị đâm chết trước rồi mới cắt đầu để người khác không còn nhận diện được nữa. Hồ sơ án mạng đã lập xong, Sử Minh liền cho gọi tất cả lên công đường xem xử án.

Khi ông bắt Trương Thuận ký vào văn án, tên này nhất định không chịu, hết kêu khóc lại đến van xin nhưng một mực kêu oan. Sử Minh tức giận đập bàn quát lớn:

- Chính tai Triệu Đại đã nghe người khoe khoang giết người cướp của rồi đẩy xuống giếng. Nay ta đã tịch thu được tang vật cùng với chứng cứ là xác chết rành rành ra đó, còn lẻo miệng kêu oan hay sao? Người khôn hồn thì mau ký vào án văn kéo tan da nát thịt thì đừng trách bản quan đấy.

Trương Thuận lắc đầu cãi lại:

- Số bạc này đã được anh rể tiểu dân là Chủ Trung gởi mua đất lập nghiệp. Còn cái xác chết là của ai thì thật tình tiểu dân không hề hay biết, xin đại nhân anh minh soi xét cho. Tiểu nhân chỉ vì chút rượu mà nói càn quấy, thật sự chưa bao giờ dám giết người,

oan uống vô cùng đại nhân ơi.

Thấy Trương Thuận cứ kêu gào mãi, quan huyện Sử Minh đâm bực, lớn tiếng quát:

- Gian nhân này ngoan cố quá! Bay đâu, đánh cho hắn hai mươi trượng xem có gan mãi được không?

Bọn sai nha dạ vâng rồi xúm lại đè Trương Thuận xuống đất, vừa giơ roi lên chưa kịp đánh thì chợt Sử Minh lại kêu lớn:

- Khoan đã! Bản quan không muốn dùng tới cực hình kẻ người không hiểu lại cho rằng bức cung. Họ Trương kia, người hãy mau khai đi, lần này ta đã khoan nhượng cho người lắm rồi đấy.

Trương Thuận cả mừng vì tránh được roi đòn nhưng vốn tính thật thà, vẫn nhất quyết không chịu khai nhận. Sử Minh tức quá, sai nha lại mang dụng cụ kẹp chân tay đến bày ra trước mặt rồi gần giọng nói:

- Tên gian hoạt khốn khiếp kia, người cho rằng ta nhân hậu không dám tra tấn người chắc? Đây là lần cuối, người hãy khai tình thực đi.

Nhìn thấy dụng cụ tra tấn, Trương Thuận hoảng vía xanh xám cả mặt nhưng vẫn kêu lên thảm thiết:

- Trời ôi! Chắc tiểu dân chết mất! Đại nhân bắt khai thì tiểu dân biết khai thế nào đây?

Sử Minh cười nhạt:

- Thì người đã kể với Triệu Đại giết người cướp của ra sao thì cứ theo đó mà khai. Sao lúc có rượu người anh hùng lắm, bây giờ lại như con rùa rút đầu rút cổ thế?

Dù Sủ Minh ngon ngọt thế nào Trương Thuận vẫn nhất định một mực kêu oan khiến ông ta phải nổi giận, đập bàn quát lớn:

- Họ Trương kia! Bản quan vốn thương người, nay đã mở cho người con đường sống, nếu người khai thực thì bản quan sẽ làm án nhẹ đi đôi chút, bằng trái lại thì đừng trách.

Thấy Trương Thuận cúi mặt không trả lời, Sủ Minh liền nói:

- Bây đầu, kẹp cả mười đầu ngón tay lẫn mười đầu ngón chân hấn cho ta. Lần này phải kẹp thật mạnh vào mới được.

Trương Thuận nghe vậy rùng mình, ngược đôi mắt đỏ hoe lên rồi run giọng thưa:

- Đại nhân đã quyết như vậy thì tiểu nhân chết chắc rồi. Khai cũng chết mà không khai cũng chết. Tiểu nhân nghĩ lại chi bằng đại nhân muốn khai thế nào tiểu nhân đều nhận hết, cùng lắm cũng đến cái chết mà thôi, việc gì phải chịu đau khổ như xuống địa ngục thế này.

Sủ Minh mỉm cười, dịu giọng nói:

- Người nghĩ vậy là đúng lắm. Bây giờ hãy khai ra giết người như thế nào để nha lại ghi vào án văn.

Trương Thuận ngơ ngẩn mất một chút bởi hoàn toàn không biết khai ra sao. Sủ Minh phải nhắc nhở từng lời hấn mới theo đó mà khai:

- Thưa đại nhân! Chẳng qua là tiểu dân túng thiếu quá nên sinh lòng gian độc, toan tính rằng con đường phía nam vắng vẻ nếu chặn được ai tất sẽ cướp của dễ dàng nên mới phục ở đó mấy ngày. Lúc Vương Tuấn đi qua, dáng hấn nặng nề hình như mang nhiều

vàng bạc nên tiểu dân lên quanh ra phía sau, dùng đao chặt vào cổ một nhát thực mạnh. Vương Tuấn rơi đầu rồi, tiểu dân liền chạy đến lục lấy hết tiền bạc, sau đó ném cái xác xuống giếng để phi tang.

Sử Minh gật gù theo dõi lời khai, chợt hỏi:

- Vậy cái thủ cấp người để ở đâu?

Lần này Trương Thuận hết sức bối rối, ấp úng mãi mới nói được:

- Hình như... hình như... để đâu đó tiểu dân quên rồi. Việc này xảy ra đã khá lâu, có lẽ chó sói hay lợn rừng tha đi mất rồi. Tiểu nhân đã nhận tội, đại nhân cũng không cần truy cứu cái thủ cấp rửa nát kia nữa làm gì mất công.

Sử Minh tức quá, đập xuống án thư, mắng:

- Tên dê tiện! Người định dạy bản quan về việc hình án nữa sao? Nếu chưa có cái thủ cấp ấy thì vụ án này chưa thể kết thúc được. Người hãy cố nghĩ xem đã giấu ở đâu, càng mau thì càng chết nhanh cho mát thân.

Trương Thuận nghe vậy vò đầu bứt tai, xuống giọng năn nỉ:

- Nhất thời tiểu dân không thể nhớ ra đã giấu ở đâu. Xin đại quan cho một thời gian, may ra tiểu nhân sẽ nhớ lại. Bây giờ đầu óc tiểu nhân mụ mẫm hết rồi, dù đại quan có dùng tới hình phạt gì đi nữa cũng không làm cho nó sáng ra được đâu!

Sử Minh phải bật cười, nói:

- Được rồi! Bản quan bằng gia hạn cho người thêm ba hôm nữa. Cố mà nhớ đã giấu thủ cấp Vương Tuấn ở đâu để mà cùng với sai

nha đi tìm.

Suốt ba ngày, Trương Thuận cùng với các sai nha đi khắp vùng đất phía nam Lâm Tri, hết trèo lên đồi cao lại xuống khe để tìm bằng được cái thủ cấp của Vương Tuấn, vất vả trăm bề. Thế nhưng tất cả đều hoài công, lại bị bọn sai nha mắng chửi hành hạ đủ điều, Trương Thuận tức quá ngồi luôn xuống đất kêu khóc, không chịu đi nữa:

- Trời ôi! Chẳng biết kiếp trước Trương Thuận này làm nên nghiệp báo gì mà nay phải nhận lấy oan ức tày đình như vậy. Ta đã không giết người cướp của mà phải nhận tội, đã là quá lắm rồi, nay còn phải vất vả trăm bề thì thật là trời không có mắt thương đến chúng sinh.

Hết kêu khóc, Trương Thuận lại đâm ra điên khùng, lảm nhảm nói một mình:

- Hối ôi! Hồn Vương Tuấn ở đâu mau về báo mộng cho quan quân biết rõ sự tình. Hay ít nhất người cũng chỉ cho ta biết cái đầu của người nằm chỗ nào mới phải. Còn tên giết người mà không dám nhận tội kia, ta chết rồi cũng không chịu đầu thai đâu, quyết theo sát người mà báo oán, để người còn phải chịu đau khổ gấp trăm lần như thế này thì hồn phách ta mới siêu thoát được.

Trương Thuận kêu khóc quá dữ nên mấy tên sai nha cũng không dám hành hạ nữa, thấy trời đã về chiều thì dìu hắn đứng dậy trở về huyện đường. Trương Thuận hầu như đi không nổi, nghĩ rằng lần này về tới nơi chắc chắn sẽ phải nhận lãnh cực hình đến tan da nát thịt. Chẳng ngờ may mắn sao Sở Minh không hề hạch hỏi chút nào, chỉ sai giam vào ngục thất như cũ.

Sáng hôm sau, Sủ Minh cho người dán yết thị, tuyên bố chưa tìm ra thủ cấp nạn nhân, nếu ai tìm được sẽ thưởng 20 quan tiền. Yết thị dán lên chưa được mấy ngày thì đã có Đỗ Bưu đem cái thủ cấp nạn nhân bọc trong túi vải đưa tới xin lãnh thưởng. Sủ Minh rất mừng, hỏi:

- Người tìm thấy thủ cấp này ở đâu vậy?

Đỗ Bưu thản nhiên đáp:

- Chẳng biết con gì đã ăn hết thịt da, còn xương thì mang đến ngay hàng rào nhà tiểu dân mà để đấy. Đó là cái số tiểu dân được lộc trời cho vậy.

Sủ Minh gật gù tán thành, lập tức sai trích ngân khố huyện ra 20 quan tiền thưởng cho Đỗ Bưu. Sau đó ông phán xử tiếp đến Đào Nương, gọi lên hỏi:

- Thủ cấp của nạn nhân đã được tìm thấy. Thế là vụ án kết thúc. Từ nay trở đi người có quyền lấy chồng khác để đừng uống nhan sắc đi. Ta sẽ yết thị việc này để người nào đó muốn kết duyên cùng người yên tâm.

Giữ đúng lời, qua hôm sau Sủ Minh sai người dán yết thị nói rõ Đào Nương được quyền tái giá, nếu ai muốn lấy thì trình lên quan tác hợp cho. Yết thị dán chưa đến một canh giờ thì Đỗ Bưu đã hớn hỏ đến huyện dâng thư xin cưới Đào Nương làm vợ. Sủ Minh cũng vui vẻ chấp thuận, nói:

- Đây là hảo sự. Ngày mai hai người đến công đường để bản quan đứng ra se duyên cho.

Đỗ Bưu cả mừng, trở về sửa soạn rồi hôm sau cùng với Đào

Nường ăn mặc lờ lợt, dẫn theo một số thân thuộc tới công đường. Nhưng hình như quan huyện Sử Minh quên mất việc se duyên, vẫn thẳng đường giống như xử án, đập bàn rồi chỉ mặt Đỗ Bưu và Đào Nường quát tháo:

- Việc giết Vương Tuấn như thế nào? Hãy khai ra mau!

Đào Nường tưởng như mơ ngủ, vội vàng trả lời:

- Trương Thuận giết người rất đáng tội chết. Hắn đã khai rõ trước công đường mấy hôm rồi, sao đại nhân phải hỏi lại làm gì cho thêm bận rộn ngày hôn lễ?

Sử Minh cười nhạt, nói:

- Vụ án đã kết thúc đâu! Trương Thuận ta đã thả ra rồi, còn tên giết người thật sự chưa khai thì chưa kết thúc được vụ án.

Đỗ Bưu thoáng biến sắc nhưng trấn tĩnh được ngay, vênh váo nói:

- Đó là việc của đại nhân, chúng tôi làm sao biết được Trương Thuận có tội hay không? Cũng không biết chân dạng phạm nhân mà đại quan vừa nói là ai. Đó là người nào, đại nhân cứ nói thẳng ra đi.

Sử Minh liền đứng dậy, nghiêm nghị chỉ tay vào mặt Đỗ Bưu và Đào Nường, gằn giọng nói từng tiếng rõ ràng:

- Giết người là hai đứa dâm ác đê tiện chúng bây chứ còn ai khác nữa?

Đỗ Bưu và Đào Nường nghe vậy tái xanh cả mặt mày, đồng thanh kêu oan:

- Trời ôi! Đại nhân nói gì vậy? Rõ ràng Trương Thuận giết

người cướp của. Sự việc đã điều tra rõ ràng, sao nay đại nhân lại đổ cho chúng tiện dân là thủ phạm?

Sử Minh không thêm để ý đến những lời kêu gào đó, thông thả nói to cho mọi người nghe rõ:

- Ngay từ đầu bản quan đã nhìn ra một số mâu thuẫn trong vụ án nên cố tình ghép tội cho Trương Thuận, vừa kéo dài thời gian xem xét cho chính xác vừa làm kế dẫn dụ hai người lọt vào bẫy phải tự lộ mặt ra. Các người vẫn còn kêu oan ư? Bản quan sẵn sàng đưa ra những câu hỏi, nếu các người trả lời được thì mới là vô tội.

Sử Minh nói xong chỉ mặt Đào Nương quát:

- Người chưa nhìn thấy xác chết đã nhận ngay đó là Vương Tuấn, chẳng phải đã biết trước có cái xác chết đó rồi sao? Vả chẳng chồng người uất ức bỏ ra đi, làm sao người biết được mặc quần áo lót màu gì? Người còn biết rõ áo lót bị rách một chỗ thì chắc chắn phải là thủ phạm giết người không sai.

Thấy Đào Nương và Đỗ Bưu lúng túng, Sử Minh cười gằn, tiếp lời:

- Hay thật! Vương Tuấn thu xếp toàn bộ tiền nong đi buôn, thế mà phải mặc cái áo lót rách. Hai người không lạ lòng về việc này hay sao?

Sử Minh nói đến đâu, Đào Nương và Đỗ Bưu mặt mày xanh tái đến đó, không sao thốt ra lời cãi lại được. Sử Minh hỏi mà không cần trả lời bởi sự việc đã quá rõ ràng. Ông thông thả quay sang Đỗ Bưu hỏi:

- Bản quan vừa yết thị thưởng cho ai tìm được cái thủ cấp thì

người mau chóng đem đến ngay. Phải chăng đã giấu ở đâu rồi nên nóng muốn lấy Đào Nương nên cấp tốc đem ra. Hà hà, quả là “nhất cử lưỡng tiện” vừa lấy được vợ đẹp vừa có tiền thưởng. Người thật ngu ngốc khi không nghĩ rằng đó chính là chứng cứ mà ta muốn tìm từ lâu rồi.

Thấy bọn chúng vẫn không cãi được lời nào, Sử Minh liền gọi nha lại:

- Hãy đem giấy mực ra đây, viết thành văn án cho bọn chúng điểm chỉ vào. Hình cụ cũng bày ra sẵn sàng, nếu như bọn chúng ngoan cố thì cứ tra khảo mạnh tay cho ta.

Đào Nương và Đỗ Bưu tự biết mình đuối lý, nếu cố chống cãi chỉ thêm thiệt vào thân nên ngoan ngoãn khai tất cả sự thật. Hóa ra vụ việc còn một số chi tiết mà Sử Minh không ngờ tới. Đó là khi Vương Tuấn buôn bán xong trở về nhà, bắt gặp Đỗ Bưu và Đào Nương đang phê phỡn ăn uống với nhau. Vương Tuấn vẫn cố nhịn nhục nhưng Đỗ Bưu ngang ngược đuổi đi để cho mình được tự do. Lần này Vương Tuấn không sao chịu nổi, nhìn thấy con dao mổ lợn của Đỗ Bưu để ở góc nhà liền chạy đến lấy, toan đâm chết Đỗ Bưu cho hả giận. Chẳng ngờ Đào Nương đứng gần, ôm chặt lấy Vương Tuấn giúp cho Đỗ Bưu giật được con dao. Săn bản tính hung ác, Đỗ Bưu liền đâm vào ngực Vương Tuấn một nhát, trúng ngay quả tim nên Vương Tuấn chết ngay tại chỗ.

Nhờ lời khai này Sử Minh mới biết Đỗ Bưu mới chính là hung thủ, còn Đào Nương là tòng phạm. Khi giết người xong, Đỗ Bưu và Đào Nương cũng kinh hoảng bởi theo luật pháp lúc bấy giờ, dù do nguyên nhân gì hễ giết người phải đền mạng, ngoại trừ trường hợp

tự vệ hay bị bức bách. Hai tên này bàn nhau cắt đầu Vương Tuấn để không ai có thể nhận diện được rồi cẩn thận mang mãi đến tận giếng Thâm Tỉnh vứt xuống đó. Tất cả đều được bọn chúng tính toán rất kỹ, tưởng đâu không ai có thể khám phá ra, chẳng ngờ Trương Thuận trong lúc hứng thú nói đùa mà run rủi sao lại gần đúng với thực tế. Quả là trời đất xui khiến, không để cho bọn côn đồ gian dân thoát khỏi vòng lưới công lý.

Riêng Sủ Minh đã nhìn ra những điểm mâu thuẫn trong vụ án, cố tình ghép tội cho Trương Thuận để bọn giết người yên tâm, đồng thời bày ra một loạt mưu kế, dùng yết thị dẫn dụ bọn chúng lộ diện. Ai nấy nghe xong đều nức nở khen Sủ Minh là người xét án sáng suốt. Sau khi Đào Nương và Đỗ Bưu khai cung rồi điểm chỉ xong, Sủ Minh lại cho gọi Trương Thuận và Triệu Đại ra đối chất, sau đó tuyên án:

- Đào Nương là đàn bà dê tiện hoang dân, tuy chỉ là tòng phạm nhưng xét theo đạo lý vợ chồng thì còn nặng hơn cả Đỗ Bưu, trước tiên phải đánh năm trăm roi, nếu còn sống sẽ đưa lên tỉnh thụ lý. Đỗ Bưu là kẻ súc sinh, cướp vợ người, chiếm đoạt cả gia sản mà chưa vừa lòng còn xuống tay hạ sát Vương Tuấn thì đến trời đất cũng không thể dung thứ được, ghép vào tội xử trảm nhưng trước tiên cũng phải chịu chút đau khổ, đánh cho hấn bốn mươi trượng thật nặng.

Sau đó Sủ Minh chỉ mặt Triệu Đại mắng:

- Còn người mang tiếng bằng hữu mà lòng lang dạ sói, chỉ rình chờ cơ hội hại bạn bè thì cũng phải phạt nặng làm gương cho kẻ khác. Bậy đâu! Dem hấn xuống đánh một trăm roi rồi giam vào

ngục, khi nào nộp đủ số tiền trăm lượng bạc mới được tha ra. Còn gia sản của Vương Tuấn không có ai kế thừa thì sung công, làm quỹ cứu tế người nghèo.

Quay lại phía Trương Thuận, Sử Minh nhẹ lời khuyên răn:

- Bản quan ngay từ đầu đã biết người không phải thủ phạm nhưng vì muốn điều tra tỏ tường nên bắt đắc dĩ phải làm cho người đau khổ một chút. Thế nhưng xét lại thì chính người đã gây ra tai họa cho chính mình chứ không phải bản quan. Nếu như người đừng say rượu ăn nói bừa bãi thì đâu đến nỗi đến cửa quan? Người được tha về nhớ lấy bài học này mà chừa thói rượu chè say sưa đi, như thế mới có thể trở nên người tốt cho xã hội.

Thế là vụ án đã phá xong, thủ phạm bị trừng trị, còn Trương Thuận trở về nhà, rất hối hận nên từ đó tuyệt đối không bao giờ nhìn đến chén rượu nữa. Triệu Đại cũng bị bài học nhớ đời này mà trở thành người tốt, thành thực xin lỗi Trương Thuận rồi sau đó hai người trở thành bạn bè thân thiết.

BẠCH LƯƠNG NGỌC

TRA THỎ THẦN PHÁ ÁN

Thời nhà Minh, ở huyện Cao Bình có một vị Tri huyện nổi tiếng nhiều tài trí, đã xét đoán nhiều vụ án ly kỳ, tưởng như không có đầu mối vậy mà cuối cùng ông cũng dùng mưu kế khám phá ra bằng hết. Tri huyện này họ Thi tên Trung nhưng người dân ở đây rất kính trọng, gọi là Bạch Lương Ngọc. Ông quê ở huyện Tử Đông tỉnh Tứ Xuyên, đậu kỳ thi Tiến sĩ rồi được bổ ra làm quan. Bạch Lương Ngọc ngồi ở ghế Tri huyện chẳng bao lâu đã khám phá ra nhiều kỳ án, mà trong đó nổi danh nhất là việc phá án bằng cách tra khảo thổ thần, khiến danh tiếng của ông được ca tụng chẳng khác gì Bao Công thời Bắc Tống.

Lúc ấy ở thôn Lạc Gia có một người tên là Lạc Niên Phong, vợ họ Kim, hai người lấy nhau chẳng được bao lâu thì sinh hạ một đứa con gái rất xinh đẹp, vì vậy đặt tên là Diễm. Tiếc rằng Diễm Cô có sắc đẹp hơn người nhưng về tính hạnh lại chẳng bằng ai, càng lớn càng biểu lộ tính hung dữ, thích hưởng lạc hơn là làm việc. Lúc Diễm Cô còn nhỏ, Niên Phong đã hứa gả con gái cho một người tên là Quách Ngạn Trân. Chẳng biết có phải trời se duyên đúng hay sai mà Ngạn Trân cũng rất thích liễu ngõ hoa tường, ăn chơi phóng đãng.

Quách ông đã nhiều lần khuyên răn Ngạn Trân nhưng hấn chúng nào vẫn tật nấy, thậm chí còn nói với phụ thân:

- Ở đời sung sướng nhất là ăn chơi trai gái, nếu như vì nó mà mất đầu thì cũng là con ma phong lưu, có gì mà sợ chứ?

Thấy Ngạn Trân không còn khuyên bảo được nữa, Quách ông liền nghĩ ngay đến việc hẹn ước hôn nhân với nhà họ Lạc khi trước, lập tức đến thúc hối, hy vọng có vợ rồi Ngạn Trân sẽ thay đổi tính tình, biết lo liệu làm ăn. Niên Phong là người giữ chữ tín, thấy nhà Ngạn Trân chỉ đủ ăn cũng không chê, bằng lòng cho cưới Diễm Cô ngay. Thế nhưng Diễm Cô về nhà chồng còn lười nhác hơn cả khi ở với cha mẹ, suốt ngày chỉ lo trang điểm ngấm vuốt, không hề động đến bất cứ việc gì. Ngạn Trân lấy được vợ đẹp thì ra sức chiều chuộng, dần dần làm thay tất cả việc trong nhà, không theo cha đi buôn bán nữa. Chính Diễm Cô cũng không muốn cho chồng đi xa nhưng một lần kia thấy đi buôn chuyến này sẽ lời rất nhiều, Ngạn Trân quyết định sẽ theo lời cha.

Tiếc rằng Diễm Cô quen tính hung dữ, không những giận dỗi với chồng mà còn sẵn sàng chống cự quyết liệt với cha mẹ chồng, gào khóc hăm dọa nếu Ngạn Trân đi buôn thì sẽ tự vẫn mà chết. Bất đắc dĩ Ngạn Trân phải điều đình với cha cho mình chút vốn, mở một hiệu buôn ở ngay cái dốc cách nhà không bao xa để có thể sáng đi chiều về, ôm ấp người vợ đẹp. Cái dốc này có một cây tùng rất lớn, thân đến mấy người ôm, cũng không biết có từ bao giờ nên người dân đặt tên là dốc Đại Thụ. May mắn sao việc buôn bán cũng tương đối khấm khá, đủ cung cấp cho Diễm Cô ăn mặc.

Một hôm trời đã tối mà chưa thấy Ngạn Trân về, Quách ông sốt

ruột sai hai gia nhân một nam một nữ đi đến dốc Đại Thụ đón về. Giữa đường gia nhân này bắt gặp một người tên là Lã Quang Minh, quần áo dính đầy máu tươi, sợ hãi hỏi han. Nhưng họ Lã quá say, trả lời hồ đồ nhảm nhí nên tên gia nhân ấy chán quá, bỏ đi đến cầu Bình An tìm Ngạn Trân. Bên cầu ấy có một gian nhà của người họ Ngô, vì làm nghề trồng đậu nành làm đậu phụ nên mọi người thường gọi là Ngô Đậu Phụ, không để ý đến tên thật nữa.

Cũng vào đêm hôm ấy, họ Ngô chợt nghe có tiếng động rất lớn trên mái tranh rồi rơi vào cái nôi, tiếng vang lên như chuông đánh. Họ Ngô liền thức dậy mò mẫm xuống bếp xem đó là vật gì, khi đốt đèn lên thì mới kinh hoảng kêu to làm cho người vợ cũng phải thức giấc chạy xuống xem. Hóa ra tiếng động ấy là do một người nào đó đã ném cái thủ cấp người xuyên qua mái tranh rơi trúng vào nôi, làm thủng một lỗ. Hai vợ chồng họ Ngô chết cứng cả người, không biết phải ứng xử làm sao với vật bất thường ấy. Mãi sau Ngô thị mới trấn tĩnh được, bàn với chồng:

- Tình ngay lý gian, nếu trình báo cho quan biết thể nào cũng bị tra khảo đến thân tàn ma dại. Chi bằng bây giờ không ai biết thì lén đem chôn là xong.

Họ Ngô nghe theo, đem cái thủ cấp ấy theo lối vườn sau đến chỗ thật hoang vắng. Vừa định chôn thì bất ngờ có tiếng người hỏi. Thì ra đó là đồ tể họ Yến, đi mua lợn gấp cung ứng cho đám tiệc nên tuy trời đã khuya vẫn cấp tốc theo đường tắt đi cho kịp công việc, tình cờ sao đúng lúc họ Ngô đang định chôn thủ cấp.

Thấy đó là cái thủ cấp người, đồ tể họ Yến thoát đầu kinh sợ

nhưng lại biết đây chính là cơ hội làm tiền, bèn đưa ra lời hăm dọa.

Bất đắc dĩ họ Ngô phải năn nỉ đưa cho hắn 2 lạng bạc, nhưng đòi nào họ Yến lại chịu, cò kè mãi mới dứt khoát là 5 lạng. Thấy họ Yến đứng chờ mình đào hố chôn đầu người, họ Ngô giả vờ đi vệ sinh, luồn ra phía sau thẳng cánh đập một cuốc vào đầu hắn, ngã lăn quay ra chết. Họ Ngô liền đào hố rộng thêm, chôn cả xác đồ tể họ Yến lẫn thủ cấp cùng một chỗ. Sự việc xong xuôi không hề có ai hay biết, họ Ngô khoan khoái trở về nhà đánh một giấc ngon lành.

Đến khi trời sáng, họ Ngô nghe người ta kéo đến rất đông, bàn tán xôn xao thì mới biết ở miếu thổ thần dưới chân cầu Bình An có một xác chết không đầu. Họ Ngô biết ngay cái thủ cấp hôm qua là của nạn nhân nhưng sợ quá không dám hé răng. Lúc đó gia nhân của Quách ông cũng đã về nhà báo rằng tìm khắp nơi không thấy Ngạn Trân đâu cả khiến hai vợ chồng họ Quách lo lắng suốt đêm không sao ngủ được. Bọn gia nhân cũng kể lại việc gặp Lã Quang Minh người dính đầy máu tươi càng khiến cho hai ông bà già thêm kinh sợ. Khi trời sáng lại nghe người đồn là có xác chết không đầu ở cầu Bình An, vợ chồng họ Quách liền tức tốc đến đó xem sao.

Nhìn thấy quần áo của xác chết hao hao giống với loại mà Ngạn Trân thường mặc, Quách ông đã kinh sợ nhưng vẫn chưa xác quyết, nói rằng trên tay của Ngạn Trân có 3 nốt ruồi đen, còn Quách bà thì cho biết cái quần của Ngạn Trân đã được chính mình mạng vá một chỗ ở phía sau. Một người liền tiến đến vạch tay áo và xem xét ống quần của xác chết, quả nhiên đều đúng với những chi tiết mà vợ chồng Quách ông vừa nói. Nhận ra đó chính là Ngạn Trân, đứa con yêu quý, hai vợ chồng Quách ông vật vã khóc lóc, lăn

lộn dưới đất hết sức đau thương.

Rất lâu sau Quách ông mới trấn tĩnh được, gọi người lý trưởng ở đó đến xin viết đơn kiện cho mình. Viên Lý trưởng không dám nhận viết đơn, nói:

- Nếu ông bà đã nhận ra dấu tích chính là con mình thì tất phải trình quan lớn. Thế nhưng hoàn toàn không biết ai là hung thủ thì tôi biết viết đơn tố cáo thế nào đây?

Quách ông ngẫm nghĩ rồi quả quyết nói:

- Chắc chắn là tên Lã Quang Minh không sai. Đêm hôm qua lão sai gia nhân đi tìm Ngạn Trân thì bắt gặp hấn say mềm, người còn dính đầy máu tươi, cả cái cán cuốc cũng có máu, thì còn là ai khác nữa?

Lý trưởng nghe vậy bằng lòng, lập tức viết đơn kiện giùm Quách ông rồi một mặt đưa lên công đường, một mặt cùng với thủ hạ đi tìm bắt Quang Minh. Khi đến nhà hấn còn ngủ mê mệt, tay vẫn còn cầm cái cán cuốc dính máu. Thấy có người lạ đến dựng dậy, Quang Minh cầu nhàu chửi bới, cho rằng không hề có tội thì không đi đâu cả. Lý trưởng cười gằn, nói:

- Thế người thử nhìn lại quần áo của mình xem có phải là thủ phạm giết người hay không?

Lúc đó Quang Minh mới tỉnh hấn, nhìn xuống thì quả nhiên quần áo dính đầy máu, vẫn chưa thật khô hấn, đành đưa tay chịu trời. Nguyên Lã Quang Minh đã khá lớn tuổi, trước kia cày sâu cuốc bẫm, lao động cực nhọc mới dành dụm được chút tiền. Khi thấy mình đã già yếu thì liền đem số tiền ấy cho vay kiếm chút lời, ngày nào cũng mua rượu uống đến say mềm. Người chung quanh

đấy thấy hấn hâu như không ngày nào không say, nói năng lung tung nhằm nhí thì đều tránh xa, cũng không thèm chấp nhất làm gì.

Khi bị giải đến huyện đường, quan huyện sẵn có ở đó, đích thân đến hiện trường khám nghiệm tử thi, hỏi chắc chắn Quách ông là Ngạn Trân, xác định danh tính nạn nhân rồi xem xét các vết tử thương rất kỹ. Tử thi không những bị cắt mất đầu mà trên người còn có đến 6 vết dao đâm. Khám nghiệm xong, quan huyện cho phép Quách ông đem thi thể con về quán tại nhà, bao giờ tìm được thủ cấp sẽ chôn cất. Khi về đến công đường, quan huyện lập tức gọi Lã Quang Minh đến bắt quỳ dưới sân rồi vỗ bàn quát hỏi:

- Tên kia, Ngạn Trân có thù oán gì với người mà ra tay giết chết thê thảm như vậy? Cái đầu đã giấu đi đâu?

Lã Quang Minh hết sức kêu oan, khóc mà thưa:

- Tiểu dân tuy là người không có học hành nhưng tự biết phận mình, tận lực làm việc kiếm miếng ăn, hoàn toàn không có thù oán gì với công tử họ Quách. Chỉ vì ngày hôm qua tiểu dân ra chợ mua cán cuốc, gặp bạn bè nên uống quá say không còn biết trời đất gì nữa. Thế nhưng vẫn còn nhớ rõ là khi về đến cầu Bình An thì hình như vấp phải vật gì ngã dúi xuống. Vì trời tối, lại quá say nên tiểu dân không nhìn rõ, cũng chẳng quan tâm, cố bò về nhà để ngủ. Hình như trên đường về tiểu dân cũng gặp mấy gia nhân của họ Quách nhưng họ nói gì, trả lời ra sao hoàn toàn tiểu dân không nhớ được, đến nhà là lăn ra ngủ ngay, không kịp thắp đèn. Đến sáng mới thấy sai nha đến bắt, nhìn lại thì quần áo dính đầy máu, chắc chắn đã vấp phải cái xác của Ngạn Trân chứ không phải là

hung thủ. Đại nhân là người sáng suốt xin xem xét minh oan cho tiểu dân.

Quan huyện thấy chứng cứ đã khá rõ ràng, muốn mau xong việc nên lập tức dùng hình cụ tra khảo. Quang Minh đau quá không biết làm sao, đành phải than dài:

- Có lẽ là báo ứng về việc mình uống rượu bữa bãi, đã thế thì đành chịu tội cho xong, đời người cũng một lần chết mà thôi, sao phải chịu đau đớn làm gì?

Vì vậy quân lính chưa kịp đánh đòn thì Quang Minh đã nhận tội. Quan huyện liền hỏi:

- Còn cái đầu người vất ở đâu, mau khai ra.

Quang Minh ú ớ nói bừa:

- Đêm qua tiểu dân say quá không thể nhớ đã vất cái đầu ở đâu.

Tuy trong lòng quan huyện nảy sinh nhiều nghi vấn bởi một người lớn tuổi lại say mèm thì làm gì có sức mà giết người, lại đâm đến mấy nhát dao, sau đó lại còn đủ bình tĩnh để cắt đầu phi tang không để người khác nhận diện thì rất mâu thuẫn. Vả chăng Quang Minh hoàn toàn không đem theo dao thì những vết thương ấy do đâu mà có? Tuy nhiên quan huyện này chỉ muốn cho qua chuyện nên không hề nhắc tới những chi tiết ấy mà cố dùng hình khảo để bắt Quang Minh phải nhận tội, như vậy là xong hoàn toàn trách nhiệm. Vì vậy sau khi Quang Minh ký vào biên bản, quan huyện liền viết văn án, sai giam hãm vào ngục.

Mấy ngày liên tiếp quan huyện cho sai nha dẫn Quang Minh đi tìm cái đầu nạn nhân mà không sao tìm ra, bọn sai nha bị vất vả

nên đánh đập rất dữ khiến Quang Minh chịu nhiều đau khổ, đành phải bỏ ra một số bạc lớn đút lót mới không bị bọn chúng đánh cho tới chết. Vì không tìm được cái đầu, về công đường Quang Minh lại bị tra hỏi rất gắt, đánh cho đến lúc ngất lịm. Quan huyện sai giam hãm vào ngục, chờ bình phục xong lại bắt đi tìm nữa, bởi vì chưa có thủ cấp của nạn nhân thì vụ án chưa thể kết thúc, nhất định không truy cứu theo lời kêu oan của Quang Minh.

Quang Minh vừa đau đớn vừa uất hận, khi đi đến cầu Bình An thì ngửa mặt lên trời kêu to:

- Nỗi oan này trời xanh chẳng thấu. Ta chẳng giết người thì làm sao biết chỗ cái đầu hãm giấu ở đâu? Xưa nay Quang Minh này chỉ muốn sống yên thân để được hưởng thú uống rượu cho qua ngày tháng. Đây là tai bay vạ gió, có lẽ là do trời trừng phạt ta uống rượu quá nhiều hay chẳng? Nếu lần này không tìm được cái đầu thì chắc là phải bị đánh đến chết mất thôi. Ta đã liều mạng nhận tội thế mà vẫn chưa hết nghiệp oan, còn bị khổ sở đau đớn đến bao giờ mới thôi đây? Quan huyện kia ngu ám chẳng biết đến dân lành, chỉ một mực tra khảo bắt ta tìm cái đầu thì biết làm sao? Cái đầu kia ời, người ở đâu thì linh thiêng cho ta biết đi, dù có chết ta cũng tạ ơn người.

Quang Minh lại quay về phía những người hiếu kỳ đứng xem, phân bua:

- Thế mới biết uống rượu hại đến chừng nào. Các người cứ nhìn cái gương của ta mà từ bỏ rượu chè đi nhé. Không nghiện rượu thì mới tránh khỏi tai bay vạ gió như ta, sống bình yên cho đến hết cuộc đời. Hỡi ôi! Cái đầu biết tìm ở đâu bây giờ?

Nghe Quang Minh nói lảng nhảng, chợt có một người bật cười, nói:

- Cái đầu ấy đến thần thánh cũng không tìm ra nữa là người, đừng mất công vô ích.

Một tên sai nha nghe vậy liền quay lại xem, hóa ra đó là Ngô Đậu Phụ, nhà cách cầu không bao xa, cũng theo người hiếu kỳ đến xem. Hắn nghe Quang Minh nói bữa bãi thì bật cười, không hiểu ma đưa lối quỷ đưa đường thế nào mà tự nhiên nói ra câu ấy. Một sai nha vốn rất tinh ranh, nghe được thì liền xông lại quát:

- Người dám khẳng định là đến thần thánh cũng không tìm ra cái đầu được thì nhất định là người đã giấu kín đầu rồi.

Thật sự là tên sai nha này vốn vất vả nhiều ngày, nghe được câu nói của họ Ngô thì liền nhắm tới ý định làm khó dễ vùi vĩnh tiền bạc, do vậy lập tức xông đến trối lại. Là người nổi tiếng keo kiệt, họ Ngô thấy mình hoàn toàn vô tội thì nhất định không thò ra một trinh. Đã lỡ bắt người, bọn sai nha đành phải dẫn giải Ngô Đậu Phụ đến công đường, khai mọi chuyện. Quan huyện cũng cùng nhận định giống như bọn sai nha, nói:

- Nếu không liên quan gì thì tại sao lại cười rồi mở lời thách thức cả thần thánh? Người đâu, đánh cho hắn 40 trượng xem có ngậm miệng được không?

Keo kiệt nhưng lại nhát gan, họ Ngô nghe vậy liền bủn rủn cả người, quỳ xuống xin khai ra luôn. Hắn nghĩ thầm sẽ cố đào thật nông đủ để lấy cái đầu nạn nhân chứ không đào sâu để lộ xác của tên đồ tể họ Yến. Thế nhưng Ngô Đậu Phụ hoảng hốt không nhớ được là mình vội vã đã chôn cái đầu cùng lúc với xác của đồ tể họ

Yến nên khi sai nha mới đào được không lâu thì lộ ra cả hai. Nghe báo có biến chuyển khác lạ, quan huyện liền thân hành đến bãi đất hoang phía sau vườn nhà Ngô Đậu Phụ khám nghiệm tử thi. Thấy nạn nhân ấy chết là do bị cuốc vào đầu, quan huyện liền ghi vào biên bản rồi điệu Ngô Đậu Phụ về công đường hạch hỏi.

Biết không thể giấu được nữa, họ Ngô khai lại toàn bộ tình tiết, phần đầu giống như cũ là bị ai đó ném cái đầu vào nhà bếp của mình, sau đó bị họ Yến bức bách quá, tiếc tiền nên lén đánh chết hắn rồi chôn phi tang. Quan huyện nghe xong, mắng lớn:

- Thật đúng là ác nhân! Thấy có việc giết người sao không mau mau báo quan mà lại đi giết người định tố giác? Cứ thế mà suy ra thì Ngạn Trân chắc chắn cũng là do tay người giết rồi chẳng sai.

Họ Ngô hết sức kêu xin, chỉ nhận tội đã quá tức giận giết chết tên đồ tể họ Yến mà thôi. Quan huyện nghe vậy cũng không ép cung mà lập tức cùng nha lại đến nhà của hắn, quả nhiên thấy trên mái lá có một chỗ lỗ thủng khá lớn và cái nôi cũng móp méo, thủng lỗ như lời khai của hắn nên nhận định ngay:

- Có thể là Quang Minh giết người xong, quá hoảng loạn nên tiện tay vứt cái đầu của nạn nhân ra xa, chẳng dè trúng vào nóc nhà họ Ngô. Cả hai đều là ác nhân, nhất định phải trừng trị thật nặng mới được.

Sau đó quan huyện giao cái đầu Ngạn Trân cho gia đình Quách ông đem về hợp với xác mà chôn cất tử tế, riêng đồ tể họ Yến không có thân thích thì chôn luôn ở thôn Lạc Gia, lấy công quỹ của thôn ra đài thọ. Sau khi đã có đầy đủ bằng chứng, vật chứng, quan huyện làm văn án hoàn tất, đưa lên cấp trên thẩm định. Thế

nhưng khi lên tới tỉnh, Quang Minh một mực kêu oan nên đành phải trả về cho huyện tái điều tra.

Lúc ấy quan huyện cũ đã bị đổi đi, quan huyện mới là Bạch Lương Ngọc mới đậu Tiến sĩ về thay. Thấy tỉnh trả hồ sơ vụ án về và Lã Quang Minh kêu oan, Bạch Công liền lấy văn án ra xem lại kỹ càng, nhận ra nhiều chỗ hoàn toàn không khớp. Bạch Công lại đem các vật chứng ra xem xét, ông lấy quần áo dính máu của Quang Minh ra lật đi lật lại, thấy có chỗ đã ngấm vào mặt trong nhưng vẫn nhiều chỗ chỉ dính phía ngoài. Bạch Công suy nghĩ một chút chợt kêu lên, lẩm bẩm một mình:

- Quả là tên họ Lã này bị oan thật. Nếu như hấn giết người thì với cự ly gần như vậy, lại đâm tới mấy nhát dao thì chắc chắn máu phải phun thẳng vào người hấn, ngấm vào trong làn vải chứ không hời hợt phía ngoài. Theo lời khai của hấn là bị vấp tử thi dính máu thì đúng, cần phải điều tra lại nhưng ta phải bắt đầu từ đâu mới có thể tìm ra thủ phạm còn ẩn mặt đây?

Bạch Công xem xét vụ án mấy ngày trời, hầu như kiệt tâm kiệt lực mà hoàn toàn không tìm ra đầu mối nào khác, gật đầu than thở:

- Ta cứ tưởng quan huyện trước u mê, thật ra nếu vụ án không có đầu mối thế này thì đành phải ép cung họ Lã, có thể hiểu được tâm trạng ông ta nhưng làm quan mà như vậy cũng thật đáng trách. Một mạng người chết oan là biết bao tội nghiệp đeo đuổi, ta phải tìm cách tìm ra chân dạng thủ phạm mới được.

Sau khi suy nghĩ nhiều ngày. Một hôm Bạch Công ra lệnh cho mọi người sửa soạn dựng công đường tạm thời ở cầu Bình An.

Không ai biết Bạch Công định làm gì nhưng cũng tuân lệnh thì hành. Đến ngày đã định, Bạch Công cùng các nha lại đến đó, hỏi Lý trưởng:

- Nạn nhân chết ở địa điểm nào?

Lý trưởng thưa:

- Nạn nhân Quách Ngạn Trân chết ở cửa miếu thổ thần ngay đầu cầu Bình An này.

Bạch Công “à” một cái, sầm mặt nói:

- Nếu thế chắc chắn thổ thần phải nhìn thấy rõ. Chỉ cần tra khảo thổ thần là tìm ra thủ phạm ngay, đâu cần tra hỏi khắp nơi cho mệt.

Mọi người tưởng Bạch Công nói đùa nên ai nấy đều ôm bụng mà cười. Một tên sai nha nói:

- Chắc đại nhân nói cho vui đó thôi, thổ thần làm bằng đất thì làm sao tra khảo được?

Bạch Công nghiêm mặt nói:

- Phàm tượng Phật hay thần thánh đều làm bằng gỗ hay nặn bằng đất, nhưng tại sao đã biết gỗ hay đất mà vẫn đến thành tâm cầu khẩn? Hóa ra người ta tin vào cái khúc gỗ hay tảng đất vô tri vô giác hay sao? Từ trước tới nay ai cũng đều biết các tượng làm bằng gỗ, đất nhưng vẫn tin tưởng đến cầu xin, nhiều lần đều có ứng nghiệm thì không phải là gỗ đất nữa. Các người tin rằng thổ thần linh thiêng thì mới dựng tượng, nay ta cũng tin rằng thổ thần linh hiển sẽ cho ta biết tên của thủ phạm vụ giết người này.

Nghe vậy nha lại không dám cười giỡn nữa, lập tức vào miếu

khiêng tượng thổ thần đặt trước mặt Bạch Công đang ngồi oai nghiêm chờ đợi. Bạch Công chỉ mặt thổ thần mắng:

- Thổ thần! Người quả là lớn gan, là tay sai của Thượng đế, lại được nhân dân hết lòng thờ cúng, ngày rằm tháng nhuận đều hưởng hương khói hoa quả, đáng ra người phải khuyến thiện trừng ác bảo vệ người dân hiền lương. Thế mà người cứ ngồi nhìn ác nhân cắt đầu người, bây giờ cũng chưa khai ra hay sao?

Chờ một lát, Bạch Công quay ra hỏi sai nha đứng dưới thêm:

- Thổ thần đã khai gì chưa?

Sai nha không dám cười, cúi đầu thưa:

- Bẩm đại nhân! Thổ thần chưa hề mở miệng nói gì.

Bạch Công nổi giận, quát luôn:

- À! Người cậy là quan trên thượng giới không thêm trả lời quan thế gian hay sao? Bản chức tối đây trước tiên nói lời tử tế mà người không nghe thì đừng trách đấy. Người đâu! Vả vào miệng hấn 40 cái cho ta.

Một tên sai nha không nhịn được cười, lập tức bị Bạch Công sai đánh 10 gậy, đau đến thấu xương, không tên nào còn dám khinh thường nữa, mỗi lệnh ban ra đều nghiêm chỉnh thi hành. Khi đánh đòn tên sai nha xong, một tên khác lấy bàn vả làm bằng da dày đập vào mặt tượng thổ thần đúng bốn mươi cái. Bạch Công liền hỏi:

- Đã thi hành phạt rồi, hấn vẫn không nói gì hay sao?

Sai nha thưa:

- Bẩm đại nhân! Thổ thần thật gan lì, nhất định không nói câu

nào.

Bạch Công đập tay xuống bàn đánh “chát” một tiếng để thị uy rồi quát:

- Tên thổ thần này thật ngoan cố, lấy roi đánh cho hắn tám mươi cái xem còn gan lì nổi không.

Sai nha sợ hãi quỳ xuống thưa:

- Vả miệng còn được, nếu dùng roi mà đánh thì thuộc hạ e rằng... e rằng...

Bạch Công trừng mắt nói:

- E rằng cái gì. Bản quan có quyền đánh tới chết nếu không chịu khai thật, nếu thổ thần nát vụn thì đó cũng là lẽ thường tình mà thôi. Cứ đánh thật mạnh cho ta.

Nghe vậy tên sai nha không dám cãi, đưa roi lên vụt luôn mấy cái. Hắn đang định lấy sức đánh tiếp thì chợt có một cơn gió thổi đến rất mạnh, đến giữa sân thì xoáy lốc dữ dội, sau đó theo hướng bắc mà đi mất. Bạch Công liền hỏi:

- Ở đây thường thấy những cơn gió như thế này bao giờ chưa?

Một sai nha nhà ở trong thôn đáp:

- Đó là “gió chính nam” (*Chính nam phong*) rất thường thổi vào chính Ngọ nhưng từ trước tới giờ chưa bao giờ thấy ngọn gió lạ như vậy.

Bạch Công nghe xong “hừm” một tiếng, truyền đưa tượng thổ thần về miếu, đồng thời viết giấy sai hai sai nha lanh lẹ nhất phải đi bắt bằng được “Chính Nam Phong”, đó chính là đầu mối duy nhất mà ông mất công sức tra khảo thổ thần mới có được.

Hai tên hết sức lo lắng, quỳ xuống thưa:

- Chính Nam Phong là tên của gió, vô hình vô ảnh, làm sao chúng thuộc hạ bắt được? Nếu là tên người thì đại nhân có thể nói rõ hiện đang lẫn lẩn ở vùng nào hay không? Huyện Cao Bình này rộng lớn, chúng thuộc hạ dù có truy nã đến mấy tháng chắc cũng chưa hết nổi.

Bạch Công đập bàn mắng:

- Các người thật là rắc rối, bản quan đã lệnh đi tìm bắt Chính Nam Phong thì cứ đi, sao phải hỏi lời thôi.

Nói xong Bạch Công liền lên kiệu về huyện, không giải thích gì cả. Hai tên sai nha thấy vậy bàn nhau:

- Chắc là Bạch Công tra hỏi thổ thần không xong, phải giả vờ như đã biết thủ phạm, sai chúng ta đóng kịch đi bắt, dễ dàng thoát ra khỏi sự việc. Thật ra chúng ta chẳng cần phải vất vả làm gì, cứ ngồi chơi rồi mọi việc cũng bỏ qua thôi. Trên đời nào ai lại đi bắt gió bao giờ? Thật khôi hài quá!

Thế là hai tên sai nha không thêm để ý tới nữa, lấy cớ theo lệnh quan mà ở nhà nghỉ ngơi vui chơi. Được chừng một tuần, Bạch Công nhân dịp thăng đường xét xử vụ án đánh bạc, xử xong liền hỏi hai tên sai nha đâu. Khi bọn chúng tới trình diện, Bạch Công hỏi ngay:

- Đã truy tìm những chỗ nào, có lộ ra manh mối hay bắt được Chính Nam Phong chưa?

Hai tên sai nha vẫn tưởng là chuyện đùa, thưa:

- Chúng tôi chưa đi đâu cả nên cũng không hề bắt được Chính

Nam Phong.

Thế là Bạch Công dùng dùng nổi giận, mắng hai tên sai nha bất tuân thượng lệnh, sai đề ra đánh cho mỗi đứa hai mươi roi thật đau. Sau đó còn hăm dọa:

- Bản quan đã quyết phải bắt được Chính Nam Phong mới thôi. Hai mươi roi đòn ấy chỉ là cảnh cáo, nếu các người chưa bắt được thì phải đánh đến ngàn roi mới xứng tội. Bản quan gia hạn cho hai người nội trong một tháng phải hoàn thành lệnh này.

Hai tên sai nha ôm mộng ra khỏi công đường, vừa đi vừa khóc rồi bàn với nhau:

- Quan lớn bắt làm việc vô lý thế này thì đến thánh cũng không thể làm nổi. Ở lại chắc chắn là bị đánh đến chết, chi bằng chúng ta trốn qua châu huyện khác kiếm nghề mà sinh nhai. Thà rằng vất vả còn hơn là chết oan ức.

Bàn xong hai tên sai nha liền giả làm hành khất điên khùng, đi đến đâu cũng lấy những ca khúc của bọn phường tuồng mà hát, dần dần sắp ra khỏi huyện thì đến một nơi phố xá đông đúc. Lúc đó hai tên sai nha đang hát một bài khuyên răn người ta đừng quá dâm dục mà hại đến thân, đến khi chết đi còn bị biến thành kiếp lợn vô cùng khổ ải.

Hai tên chưa hát hết ca khúc ấy thì chợt có một người diện mạo hung dữ từ cửa hàng gần đó lớn tiếng quát tháo:

- Hai tên hành khất kia, các người muốn xin tiền thì cứ xin, sao lại hát bừa bãi, nếu dâm dục mà có tội lớn, bị trừng trị ghê sợ như vậy thì trên đời này còn ai dám dâm dục nữa. Mau đi chỗ khác mà xin, đừng làm rối tai của ta nữa.

Hai tên sai nha cũng không phải tay vừa, đang lúc tức hận thì liền sùng sộ cãi lại:

- Người là ai mà dám đuổi chúng ta đi? Từ xưa tới nay phàm những kẻ dâm đảng đều bị báo ứng chết thê thảm đó sao. Người không dâm đảng thì thôi, mặc kệ chúng ta kiếm ăn có được không?

Người kia trợn mắt mắng lại:

- Các người thật ngu xuẩn. Từ ngày cha mẹ sinh ra, ta hoành hành khắp thiên hạ, hễ thấy gái đẹp là gian dâm, thấy nữ nhân có nhan sắc là thêm muốn tìm đủ mọi cách bắt về thỏa mãn mà có thấy báo ứng gì đâu. Các người khôn hồn thì đừng đụng đến ta mà uổng mạng đấy.

Hai sai nha thấy tên này hống hách quá đáng, lại chưa biết mình là quan quân trong huyện nên trừng mắt mắng lại. Hấn nổi nóng, lập tức lao ra định đánh nhưng chợt có một người từ hàng bên cạnh bước ra kéo tay hấn lại rồi khuyên:

- Nam Phong đại ca! Bọn chúng chỉ là hai tên hành khất điên khùng, đại ca chấp nhất làm chi, hãy vào trong uống rượu cho mát đi.

Kéo tên hung đồ ấy vào nhà xong, người này liền lấy mấy đồng bố thí cho hai sai nha rồi cũng trở vào nhà. Hai người sai nha thoát đầu hết sức phẫn nộ, đã toan ra tay cho hấn một bài học nhưng khi nghe thấy tên hung đồ kia được gọi là Nam Phong thì bao nhiêu lửa giận tan biến, giả như bỏ đi, thật sự là mới mấy bước đã vào một quán nhỏ gần đó hỏi thăm ông chủ:

- Người này tên là Nam Phong phải không? Hấn ở đâu tới mà hung hăng như vậy. Chẳng lẽ cả một phố xá như thế này mà ai

cũng phải kiêng nể hấn sao?

Người chủ liếc nhìn chung quanh rồi mới dám nói nhỏ:

- Tên hấn đúng là Nam Phong họ Trịnh. Nghe nói hấn là tay anh chị hung dữ nhất vùng Ngũ Lý huyện bên, chẳng biết vì nguyên do gì mà dọn tới đây mở hiệu bán thuốc. Chúng tôi là người buôn bán lương thiện, không dám đụng tới hấn. Hai người cũng không nên dây vào mà phiền phức đấy.

Hai người bàn với nhau:

- Đại nhân sai chúng ta đi bắt Chính Nam Phong, bây giờ gặp được Trịnh Nam Phong thì cũng cứ bắt về. Dù đại nhân cho là không phải thì chúng ta cũng đã hoàn thành lệnh trên rồi, đâu còn phải trốn chạy nữa.

Trong âm tiếng Hán, chữ “Chính” có thể đọc là “Trịnh” nên là Chính Nam Phong hay Trịnh Nam Phong cũng không sai. Đã biết tên Nam Phong này rất hung dữ, hai sai nha cũng phải cẩn thận, nhân lúc hấn ngồi quay mặt lại thì liền bất ngờ xông vào cửa hiệu, dùng xích quăn chặt lấy tay hấn. Thế nhưng tên Nam Phong chống cự rất hung hãn, vùng lên toan thoát thân, một sai nha phải rút dao giấu trong người ra đánh luôn mấy sống dao vào mặt, máu mũi chảy ra ròng ròng hấn mới chịu ngồi im nhưng lại lớn tiếng kêu cứu:

- Cướp! Cướp! Mọi người đâu xông vào bắt cướp ngay đi.

Nghe tiếng kêu, năm sáu người từ dưới nhà chạy lên, tay cầm gậy gộc quát tháo định đánh luôn khiến hai sai nha cũng hơi khiếp hãi, vội móc giấy của nha môn ra, nói to:

- Chúng tôi là sai nha theo lệnh Tri huyện đại nhân, giả làm

hành khất tìm bắt tên Nam Phong này. Bất cứ ai hành hung thì đều bị khép tội tòng phạm.

Một vị khách đang mua thuốc đáng vẻ rất quý phái, đến lấy giấy tờ xem qua, chứng nhận đó chính là công sai của huyện đường, mọi người mới sợ hãi để cho họ giải đi. Khi nghe hai sai nha bẩm báo đã bắt được Trịnh Nam Phong, Bạch Công lập tức truyền thăng đường, chỉ mặt mắng trước:

- Trịnh Nam Phong, tại sao ngươi giết Quách Ngạn Trân tại cầu Bình An? Bản quan đã biết rõ tất cả rồi, hãy khai thật ra đi.

Trịnh Nam Phong ung dung đáp:

- Tiểu nhân vốn là người ở Ngũ Lý, mới dọn tới chưa được mấy tháng nên không hề biết cầu Bình An ở đâu và cũng không hề biết Quách Ngạn Trân là ai, làm sao đại nhân nói là giết người được?

Bạch Công gằn giọng, nói:

- Người đã giết Quách Ngạn Trân rồi cắt đầu vát đầu vào nhà họ Ngô để phi tang, không cho ai nhận diện. Như thế đã quá rõ ràng, nếu không thành thật khai ra thì đừng trách bản quan dụng hình đấy.

Nam Phong vẫn không biến sắc, thưa:

- Thật là oan ức! Tiểu nhân ở cách đây rất xa, đến nỗi chưa hề nghe tin có người chết thì làm sao mà gọi là thủ phạm được.

Viên Khổng mục thấy Nam Phong chối cãi quyết liệt thì bước ra thưa:

- Ngũ Lý tuy rất xa nhưng vẫn có đường huyện đi qua cầu Bình An tới dốc Đại Thụ.

Bạch Công thấy suy đoán rất đúng, chắc chắn hẳn là tên côn đồ sẵn sàng ra tay giết người một cách dã man đến vậy nhưng không có chứng cứ, hẳn không nhận tội thì không thể hoàn thành văn án. Do đó ông lệnh cho sai nha đề hấn xuống đánh bốn mươi trượng, rồi sau đó dùng kẹp khảo đả nhưng hẳn rất gan lì, ngắt đi tỉnh lại mấy lần vẫn nhất định không nhận tội, đành phải giam vào ngục.

Bạch Công rất bức tức vì đã mất công lao tra khảo thổ thần mới tìm ra được chân chính thủ phạm, nay hẳn không nhận thì chẳng làm gì được, ông tự nghĩ đã có thể dùng phương cách lợi dụng thần thánh thì tại sao không sử dụng để bắt Trịnh Nam Phong phải khai ra. Do vậy mấy ngày sau Bạch Công không thẳng đường, bất chợt một đêm gọi Trịnh Nam Phong tới, dịu giọng khuyến khích:

- Trịnh Nam Phong! Bản quan đã có đủ chứng cứ rồi, sao người không nhận tội đi? Nếu mai này bản quan thẳng đường tất sẽ dùng bằng hết các hình cụ để khảo cung, người chịu đau khổ làm gì cho thiệt thân?

Trịnh Nam Phong tuy vẫn còn đau nhưng ngang nhiên hỏi lại:

- Đại nhân nhiều lần nói rằng đã có chứng cứ thì hãy đưa ra, nếu không phải là ngụy tạo thì tiểu nhân sẽ nhận tội ngay. Tiểu nhân giết người thì ai làm chứng, ai nhìn thấy, ai đứng ra tố cáo? Thí dụ như đại nhân đứng dưới công đường, không cần trả lời những câu hỏi ấy thì cũng sẽ bị buộc vào tội giết người mà thôi.

Thấy Nam Phong quá cứng đầu, Bạch Công nổi giận, đang định hô quân đánh trượng thì đột ngột có một cơn cuồng phong từ ngoài thổi thốc vào, đèn đuốc lập tức tắt hết, công đường tối sầm chỉ còn thấy mờ mờ. Trong bóng tối ấy đột nhiên lại có tiếng cười sảng sặc,

âm thanh lí nhí rất ghê rợn khiến ai nấy đều kinh hãi bỏ chạy tán loạn. Đến như Bạch Công là quan triều đình thế mà cũng không giữ nổi tư cách, trốn xuống gầm bàn ngồi thu mình run lấy bầy.

Bạch Công ngồi dưới gầm bàn cố nén sợ hãi tiếng hỏi ai đó thì đáp lại là tiếng cười còn lớn hơn rồi trong bóng tối mờ mờ có một bóng người không có đầu, tay cầm thủ cấp của chính mình lướt đi như không có chân, đến gần Nam Phong thì thò tay kia ra chụp lấy hấn, năm ngón tay sắc nhọn như tay ma quỷ. Thấy bóng đen ma quái ấy sắp nhắc mình lên đưa đi, Trịnh Nam Phong run cầm cập, nói nhỏ để đừng ai nghe thấy:

- Người là Quách Ngạn Trân phải không? Đừng bắt ta đi, nếu vụ án này kết thúc an toàn thì ta hứa chắc sẽ lập đàn tràng bốn mươi chín ngày cho người được siêu sinh tịnh độ.

Trịnh Nam Phong vừa dứt lời thì đột nhiên đèn đuốc bật sáng choang rồi Bạch Công đứng phắt dậy, chỉ mặt Nam Phong nói từng tiếng:

- Người đã nói gì thì bản quan đã nghe hết rồi. Bây giờ người còn giả mồm chối cãi nữa không?

Biết là trúng kế của Bạch Công, Trịnh Nam Phong đành phải khai sự thật ra.

Nguyên hấn là tên đạo tặc nổi tiếng ở huyện bên, chuyên sử dụng đại đao để giết người cướp của, phi ngựa nhanh như gió khiến nhiều lần quan quân không thể đuổi kịp. Nam Phong còn có tính tham dâm, khi bắt được phụ nữ là cưỡng dâm ngay, quan quân mấy lần truy nã nên hấn phải trốn đến Ngũ Lý. Một hôm hấn dạo chơi, vui chân đi đến dốc Đại Thụ thì gặp một người phụ

nữ xinh đẹp tuyệt trần, lập tức xấn đến tỏ lời trêu hoa ghẹo nguyệt. Nữ nhân này chỉ chừng hơn hai mươi tuổi, không hề sợ hãi mà còn cho biết mình là con dâu của họ Quách, hôm nay theo lệnh của Quách ông đi mời khách đến chơi. Người đó chính là Diễm Cô, vợ của Ngạn Trân.

Vì là ban ngày ban mặt, Nam Phong tuy rất hứng thú với Diễm Cô nhưng không làm gì được, lấy ra một cái trâm rất quý đưa thử xem sao. Diễm Cô chẳng ngần ngại nhận lấy cài lên đầu, trông càng xinh đẹp rực rỡ hơn. Diễm Cô mỉm cười với hắn rồi quay lưng đi về nhà, tình cờ đánh rơi mất cái túi trong đó có đựng số tiền khá lớn. Nam Phong nhặt được, vui vẻ đứng chờ. Quả nhiên khi về tới nhà, soát thấy mất cái túi, Diễm Cô hoảng sợ vội đi trở lại đường cũ để tìm.

Khi nhìn thấy Nam Phong đứng chờ thì Diễm Cô biết ngay hắn đã nhặt được, hết lời năn nỉ xin lại kéo bị chồng đánh đập. Nam Phong liền ra điều kiện phải lấy hắn mới chịu trả lại túi tiền ấy. Diễm Cô không chịu, nói rằng người chồng họ Quách rất hung dữ, nếu biết được chuyện gian dâm thì sẽ đánh chết chứ không tha. Vốn là kẻ tham dâm dục, nay được gặp người đẹp thì Nam Phong đâu thể dễ dàng buông tha, hết thuyết phục đến hăm dọa.

Cuối cùng Diễm Cô đành phải vuốt theo, nói:

- Nếu trượng phu đã đoái hoài tới tấm thân này thì xin chịu nhịn vài năm nữa, khi nào chồng thiếp chết thì lúc đó chúng ta tha hồ đi lại với nhau.

Trịnh Nam Phong nghe vậy mới bằng lòng trả lại cái túi nhưng khi về tự nghĩ nếu như Ngạn Trân chết càng sớm thì mình càng

mau được hưởng thụ nhục dục với Diễm Cô. Hấn vốn giết người không gớm tay, lại có nhiều thủ đoạn đánh lừa quan quân nên dò la biết Ngạn Trân thường hay về vào buổi chiều tối, liền cầm dao đứng chờ ở cầu Bình An. Sau khi đâm chết Ngạn Trân, Nam Phong còn cắt đầu để không ai nhận ra tung tích nạn nhân.

Trước đây có lần Nam Phong đã trêu ghẹo vợ của Ngô Đậu Phụ nhưng bị bà ta từ chối thẳng thừng, mắng nhiều câu rất nặng. Vì vậy Nam Phong mang tức giận trong lòng mà chưa có dịp trả thù. Nhân thấy nhà Ngô Đậu Phụ ở chân cầu Bình An, giết Ngạn Trân xong hấn vắt cái đầu vào nhà cho bỏ ghét.

Hấn tưởng rằng hành động như thế sẽ không ai khám phá ra được, đến khi nghe tin Lã Quang Minh bị kết tội đưa lên cấp tỉnh thì càng yên trí hơn, ung dung ở nhà tung hoành tác quái, không thể ngờ được Bạch Công nhờ việc tra khảo thổ thần mà biết tên hấn, sai người đi bắt rồi sau lại bày kế Ngạn Trân hiện hình đòi mạng nên mới thất thố buộc miệng mở lời năn nỉ oan hồn của Ngạn Trân, trở thành chứng cứ không còn chối cãi được nữa.

Khai xong, Bạch Công bắt Nam Phong ký tên vào biên bản rồi ngày hôm sau truyền gọi Diễm Cô tới công đường. Bạch Công chỉ mặt Diễm Cô mà mắng:

- Người thật là người đàn bà hư thân mất nết, suốt ngày chỉ biết trang điểm phấn son. Người không biết như thế là vô tình khêu gợi tính dâm dục của người khác hay sao. Đến khi người tình cò gặp Trịnh Nam Phong cũng không biết giữ tiết hạnh, nhiều lời qua lại khiến hấn càng thêm ham muốn cướp đoạt về thỏa mãn. Đã vậy người còn không nghĩ gì đến người chồng phải vất vả buôn

bán nuôi cho người được ăn ngon mặc đẹp, người nói bữa bãi một câu là nguyên nhân khiến chồng người phải chết thảm, xét ra đó cũng là tội nặng, không thể tha thứ được.

Sau đó Bạch Công sai làm văn án kết thúc án mạng giết người trên cầu Bình An, truyền tha cho Lã Quang Minh. Sau khi được cấp tỉnh phê chuẩn, Bạch Công chiếu theo đó thi hành án, sai dẫn ba người là Diễm Cô, Ngô Đậu Phụ và Trịnh Nam Phong ra pháp trường. Diễm Cô và Ngô Đậu Phụ được đặc ân treo cổ còn Trịnh Nam Phong thì bị chém đầu bêu trước nha môn thị chúng, xác vất ngoài đồng hoang cho các loại thú ăn thịt.

Vụ án này đồn đại đi khắp nơi, danh tiếng của Bạch Lương Ngọc được nhiều người biết tới, ai cũng khen ngợi ông là người nhiều mưu trí dám tra khảo cả thổ thần để tìm ra đúng thủ phạm, giải oan cho người hiền lương. Từ đó trở đi ông nổi tiếng chẳng kém gì Bao Công đời Nhân Tông triều Bắc Tống.